

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG

HƠI THỞ ĐỒNG BẰNG



Sưu tập

• *Ca dao về Bâu*

• *Thơ văn đồng bằng*

Phan Khôi, Phan Thái Yên, Trần Hoài
Thư, Kiệt Tấn, Trần Bang Thạch, Nguyễn
Văn Ba, Phan Tấn Tài, Linh Phương,
Lâm Hảo Khôi, Lâm Hảo Dũng, Phù
Sa Lộc, Lê Uyên Tự, Đĩnh Trâm Ca, Vũ
Hữu Định, Nguyễn Tiến Cung, Lê
Trường Chinh, Mường Mán, Trần
Phù Thế, Lê Văn Trung

.....

Khoan khoan! Bớ bâu chèo đò
Để qua cầm lái dạn dò trước
sau...
(ca dao)

MỤC THƯỜNG XUYÊN:
Sống & Viết

Sáng tác mới của Khuất Đầu, Trang Luân,
Phạm Văn Nhân, Trần Yên Hòa, Hồ Bạch
Thảo, Trần Văn Sơn, Phạm Quang Ngọc,
Lê Nguyên Tịnh, Nguyễn Xuân Thiệp,
Đặng Kim Côn....

NĂM THỨ 9 TẬP 38 THÁNG 8 - 2009

Nhà xuất bản Thư Ấn Quán (Tủ Sách Di Sản văn chương miền Nam) xin trân trọng giới thiệu bộ sách:

1. VĂN MIỀN NAM Tập I,II, III

Sưu tập từ các tạp chí trước 1975 như Văn, Văn học, Giữ Thơm Quê Mẹ, Bách Khoa, Ý Thức, Trình Bày, Vấn Đề, Khởi Hành, Thời Tập, Nghệ Thuật, Tiếng Nói, Sáng Tạo, Văn Nghệ v.v...

Mỗi tập dày trung bình 500 trang. Được thực hiện theo lối thủ công nghệ. Giá ấn phí tùy theo loại sách. Bìa cứng: \$35 cho mỗi tập. Ba tập giá \$100 (kể luôn cước phí priority). Bìa mềm: \$30 cho mỗi tập (kể luôn cước phí priority). Sách chỉ làm theo yêu cầu (Book-On-Demand), không bán ngoài tiệm.

Quý vị nào cần, xin vui lòng cho chúng tôi biết sớm, để chúng tôi có thời gian chuẩn bị, hầu gởi đến quý vị khỏi bị chậm trễ.

Muốn biết chi tiết xin liên lạc:

Thư Ấn Quán
P.O Box 58 South Bound Brook, NJ 08880
Email: tranhwaithu@verizon.net

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 38, THÁNG 86, NĂM 2009
Hơi thơ đồng bằng

MUC LUC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và viết:

Trần Hoài Thư: *Rong bút* /4

An Phú Vang: *Điểm danh* /11

Hoài Ziang Duy: *Dòng sông xuôi chảy* / 14

Trần Bang Thạch: *Góp một chút gió đồng
bằng nam bộ* / 25

Phần chủ đề: Hơi thơ đồng bằng

Phan Khôi: *Chơi thuyền trên sông Tân Bình*/30

Bội qua ca dao (sưu tầm) /33

Nguyễn văn Ba: *Ca dao, Dân Ca, Kinh Xáng..* / 54

Phan Tấn Tài: *Qua và Bội trong văn thơ miền Nam* / 67

PhanThái Yên : *Tìm xưa châu thổ* (truyện)/75

Kiệt Tân: *Mưa rấn*(truyện) /81

Trần Bang Thạch: *Người mù bán đất*(truyện) / 96

Nguyễn Lê Uyên: *Hương cau* (truyện) / 106

Nguyễn Tiến Cung (thơ) / 112

Phù Sa Lộc (thơ) / 112

Trần Hoài Thư (thơ) / 114

Lê Uyên Tự (thơ) / 115

Định Trầm Ca (thơ) / 116

Vũ Hữu Định (thơ) / 118

Lê Trường Chinh (thơ) / 119

Mường Mán (thơ) / 120

Lâm Hảo Khôi (thơ) /122

Lâm Hảo Dũng (thơ) /123

Linh Phương (thơ) / 124

Trần Phù Thế (thơ) / 125

Lê văn Trung: *Bội trong thơ TPT* /127

Phân thưởng xuyên:

Đặng Kim Côn: *Say mộng (truyện)* /131

Phạm văn Nhân: *Chuyện (truyện)* /146

Trần Yên Hòa : *Bên trời lặn đặng (truyện)* / 155

Trần Hoài Thư: *Người anh hàng xóm (truyện)* / 165

Nguyễn Nam An (thơ)/ 176

Trần văn Sơn (thơ) / 115

Nguyễn Xuân Thiệp (thơ) / 179

Lê Nguyễn Tịnh (thơ) / 180

Đặng Kim Côn (thơ) / 181

Phạm Quang Ngọc (thơ) / 183

Khuất Đầu: *Yêu ở tuổi 90 (đọc sách)* / 184

Hồ Bạch Thảo: *Văn sử* / 199

Khuất Đầu:

Những tháng năm cuồng nộ (truyện dài) /208

Giới thiệu sách báo / 224

Giữa chúng tôi và thân hữu /228

Phụ bản dùng trong tạp chí này được trích từ "Ngẫu hứng" tranh ký họa của Lữ Kiều, Ý thức Bản thảo 2001.

Chủ trương biên tập: THT

Tòa soạn:

PO BOX 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: tranhoaithu@verizon.net

Thư Tòa soạn



Số TQBT kỳ này đến với quý bạn bằng một tuyển tập mang chủ đề Hời Thở Đồng Bằng, đặc biệt về lãnh vực ca dao. Chúng tôi sẽ gởi đến một số lớn ca dao liên quan đến đại danh từ: "bậu" do chúng tôi sưu tầm cùng một số bài biên khảo, nhận định về ca dao, dân ca Nam bộ. Ngoài ra còn có một số sáng tác thơ văn của các tác giả quen thuộc lấy cảm hứng và chất liệu từ vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu, trước cũng như sau 1975.

Trong phần thường xuyên sẽ có những sáng tác thơ văn biên khảo mới nhất của các tác giả quen thuộc có lòng ưu ái dành riêng cho TQBT.

Hy vọng tập TQBT quý bạn cầm trên tay sẽ là món ăn tinh thần, thú vị và ý nghĩa trong những ngày sắp vào thu này.

Một lần nữa, xin được cảm ơn các tác giả, thân hữu và bạn bè xa gần đã không ngừng hỗ trợ TQBT. Xin được hẹn gặp lại quý bạn vào số 39 sẽ phát hành vào tháng 10-2009, đánh dấu TQBT bước vào năm thứ 11.

*Trân trọng
Tòa soạn TQBT*

Sống và Viết

- Trần Hoài Thư
- An Phú Vang
- Hoài Ziang Duy
- Trần Bang Thạch

Rong bút

Trần Hoài Thư

- Văn chương miền Nam không thể là bãi nghĩa trang
- Khi ni sinh "chôm" bài của thượng tọa.
- Niềm vui còn lại
- "Vắt" là gì ?

1.

Trên Mạng, đọc được ý nghĩ của một tác giả miền Nam về số phận của những đứa con tinh thần của mình sau tháng 4-1975:

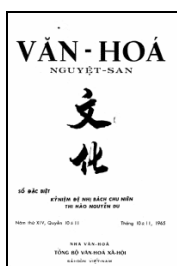
"... Toàn bộ bản thảo — những phần đã đánh máy hoặc viết tay — đã đi chung một số phận với nhiều bản thảo và nhiều thứ khác, thất lạc hoặc bị thiêu hủy trong một trận cháy không đáng kể ở đường Trần Bình Trọng, Saigon, năm 1975, ngày giờ không ai còn nhớ, nếu không nói là đã muốn quên, vì chỉ là một hiện tượng ngoài lịch sử..." (1)

Tác giả Hoàng Ngọc Biên đã nói lên một phần nào tâm trạng của một số đông tác giả miền Nam trước 1975. Điều này cũng giải thích về việc làm của chúng tôi trong mười năm nay. Bởi vì chúng tôi tin di sản văn học miền Nam không thể bị mất được. Có Cornell, Yale, Thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ. Có những người vẫn còn giữ gìn dưới đáy thùng carton hay dấu trên gầm nhà sau 1975... Có người vẫn mang qua đây, và tin cậy trao cho chúng tôi, khi chúng tôi cần đến.

Tôi không thể nào quên được tấm lòng của một thân hữu ở Los Angeles. Hai tháng trước, tôi qua Cali. Anh đến thăm

tôi tại khách sạn. Mang làm quà ba cuốn sách hiếm, và một bình rượu thuốc. Anh nói: Với những cuốn sách này anh có tài liệu sưu tập, và với chai rượu thuốc này, để anh có sức mà làm việc "văn chương chữ nghĩa".

Trong ba cuốn sách mà anh tặng, có cuốn tạp chí Văn Hóa Nguyệt San số tháng 10&11 năm 1965 kỷ niệm 200 năm thi hào Nguyễn Du, do Nha Văn Hóa VNCH xuất bản trong đó có bài viết của Thượng tọa Thích Thiên Ân nhan đề " Giá trị triết học tôn giáo trong Truyện Kiều". Không thể ngờ nó đẩy đưa đến một chuyện khó tin nhưng có thật như thế này.



2.

Chuyện rằng, có một luận án tốt nghiệp Cử Nhân Phật học của một ni sinh được post trên Net sao lại giống chỉ mà giống lạ giống lòng bài viết của Thượng tọa Thích Thiên Ân vào năm 1965 từ nhan đề đến nội dung !

Tưởng chuyện chôm chia chỉ dành cho cuộc đời ô trọc, không ngờ nó lại xảy ra trong chốn đạo học tu hành. Vậy mới là chuyện khó tin nhưng có thật.

Rất may các trang nhà như Tu Viện Quảng Đức hay thư viện Hoa Sen đã mau mắn tháo gỡ (2)

Xin đơn cử mấy dòng đầu của phần dẫn nhập mà chúng tôi lấy từ một trang nhà Phật giáo trên NET để thấy cái mức độ giống nhau như thế nào:

(Trích từ bài của ni sinh
Thích nữ Huệ Nguyệt).

**GIÁ TRỊ TRIẾT HỌC TÔN
GIÁO TRONG TRUYỆN
KIỀU**

Dẫn nhập:

Nếu như ‘Thơ là người’
thì qua tác phẩm truyện
Kiều, chúng ta có thể thấy
được một Nguyễn Du đầy
kinh nghiệm lịch lãm trên
đường đời, một Nguyễn
Du dôi dào tình thương và
ý chí dù phải gặp bao
nhiều trở ngại, gian truân
và thử thách

Chú thích: Những chữ
đậm là do ni sinh TNH
thêm vào.

(Trích từ bản gốc của TT Thích Thiên Ân mà
chúng tôi hiện lưu giữ)

THÍCH THIÊN-ÂN

Khoa- trưởng Đại-học Văn-khoa Vạn-Hạnh
Trưởng-ban Sĩ-học Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

**giá-trị triết-học tôn-giáo trong
truyện kiêu**

Nếu “thơ là người” thì qua cuốn Truyện Kiều chúng ta có thể thấy
được một Nguyễn-Du đầy kinh-nghiệm lịch-lãm trên đường đời, một
Nguyễn-Du dôi-dào tình-thương và ý-chí, dù gặp phải bao nhiêu trở ngại
gian truân.

Chỉ buồn một cái là bài đã được post từ lâu. Có thể cả
chục năm nay trước khi bị phác giác.

Tuy nhiên, có còn hơn không.

3.

Vào những năm gọi là về chiều, khi lấp ló ánh nắng tàn tạ
đã thoi thóp ngủ trên bãi cỏ ngoài sân, và sau đó, bóng tối
đã tràn ngập lúc nào không hay, lòng người xa nhà bỗng
nhiên chạnh lại. Tôi đã thật sự bước vào cái tuổi mà xã hội
mới này bắt phải đào thải để trở thành kẻ bên lề. Có nghĩa
là tuổi *senior*, có nghĩa là số tiền bị trừ ra trong mấy mươi
năm làm việc, nay được chánh phủ trả lại, để mà "vui thú
điền viên".

Vui thú điền viên. Chẳng lẽ cứ còm lưng cuốc cỏ, bắt sâu.
Chẳng lẽ cứ ra vườn nhìn những khóm hoa mới nở, trái
bầu trái bí đã no tròn trên giàn, hay lái xe ra biển, hứng
gió, cuộc bộ, hít thở không khí trong lành trong một thành

phổ ô nhiễm nặng ?

Tôi đã thử. Nhưng trí óc tôi không cho phép. Cứ nhớ. Nhớ hôm qua. Loài gỗ mục thì phải nhớ đến cái nhựa thanh xuân. Tóc bạc thì phải nhớ đến tóc xanh. Nhớ, bởi vì đối với tuổi già, con đường trước mặt đã thấy bị chặn rồi. Cái vực cuối cùng đã thấy rồi. Dù là thiên đàng hay địa ngục thì nó vẫn gần rồi.

May mà còn những điều yêu thích. Đóng xong cuốn sách, trình bày cái bìa mắt mắt. Nghe một bản nhạc ấm lòng. Nửa đêm không ngủ, trời dậy, ngồi trước máy, làm một bài thơ, viết một đoạn văn. Đó là những niềm vui nho nhỏ, trước hết cho ta, để rồi từ đó, ta dâng tặng cùng đời... Đó là những việc làm mà ta chẳng bao giờ than phiền, giúp ta bận rộn, làm đầu óc ta khỏi nghĩ vẩn vơ về những chuyện xa gần, không đâu làm xám thêm màu mây của mùa thu tàn tạ...

Các bạn ở quê nhà thỉnh thoảng hỏi thăm. Lại còn gửi hình gửi ảnh. Nhìn ảnh bạn, thấy những ông bạn trẻ ngày nào trở thành những ông già đăm chiêu, trầm ngâm nhìn vào ống kính. Cái bàn hình như không còn thấy những lon bia, những gạt tàn thuốc, những cốc rượu. Mà là một bãi chiều, dù ngoài kia, ngày đã lên. Tôi thương chúng tôi quá. Cảm ơn đất trời, sau cuộc chiến tàn khốc, anh em vẫn có mặt. Sau những tháng năm nghiệt ngã, anh em vẫn ngồi lại bên nhau. Cảm ơn đất trời, bạn bè ta vẫn mạnh, dù mới hôm nào, có kẻ đã được chở vào bệnh viện cứu cấp.

Có điều, không biết có còn như ngày xưa, hay như câu nói của Trung trong kịch Kẻ Phá Cầu của Lữ Kiều (3):

Chúng ta đều còn sống. Nhưng không thể còn như xưa

Năm viết vở kịch này là năm 1969. Lúc tác giả mới 26 tuổi. Vậy mà đến năm 2009, 40 năm sau, câu nói ấy hình như vẫn còn giá trị. Vậy mà tác phẩm vẫn bị cấm, sân khấu vẫn lặng câm tức tưởi bởi một màu đen, trước cũng như sau 1975.



Ký họa của Thân Trọng Minh (Lữ Kiều) trong Kê Phá Cầu (Ý thức xuất bản dưới dạng bản thảo)

4.

Văn chương còn một chút này làm tin. Bài thơ của bạn vẫn còn đó, tâm hồn của bạn vẫn còn đó. Ít ra, chúng ta có cùng một mẫu số chung của một thời nào đó. Cái thời chúng ta chưa bao giờ đặt một câu hỏi cho nhau. Cái thời là màu mắt xanh của người con gái, là những cơn mưa bụi mờ nhạt cổ thành, là đường người qua, phượng hồng thắm hạ. Cái thời mà gặp nhau chẳng cần biết bạn là ai, hữu khuynh, tả khuynh, nằm vùng, hay đào ngũ, trốn lính. Chỉ mới thấy bạn là kéo vào quán bên đường:

Quán sớm. Cô hàng nhẵn nếp lụa
Tóc còn vương vít lòng chiếu chăn
Nước sôi reo ấm gian nhà chật
Bếp lửa hồng gió tạt. Mùa đông

Gọi cốc cà phê un khói gió
Mấy thẳng râu tóc chụm thanh xuân
Vách trống, sát vào nhau đỡ lạnh
Trời ngoài kia, sương phủ mệnh mỏng
(*Quán Sớm, THT*)

Tôi muốn trả lời LK:

*Chúng ta đều còn sống. Nhưng không thể còn như xưa.
Nhưng chúng ta còn lại ngày xưa, để mà biết mình vẫn
còn sống, có phải không ông bạn Lữ Kiều của tôi ?*

5.

Vắt là gì. Là dùng bàn tay nặn/bóp/ mạnh để cho ra hết nước. Đai để là như vậy. Vắt chanh. Vắt cam. Vắt áo.
Nhưng cách đây 82 năm - năm 1927 - cụ Phan Khôi đã lấy eo đất để vắt rừng già thành ra dòng sông xanh biếc. Một ví von tuyệt diệu. Nhất là cái ý này mọc lên từ cổ thành song thất lục bát. Xin mời bạn đọc hai câu đầu của bài trường thi "Chơi thuyền trên sông Tân Bình" do chúng tôi dày công sưu tập cho chủ đề Hơi Thở Đồng Bằng này:
*Eo đất vắt rừng già ra nước
Thành con sông xanh biếc dài ghê!*

Niềm vui của chúng tôi là sưu tập được một bài thơ của người tiền phong về Thơ Mới, mà nội dung là nói về một vùng đất đồng bằng mới khai phá. Tuy vậy, chẳng có bài nào trọn vẹn 100 % . Trên Net, tất cả đều thiếu cả một đoạn 9 câu gần phần cuối. Chẳng những thế, lại còn sai chữ, sai vần. ! Ngay cả cuốn *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan hay *Hương Vườn Cũ* của Quách Tấn khi đề cập đến bài thơ này cũng chỉ trích khoảng 12 câu cuối. Từ sự thiếu sót này dẫn đến hậu quả, là bài bị bóp méo, sửa đổi hay thay bằng một nhan đề khác. Ví dụ tờ tạp chí liên mạng Góc Nhìn khi muốn giới thiệu về Phan Khôi đã trích ra đăng lại 12 câu từ cuốn *Nhà văn Hiện đại* rồi tự đặt cho cái đề tạm là Tầm U (4) vì thú nhận không biết đề !.

Vì vậy, không thể khẳng định các bài của thiên hạ trên Net là đúng nguyên tác.

Ngay cả một bài của thượng tọa Thích Thiên Ân, viết vào năm 1965 còn bị một nĩ sinh chòm để làm một luận án tốt nghiệp cử nhân Phật học, qua mặt luôn cả các giáo sư, các vị biên tập tại các website Phật giáo trên Mạng thì một kẻ bần dân như chúng tôi làm sao mà biết được đâu là nguồn thật, đâu là nguồn giả !!!.

Cám ơn Email. Để một câu hỏi là có sự đáp ứng của bạn bè thân hữu khắp bốn bể năm châu. Để trên tờ báo này, ít ra cũng có một bài thơ trọn vẹn của cụ Phan Khôi mà không bị thiếu hay tự cho cái tên tạm lạ lùng: Tầm U !!!

(1) Hoàng Ngọc Biên giải thích về trường hợp truyện ngắn **Viết giữa mùa hè** của ông trên trang nhà www.tienve.org.

(2) Trang Tu viện Quảng Đức <http://www.Quangduc.com> đã rút bài luận án tốt nghiệp này khỏi trang nhà sau khi nhận lá thư của chúng tôi cho biết về sự việc này.

Sau đây là nguyên văn điện thư:

Nam Mo A Di Da Phat,

Kinh Nha Van Tran Hoai Thu,

Chan thanh cam on bac da cho biet su co nay, chung toi se tim cach lien lac voi Ni Sinh TNHÑ de tim hieu them ve viec nay, hien tai trang nha Quang Duc da lay tai lieu nay xuong khoi net de khong lam cho doc gia phai hoang mang ve su hien huu cua no. Moi bac check lai o day:

<http://www.quangduc.com/tho/index.html>

Xin bac cung hoan hy la trang nha Quang Duc co hon 200.000 (hai tram ngan) van ban tai lieu cac loai, nen khong the naokiem duyet chi tiet truoc khi dang tai, tat nhien noi dung van ban phai do tac gia cua no chiu trach nhien.

Vai hang tham va cam bac, kinh chuc bac vo luong an lac.

Kinh,

Ven. Thích Nguyễn Tang

Riêng trang thư viện Hoa Sen (thuvienhoasen.org) cũng cho biết: "BBT TVHS đã lấy bài tiểu luận đó ra khỏi data base của TVHS. Chúng tôi rất tiếc không có nguyên bản của TT. Thích Thiên Ân. Khi nào có chúng tôi sẽ đưa trở lại để trả lại sự trong sáng của vấn đề. "

(3) Tên một vở kịch của Lữ Kiều được viết vào năm 1968.

Trong tương lai, TQBT sẽ đăng lại toàn bộ vở kịch này.

(4) Nguyệt san liên mạng **Góc Nhìn**: <http://www.gocnhin.net> trong phần giới thiệu tác giả Phan Khôi.

AN PHÚ VANG

điểm danh

[Gởi Trần Mẫn giờ đang đâu đó quê nhà]

Lúc đó Nguyên Chương là Lý Văn Chương, tay bóng rổ của lớp Trần Mẫn. Trong đội còn có Phạm Ninh, Lê Văn Hiếu, Sử Duy Thuận, Phạm Tĩnh, và Quang. Trần Mẫn đánh đẹp, nhất là những cú dẫn banh nhập vòng cấm địa làm các mầm non bóng rổ của trường lé mắt. Trong các mầm đang nhú đó có đội bóng rổ lớp tôi và những đứa ở chung xóm, cùng học Phan Chu Trinh. Đứa nào cũng mong có ngày đánh tan nát tụi trường Tàu Thọ Nhơn vì các đội đàn anh chưa làm nổi. Mẫn đánh biểu diễn, coi đã mất nhưng làm bàn không xuất sắc như vài cầu thủ lớp khác.

Về sau đến tuổi biết lạng xe “theo ngõ về” đội bóng rổ lớp đó tan lủn. Chương cũng thấy vắng tập nơi sân bóng rổ sau lần đánh lộn với tên nào đó em cô Kim Hải, Kim Cương. Chuyện gì không biết nhưng tên kia bị cú móc tay trái, chảy máu môi, khóc quá trời nơi sân bóng rổ. Nguyễn Phùng Minh bệnh bạn, đứng bên an ủi. Tên này là anh thẳng Nguyễn Phùng Tâm, bạn thời Nam Tiểu Học của tôi nên “cứ nằm hoài” trong đầu đầu lưu lạc quá xá. Lớp Chương lúc đó, còn đệ tứ [lớp 9] sao không thấy ai tỏ vẻ gì ủng hộ gà nhà. Từ đó Lý Văn Chương “giã từ bóng rổ” theo thầy Trần Đình Quân hát du ca như Đào Phương, lại một tên bóng rổ mà tương lai không biết về đâu trong đội bóng của trường vì muốn được thầy phụ trách thể thao chọn đánh cho đội, khó lắm. Thầy là huấn luyện viên của tất cả bộ môn, từ bóng rổ, bóng chuyền, đá banh [tôi dùng “đá banh” nghe chứ không là “bóng đá”] đến môn điền kinh, vũ cầu, bóng bàn thầy tôi bao hết! Giáo sư Trần Gia Phụng, huấn luyện viên chính ở Phan Chu Trinh cũng là cầu thủ của đội bóng rổ Liên Hữu, gồm các thầy và cựu học sinh họp lại đánh chơi. Hỏi vài tên học Phan Chu Trinh biết liền.

Chương và Đào Phương cầm đàn guitar, mặc áo nâu, chân mang sandal đi tập hát “trên đất giồng mình trông khoai lang, trên đất vàng mình trông dưa gan...” trong đoàn Du Ca Đà Nẵng của thầy Trần Đình Quân và Tôn Thất Lan. Đàn anh Trương Xuân Mẫn cũng là du ca như Nhung, Thùy Nhung dong dỏng cao nhưng tóc dài quá xá bên Nữ Trung Học Hồng Đức. Vài năm sau Sử Duy Thuận và Phạm Ninh vào Thủ Đức. Thuận đi đề lộ cho một đơn vị thuộc sư đoàn 3 rồi từ trần những ngày mặt trận Thường Đức bùng nổ.

Rời trường, nghe đâu Chương có in tập nhạc đầu tay Những Tình Khúc Mây. Sau này biết thêm “mây” là tên ai đó bên Nữ Trung Học Hồng Đức. Chương còn có Tình Ca Ngày Về phổ thơ Trần Dạ Lữ. Bài hát hân cho tôi một bản thêm vài lời về tác giả. Tôi nghe tên nhà thơ từ dạo đó nhưng chưa thuộc bài nào.

Hôm qua ngồi đọc gần hết Thư Quán Bản Thảo [TQBT], số giới thiệu nhà thơ Trần Dạ Lữ, tôi băng khuông với bài thơ năm chữ Đêm Mưa Nghe Tiếng Đàn Bầu: “*Đêm mưa về gác lững / Chợt nghe tiếng đàn bầu / Réo rắt - Đời quay đưng / Quê người? Quê ta đâu? / Mưa, mù đường chiêm bao / Đàn bầu rưng rưng nhớ / Mở ngực đời cô lữ / Chỉ là vết tình đau...*”.

Với Khi Qua Đốc Mạ Oi Ở Ba Lòng: “*chiều nay, qua Ba Lòng / vì đâu, mà thương nhớ / đâu phải giò phong lan / tìm tìm chiều mắt ngó? / cũng không phải chùn chân / trước thủ rừng muông thú / nhưng mà, cả bình đoàn / đều rưng rưng nước mắt / lúc leo qua con dốc / có tên là Mạ Oi...*”.

Đọc thêm nữa:

Mười năm ở chợ không thay đổi

Tâm tánh ta xưa vốn thật thà

Đâu ước công hầu mơ khanh tướng

Bạc tuổi thanh xuân mong có nhà! – [Ở Chợ, Trần Dạ Lữ]

thấy sao tâm đắc quá. “Mạ ơi! Con cũng mong như vậy cho mạ đỡ khổ trong những ngày lưu lạc.”

Về nhà, lại vu vơ nhớ những ngày về Huế bằng xe lửa. Tôi với thằng bà con bên nội, lớn tuổi hơn chút gặp Chương đi cùng chuyến. Đến Huế, ba thằng đi bộ từ ga xe lửa qua chợ Đông Ba. Chương về đầu bên Gia Hội. Chú cháu tôi theo xe dò qua Vỹ Dạ, chợ Mai về chợ Nọ, Dương Nỗ. Tưởng đã quên thời nhỏ dại đó nhưng không biết sao quá vắng lại về trong một ngày tháng sáu, từ buổi sáng ngồi chờ lấy xe.

Bài thơ Chương phổ của Trần Dạ Lữ có câu: “*Chiều Ngọc Anh chân ghé lại Vân Dương / Cây cỏ thơm hồi sinh mùa gặt mới / Cho tôi còn thấy lại áo người thương...*”

Chỉ tiếc trong những CD trình làng, Nguyên Chương Lý Văn Chương chưa có bài hát đó: Tình Ca Ngày Về!

Vân Dương! Tên miền nào đó ở Huế tôi chưa đến nhưng sáng nay thử quên “thị trường chứng khoán xanh đỏ lên xuống” bên computer kia để viết cho xong ngổ ngàng trong lòng khi nhớ về trường cũ.

Có đứa nào muốn hát: “Chiều Ngọc Anh chân ghé lại...” không! ./.

25 tháng 6, 2009



Dòng sông xuôi chảy

HOÀI ZIANG DUY

Đọc lại. Tôi cũng không hiểu sao phải bắt đầu như thế này.

Nhiều lần tôi ngồi rất lâu, lòng chùng xuống, khi nghe tin bạn bè mất đi. Ít khi tôi viết lời bày tỏ nỗi đau như anh em đã làm. Tôi vụng về trong phản ứng đối xử ? Nhưng tôi biết một điều, chỉ ngần ấy, nó là cơn đau gặm nhấm thấm dần, để rồi không viết không nói gì hết. Tôi sống ngoài mặt bình tâm hay thật mềm lòng.? Đối với tôi nỗi buồn sâu kín đến thật muộn màng và ở lại. Chính trong sự gần gũi bình tâm này, nó trở thành người láng giềng khó quên.

Tôi không nhớ lúc nào tôi quen biết họa sĩ Nguyễn văn Minh ở Virginia. Anh lớn hơn tôi nhiều tuổi, mỗi lần họp mặt chung vui. Anh vẫn thường nhắc tôi có mặt. Anh thích đọc truyện tôi viết, và điều đặc biệt. Anh đọc nội dung rất kỹ. Anh nhớ cả chi tiết, câu văn, nhân vật trong truyện để bàn đến. Điều này cho thấy cái thú đọc sách ở anh, thưởng thức và sẵn lòng phê phán, phản ứng trước một đoạn văn, một câu thơ của tác giả nào đó. Anh bộc trực thẳng tính, cái tính của người miền Nam. Đáp lại tôi coi anh như một người anh trong tình cảm chân thật. Anh mất đi mấy năm qua rồi.

Không hiểu sao tôi vẫn thường nghĩ đến, nhắc, nhớ, hình ảnh anh. Tháng ngày cuối, nhiều lần hỏi thăm để đến với anh, nhưng lần nào cũng nhiều lý do về phía người quen biết anh ngăn cản. Để rồi sau này nghĩ tới, tôi thấy ân hận trong lòng. Câu anh nói. Anh viết dùm cho tôi một truyện tình nào, nó tàn nhẫn vô nhân đạo, khó chấp nhận theo nghĩa thường tình.. Lúc đó tôi không hiểu anh muốn nói gì. Anh muốn tôi bày tỏ những ẩn ức

gì cho anh qua ngòi bút. Mãi đến khi anh mất đi, tôi mới hừ cấu hình thành truyện *Tình yêu tay dài*. Nó có bề bàng, tàn nhẫn như thế nào. Chắc chỉ ngần ấy thôi. Trút hết ra, nó vẫn hiền lành như bàn chân đất lội ruộng của người miền Tây.

Lần theo nỗi chết, tôi lại nhắc đến tình người đã khuất. Phải chăng một lúc nào đó khi cảm thấy cuộc đời, là những con số không hoàn trả, chừng ấy mỗi người chúng ta rất dễ thuận thời quay đầu ngoá lại. Người quen sau này, cái tình trên xứ người, còn chạnh lòng nhớ. Huống gì ở một thời tuổi nhỏ, chung một mái trường, sống cùng đất địa quê nhà. Có tình nào chân thật hơn ở buổi đầu mới lớn.?

Đã hơn bốn mươi năm qua, nói lại chuyện văn nghệ, những người quanh tôi, kẻ còn người mất. Người buông tay bỏ nghiệp cầm bút. Kẻ còn nặng nợ với cái tình năm xưa. Còn đeo đẳng là còn nghèo cơm áo. Được chăng là niềm vui sống với chính mình, với anh em bạn hữu. Tôi chỉ viết lại theo trí nhớ. Chuyện buổi đầu ở tỉnh lẻ, vùng đất Thất Sơn từ những năm 64, 65 về sau. Mượn câu chuyện bạn tôi, chuyện hàng xóm, những người cầm bút trước năm 75, trong sinh hoạt văn nghệ cùng thời, như một tâm tình xốt chia.

Khởi đầu từ nhà thơ Thương hoài Diệp, tức Phạm yến Anh. Người bạn thơ, có thơ đăng báo nhiều nhất trong thời điểm này. Không mấy người biết, tôi rất thân với anh trên lãnh vực thơ văn, trong lúc người bạn chí tình bên tôi là Hoài Nga. Cùng trường, sống cùng địa phương, chúng tôi gặp nhau, khi cả hai có bài đăng báo, dĩ nhiên anh là người xuất hiện trước tôi trên văn đàn. Lúc bấy giờ rất nhiều nhà thơ ở tỉnh tôi như các anh Mạc phong Lan, Nghi do Thái, Mặc lan Hoài, Hoài lan Vân, Song an Châu, Hàn Thanh, Ngô nguyên Nghiễm, Mai

thanh Tuyền . Nhiều thi văn đoàn thành lập, sinh hoạt, làm báo... Lúc này Thương hoài Diệp không lập thi văn đoàn, mà lập nhóm Cô Đơn, rủ tôi gia nhập. Bài giới thiệu nhóm đăng trên báo Thời Luận, do anh Ngọc hoài Phương phụ trách trang văn nghệ. Nhóm khoảng năm sáu người, nhưng chủ lực viết bài đăng báo, chỉ có tôi với anh.

Là một quận, tỉnh sát biên giới. Người phương xa, vùng ngoài nghe nói dân bảy núi là mường tượng đến nơi chốn quê mùa lạc hậu, vô biên. Chính bản nhạc Dòng An Giang của nhạc sĩ Anh Việt Thu đã mang đến cho người nghe hình ảnh một đời sống thơ mộng hiền hòa bên dòng sông, ruộng lúa. Tiếp theo là những ca khúc như Tám điệp khúc, Đa tạ..., một thời được ưa chuộng. Người nghe chỉ biết chừng ấy, nhạc và tên tác giả. Cho đến bây giờ không có một tài liệu rõ ràng nào về một Huỳnh hữu Kim Sang (AVT). Phải chăng bản chất hiền lành, chất phác của người miền đồng bằng, nó lạnh lẽ không thích nói về mình, là sự thua thiệt khi bước ra cuộc đời, bên lề cuộc sống bon chen.

Nói đến Thất sơn, không biết lúc nào, khách thường nghĩ đến bùa chú, thần linh. Ở đây miền đất xa thủ đồ, xa ánh sáng văn minh, náo nhiệt. Nhưng bao quanh khu vực địa phương, quả thực có rất nhiều huyền thoại để nói về đời sống tâm linh, về chuyện bảy núi, thú rừng cây cỏ thuốc men.. Châu đốc cũng là điểm hẹn cho các lần tranh giải võ thuật, ở thập niên 50- 60. Các cuộc đấu võ đài sống chết với sự tham dự của các lò võ Việt, Miên, Lào, thường tổ chức tại rạp hát Lạc Thanh, khu vực chợ. Là một điều, giới trẻ ở đây sinh hoạt văn nghệ rất mạnh. Ban nhạc chuyên nghiệp với nhạc sĩ Hoàng Bích, một thời nổi đình đám. Ban nhạc học trò có ban Solitaire(Phước, Đăng, Thành, Tổ) , với đàn guitar điện,

trống, đầy đủ dàn âm thanh , khí cụ của một ban nhạc đúng nghĩa, phục vụ sinh hoạt địa phương. Phải nói vào thời điểm này, bỏ tiền ra để mua sắm những dụng cụ, thành lập ban nhạc, không phải là một số tiền nhỏ. Nếu không có Đăng (tiệm vàng Kim Quang), chịu chi, chắc không có ai đủ khả năng để ban nhạc Solitaire thành hình. Nhiều tờ đặc san được các thi nhóm in ấn, phát hành với giấy phép, kiểm duyệt của Ty thông tin. Tờ tập san in đẹp là tờ Thế Kỷ Mới .

Một người bạn trẻ chịu chơi là Lưu nhữ Thụy. Lần đầu tiên anh gia nhập sinh hoạt văn nghệ, bỏ tiền rủ tôi ra báo. Lưu nhữ Thụy, vẽ, trình bày đẹp. Đặc biệt anh kẻ chữ theo lối chữ in rất có nét. Chúng tôi thực hiện tập san văn nghệ Hiện Diện, hướng đi những người viết và nghĩ tự do. Số đầu mang chủ đề Thực chất Tình yêu và Chiến tranh hiện tại. Lưu nhữ Thụy đứng tên chủ trương. Tôi chỉ lo phụ trách phần bài vở cho tờ báo. Chủ biên, đề tên chung Hoài ziang Duy, Mặc lan Hoài, Mộng Linh. Cộng tác gồm có Ngô nguyên Nghiễm, Trương thảo Mộc , Hàn Thanh , Giang Thu, Phương thảo Huyền, Uyên Linh, Thạch Cương, Mặc nghiệm Tường, Sa Duyên, L t Tho, Hoài lan Vân, Trần xuân Huyền, Hoài Nga, Thùy Linh, Hoài linh Trang.

Sau đó không lâu Ngô nguyên Nghiễm đứng ra lập nhóm Khai Phá, ra báo Trình diện tuổi đất, trước đặt địa chỉ ở Châu đốc , rồi dời lên Sài gòn. Sau này Lưu nhữ Thụy về Sài gòn lập nghiệp, gần gũi với NN Nghiễm, sống nghề vẽ cho các báo. Ngoài một số anh em khác tỉnh, khác miền nhập cuộc với Khai Phá như Lâm Chương, Phạm nhĩ Dự, Hà Thúc Sinh, Nguyễn lê La Sơn... Châu đốc còn có thêm các nhà thơ mới như Trịnh bữu Hoài, Nguyễn thành Xuân .

Không khác gì hoạt động văn nghệ với nhiều người

viết ở miền Trung, miền Tây lúc bấy giờ cũng đông đảo người cầm bút xuất hiện trên các mặt báo chí, ở mỗi quận, tỉnh, địa phương đẩy đẩy những anh em bạn trẻ mới lớn, tham dự, xuất hiện trên văn đàn, như Yên uyên Sa, Mây viễn Xứ, Phù sa Lộc, Hạc thành Hoa, Thy lan Thảo, Triều uyên Phương... Vào thời điểm này, cây bút nữ viết tùy bút, tạp ghi đều đặn trên các nhật báo là Hoài Dân (cô bạn ở Nguyễn huỳnh Đức , Phú Nhuận). Về phía thơ nói về lính có MH Hoài linh Phương. Thời đó anh em học trò làm văn nghệ thường quen nhau qua thư từ trao đổi (thời đó chưa có cell phone) , năm đó chúng tôi có thêm bạn phương xa Từ kế Tường, Trần hồng Nhan, Triệu cung Tinh.

Tuổi trẻ sung mãn, buổi đầu ở người cầm bút, là những sáng tạo kỳ thú bất ngờ, coi như tài không đợi tuổi. Dòng xuôi chảy đó thẳng tiến về sau, định vị cho danh phận mỗi người, đường dài ở cuối cuộc chơi như một mệnh nghiệp trong cuộc sống.

Tình hình sinh hoạt chung là vậy. Có điều đặc tính của địa phương, của người miền Tây là bề ngoài rộn ràng xôm đám, nhưng thật ra, hễ hà, tụ lại chơi chung, buông ra là đường ai nấy bước. Không có gì ràng buộc. Hay nói một cách khác là không thích có chân trong hội hè, đoàn thể, phe phái. Điều này cũng là sự thua lỗ trong tính đoàn kết, thống nhất trong vấn đề. Để rồi mỗi người tự liệu theo sinh hoạt đơn độc ở mình.

Trong văn nghệ mỗi miền có cung cách riêng. Văn nghệ sĩ người miền Bắc di cư có vẻ kết đoàn hơn.. Văn nghệ miền Trung thì đông đảo anh em bạn trẻ, hoạt động mạnh. Người miền Nam không có thói quen giao tế này (kiểu khen chéo tay ba, rồi ai cũng được đánh bóng) . Viết bài khen lẫn nhau, ngại mang tiếng nịnh bợ. Ngược lại nghe người khác ca tụng mình quá, thấy cũng

nhật. Đặc tính chung này, nó ăn sâu bao đời kiếp. Người miền Nam, hay dân miền Tây, có thể vì đời sống thoải mái, thích ăn nhậu, thật thà, nói thẳng, sống một mình, dễ bỏ qua. Dù rằng ở đâu cũng có người tốt kẻ xấu, đôi khi ngoại lệ, thủ đoạn vượt bậc không chừng.

Phải nói tinh thần văn nghệ ở tuổi trẻ chúng tôi tự phát. Giản dị một điều. Ưa thích là làm. Biết yêu cái đẹp, sống với tâm hồn lãng mạn là gần với thơ văn. Ở đây hoàn toàn không có tính cách chính trị, đảng phái. Vào thời điểm đầu ở lãnh vực này không ai biết, nghĩ gì về chính trị. Văn thơ chỉ để bày tỏ những điều mình muốn nói. Như một niềm kỳ vọng, một tiếng hát cất cao giữa trời cao biển rộng. Một lời tỏ tình, hay nỗi đau tình lỡ, một hiện thực xã hội, đề tài chiến tranh. Tất cả là một tâm tình rất thực ở tuổi đời mới lớn.

Cuộc chơi văn nghệ nổi đình đám, cùng lúc với cường độ chiến tranh đi lên. Sau lúc rời mái trường trung học, điểm chuẩn là sau kỳ thi tú tài 2. Tất cả tan tác theo dòng đời. Tuổi vào đại học hay lên đường tham dự vào cuộc chiến. Không phải bằng văn thơ lãng mạn, mà bằng máu xương, mất mát hy sinh. Anh em chúng tôi cũng xa nhau từ đó. Mỗi người còn nặng nợ với văn nghệ hay không, cũng từ ở giai đoạn này, giai đoạn thực sự bước chân vào thực tế, đời sống, sự nghiệp, hạnh phúc gia đình, lập thân. Có còn không tâm tình ngày cũ. Có còn không đời sống văn thơ trong máu huyết. Có còn không mang cái nghiệp văn nghệ vào thân. Và như vậy chúng ta gặp nhau, là gặp lại cái bút hiệu ngày nào, xuất hiện ở tuần báo, tạp chí văn nghệ... Ở nơi nào đó, trên mọi miền đất nước, khung cảnh thời gian nào đó. Quãng đời có xa, nhưng gần lại vô cùng với chữ nghĩa trước mặt, để rồi thấy đó, nhận ra cái tình bạn hữu năm xưa, bắt nhớ lại một thời qua.

Kể từ ngày vào quân ngũ, rồi ở tù về. Mười mấy năm anh em mỗi người mỗi ngã. Bây giờ về sống nơi quê nhà, gặp lại Thương hoài Diệp. Bạn bè bây giờ không còn ai, tất cả đã rời xa. Người bạn chí thân của tôi cũng ra đi tìm đường tự do. Nhìn quanh quất người ở lại, là những người bạn một thời tù, chung trại, cùng một mệnh số. Bạn văn nghệ không còn mấy tay, thuận theo ý trời, chúng tôi lại chơi thân hơn trước, bởi cùng một hoàn cảnh giống nhau, đứng về một phía. Thương hoài Diệp lấy lại tên thật Phạm yển Anh.

Nói chuyện văn thơ, ở người có cùng một tâm hồn, cách nhìn. Những sáng tác, viết chỉ để đưa nhau đọc. Hoàn cảnh chúng tôi, ở tù ra xã chế hay chưa xã chế, vẫn bị rình rập theo dõi, báo cáo, trình diện, đi đứng phải xin phép. Mỗi ngày lên khu vực chợ. Yển Anh chịu khó ngồi chờ ở quán cà phê cách nhà mấy căn, chờ tôi xong khách bệnh, để gặp nhau. Hay có lúc tôi xuống nhà anh, một phòng học ở trong trường (cho giáo viên trú ngụ, nơi người vợ đi dạy). Chúng tôi thường ngồi trước hàng hiên, chuyện văn. Nhìn ra sân trường quanh quẽ. Tôi nhớ cảm giác một thời đi học, mùa hè trường cũng lạnh vắng như thế này. Còn bây giờ ngồi lại, tất cả một thời qua đi, mất hết, buồn một thân thân phận chung.

Trịnh bữu Hoài, lúc bấy giờ làm chủ tịch hội văn nghệ thị xã (sau nghe nói lên chủ tịch hội văn nghệ tỉnh). rủ chúng tôi viết trở lại. Đề nghị in một tập thơ tình gồm các cây bút cũ phe ta, xen vào mấy cây bút mới. Hỏi gồm có ai. Hoài kể một lô tên quen biết. Nghe cũng có lý vui chơi. Mấy tháng sau, thực hiện in. Hoài cho hay bài bị kiểm duyệt, loại bỏ, cắt xén hết. Một lần đó rồi thôi. Chúng tôi biết không thể có địa bàn viết lại như trước, dù Trịnh bữu Hoài tử tế với anh em cầm bút cũ, nhưng bây giờ là việc mới.

Bạn bè lần hồi lo liệu ra đi theo chính sách của người Mỹ can thiệp. Phạm yến Anh cũng nôn nóng chờ đợi. Tôi còn nhớ chút chi tiết nhỏ này. Chuyện ở năm 90, buổi trưa gần 12 giờ, Yến Anh đến tìm tôi. Anh cho hay mới bị mời làm việc (danh từ bị thẩm vấn). Địa điểm trong phòng khách sạn Mỹ Lộc. Hai người thẩm vấn anh từ Sài Gòn xuống. Nhìn gương mặt còn âu lo, tôi nghĩ bạn mình nói thật. Nhất là nội vụ vừa mới xong khoảng năm phút. Trên đường về phải ngang qua nhà tôi, cách đó một dãy phố. Theo Yến Anh nói lại nội dung. Họ nói ba điều bốn chuyện hỏi thăm đời sống, rồi vào vấn đề thẳng. Anh có muốn đi Mỹ theo diện HO không? Tôi đâu ở tù đủ 3 năm để được đi. Anh đừng lo, chúng tôi làm lại giấy ra trại, hợp thức theo tiêu chuẩn để anh ra đi sớm. Nhưng, với điều kiện, sang đó anh phải hoạt động cho chúng tôi. Anh về suy nghĩ lại, chúng tôi không bắt buộc, nếu đồng ý, thì cho biết. Yến Anh hỏi tôi thấy thế nào? Tôi không biết tình hình, sinh hoạt gì bên Mỹ. Theo công tâm mà nói. Nhận lời để được đi, làm hay không làm, cái nào cũng khó sống.

Và như vậy Yến Anh ở lại. Như bao người khác, sống cầm hơi theo năm tháng, mong mỗi có phép mầu sáng sửa, khấn khứa cho đời mình.

Ra hải ngoại, tôi cầm bút viết lại, chung cùng với anh em bạn hữu ngày trước 75, bạn văn nghệ có, bạn nhà binh, bạn tù hay những người mới quen sau này. Tôi viết, như thể cần viết, nơi chốn dung thân, tôi tìm lại chính mình. Rất nhiều, qua ngòi bút mọi điều mọi chuyện để khỏa lấp đời sống, những đau thương chịu đựng, và gần nhất là sự cô độc nơi xứ người. Một người mà tôi không ngờ, rất ư là Châu đốc . Họa sĩ Phạm Thăng, ở Canada. Anh viết rất nhiều, rất rành về Châu đốc, từ câu chuyện địa danh, đến tên tuổi thầy cô, kỹ

niệm sống ở đó. Biết ra, với anh dù không là nơi sinh trưởng, nhưng cả một quãng đời niên thiếu anh đã lớn lên, học hành ở đây, khác gì một quê hương thứ hai như anh đã nói. Một người rất dễ mến nữa là nhà văn Vũ Thất, anh chỉ thỉnh thoảng viết, thích đọc người khác viết hơn.. Hầu hết những người văn nghệ quê nhà cùng thời, mỗi người một điều kiện khác nhau sống nơi xứ người. Ở đời sống mới khó khăn ngôn ngữ, đa số hầu như vì sinh kế không còn viết, hay không còn viết nổi nữa. Một thời tuổi trẻ lãng mạn qua rồi. Thấy có Song An Châu còn yêu văn thơ, còn xông xáo, nhưng tuổi cũng đến lúc về hưu. Mặc lan Hoài còn có khả năng sáng tạo (đọc qua mấy bài thơ của anh) nhưng không thấy anh xuất hiện đâu cả, ngoại trừ tôi gọi lấy bài cho báo tôi .

Quê nhà còn lại mấy người, sáng tác đều đặn như Ngô nguyên Nghiễm, Nghy do Thái, Lưu nhữ Thụy.

Cuộc đời tròn xoay, có xa, có gần. Lần về quê nhà, Yến Anh đưa tôi mấy bài thơ sáng tác sau này. Tôi đọc, không ý kiến nhiều. Tôi biết từ nay anh không còn là một Thương hoài Diệp lãng mạn ngày nào. Thơ anh bây giờ trần trụi, với thực tế khổ đau, nói thẳng nói thực. Như bốn câu trong **Giữa cảnh đời sắc không**.

Giữa những màu mè, những giọng cười sảng khoái

Sau những tầng bậc khoe khoang còn lại

Một mình tôi, một khoảng trống chán chường

Hay mấy câu trong bài **Thư cảm ơn người**

Thương cái thời gian nan, áo lính

Mỗi lần tan hàng, mỗi lần cố gắng

Mà bây giờ lực bất tòng tâm

Mà bây giờ đã ba mươi năm

Thời gian biến ta thành ông già quần trí

Đời sống văn nghệ, đầu óc của người làm văn nghệ

năm xưa bây giờ cùn khổ, cạn kiệt như thế đó. Nếu tôi không bước ra thế giới bên ngoài, chắc tôi cũng cùng chung số phận. Một người cầm bút không có đất địa văn học, khác gì người ca sĩ không có sân khấu. Một người thích đọc sách, không trao đổi được gì trong sáng tạo, tư tưởng mới, kỹ thuật viết. Không hội nhập đồng điệu với một nền văn học, thì làm sao đời sống không buồn nản, khi chính mình đọc mình, rồi không đi tới đâu. Nói cho cùng, muốn cũng không làm sao có, không có sách báo, tư tưởng nào, ngoài sự rập khuôn qui định

Không có chọn lựa nào khác ngoài không đọc..

Cho đến tháng 8 năm 2006, nhận tin bạn mất đi.(Anh mất đi ở tuổi 65). Nghe tin, lòng tôi cảm thấy đau xót vô cùng. Đến tháng 3 năm 2009 đến lượt Mạc phong Lan cũng ra đi trên xứ người.

Nhiều đêm trên đường đi làm trở về. Tôi đã nhớ rất nhiều về kỷ niệm, tình thân ngày cũ. Cứ tưởng trở lại quê nhà, từ nay không còn người bạn bên bàn cà phê, nói chuyện năm xưa, chuyện đất trời thời cuộc. Tôi cảm thấy nuối tiếc xót xa. Đến với nhau từ buổi đầu, duyên tình văn nghệ, gắn bó tình thân từ đó, cho đến lúc bạc đầu.. Xa nhau, rồi gặp lại. Rồi xa nhau. Nhưng lần này, thực là lần cuối trong đời. Tập thơ, bạn bè giúp Phạm yến Anh in ấn ở quê nhà. Anh có gửi tôi. Không đẹp về kỹ thuật, chắc in lậu, nhưng chan chứa tình anh em, sống thật lòng.

Nhớ Yến Anh là nhớ bài Áo Kỷ niệm. Đó là bài thơ lần cuối, mấy năm trước phụ trách làm tờ báo, anh nhờ đưa con chuyển qua mấy bài không bỏ dấu, tôi phải đánh lại.

Áo kỷ niệm

*Chợ trời thấy áo em treo
Bốn mươi năm mới biết nghèo là đây
Áo ngày xưa sao ở đây
Em đem bán rẻ qua ngày hẩm hiu
Chưa bình minh đã xế chiều
Chưa sung sướng đã phải nhiều đắng cay
Nhọc nhằn thân ngựa dẫm dài
Nỗi vui cố tạo mỗi ngày một vơi
Niềm tin ngày tháng đã rời
Cho tôi sống lại quãng đời hôm qua
Mùa Xuân là của người ta
Mùa đông tôi đó, nắng tà phai phôi
Ơi em, lòng bỗng ghen lời
Thèm làm sao một nụ cười cảm thông
Một mình đi giữa phố đông
Áo vu qui thấy bán trong chợ trời*

Tôi chọn bài thơ này. Bài thơ buồn như đời sống, bẽ bàng trong tình yêu nghèo khó, không dấu diếm một hoàn cảnh thực của người ở lại, và hơn hết là chất thơ của Thương hoài Diệp ngày cũ. Như tôi đã nói, tôi chậm. Buồn mà không nói, không viết lời ai oán mấy năm trước, không nói gì hết. Là nỗi lặng. Nhưng bây giờ trong nỗi nhớ muộn màng này, quá khứ tưởng chừng qua nhanh, thật ra lại sống gần kề.

Nói về một Thương hoài Diệp năm xưa, hay Phạm yến Anh mất đi, phải chăng là cái cơ để sống hoài niệm về ngày cũ, một thời tâm hồn còn đơn giản, trong lành, chưa tất bật với đời sống, nặng nợ áo cơm. Ở đó thuở đầu đời yêu em, biết lãng mạn, biết làm thơ. Những bài thơ tình dẫn sâu vào đời sống, nghiệp dĩ sau này.

Hơn bốn mươi năm sau nhìn lại một quãng đời qua,

những mái đầu đã bạc. Chiến chinh, sương gió, tù đầy, lơ lửng, mất mát. Cái giá chúng ta phải trả, là hiện thực đời sống bây giờ. Tâm tình chúng ta còn giữ lại phải chăng là những bài thơ muôn phần. Một câu, một lời thôi để nhớ, là hạnh phúc cho người cầm bút .

Một vầng trăng lơ lửng. Một rừng cây trút lá. Rồi thôi, cuối cùng tựa như một dòng sông xuôi chảy.

Trần Bang Thạch **GÓP MỘT CHÚT GIÓ ĐỒNG BẰNG** **NAM BỘ**

Nhớ lại một thời vui với bằng hữu văn chương ba, bốn mươi năm trước đã khó, bây giờ viết lại thì càng khó hơn. Nhớ ai? Quên ai? Ai Còn? Ai mất? Đồng đời cuốn trôi quá nhiều điều mình đã một thời trân quý. Còn sót một chút đáng xưa, bóng cũ không ghi lại hôm nay thì ngày mai e rằng bước chân mình sẽ hụt khi muốn trở lại một thời tuổi trẻ ở đồng bằng.

Cái thời cùng say mê viết lách đó mỗi khi nhớ lại là thấy ảm áp làm sao. Buổi chiều, bỗng nổi hứng, đạp xe vào Cái Răng, uống ly cà phê với Mai Huỳnh Văn, với Nguyễn Ngọc Bích, đọc thơ mình, nghe thơ bạn. Rồi đạp về. Cả bọn tạp chí Tiếng Động ngồi quán cóc chị Thâu, cà phê đen, thuốc Bastos xanh, nói chuyện văn thơ suốt buổi mà không chán. Đọc được bài thơ, đọc cái truyện mới đăng báo của bằng hữu, thấy vui như đọc tác phẩm của mình. Nhiều, nhiều niềm vui quá trong cái không khí văn chương tỉnh lẻ. Bây giờ nhắc lại vẫn thấy hạnh phúc làm sao.. Và tiếc nhớ quá chừng.

Thuở thanh bình của những năm cuối thập niên năm mươi và vài năm đầu sáu mươi, thơ văn miền Nam chừng như

nở rộ. Cây văn nghệ vùng đồng bằng Hậu Giang cũng trở
những hoa lá cành. Cùng với cuộc chiến mỗi ngày một gia
tăng, cây văn nghệ vẫn đơm bông, kết trái, nhưng dấu vết
chiến tranh đã khởi, đau thương đã nhuốm, chia ly đã
thành. Những vây viết vừa mới mấy năm trước còn nói
chuyện học trò, chuyện yêu đương, chuyện quê hương
làng xóm, thì nay đội ngũ thêm đông, có lẽ do cuộc chiến
làm khởi động những đề tài, những cảm hứng mới, tạo nên
những ngòi viết mới. Những người bỏ trường bỏ lớp đi
làm lính trận, những người tình hậu phương, những cô
phụ... đã góp biết bao hương liệu mới trong dòng văn
chương thời chiến.

Chỉ nội ở Cần Thơ cũng không đếm hết được. Xin kể một
ít: Những năm 59, 60 có thi sĩ Lăng Ba (Chánh lục sự toà
án cần Thơ Lê Văn Bộ) đã lần lượt xuất bản những tập thơ
nhỏ vừa bằng bàn tay có tựa là *Hoa Xuân*, *Hoa Nở*, *Hoa
Tàn*. Nhà thơ nữ Lê Thị Thu Trang, nhà giáo kiêm đồng y
sĩ Nguyễn Văn Xúng có thơ đăng thường xuyên trên *Phổ
Thông*. Đến những năm 64, 65 thì thi văn Cần Thơ thật sự
khởi sắc. Hai nhà thơ Lê Quân và Thương Thương
Nguyễn Xuân Chấn phát hành bất định kỳ tập san *Bút
Hoa*. Nhà thơ Người Sông Hậu có những bài thơ thuộc
loại kể chuyện quê hương, tình cảm rất được chú ý. Nhóm
Tập chí văn học Tiếng Động chúng tôi phát hành số đầu
tiên tại Cần Thơ đầu năm 65 với những cây bút: Lan Sơn
Đài, Trần Như Liên Phụng, Triều Uyên Phụng, Quách
Dược Thanh, , Nguyễn Công Nhượng (tức Nguyễn Cát
Đông, Trần Bang Thạch), Kiều Tâm Khánh, Lê Ngọc
Hiển...Sau đó phát hành tại SG với tranh bìa của Nguyễn
Trung, thỉnh thoảng có truyện của Dương Nghiễm Mậu,
Nguyễn Nghiệp Nhượng. Thời gian này có các nhà văn,
nhà thơ quân đội về phục vụ tại Cần Thơ, như Nguyễn Đạt
Thịnh, Tô Thuỳ Yên, Trần Như Huỳnh, Trần Kiên Thảo,
Vũ Hối ...có tờ nhật báo Miền Tây của nhà văn An Khê
Nguyễn Bình Thịnh ...làm cho không khí văn nghệ Cần
Thơ thêm khởi sắc ...Đôi uyên ương Vương Doãn Chi,
Vương Phong Lan (sau này lấy tên thật là Nguyễn Ngọc
Tuyết), Quyên Ca, Trần Kiều Bạt, Trần Phù Thế (lúc đó

có bút hiệu khác)...xuất hiện thường xuyên trên văn đàn từ những năm này.

Từ 64 tới tháng 4/75 Thi Văn Đàn Về Nguồn với những trụ cột: Diễm Phượng, Huyền Vân Thanh (tức Lê Cần Thơ), Lê Trúc Khanh, Lê Hà Uyên, Hà Huy Thanh, Vũ Phan Trần (tức Ưu Thức, Đặng Thư Cưu). Đặc biệt TVĐ Về Nguồn có thơ diễn ngâm thường xuyên trong chương trình Ban Mây Tàn của thi sĩ Kiên Giang trên đài phát thanh SG. Về Nguồn cũng có hẳn 1 chương trình thi văn phát thanh hàng tuần trên đài phát thanh Cần Thơ từ 1968 cho đến 1975. Khoảng năm 1974, khi nhà văn Trần Hoài Thư về phục vụ tại QĐ IV, TVĐ Về Nguồn đã làm buổi giới thiệu tác phẩm Một Nơi Nào Để Nhớ của THT tại hội quán Con Đuông. Người viết có dịp gặp lại THT tại bến xe Cần Thơ đang đạp xe đạp bán cà rem cây sau khi THT đi tù trở về. Lê Cần Thơ có một trí nhớ khá tốt nên đã giúp người viết nhớ lại nhiều điều cho bài viết này. Cảm ơn bạn. Năm 66-67 có tạp chí Văn Nghệ Miền Tây do Ngũ Lang và Huyền Vân Thanh chủ trương, 2 số đầu in ronéo, số 3 (số cuối) in typo. Từ năm 1966 Hiệu đoàn TrH Phan Thanh Giản bắt đầu phát hành tập san Triều Sông Xanh do GS Nguyễn Văn Hường làm chủ nhiệm, hs Trần Quốc Mậu chủ bút, hs Lê Hoàng Viện TTK. Khoảng thời gian này Cần Thơ có những cây bút nữ rất nổi tiếng như Kiều Diễm Phượng, Kiều Mộng Hà (thơ đang nhiều trên Chiến Sĩ Cộng Hòa), Lý Thị Kim Xương, Vũ Thùy Khanh...Đặc biệt từ 1972-75 tạp chí Miền Tây Thăng Hoa do nhà biên khảo lừng danh kỳ cựu Nguyễn Bá Thế chủ trương, Huyền Vân Thanh lo phần trình bày, là tạp chí có tầm mức biên khảo văn học giá trị.

Nghe nói sau tháng Tư 1975 có Mừng Mán, Đynh Trầm Ca... về sống tại Cần Thơ một thời gian. Các nhà văn quá cố Huỳnh Hữu Cửu sinh quán Cần Thơ, Nguyễn Văn Ba (cựu học sinh PTG, nguyên GS viện ĐH Cần Thơ Thái Anh Kiệt) bắt đầu viết khi ra hải ngoại.

Từ Cần Thơ, người viết được quen biết và có dịp ghé thăm những cây bút ở Vĩnh Long, như Việt Chung Tử, ở

Long Xuyên như Hoài Giang Lê bá Diệp, Ngân Phương, Hương Giang, ở Sa Đéc như Hạc Thành Hoa.

Khoảng thời gian dạy học tại Châu Đốc những năm 70 tới 75, người viết đã thân quen những nhà thơ Thân Liên Lê văn Tấn, Liêm Châu, Nguyễn Văn Hà (GS triết TrH Thủ Khoa Nghĩa), Huỳnh Phan (GS Việt văn TKN, tác giả Câu Chuyện Thầy Trò đăng thường kỳ trên Bách Khoa, sau do nhà Trí Đăng xuất bản), Duy Phương, đặc biệt là anh em nhóm Khai Phá với Ngô Nguyên Nghiễm, Lưu Nhữ Thụy, Trịnh Bửu Hoài... Lúc đó Thụy (cũng là 1 họa sĩ) đang học QGHC, Nghiễm đang học Dược, Hoài thi phục vụ tại Châu Đốc. Thuở ấy người viết có nghe và đọc tác phẩm của Hoài Ziang Duy, tiếc là không được gặp anh lần nào. Nghe Trần Phù Thế kể chuyện về VN mấy năm trước cung ly với các bạn trên núi Cấm mà phát thèm.

Có 2 người Long Xuyên mà khi lên học tại SG, người viết mới quen. Đó là nhạc sĩ Anh Việt Thu và họa sĩ Chóe. Những năm 1965 – 1970, Anh Việt Thu (Huỳnh Hữu Kim Sang) thường đến thăm người bạn ngụ chung 1 căn phòng với người viết tại Đại Học xá Minh Mạng. Quen nhau từ đó. Bài hát Giòng An Giang Thu đã viết trước khi lên SG đi học rồi vào phục vụ tại đài phát tuyến gần trường đua Phú Thọ. Dáng dong dong cao, hút thuốc liên tay, uống rượu cũng giỏi nên lúc nào cũng cháy túi, sau này viết nhạc ăn khách vẫn chạy chiếc vélo. Tiếc là anh mất sớm. Người viết quen với Nguyễn hải Chí (họa sĩ Chóe) cũng từ Anh Việt Thu. Sau đó làm báo chung nên gặp thường. Anh Chí người khá vạm vỡ, trắng, ít nói, râu quai nón nếu không cạo, về nổi tiếng mà viết truyện cũng rất hay.

Kể như vậy không biết đã đủ chưa và sai trật chỗ nào. Nhớ đầu viết đó, coi như là một phát thảo cho những nghiên cứu tường tận hơn với hình ảnh và tác phẩm. Hy vọng được coi đây là một ngọn gió góp vào hơi thở đồng bằng.

Houston July 6-2009
Trần Bang Thạch

Chủ đề HƠI THỞ ĐỒNG BẰNG

Gồm các sáng tác thơ văn biên khảo của Phan Khôi, Phan Thái Yên, Trần Hoài Thư, Kiệt Tấn, Nguyễn văn Ba, Phan Tấn Tài, Linh Phương, Lâm Hảo Khôi, Lâm Hảo Dũng, Phù Sa Lộc, Lê Uyên Tự, Đynh Trầm Ca, Vũ Hữu Định, Nguyễn Tiến Cung, Lê Trường Chinh, Mưòng Mán, Trần Bang Thạch, Nguyễn Lê Uyên...



PHAN KHÔI

Chơi thuyền trên sông Tân Bình (1)

Eo đất vắt rừng già ra nước
Thành con sông xanh biếc dài ghê!
Khỉ ho cò gáy tứ bề
Ta đem thân đến chốn này làm chi!
Nhớ từ trẻ gian nguy từng trải
Bước giang hồ bước mãi chưa thôi
Mảnh thân còn chọi với đời
Hiểm nghèo là bạn, chơi vui là nhà
Cảnh hiu quạnh, có ta có chủ
Bằng không ta chẳng phụ Hoá công
Về ra cái cảnh lạ lòng
Làm cho cộp biển, cá đồng hay sao ?
Xuồng ba lá đâu nào chàng Thổ
Rượu để mang theo mỗ lưng bầu.
Mũi chèo trước, lái ta sau
Mái chèo khoan nhặt con trào ngược xuôi
Bóng chiều nhuộm lau *mùi* vàng úa.
Khói, nước, trắng, mây bủa *lưng chừng*
Vạch lau rẽ khói tung tăng,
Trên trời, dưới nước bên rừng giữa ta
Lô túp lá xà xà trong ngút,
Chợt thuyền con vùn vụt ngang dòng
Nguồn đào có phải đây không?
Vũng Lương Sơn phẳng phất cùng là đây.
Vùng ác lặn chòm cây đen sậm
Vào cang sâu cang lăm vẻ u
Rặng dừa lướt gió vi vu
Chim về ổ thót, vượn ru con thuyền
Bỗng cái sạt, mái thuyền hùm vọt

Sáng lập loè ngọn đuốc ma trôi
 Ở vùng dậy, khỉ reo cười
 Trăm yêu ngàn quái nhè người mà trêu,
 Sạt đặng mũi, mái chèo toan đánh
 Lái phất ngang, dường tránh con nân
 Ủy kìa, rắn hổ phùng mang
 Vượt sông, rẽ sóng băng ngàn như tên
 Vụt đáy nước trông lên cây trụ
 Hẫng đây rồi cá sấu quách đuôi
 Trăm cái sợ, cướp cái vui
 Tới đành chẳng tiện, muốn lùi chín khôn
 Sồn tóc gáy, bồn chồn tắc dạ,
 Vững tay chèo nắn ná hồi lâu
 Vùng trắng như hẹn hò nhau
 Trời lên mặt biển dọi vào gằm hang
 Gợn mát bóng cá vàng giỡn nước
 Lá lật sương chim bạc đeo cành
 Xa trông rừng thật khung xanh
 Sông phơi dải lụa trắng tinh một màu
 Rõ muôn tượng như chào lạy khách
 Lặng một chiều dường trách lấy nhau
 Cảnh sao biến đổi quá mau
 Rõ hai thế giới trước sau nửa giờ
 Cảnh đổi cảnh những ngờ mộng mị
 Hoặc là do tâm ý mà ra
 Tầm u (2) bước đã quá xa,
 Cảnh khuya sương nặng, liệu mà về đi.
 Xoàng hơi cúc khi khi cười mãi,
Tóc phất phơ đường trải bóng trắng.
Giữa dòng chiếc lá thung thăng,
Lần dò lối cũ, băng khuâng chạnh niềm
Gấm thân thế ba chìm bảy nổi,
Lại phen này lạc lối tới đây.
Một đêm cánh vật đổi thay,

Rồi ra sao nữa sau này trăm năm!
Ngâm mấy vận tạm làm du ký,
Chép gởi người tri kỷ đường xa.
Người như rõ biết ý ta,
Thì nâng chén rượu mà ca khúc này.

Phụ nữ thời đàm, tập mới số 3, 1er Octobre, 1933- Dẫn theo
Việt Nam thi nhân tiền chiến, quyển thượng, Sống Mới xb, 1968
trang 136-138 và Nhà văn Hiện đại Tập I.
(nguồn: VUGIA. Phan Khôi, tiếng Việt, báo chí và thơ mới
NXB ĐHQG, 2003.)

(1) Hầu hết các trang nhà trên Mạng phổ biến bài thơ này đều
thiếu một đoạn 9 câu (chữ nghiêng). Đây là bài thơ đầy đủ mà
chúng tôi sưu tầm được để cống hiến bạn đọc. (Xin được cảm
ơn anh LQN ở VN về sự giúp đỡ này)
Theo nhà thơ Quách Tấn, trong tác phẩm *Hương Vườn Cũ*, (nhà
xb Hội Nhà Văn), bài thơ có nguồn gốc như sau:
" Mùa thu năm 1927, (Phan Khôi) vào Cà Mau chơi. Một hôm
nhân bơi thuyền du ngoạn trên thuyền *Tân Trào*, ông làm một
bài song thất lục bát tả cảnh ghê rợn trên rạch và tỏ chút tâm sự
của mình lúc bấy giờ. "
(2) Bản của Quách Tấn là **Tâm ưu**

BẬU QUA CA DAO

(sưu tập bởi THT&LQN)



01-Bậu ơi đừng có vội vàng,
Để coi cây quế ngã tàng về đâu.

02-Bậu với qua gá nghĩa chung tình,
Dầu ăn cơm quán ngủ đình cũng cam.

03-Bậu buồn, qua dễ chẳng buồn
Cá dưới sông biếng lội, chim trên nguồn biếng bay

04- Thấp giàn, cá nhảy khỏi sa,
Ứng không tại bậu, cha mẹ già biết đâu.

05-Xa xôi chưa kịp nói năng
Từ qua đến bậu như trăng xế chiều

06-Trâm vàng giắt chặt còn rơi
Hướng chi em bậu ở đời làm sao?

07-Một vũng nước trong con cá vùng cũng đục,
Bậu đỏ như cục son tàu, gần mực cũng đen.

08-Bậu ơi! Muốn lấy thằng Ngố¹,
Lợi (lại) đây anh kể tông đồ em nghe.
thằng Ngố¹, chỉ người Tàu, các chú Ba

09-Lưới thưa mà bủa cá kìm,
Lòng qua thương bậu, bậu tìm nơi nao?

10-Mảng coi hạc tắm suối vàng
Cây cao vợi ngã lấp đàng nghĩa nhân
Nghĩa nhân là nghĩa nhân đồng
Qua không biểu bậu bỏ chồng theo qua.

11-Miễn bậu đành ừ, qua chẳng từ lao khổ,
Dầu lên rừng tìm hổ,
Hay xuống biển kiếm rồng.
Trước sau vẫn giữ vẹn một lòng,
Vào lòn ra cúi anh cũng một lòng thương em.

12-Ôn cha ngãi mẹ chưa đèn,
Bậu mong ôm gói cuốn mền theo ai.

13-Bậu về kéo mẹ bậu trông,
Kéo con bậu khóc kéo chồng bậu than.

14-Cái miếu thần linh, con gà gáy tiếng đôi,
Trông bậu trông đứng trông ngồi,
Trông người có nghĩa bồi hồi lá gan.

15-bậu ra bậu lấy ông câu
bậu câu cá bóng chặt đầu kho tiêu
Kho tiêu, kho ớt, kho hành
Kho ba lượng thịt để dành mà ăn

16-Bậu chê qua ở rầy ăn còng
Bậu về ở chợ ăn rònng mắm nêm

17-Bậu chê nước sông, bậu uống nước bầu
Chê đây lấy đó ai giàu hơn ai ?

18-Bậu có chồng chưa, bậu thừa cho thiệt,
Kéo để anh làm, tội nghiệp thân anh.

19-Bậu có chồng rồi như con cá vô lờ,
Đêm khuya nhớ bậu, đặt dờ đêm thanh.

20-Bậu để chế cho ai, xé anh một nửa,
Bậu để chế chồng, châm lửa đốt đi.

21-Thời loạn ly bậu đi qua bắc,
Con thái bình, bậu bắc² qua nam.
bắc³ âm . có thể nào bắc ?

22-Bậu có muốn tu thân,
Cho qua ở gần coi thử.
Đừng làm bắt từ,
Mà hại chúng sanh.
Thầy chùa qua đã thấy nhiều anh,
Miệng nọ tuy không sắc, lòng đành sắc không.

23-Ai ai cũng tưởng bậu hiền
Cẩn cơm không bẻ, cẩn tiền bẻ hai

24. Con tôm, con tép còn có râu,
Cớ sao em bậu câu mâu việc đời?

25-Lên xe nhường chỗ bậu ngồi,
Nhường khăn bậu đội, nhường lời bậu than

26-Trách lòng em bậu đái dưa,
Gạt anh dài nắng dầm mưa nhọc nhằn.

27-Từ nay em bậu chớ trông,
Thuyền anh ra cửa như rồng lên mây.

28-Anh ăn cơm cũng thấy ghen
Uống nước cũng thấy ghen
Nghe lời em bậu hẹn, ra bãi đứng trông
Biển xanh bát ngát, nhìn không thấy người
Mênh mông sông nước xa vời
Biết rằng còn nhớ những lời thề xưa

Trông ai như cá trông mưa
Ngày đêm tưởng nhớ, như đồ đưa trông nằm

29 - Đào tiên ruột mắt vô còn,
Níu tay hỏi bậu đường mòn ai đi?

30-Liều tàu vụng chằm biếng xem,
Lẳng lơ như bậu ai thềm bậu khoe.

31-Lụa mười lăm anh chê lụa vụng,
Mắc phải lụa hồ đành bụng bậu chưa.

32-Lửa vui cho ấm lòng lữ,
Bậu nghe lời thá * bậu từ nghĩa anh.
** THÁ: Hán Việt: tha, người khác*

33-Nước được sông lững dừng,
Mây đưa gió dật dờ,
Tơ duyên đã buộc sờ sờ,
Qua đây bậu đó còn chờ đâu xa?

34-Qua phen đã cạn lời,
Bậu còn hơi hờn trách,
Đề qua nói sách còn có ghi rằng:
Nam trọng tài năng, nữ hằng trinh khiết.
Bậu dứt qua rồi sau tiếc thương qua.

35-Ra về, nguyệt lặn sao thưa,
Dứt tình tại bậu, qua chưa tiếng gì.

36-Ngó lên mây bạc trời hồng,
Anh không biểu bậu bỏ chồng theo anh.

37-Áo đen ai nhuộm cho mình,
Cho duyên bậu đậm cho tình anh thương.

38-Bảng treo tại chợ Mỹ Lồng,

Chữ đề tên bậu không chồng có con.

39-Bần gie đóm đóm đậu sáng ngời,
Lỡ duyên tại bậu trách trời sao đang.

40- Chẳng xứng đôi thì thôi bỏ bậu,
Lên xuống chi thường mà lậu tiếng ra.

41-Gió đưa bông lách bông lau,
Gió đưa em bậu xuống tàu Ăng-lê

42-Trống làng ai dám đánh thùng,
Bậu không ai dám giở mùng chun vô

43-Trăng tròn thì mặc tròn trăng,
Bậu xinh mặc bậu, bậu xằng anh chê.

44-Bậu nói với qua bậu không bẻ mạn hái đào,
Mặn đâu bậu bực, đào nào cầm tay?

45-Vẫn vợ cá lội trong thùng,
Mặn tang chồng bậu anh dùng lễ nghi.

46-Vườn thượng uyển thiếu chi chồi lan huệ,
Nội Thượng Lâm còn thiếu tước mẫu đơn,
Bậu đừng nghĩ ngợi thiệt hơn,
Rửa tai anh nghe lóng tiếng đồn tri âm.

47-Bậu đừng sầu não làm chi
Qua với bậu như nút khuy đơm rồi

48-Bậu đừng vội giận, qua xử phận vuông tròn
Người đời thì ngãi vẫn còn
Sau này gặp gỡ chẳng hờn chi nhau

49-Bần gie đóm đậu sáng ngời,
Lỡ duyên tại bậu trách trời sao nên.

50-Bậu đừng đổng đánh đòi lãnh với lương,
Vải bô bậu bận cho thường thì thôi.

51-Mưa lâm thâm, ướt dầm bông sói
Bậu đi lấy chồng, sao không nói anh hay ?

52-Tui ôm, bậu có la làng,
Thì tui ôm riết hai đàng xấu chung.
Tui ôm bậu có làm hung,
Nói cùng bất quá tui chun xuống sà

53-Ví dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra
Bậu ra cho khỏi tay qua
Cái xương bậu nát, cái da bậu mòn.

54-Đờn cò lên trục kêu vang
Qua còn thương bậu, bậu khoan có chồng
Muốn cho hơn nghĩa đạo đồng
Qua đây thương bậu hơn chồng bậu thương
Chiều nay qua phản bạn hồi hương

55- Ghe tui tới chỗ cắm sào
Nghe bậu có chống muốn nhào xuống sông

56-Bước sang canh một anh thấp ngọn đèn vàng
Chờ con bạn ngọc thở than đôi lời
Canh hai vật đổi sao dời
Tính sao nằng tính trọn đời thủy chung
Canh ba cờ phất trống thùng
Mặc ai ai thắng ai dùn mặc ai
Canh tư hạc đậu cành mai
Sương sa lác đác khói bay mịt mờ
Canh chầy tơ tưởng tưởng tơ
Chiêm bao thấy bậu dậy rờ chiếu không

57-Con cá đôi nằm trong cối đá,
Con chim đa đa, đậu nhánh đa đa.

Chồng gần bậu không lấy, bậu lấy chồng xa.
Mai sau cha yếu mẹ già,
Chén cơm, bát nước, bộ kỷ trà ai bưng?

58-Cỏ mọc bờ giếng cheo leo,
Lâm chung có bậu, hiểm nghèo có qua.

59-Áo vắt vai anh đi thăm ruộng
Anh cũng có vợ rồi chẳng chuộng bậu đâu

60-Giặc Tây đánh tới Cần Giờ,
Bậu đừng thương nhớ đợi chờ uống công.

Cần Giờ, ngoại vi Saigon

61-Gió đưa cây sậy nằm dài,
Ai xui (làm) em bậu buồn hoài không vui.

62-Lại đây tui biểu chút xiu, bớ nàng
Tui biểu lời hơn sự thiệt
Chớ không phải biểu nàng từ biệt ngôi nhơn
Ngôi nhơn là ngôi nhơn đồng,
Tui không biểu bậu bỏ chồng bậu đâu.

63-Lên xe nước mắt lưng tròng
Để xem em bậu đem lòng thương ai.

64-Đầu đường kia có một cây chuối,
Cuối đường nọ có một cây da,
Cái góc ngã ba có một sợi dây tơ hồng,
Con gái chưa chồng như bông hoa lý,
Trai chưa vợ như bức tượng vẽ tranh đồ ;
Ngó lên mây bạc trời hồng,
Gặp tôi với bậu vợ chồng xứng đôi.

65-Bậu với qua gá nghĩa chung tình
Dầu ăn cơm quán, ngủ đình cũng cam

66-Sông sâu kiếm chẳng đặng dò
Muốn lội qua thăm bầu mà sợ hụt giò chết trôi

67-Miếu thần, gà gáy có đôi,
Trông bầu trông đứng, trông ngồi,
Trông người có nghĩa, bồi hồi lá gan.

68-Trách lòng con chó sủa dai
Đêm năm canh vắng bầu sủa hoài sáng đêm

69-Ném muỗng **đường om** mùi thơm vị ngọt
Qua thương nhớ bầu thức trót canh gà
Phận bầu như hạt mưa sa
Phận qua như gió thổi tuốt ra vằm ngoài

Chú văn tất của laiquangnam : đường om là đường đang được thắng keo lại trong cái nồi đất , tí như người Nam thắng đường từ nước thốt nổi , hay làm đường dùng để thắng kẹo, thắng mức. OM là cái om ,cái nồi đất, tiếng Nam bộ cũng là tiếng của Quảng Nam Thành ngữ Quảng Nam úp om (là bị cướp mất,bị triệt con đường mưu sinh). Đường om này làm công phu, quý bà mua đường tán (đen thui) đem về hòa với nước sôi, làm trong bằng lòng trắng hột gà hay huyết heo. (kỹ thuật : nấu sôi nước đường lỏng quậy đều, đồ nhanh huyết heo tươi vào,quậy nhanh ,để huyết đông tụ khi gặp nóng , trong quá trình đông tụ huyết cuộn theo các lại chất bán,bụi lẫn trong nước đường tán ,đường bồi ,nếu Bầu chơi sang thì Bầu dùng lòng trắng hột gà thì “ hết sảy “ , có lẽ “Bầu không tiếc gì với Qua , bầu tới luôn kiểu này” ...càng ngon ,càng nhớ. Trong câu ca dao này chắc có lẽ bầu “ chơi mươi hột gà “ để được một mẻ đường rất ngon,có mùi thơm đặc trưng. Đường phối Quảng Ngãi dùng kỹ thuật tẩy trắng như vậy, Ngày nay trong kỹ nghệ sản xuất đường cát trắng, người ta tẩy bằng hóa chất ...bisulfit sodium ...vv ..

Đọc câu ca dao này thấy hay , khi mà người đàn ông xưng QUA ăn miếng đường công phu do “ bầu “ làm, thì thương nhớ lắm ,nhất là đêm về Qua “chơi miếng đường om” cho khỏi buồn buồn cái miệng , lấy sức mà thức đêm . QUA (anh ta) càng thương nhớ hung!

70-Ngồi buồn ngắt ngọn rau mơ
Anh thương em bầu, làm ngơ sao đành.

71-Nước chanh giắt rưới vô mắm mực

Rau mũi viết trộn lẫn giấm son
Bốn mũi hợp lại càng ngon
Cũng như qua gần bậu, chẳng còn chờ trông

72-Vợ ba con anh còn để bỏ,
Huống chi nàng ngọn cỏ phát phơ;
Ngọn cỏ phát phơ, ngọn cỏ phơ phát.
Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi;
Đôi ta duyên mặn tình rồi,
Bậu phân cho phải, lại rồi sẽ đi

73-Chữ dâu hiền con gái
Cậu rể thảo con trai
Bậu dù quên nghĩa trúc mai.
Qua kính thờ song nhạc, há nài công lao!

74- Nón treo quai gãy khi không,
Can chi bậu sợ phập phồng lá gan?

75-Chim kêu dưới suối trên cành
Ta không bỏ bậu bậu đành bỏ ta

76-Không đánh bậu để bậu lẳng lơ
Ra tay đánh bậu hai hàng lệ rơi

77-Sông sâu sào vắn khó dò,
Muốn qua thăm bậu sợ dò không đưa.

78-Trách mẹ với cha chớ qua đây không trách bậu,
Cha mẹ tham giàu gả bậu đi xa.

79-Bậu về ngoài Bắc cho tôi gửi sáu cúc mua bộ kỷ trà
Bộ lớn sơn đỏ, bộ nhỏ sơn xanh
Rượu sông Tương anh rót đầy họ hàng
Lạy đền cha mẹ cho nàng vu quy.

80-Duyên là tóc,tóc là tơ,
Xe tơ kết tóc,bậu chờ trông ai?

Tóc bầu mới chấm ngang vai,
Cha mẹ thương ít,nhưng trai thương nhiều.
Cho dầu bầu trong trắng mũ miều,
Nhiều nơi lắm chôn,anh chiều được đâu.

81-Biển Đông sóng gợn tứ mùa
Ai cho bầu uống thuốc bùa bầu mê.

82-Bầu ra ngắm bầu mà coi
Hong nhan chi đó mà đòi cửa cao

83-Hỏi chồng bầu nói rằng không
Chớ con ai bầu ẵm bầu bồng trên tay

84-Uổng công anh vạch lỗ chun rào
Vô không gặp bầu gai quào trầy lưng

85-Cực vì hai đứa hai nơi
Muốn qua thăm bầu sợ lời thế gian

86-Con cò trắng tựa như vôi,
Tình tôi với bầu xứng đôi quá chừng.

87-Ví dầu cậu giận bầu hờn
Cháu theo cùng cậu kéo đờn cậu nghe

88-Cây bần đơm đóm sáng trời
Lỡ duyên tại bầu trách trời sao đây

89-Công anh đi xuống đi lên
Mòn đường chết cỏ bầu nên nghĩ tình

90-Bầu để chế cho ai, tóc mai rành rạnh,
Bầu để chế cho mẹ chồng, hiếu hạnh bầu đâu?

91-Bầu đừng lên xuống đèo bồng,
Chồng con hay được đem lòng nghi nan.

92-Anh đi chín quận chín châu,
Không thấy ai như bầu, dải dầu nắng mưa.

93-Khóc lóc làm chi nín đi bờ bầu,
Buông anh về kéo lậu tiếng ra.

94-Bầu khoe nhan sắc bầu đất chồng,
Qua không ể vợ bầu hòng bẻ bai.

95-Bầu ơi bầu ở đừng về
Đường xa mưa nắng câu thề đừng quên

96-Nhánh dâu xiên con chim quyên đậu,
Lúc nghiêng nghèo có bầu có qua. .

97-

- Bầu coi con sư tử ngồi giữ cái lư đồng,
Dầu bầu chính chuyên cho lăm,
Không chồng cũng hư.

- Đêm khuya ngồi dựa thảo lư,
Gởi thân phận thiếp nên hư tại chàng.

98-Ngon cờ phát. ngon lau cũng phát,
Nồi đồng sôi nồi đất cũng sôi,
Bầu với qua duyên nợ rã rời,
Tới lui chỉ nữa, đứng ngồi uổng công.
Bầu ở bên đông, bầu lấy chồng bên bắc, ớ em!

99-Bầu về qua kính vài lời chúc
Song nhạc thọ trường, quế trúc lan phương

100-Nhứt ngôn trúng, vạn ngôn dụng,
Nhứt ngôn bất trúng, vạn sự bất thành.
Bầu với qua như bát cơm nguội chan canh,
Có xa thì chớ soạn sành chuyện anh.

101-Nhứt ngôn trúng, vạn ngôn dụng,
Nhứt ngôn bất trúng, vạn sự bất thành.

Gió đưa tàu chuối tanh bành,
Bậu ôm duyên bậu bán, tứ diện thành đều hay.

102-Nhơn tham tài tắc tử,
Điều tham thực tắc vong.
Ai hay bậu ở hai lòng,
Dụ anh tới chốn loan phòng hại anh.

103-Bấy lâu bậu cần mẫn cái vườn đào,
Tình xưa ngời cừu, bậu có nhớ chút nào hay không
Bậu với qua tình mặn ngời (nghĩa) nồng,
Siêu nước sôi chờ quạt, làn gió lồng anh phải che.

104-Còn chi nay thiếp mai chàng,
Ghe anh lui khỏi bến, bậu lẳng lơan biết đâu.

105-Tay ôm cái mền gấm,
Tay nắm cái gối vàng.
Bước vô phòng loan, riêng than với bậu,
Đành chẳng đành đứng lậu tiếng ra.
Đừng tin cái bụng đàn bà,
Chỉ treo gương tuệ, nó sáng lòe tợ châu.

106-Biển cạn sông cạn, lòng qua không cạn,
Núi lở non mòn, nghĩa bạn không quên,
Đường còn đi xuống đi lên,
Tình qua nghĩa bậu quyết nên vợ chồng.

107-Bồng bồng ba lá bồng bồng,
Thấy bậu chưa chồng qua để ý qua thương.

108-Biểu đừng nghi bảy ngờ ba,
Không tin bậu hỏi kẻ xa người gần.

109-Bông lài trộn lộn bông ngâu
Tiếc hường nhan bậu làm dâu bên Tàu

110-Qua than với bậu hết lời,

Đừng tham núi ngọc đổi đời non tiên.

111-Rạng đông súng nổ, kiếng đổ, trống thùng,
Lòng qua thương bậu không cùng bậu ơi.

112-Bướm xa hoa bướm lại dật dờ
Anh xa xôi bậu đêm chờ ngày trông

113-Bậu về nhấc với ông câu
Cá ăn thời giật để lâu hết môi.

114-Bây giờ cầu xây nọ nó thôi xây,
Thời qua với bậu dứt dây can thường.

115-Chỉ tơ đứt mối tình lành,
Bớ bậu ôi,
Vì nghèo nên phải, xa mình sanh phương.

116-Nào khi núp bóng trăng tờ,
Bớ mình ôi,
Đôi ta lận đận, bây giờ bậu bỏ qua.

117-Mấy thu qua bậu ra vào,
Bớ mình ôi,
Nay mình về Vãng, chừng nào mình lên. (1)
(1) Vãng (Vĩnh): chỉ xứ Vĩnh Long.

118-Nước ròng bỏ bãi bảy gảnh;
Bớ bậu ôi,
Bậu đem duyên đi bán, đất Châu Thành đều hay.

Chú :Châu Thành,là tên vùng đất (địa danh) dẫn vào trung tâm thành phố lớn, trong Nam, Hay dùng huyện châu thành,ví dụ châu thành Mỹ tho ...

119-Mình tham nơi sô tổ lựa hàng,
Bớ mình ôi,
Bậu đi trưa tối, mòn đàng xuống lên.

120-Kia kia tam tòa đó,
Nợ nọ khám thất đây.
Thôi thôi xin bận chớ rầy,
Miệng lẩn lưỡi mồi, nhiều ngày biết ai.

121-Vật bạc tình bắt thủ,
Nhon phi ngãi bắt giao,
Anh nguyên thưởng bận một dao,
Răn người lòng mạn dạ đào lú lã.

122-Lại qua đàng mới thấy nàng,
Bớ cựu tình ôi,
Bậu lang vân chi lã, bận vào hàng lầu xanh

123-Trai văn chương kinh sử,
Gái gìn giữ vá may,
Bán buôn nuôi miệng qua ngày,
Bậu tham khăn tua nợ, dòn giày bận liều thân.

124-Bây giờ cực khổ bận than,
Bớ bận ôi,
Lầu xanh kia ai xúi bận, dẫn đàng bận đi.

125-Tôi thương mình lời nói rất lạnh,
Bậu ra về, qua nước mắt, chảy quanh theo tròng.

126-Qua không bỏ bận lương tuồng,
Bớ bận ôi,
Làm sao qua xem bận, mặt buồn không vui.

127-Bậu có chồng rồi như con cá vô tờ,
Bớ mình ôi,
Tôi tương tư nhớ bận dật dờ đêm thanh.

128-Bao đành bận dứt nghĩa phụ tình,
Nữ quên lúc khó, vợ chồng mình đối no.

129-Ngồi nhân nhân ngồi mau lia,

Thất ngôn lời nói, bầu đĩa (về) tay ai.

130-Trời mưa dầm làm lụt,
Đất hay lở ít bồi.
Bầu với qua duyên mãi tình hồi,
Uổng công lên xuống đứng ngồi bấy lâu.

131-Qua than với bầu qua ghềnh,
Thương thì em kết ngãi, chớ phiền phận qua.

132-Sanh nam thổ tử hờ (?) nam thổ,
Người khách Thanh về chốn đại Miêng,
Bầu bòn tro đãi trấu kiếm tiền,
Nó góp thau về xứ nó, con vợ hiền màng chi.

Khách chỉ người đàn ông Tàu qua ở nhờ xứ ta , Thanh nhà Thanh bên Tàu ?

đại Miêng là đại Minh,một triều đại Tàu .người Tàu phục Minh phản Thanh .

133-Lòng qua cảm nghĩa bầu đồng bang,
Bớ bầu ôi,
Bồn căn bầu có phụ phàng thì thôi.

134-Chữ đồng tình tương ứng,
Câu đồng khí tương cầu.
Tắm mưa chải gió mặc dầu.
Nầy bớ bầu ôi,
Anh kiếm nơi phải nghĩa, anh dầu kết duyên

135-Nước dưới sông lững dừng,
Mây đưa gió dật dờ.
Tơ duyên đã buộc sạm sờ;
Bớ bầu ôi,
Qua đây bầu đó, còn ngờ đâu xa.

136-Miệng bầu đành ừ,
Qua chẳng từ lao khổ,

Dầu đăng sơn cảm hổ,
Dầu nhập hải tróc long.
Trước sau giữ trọn một lòng,
Bớ em ôi,
Vào lòn ra cúi, anh đánh sòng theo em.

137-Nghe bậu than thân bậu,
Mà tẻ lậu bề qua.
Linh đình chưa có cửa nhà ,
Bớ bạn ôi,
Thương nhau anh cũng ráng, cho hiệp hòa lứa đôi.

138-Ông Tổng, ông Xã, ông Cả, ông Chủ đông vậy,
Bớ mình ôi,
Bậu sánh so sang trọng, mấy thầy ai hơn?

139-Qua đã than cùng bậu:
Nhà qua hàn lậu,
Lòng qua giữ tín thành.
Xin em một tiếng cho rành,
Em ôi,
Sau đừng sáu lễ, mới đành dạ qua.

140-Bậu có tưởng qua,
Khăn bà ba đừng đội.
Phường hát bội đừng mê,
Bài cạc tê đừng mắc.
Giống tứ sắc đừng ham .
Cứ chuyên nghề nghiệp em làm,
Bớ em ôi,
Dầu lâm cơ thất vận, anh dùm làm với em.

141-Tai nghe em bậu chóng hồi,
Cũng bằng anh uống một nôi nhơn sâm.
Nhơn sâm mắc lắm anh ôi,
Tiền đâu mà uống một nôi nhơn sâm.

142-Bậu đừng trách ái hờn ân,

Đạo chồng ngãi vợ chẳng gần thì thôi.

143-Áo đơm năm nút viền tà
Ai đơm cho bận hay là bận đơm ?

144-Áo đơm năm nút viền bầu,
Bầu về xứ bận biết đâu mà tìm.

145-Có xa tại bận nên xa,
Anh em cha mẹ ở nhà còn thương.

146-Muối mặn ba năm còn mặn,
Gừng cay chín tháng còn cay.
Bận với qua ai nấy đều hay
Đền treo giữa gió biết day đằng nào.

147-Đường đi cát nhỏ cỏ mòn,
Mấy lời hứa cự, bận còn nhớ quen.

148-Nghiêng tai xéo đỏ bỏ nhỏ xéo xanh,
Bận nghe ai dỗ ai dành bận xiêu.

149-Mắt qua như thể sao băng,
Mặt bận rồi chẳng qua chẳng muốn coi.
- Bận về lấy kiếng bận coi,
Lịch sự chi bận mà đòi của cao.

150-Bận đừng ăn nói đảo điên,
Cái áo bận bận cũng tiền anh cho.

151-Bận nói với qua bận không lang chạ,
Bắt đặng bận rồi đành dạ bận chưa?

152-Bận đừng phiền não mà hư,
Anh về thưa lại mẫu từ anh hay.

153-Không đánh bận để bận lương tuồng,
Cầm roi đánh bận thì buồn dạ anh.

154-Ngó lên trăng tỏ sao thưa,
Từ nan tại bậu qua chưa tiếng gì.

155-Khúc sông chật hẹp khôn tùy,
Lo cho thân bậu, sá gì thân qua.

156-Bậu không sao thế gian đồn,
Bảng treo giữa chợ bậu còn kêu oan.

157-Bậu với qua như thủy hồi đông bể,
Nguyệt lặn tây cù bất dĩ kiến lai.
Bậu với qua như thủy hồi đông bể,
Chuột gặm tay cùi, kiến cắn lỗ tai.

158-Bậu với qua duyên đà thậm bén,
Biết cha mẹ nằng chọn kén nơi nao.

159-Mười phần thương mẹ ở nhà,
Chín phần thương bậu còn là gây thơ.

160-Ô hô bình tích bể rồi,
Chén chung lỡ bộ, bậu ngồi sao yên.

161-Ba năm tang khó mẫn rồi,
Vườn hoang cỏ rậm, bậu ngồi chờ ai.

162-Cây oải nhờ bởi tại hoa
Qua thương nhớ bậu chẳng qua vì tình
Thương em thương dạng, thương hình
Thương bàn tay em rẽ mạ cấy xuống sinh, anh cũng
thương.

163-Chim bay về cội, cá lội về đìa
Lòng tôi thương bậu, khóa chia giao cho.

164-Ngó lên mây trắng trăng tròn,
Qua đây bậu đỏ bậu còn khen ché.

165-Con đồ bầu chớ nghi ngờ,
Bầu đưa khách bầu qua chờ bạn qua.

166-Ví dầu bầu đó qua đây,
Chẳng cho qua lại một giây giải buồn.

167-Con tép nó còn có râu,
Huống chi em bầu câu mâu sự đời.

168-Bầu đừng bán dạng thuyền quên,
Cái khăn bầu bịt, dây chuyền ai mua?

169-Bầu đừng buồn bức làm chi,
Qua với bầu như nút với khuy không rời.

170-Bầu đừng nghe tiếng thị phi,
Thủy chung anh giữ trọn nghì sắt son.

171-Bầu đừng tham đó bỏ đặng,
Chơi lê quên lự, chơi trắng quên đèn.

172-Bầu là con gái có duyên,
Đừng cho sóng gợn, thuyền nghiêng nước vào.

173-Bầu giàu mà có ai khen,
Giả như châu chấu thấy đèn nhảy vô.

174-Thối nam rồi lại thối nôm,
Bao nhiêu nợ bầu anh gồm trả cho.

175

- Anh có bạc riêng cho em mượn một đồng ,
Em về mua gan công, mật cóc thuốc chồng theo anh .
- Bạc anh là bạc cò xanh ,
Chồng bầu, bầu còn thuốc huống chi anh bầu từ.

176- bầu nói với qua, bầu không bẻ lự hái đào

Chứ lựu đâu bầu bọc, đào nào cầm tay

177 -Bầu có thương anh thì thương cho rõ
Bầu có bỏ thì bỏ cho luôn
Đừng như con thỏ giỡn truông
Nay còn mai mất anh buồn bở em

178 - Dền dền tía đu đủ tía
Ngọn lang đâm ngọn mía cũng đâm
Bầu nói với anh nhiều tiếng thâm trầm
Bây giờ bầu kiếm nơi khác, anh giận bầu bầm lá gan

179- Mẹ già hai đứa nuôi chung
Đứa lo cơm nước đứa dùm thuốc thang
Thuốc thang thì phải bỏ gừng
Ta không bỏ bầu bầu đừng bỏ ta

180 –một tiếng nhạc anh còn thùng thảng
Hai tiếng nhạc anh bước cặng ra đi
Con cá sứt vì chờ khi nước chảy
Cần câu chưa gãy khó bởi cần câu
Anh với em chưa hết đăng câu
Bồng đầu gà gáy trống trên lầu sang canh
Tan canh trống điểm thùng thùng
Lòng anh thương bầu vô cùng bầu ơi

181-trách mẹ trách cha không ai trách bầu
Cha mẹ ham giàu gả bầu đi xa

182-ví dầu tình bầu muốn thôi
Tình tôi muốn nữ bầu thôi sao đành

*Chú : muốn nữ lạn ghi theo nguyên tác ,
muốn nữ là muốn nữ ...
muốn nữ mới đâm chắt nam bộ ,chơn chắt ..*

183- Gá duyên với bầu hôm rằm,
Bữa nay bầu bỏ tôi nằm phòng không.

184-con cua không sợ mà sợ con còng
Một đảng du côn không sợ mà sợ bậu hai lòng phụ tôi

185-Chẳng thà bậu rách bậu rưới
Để cho cha mẹ bậu lành
Chim kêu dưới suối trong nhành
Bỏ công cha mẹ sinh thành bậu ra

186-Tay cắt tay sao nở
Ruột cắt ruột sao đành
Lời thề một mái tóc xanh
Anh không bỏ bậu sao bậu đành bỏ anh

187- Ngó lên sao tỏ trắng lơ
Duyên đây bớ bậu, bậu chờ duyên đâu?

188- Khoan khoan! Bớ bậu chèo dò
để qua cầm lái dận dò trước sau...

189 - Nước còn khi chảy khi ương,
Gẫm tôi với bậu lươn khươn quá chừng.

190- Bậu chê anh quân tử lỗ thì,
Anh tí như con cá ở cạn chờ khi hóa rồng.

191- Bậu đừng đàn đúm mà hư,
Anh về thừa lại mẫu tử cưới em

192- Bậu về, anh chẳng dám cầm,
Dang tay đưa bậu, ruột bầm như dưa .

193- Kiêng rầu ai kiêng rụng lá trơ chia,
Qua rầu em bậu như cá rầu đìa không vô.

194- Chờ cho phụ mẫu ngủ mòm,
Lén vô phòng bậu đặt dóm duyên em.

NGUYỄN VĂN BA (1947-1998)
Ca Dao, Dân ca, Kinh Xáng, Cửu-Long

Đồng bằng sông Cửu Long, phần đất cuối cùng của tổ quốc, chặng đường chót của cuộc nam tiến mở rộng cõi bờ, nơi có điều kiện khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ, thường được nhắc đến như là kho lương thực của cả nước. Lúa vàng nặng trĩu trên đồng ruộng, cá tôm đầy đầy trên sông rạch...Ngoài cá lớn, tôm to còn có lươn dài, ếch bự, rùa vàng...Đời sống vật chất phong phú, sung túc.

Nhưng khi nói chuyện văn chương, thi phú, phần đất phía cực nam này ít được nói đến so với vùng phía bắc. Sự việc tương đối dễ hiểu. Lịch sử văn minh Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long chỉ được trên dưới bốn thế kỷ, nên đóng góp của cư dân vùng này vào kho tàng văn chương phải giới hạn, khiêm tốn nếu đem so sánh với chiều dài văn hiến bốn ngàn năm chung của cả dân tộc. Sự giới hạn, khiêm tốn của văn chương truyền khẩu ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long một phần còn do việc ghi chép chưa đầy đủ, hệ thống hóa chưa hoàn hảo nên chưa được phổ biến sâu rộng trong dân gian. Dù vậy, ngoài tính chất thừa kế và phát huy, những gì còn tồn tại đến ngày nay đã cho thấy nhiều điều mới lạ, thể hiện tính chất đặc thù của môi sinh cùng với đời sống dân cư trong vùng.

Ca dao, dân ca vùng đồng bằng sông Cửu Long, một cách tổng quát, là đề tài khá rộng lớn, bao hàm nhiều lãnh vực khác nhau. Bài này được giới hạn trong

phạm vi hai yếu tố thiên nhiên quan trọng đã là môi trường xúc tác cho việc sáng tác: đất và nước. Đất ở đây là nơi có ruộng, vườn, rừng tràm, rừng đước. Còn nước là sông cái, sông con, ao hồ, kinh rạch... Như vậy vẫn còn khá rộng. Xin giới hạn thêm, trong một trường hợp cụ thể, rõ ràng: chỉ ghi lại một số ca dao, dân ca cận đại liên quan tới môi trường sông nước, không do thiên nhiên tạo ra mà do con người. Đó là những kinh rạch nhân tạo, đầu tiên được đào bằng tay chân, về sau đào bằng máy và gọi là kinh sáng.

Những kinh đào tay dùng toàn sức người và dụng cụ thô sơ như xuống, len, cuốc... Công việc vất vả, mất nhiều thời giờ lại tùy thuộc thời tiết. Kinh loại này thường ngắn như kinh Thủ Thừa nối liền hai nhánh sông Vàm Cỏ Tây, dài 9 cây số do ông Mai Văn Thừa xuất tiền mộ phu. Kinh Ba Thê, còn gọi là kinh Núi sập (Thoại Sơn) hay Thoại Hà, do Nguyễn Văn Thoại đốc suất, rộng khoảng 30m, dài 32 km, nối liền một số thủy đạo giữa hai tỉnh Long Xuyên-Rạch Giá, đào mất một tháng (năm 1818), sử dụng 1500 dân làm xâu. Kinh Vĩnh Tế (Vĩnh Tế hà) qui mô và quan trọng nhất, do tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt đề nghị với triều đình Huế, cũng được trấn thủ Vĩnh Thành Nguyễn Văn Thoại trực tiếp đốc đốc. Kinh rộng 20m, dài 72 Km, dọc theo biên giới Cao Miên từ sông Hậu đến cửa Giang Thành Hà Tiên, sử dụng hơn 80 ngàn dân làm xâu, ròng rã 5 năm từ tháng chạp năm 1819 đến tháng 5 năm 1824. Việc đào kinh Vĩnh Tế đã làm hàng trăm dân phu thiệt mạng do nặng nhọc, nền đá cứng, sơn lam chướng khí, thời tiết khắc nghiệt, muỗi, vắt, ác thú... cùng với số người bỏ trốn, chết trong rừng hay vô bụng cá mập Vàm Nao.

Về sự lao khổ của dân phu đào kinh có thể dẫn chứng

bằng đoạn về sau đây:

...Chia ba người một thước

Đào sâu, xuống nước

Hai thước sáu ba

Bề ngang đào qua

Là sáu thước chẵn

Việc mần mệt nặng

Kẻ cuốc người rinh

Chừa hai bên kinh

Đắp hai đường lộ

Việc mần cực khổ

Mệt đổ hết hơi

Không dám nghỉ ngơi

Cực đà quá cực

Phản thời nóng nực

Lại không nước uống...

Dù gian lao, khó nhọc, hao tổn sinh linh, nhưng việc hoàn thành kinh Vĩnh Tế quả có đem lại nhiều lợi ích thiết thực và lâu dài về quốc phòng (án ngữ biên giới), canh nông (dẫn nước phèn ra vịnh Thái Lan, nước ngọt từ sông Hậu vô ruộng), mua bán, giao thông...dân chúng tự hào về kinh Vĩnh Tế qua câu tục ngữ:

Mắm Châu Đốc, dớt Nam vang, bò Châu Giang, kinh Vĩnh Tế.

Trai gái dùng con kinh làm đề tài đối đáp. Gái hò:

Hồ...ơ...ơ Đường từ Châu Đốc Hà Tiên

Đường nào chạy thẳng nối liền hai nơi

Đất nào lắm dốt nhiều đời

Đền nào cao nhứt người người đều nghe

Sông nào tấp nập thuyền bè

Hồ nào với biển cặp kè bên nhau

Trai nào nổi tiếng anh hào

Anh mà đối đặng má đào em xin trao

Ơ...

Trai đáp:

Hồ ..ơ..ơ..em ơi!

Đường từ Châu Đốc Hà Tiên

Có kinh Vĩnh Tế nối liền hai nơi

Đất Nam vang lăm đốc nhiều đồi

Đền cao Châu Đốc mọi người đều nghe

Sông Cửu Long tấp nập thuyền bè

Biển Hồ hai chữ cặp kè bên nhau

Trai Việt nam nổi tiếng anh hào

Anh đà đối đặng, vậy má đào em trao đây ơ...

Từ cuối thế kỷ 19 đến đầu 20, một hệ thống kinh rạch đã hình thành khắp nơi ở vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng phương tiện cơ giới gọi là xáng. Thời đó kỹ thuật móc đất còn thô sơ, chưa có xáng thổi, chỉ có xáng cạp. Xáng cạp gồm hai miếng sắt rất nặng hình cong như hai cái muỗng, đưa lên cao, mở rộng ra, hay đổi vị trí, buông xuống, khép lại...bởi cần cầu và dây cáp, động tác cạp đất của xáng tương tự cầm cái muỗng múc. Sức làm việc của xáng nhanh chóng, mạnh mẽ, tương đương với cả trăm nhân công, nên để chỉ người làm biếng, ăn nhiều, ăn nhanh, làm ít, chậm chạp, thời ấy có câu:

Ăn như xáng múc

Làm như lục bình trôi

Chuyên viên trắc địa phóng đường trước, xáng theo sau, rầm rộ cả đoàn người và máy móc. Công trường xáng cạp giống như cái chợ nhỏ lưu động. Đất mới đổ lên hai bên bờ kinh, chưa kịp khô đã có nông dân và gia đình bơi xuống, chèo ghe tới, giành địa thế kinh sâu nước chảy ngã ba (ngã năm vàm xáng) để cất nhà, bắt đầu lập nghiệp dầu rằng chỉ cách chưa đầy trăm thước phía trong vẫn còn khung cảnh hoang

dã với đồng chua, rừng tràm dày đặc cỏ, gai.
Rồi kinh xáng hoàn thành. Trên con kinh xanh dài
mút mắt bắt đầu có tiếng tàu Tây chạy xập xình.
Những đêm trăng thanh gió mát, tiếng hò giao duyên
văng vẳng:

Hồ hơ...ơ...ơ...

Kinh xáng mới đào

Tàu tây mới chạy

Thương thì thương đại

Bớ điệu chung tình

Chớ con nhận bay cao khó bắt

Còn con cá ở ao quỳnh ơ ơ khó câu!

Hồ hơ ơ...ơ...

Kinh xáng mới múc

Chiếc tàu xà lúp nó chạy cũng thường

Em muốn ăn con lươn nấu với thịt sườn

Muốn về Trà Bàn Lớn nọ ơ ơ ở...

Cho tiện đường thăm anh ơ...

Có hai loại kinh xáng ở đồng bằng sông Cửu. Thứ nhất là kinh xuôi, thường dài, rộng, giúp nước lưu thông giữa đồng ruộng và sông lớn hoặc vịnh Thái Lan như kinh xáng An Long; kinh Tháp Mười thuộc tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh) đổ nước ra Tiền Giang; kinh Tri Tôn thuộc tỉnh Châu Đốc; kinh Ba Thê-Mai Dung, Rạch Giá- Long Xuyên, Rạch giá-Hà Tiên, Cái Sắn thuộc địa phận các tỉnh An Giang và Kiên Giang, kinh Cái Lớn, Long Mỹ, Quan Lộ - Phụng Hiệp thuộc các tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ), Chương Thiện, Bạc Liêu...đổ nước ra sông Hậu hoặc vịnh Thái Lan.

Thứ hai là kinh ngang, thường hẹp, ngắn, như cây cầu nối những kinh xuôi lại với nhau.

Hệ thống kinh xuôi và kinh ngang dày đặc như lưới nhện. Chỉ riêng trong tỉnh Phong Dinh, từ bắc xuống nam bên hữu ngạn sông Hậu đã có nhiều kinh xuôi lớn: Kinh Thị Đới từ Thới Lai đi Rạch Giá; Kinh Saintenoy theo tuyến đường Rạch Gòi- Phụng Hiệp- Sóc Trăng; kinh Lacote từ Rạch Gòi đến Cái Dứa... Và chỉ riêng kinh Xả No từ rạch Cần Thơ (Cái Răng) chạy qua chợ Vị Thanh tỉnh Chương Thiện, ăn thông với kinh Ô Môn và nhiều kinh rạch của Rạch Giá đã là một công trình lớn, bề mặt 60 m, đáy rộng 40m, dài gần 40 km.

Nước sông Cửu Long theo kinh xáng vô ruộng; nước phèn, nước tù theo kinh xáng ra biển. Những khu vực trước kia là đồng chua đầy năng, lác, đế, sậy, là rừng tràm hoang vu...trở thành đồng lúa phì nhiêu, vườn cây ăn trái xanh tốt, năng suất lúa gia tăng gấp hai, ba lần. Song song với đời sống vật chất ngày thêm dồi dào, dân cư dọc theo kinh xáng trở nên văn minh hơn, đời sống tinh thần cao hơn. Họ tổ chức những cuộc hát hò, đối đáp giữa thanh niên và thiếu nữ trong vùng do hương chức hội tề bộ lão làm giám khảo. Có nơi tổ chức lớp dạy hò, dạy hát đối. Thầy dạy hò ở Cần Thơ(Long Tuyền, Cái Tắc, Phong Điền) nổi tiếng có tài. Ca dao, câu hò, lời đối đáp mang địa danh mới, chuyên chở sinh hoạt và tâm tình, suy nghĩ... của cư dân trong vùng. Sau đây là một bài tiêu biểu theo điệu Lý Ngựa Ô:

Ngó kia mà ngó lên vòm xáng ý xáng Xả No. Dưới sông đông đảo, trên bờ lạo xạo lại có chiếc tàu đò. lẳng xẵng chạy xuống Sóc Trăng, chạy về Long Mỹ. Tình nhân ôi! Đạo vợ chồng anh không nghĩ thì thôi!
Cũng có những câu ca dao hóm hỉnh, cợt đùa hay lầy lẩn, tình tứ:
Chiều chiều ra đứng bờ kinh

Gặp người góa bụa tui rình vô nhà

*Ai về để áo lại đây
Khuya nay em đắp, gió tây lạnh lùng.*

*Gió lạnh lòng lầy mừng mà đắp
Trả áo anh về đi học kéo trưa*

Sự hấp dẫn muôn đời của ca dao và dân ca vẫn luôn là những mẫu đối đáp qua lại giữa trai và gái như đoạn hò theo điệu huê tình sau đây:

Ơ ơ ơ...

Đèn treo dưới xáng

Tổ rạng bờ kinh (ờ)

Em có thương anh

Em nói cho thiệt tình (ờ)

Để anh lên xuống

ơ ơ chớ một ơ ơ mình ở bơ vơ

Đối với sự mờ lời của một chàng trai như trên, các cô có nhiều cách trả lời. Nếu muốn dùng thời gian để thử thách, cô nàng ỡm ờ:

Đèn treo dưới xáng

Tổ rạng bờ kinh

Đường Bình Thủy lưu linh

Đáo tại Long Xuyên

Xin anh giữ dạ, chịu phiền đôi năm

Bình Thủy là một chợ nhỏ nằm trên đường liên tỉnh Cần Thơ đi Long Xuyên, thuộc xã Long Xuyên. Cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, con rồng vàng đất Đồng Nai thuở sanh tiền sống tại đây và khi qua đời phần mộ cũng tại nơi này.

Nếu như cô thôn nữ thuận tình nhưng còn bị vòng lễ giáo trói buộc, cô sẽ trả lời:

Nay em còn cha còn mẹ

Còn cô còn bác

*Nên em không dám tự tung tự tác một mình
Anh có thương em
Xin cậy mai dong tới nói Cha mẹ đành thì em cũng sẽ
ưng.*

Trường hợp chàng trai miệng ve vãn, tay nắm chân
khều, đỡ trò xàm xỡ, có thể bị cô gái “sửa lưng” như
sau:

*Cá lý ngư sâu tư biếng lội
Chim phượng hoàng nhớ cội biếng bay
Anh thương em đừng vội nắm tay
Miệng thế gian ngôn dục
Phụ mẫu hay sẽ rày rà.*

Và cũng có trường hợp rất đau, rất ngổ ngang, vì
nàng đã có chồng:

*Nước mắt ngon chấm con cá liệt
Em có chồng rồi nói thiệt anh hay.*

Hãy tưởng tượng một đêm trăng trên lòng kinh sáng,
hai chiếc ghe, một trước một sau, lướt nhẹ theo dòng
nước. Chàng trai phía sau ướm thử mấy câu:

*Bớ chiếc thuyền loan
Khoan khoan bới mái*

Đặng đây tỏ mấy lời phải trái nghe chơi...

Câu hò lơ lửng vì chàng không biết người ở ghe trước
là ai, tâm tình thế nào, nhưng thật may, phía trước là
một cô gái, cô biết hát hò, lại ngọt ngào hưởng ứng
sự giao duyên:

*Bớ chiếc ghe sâu,
Chèo mau em đợi*

Kẻo khỏi đoạn kinh này bờ bụi tối tăm!

Đúng vậy, qua khỏi một đoạn kinh trống trải, nước rẽ
vào nhánh sông, rạch nhỏ, những bụi ô rô, cóc kèn,
dừa nước, đám bần, đám lác... sẽ làm phong cảnh trở
nên tối tăm, hoang dại, Chàng trai một mặc ra sức
đẩy mạnh mái chèo, một mặc hò với mấy câu:

*Thuyền em đã nhẹ
 Chèo lẹ khôn theo
 Em ơi, bới mái khoan lèo chờ anh!
 Hữu tình ta lại gặp ta, nàng sẵn lòng chờ, một lần nữa
 dịu ngọt đáp lời:
 Đây đã chèo lời
 Đặng chờ người tri kỷ
 Gặp mặt chuyện trò cho phí ước mơ!*
 Rồi tiếp theo là biết bao nhiêu lời hỏi đáp, thơ mộng
 có, mà rắc rối khó khăn cũng nhiều, để thử thách, tìm
 hiểu tài năng, kiên thức, nét na của nhau, tạo nên biết
 bao nhiêu bài ca dao trữ tình, bất hủ.
 Tâm tình của mấy cô thôn nữ miệt kinh xáng ra sao?
 Họ muốn anh bạn tình mua sắm cho mình cái gì?
Cái Răng, Ba láng, Vàm Xáng, Xà No
Anh có thương em xin sắm một con đồ
Để em qua lại mua cò gỏi thơ.
 Tùy người, tùy hoàn cảnh, có thể được sửa đổi
 thành:
Cái Răng, Ba Láng, Vàm xáng, Xà No
Anh có thương em hãy mua chiếc đồ
Để em qua lại đặng thăm dò ý anh.
 Hoặc:
Cái Răng, Ba Láng, Vàm xáng, Phong Điền.
Anh có thương em thì cho bạc cho tiền
Đừng cho lúa gạo xóm giềng cười chê.

Phong Điền, quận thứ sáu của tỉnh Phong Dinh, nằm
 trên bờ sông Cần Thơ, gần kinh xáng Xà No với 5 xã
 Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Mỹ Khánh, Trường Long, cầu
 Nhiên là một trung tâm văn minh miệt vườn của miền
 tây, rất nhiều lúa gạo. Cụ cử Phan Văn Trị lúc tuổi
 già có về Nhơn Ái mở trường dạy học, phần mộ còn
 nơi đây.

Từ khi kinh xáng xuất hiện. lòng sâu, mặt rộng, mỗi mùa lúa, ghe chài của người Hoa ở Chợ Lớn theo kinh Chợ Gạo, đổ xuống miệt sông Tiền, sông Hậu mua lúa đem về chà gạo bán cho dân Sài Gòn và xuất cảng ra nước ngoài. Từ sông lớn, ghe theo kinh xáng Xà No, kinh xáng Thị Đội...tới đồng ruộng tỉnh Cần Thơ, hoặc theo kinh xáng Phụng Hiệp xuống Sóc Trăng, Bạc Liêu. Ghe chài cần người vác lúa. Thanh niên nông dân ở địa phương phần muốn kiếm thêm tiền, phần nghe đất Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông, đèn màu rực rỡ, phố xá tân kỳ, muốn đi chơi cho biết nên xin làm bạn (phu) vác lúa cho ghe chài. Được tin, cô thôn nữ lo lắng, ngăn cản người yêu:

Em khuyên anh đừng làm bạn ghe chài

Cột buồm cao, bao lúa nặng, tám đòn dài khó đi

Lời khuyên thật chí lý, chí tình. Việc vác lúa cho ghe chài quả có nặng nhọc, nguy hiểm, nhưng sự tò mò, óc cầu tiến, máu giang hồ, chí làm trai...đã thúc dục người nông dân trẻ quyết ý ra đi. Chàng đã trả lời nàng cũng thật đầy đủ lý tình:

Lúa mùa rồi trả nợ nần sạch ráo

Để anh đi kiếm chén cháo đổi lấy chén cơm

Trước là cho biết cái xứ Sài Gòn

Sau nữa mua cái quần lãnh với gói bòn bon tặng con bạn tình.

Tặng quần lãnh và bòn bon (một loại kẹo nhỏ nhiều màu, tròn, lớn bằng đầu ngón tay) là cách biểu lộ tình cảm chân thật, đơn giản, không kiêu cách, mà mề của người nông dân trẻ.

Rồi chàng thanh niên theo ghe chài, cả mấy tháng không tin tức, tăm hơi. Cô thôn nữ lòng son héo hắt, nhờ ghe chài gởi lên Sài Gòn cho chàng bức thơ như sau:

Trời chiều bóng ngã về tây
Em thương nhớ bạn như cây nhớ rừng
Con kinh xanh nước chảy không cùng
Em đây với bạn, khi nào trùng lai?
Phượng hoàng đậu nhành cầm lai
Dặn lòng người ngãi chớ sai lời thề
Đường đi kinh xáng dầm dề
Sao anh không gởi thơ về thăm em.
Từ đất sài Gòn hoa lệ, chàng vội vã hồi âm:
Gió lung lay mới biết từng bá cứng
Lửa có hồng mới rõ thức vàng thau
Thân tâm còn trả nợ dâu
Bước lên ghe mặc ử gan rầu
Qua đây với bầu hẹn có ngày gần nhau
Tình qua với bầu làm sao phụ phàng
Sài Gòn thiên hạ nhộn nhàng
Qua đây nhớ bầu, chẳng ham màng cuộc chơi.
Thấm thoát tháng lại ngày qua, thời gian vác lúa cho
ông chủ Huê kiều sắp hết, người nông phu trẻ trở lại
miền quê kinh xáng với biết bao rạo rực, nhớ thương.
Từ trên mũi chiếc ghe chài cao nghệu, anh thấy ở
đàng xa, thật xa, khói lên mù mịt cánh đồng, khói
quyện dầy nhà lá đơn sơ dọc theo bờ kinh xáng...
Ngồi trên mũi ghe chài lớn
Cầm lái về kinh xáng Thới Lai
Nhìn thấy khói đốt đồng mù mịt lên khơi
Bây giờ anh mới biết chán đời đi ghe
Con gà nó gáy te te
Phải chăng nó kêu người lưu lạc trở về rừng xanh?
Em ơi, chờ cho ghe lúa tới chành
Anh biểu thằng cha tài phú tính số để anh dứt nợ ghe
chài
Nợ ghe chài đã dứt nhưng con bạn tình đâu chẳng
thấy đón, hay nó chờ đợi không nổi, nó bỏ anh rồi?

cầm xấp vải Mỹ A trơn với gối bòn bon trên tay, anh đi kiếm bạn.

Thực sự là ghe chài anh về bến, cô bạn tình bạn nghĩa vội vã ra ngã ba vàm xáng, tới chành lúa đón anh, nhưng dọc đường cô hay tin anh đã bịt mấy cái răng vàng. Cô ghét người bịt răng vàng lắm, mở miệng cười nụ là thấy “vàng khè”, “cười lên đi cho răng vàng sáng chói”. cô lại bị tụi con nít hát hò chế giễu nên cô bị mắc cỡ và quay về nhà:

Cây vòng đồng không trồng mà mọc

Rể vòng đồng đâm dọc trở ngang

Cắm trong nong trộn lẫn trấu càng

Thấy anh đi làm mượn mà bịt răng vàng, thiệt khó coi!

Dân kinh xáng tuy có văn minh hơn hồi ở rừng, ở ruộng, nhưng vẫn còn khá bảo thủ, không ưa những kiểu mới, kiểu Sài Gòn nên họ chê bai, dèm pha hầu hết những cái mới mang từ Sài Gòn về như bịt răng vàng, bao lưới đầu tóc, tô son môi, đeo kính mát...

Đầu đeo lưới như chài mắc gốc

Miệng tô son như té đập môi

Mắt đeo kính mát giống như thò lòi

Thò lòi đây là một loại cá nhỏ sống trong hang, cạnh bãi bùn. Mỗi khi trời mưa lớn, nước ngập hang, cá thò lòi bị ngộp chun ra, giương cặp mắt đen to tướng ra nhìn bàng quan thiên hạ. Thấy người đeo kính mát, dân quê hay ghẹo là bữa nay trời mưa, cá thò lòi bò ra khỏi hang.

Tuy nhiên, đâu có vì cái chuyện bịt răng vàng lẻ tẻ đó mà con bạn tình bỏ anh. Cô chỉ mắc cỡ chút thôi, làm nũng để anh tới nhà để thủ thỉ:

Quả năm ngăn trong lòng son đỏ

Mấy lời anh to nhỏ, em bỏ bạn sao đành!

Chùng nào chiếc xáng nọ bung vành

Tàu tây liệt máy, em mới đành bỏ anh.

Chàng và nàng có biết đâu, với sức mạnh trường kỳ chiến đấu của toàn dân Việt Nam, quyết dành tự do, độc lập, cuối cùng thực dân Pháp đã rút quân ra khỏi nước ta, khác nào tàu Tây liệt máy, xáng Tây bung vành. Nhưng câu hò tiếng hát của chàng và nàng đã đi vào văn chương bình dân miền kinh xáng trên phần đất cực nam của quê hương.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi nào có đồng ruộng, vườn cây ăn trái, có sông nước, kênh rạch, có ghe xuồng, chợ búa, khói bếp, ánh đèn...nơi đó có ca dao, câu hò, tiếng hát thấm đượm tình quê. Nơi đây, chôn hải ngoại ngàn trùn xa cách quê hương, với tấm lòng hoài niệm, bằng chủ đích bảo tồn những di sản văn hóa tốt đẹp của cha ông, chúng ta, mỗi người hồi tưởng, góp tay ghi lại, tập trung, hệ thống hóa, như số báo đặc biệt này, những gì còn nhớ được trước khi chúng mờ nhạt theo thời gian.

Hồn quê nương cánh ca dao

Bay qua biển rộng thấm vào tâm cang./.

(Trích tạp chí Làng Văn, số 102 tháng 2 năm 1993)

(Xin cảm ơn nhà phê bình văn học Trần văn Nam đã giúp cho TQBT sưu tập bài viết này)

Qua và Bậu trong văn thơ Miền Nam

Phan Tấn Tài

“Qua”, “bậu” là đại từ xưng hô của lứa đôi đặc trưng của miền Trung và nhất là Nam Việt Nam. Cho dù ngày nay hai từ ngữ này không còn được thông dụng trong dân chúng miền Nam: từ “bậu” hầu như tuyệt đối không dùng nữa và từ “qua” còn được sử dụng một cách giới hạn. Nhưng trong thơ văn hai từ ngữ này vẫn còn được dùng và không giới hạn chỉ ở các văn thi sĩ vùng Đồng Nai - Cửu Long. “Qua” và “bậu” trong văn thơ được dùng với nghĩa rất thân mật.

“Qua” là đại từ, ngôi thứ nhất, dùng riêng rẽ là từ xưng hô của người lớn tuổi với người nhỏ tuổi, nghĩa là tôi, ta (cô, chú, bác, anh, chị). Khi dùng chung với “bậu” nghĩa là anh, là cách xưng hô của chồng với vợ hoặc của người con trai xưng với người yêu. “Bậu” cũng là đại từ, ngôi thứ hai, nghĩa là người vợ hay người yêu hay người con gái được mến chuộng. Nghĩa cuối cùng trong thời kỳ lẽo đẽo đi chinh phục:

Bậu sang phà Rạch Miễu

Qua lẻo đẽo theo sau ...

(Phải lòng con gái Bến Tre, Luân Hoán/Phan Ni Tấn)
Ngày xưa, từ “bậu” cũng được dùng gọi người con trai trẻ tuổi như trong hai câu trích từ Lục Vân Tiên. Không chỉ trong Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu mà trong bài về “Bậu Lỡ Thời” (lời người cha nói với con trai).

Hai đại từ xưng hô “qua”, “bậu” đã ăn sâu vào đời sống của người dân phương Nam, chẳng những

thường thể hiện trong ca dao mà còn trong văn thơ:

...Dân rằng: „Lũ nó còn đây,

Qua xem tướng bậu thơ ngầy đã đành“...

(Bậu ở đây là Lục Vân Tiên trong Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu)

... Bậu lỡ thời như giặc Hà Tiên,

Giặc Hà Tiên người ta còn đánh

Bậu lỡ thời như cánh chim bay,

Cánh chim bay người ta còn bắn ...

(Bậu ở đây là người con trai cung quá kén vợ. Về Bậu lỡ thời)

... Tú Phan nói chưa dứt lời thì lại thấy họ khiêng về một bộ tranh cản với một cặp lục bình lớn và đưa một phong thơ nữa. Tú Phan xé thơ coi rồi cười mà nói với mấy người kia:

- Mấy em về nói qua cám ơn ông Bá hộ nha! ...

(Nhơn Tình Ấm Lạnh, Hồ Biểu Chánh (1925))

hay

Lời bà Cả nhắn với tên Hứa:

- Ông chủ sự đây thép từ tể quá. Em về nói qua cám ơn chủ sự nghe.

(Tại Tôi, Hồ Biểu Chánh (1938)).

Có đạo người dân, trong ý trêu cợt lối viết văn rất Nam Kỳ, đặt câu sau:

“Hôm qua qua nói qua qua mà qua không qua, hôm nay qua không nói qua qua mà qua qua“.

Người viết không có tham vọng nghiên cứu nguồn gốc của hai đại từ ấy mà chỉ đưa ra vài luận cứ đã có từ lâu.

Gốc của từ „qua“ theo Lê Ngọc Trụ là do chữ “wá” (hay đọc đúng hơn là u_á) đọc theo giọng Triều Châu của chữ „ngã“ tức là „tôi“. Nguyên Nguyên có đặt cả sự liên hệ từ “qua” với tiếng Mường và tiếng Nhật. Bình-nguyên Lộc trong “Lột Trần Việt Ngữ” xếp hai

đại từ “qua”, “bậu” là từ ngữ cổ Việt còn giữ lại nơi tiếng Mạ.

Bình-nguyên Lộc cho rằng người Việt phương Bắc quên hai đại từ ấy (BNL: ...bởi BẬU chết, QUA chết, MÌNH cũng chết...), Nguyên Nguyên cho rằng đại từ “qua” bị bỏ mất đi (NN: Phía Bắc, sau khi quốc ngữ ra đời, bỏ mất lối xưng ‘Tôi’ bằng ‘Qua’ (Wa)).

Như vậy, Lê Ngọc Trụ cho “qua” từ tiếng Tàu mà ra, Bình-nguyên Lộc bám vào cổ Việt, Nguyên Nguyên hòa đồng hai khuynh hướng (cũng nên nhắc rằng Lê Ngọc Trụ là một trong 3 vị bị Bình-nguyên Lộc chỉ trích nặng nề về quan niệm ngôn ngữ và sử học trong một tác phẩm nghiên cứu của ông).

Ở đây có thể đặt câu hỏi rằng, phải chăng người phương Nam của sông Gianh đã do sự tiếp xúc với người Mạ mà còn xài hai đại từ trên (theo BNL) hay là vì đoàn người di cư cuối nhà Minh đã hòa đồng với người Việt và đã làm ta nhớ lại cổ ngữ (ít nhiều theo hướng LNT).

Làm nhớ lại cổ ngữ: Bình-nguyên Lộc đã có cho một thí dụ là chữ lầu (canh) đã trở về với Việt Nam một cách “loạn xà ngẫu” qua nhóm Triều Châu (có tác giả khác cho là qua nhóm Quảng Đông), thì “qua” và “bậu” cũng có thể không phải chỉ vì người phương Bắc quên đi mà vì người phương Nam nhớ lại qua sự trung gian của người Triều Châu. Nhóm này, tuy thành phần thấp hơn nhóm Quảng Đông, nhưng vì khả năng hội nhập cao (đại đa số người Hoa nhóm Triều Châu lấy vợ Việt ngay từ khi định cư đầu tiên và kể từ thế hệ thứ hai đã trở thành người Việt, đến thế hệ thứ ba họ là người Việt hoàn toàn) cho nên số từ ngữ Việt hóa theo giọng phát âm Triều Châu có thể cao hơn các nhóm Hoa khác.

Cứ chấp nhận lối giải thích giản dị của Lê Ngọc Trụ. Nếu “qua” đã là “tôi” từ âm Triều Châu thì “bậu” cũng rất có thể do âm Triều Châu mà ra. Tuy Bình-nguyên Lộc có đưa ra gốc từ tiếng Mạ nhưng sau khi bàn luận với người Triều Châu, thì trong tiếng Triều Châu “pa_u” hay “páu” hay “bô” (giọng đọc khác nhau tùy vùng: Bạc Liêu, Nam Vang, Sài Gòn) là vợ, hoặc đàn bà, một danh từ bình thường không thuộc vào từ ngữ văn chương, và khi ghép vào một chữ nữa mới phân rõ ngôi thứ như “cha páu”, “cha pa_u”, “chao bô” (vợ tôi), “deo pa_u” (vợ yêu) như ta dùng Hán Việt “tê phụ, tê nội, hiền phụ, hiền thê ...”. Từ ngữ ghép này chỉ là một danh từ ghép. Người Việt chung sống với người Triều Châu đọc trại là “bậu” và “bậu” trở thành đại từ ngôi thứ hai. Ở đây xin ghi vài sự khác biệt “qua”, “bậu”:

Qua:

Lê Ngọc Trụ: WÁ, (=TÔI) Triều Châu, từ của người lớn tuổi xưng hô thân mật với người thuộc vai em cháu.

Bình-nguyên Lộc: TUÁ, (= TÔI) từ của một phụ chi của Mạ, dùng để tự xưng với vợ hoặc người yêu, hoặc em út, như ANH.

Nguyễn Nguyên: ‘tiếng Nam Bộ’, tiếng Hải Nam (Wa), Triều Châu (Gua), và *âm tương tự tiếng Mường: Qua (Wa) và Ha....* Những người di dân về phía Nam, đã giữ lối xưng Wa, xưng ‘tôi’ đó - và ngày nay ta thường lầm đó lối nói người Nam Bộ. Phía Bắc, sau khi quốc ngữ ra đời, bỏ mất lối xưng ‘Tôi’ bằng ‘Qua’ (Wa).

“Qua” (ngôi thứ nhất) trong âm Triều Châu dùng tự xưng với mọi cấp bậc, không có ý nghĩ thân mật: người lớn xưng với cấp dưới hoặc cấp dưới xưng với

người lớn đều dùng “wá” (u-á, gua). “Tư” trong tiếng Mạ cũng không khác nghĩa với tiếng Hoa âm Triều Châu nghĩa là Tôi. Dù BNL không giải thích rõ, nhưng nếu TƯA là TÔI thì đồng nghĩa với WÁ của Triều Châu, tức dùng tự xưng với mọi cấp bậc.

Trong tiếng Việt phương Nam mới được xác định:

1) từ xưng của cấp trên với cấp dưới trong nghĩa thân mật (cô, chú, bác, anh, chị) hay từ xưng của người có địa vị cao với người ở vào bậc thấp trong xã hội như trong hai thí dụ của Hồ Biểu Chánh ở trên; người xưng “qua” thuộc cả hai giống đực và cái.

2) “anh”, dùng xưng hô với vợ, với người yêu, với người con gái trong thời kỳ tán tỉnh.

Bâu:

Bình-nguyên Lộc: BAU, Mạ, dùng để gọi vợ, như EM ngày nay. Nhưng BAU của Mạ còn có thêm nghĩa là CUỐI.

(Không tìm được sự đề cập của đại từ này của Lê Ngọc Trụ và Nguyên Nguyên).

Âm Triều Châu: pa_u, pâu, bô; nghĩa là vợ hoặc đàn bà, không phân biệt ngôi thứ, chỉ khi dùng từ ghép mới xác định, không nhất thiết có nghĩa thân mật.

Trong tiếng Việt phương Nam, “bậu” luôn luôn ngôi thứ hai (nữ) với nghĩa là *mình, em yêu, nàng* (người con gái ở thời kỳ tán tỉnh), luôn luôn với ý nghĩa thân mật. Và ta vẫn gặp trong văn chương đại từ “bậu” dùng để gọi một *chàng trai trẻ* như hai thí dụ kể trên. Không chỉ là vợ hay đàn bà như trong tiếng Mạ hoặc tiếng Hoa giọng Triều Châu.

Từ những từ ngữ Hoa hoặc Mạ với một ý nghĩa rất thông thường như mọi từ ngữ khác, khi được Việt hóa, “qua”, “bậu” trở thành những từ ngữ của tình cảm, của thương yêu, của lứa đôi với nghĩa chính xác

và súc tích. “Qua”, “bậu” tiêu biểu cho ngôn từ Việt hóa ở phương Nam. Từ ngữ Việt hóa gốc Hoa phần nhiều được sử dụng giới hạn ở phương Nam là vì điều kiện chung sống, hội nhập nơi đây.

Mặc dù số từ ngữ Việt hóa (từ Hoa ngữ, từ Miên ngữ) rất nhiều nhưng đi vào ca dao và văn chương mạnh mẽ nhất có lẽ là hai từ “qua” và “bậu”.

Trong ca dao miền Nam, những bài có từ ngữ „bậu“ chiếm giữa 2 - 3 phần trăm. Nếu ta lưu ý với hàng trăm, hàng ngàn đề tài của ca dao thì số lượng này rất cao. Một sự tình cờ: Hộ Pháp Phạm Công Tắc của Cao Đài ra 4 câu đố bằng ca dao vào dịp trung thu 1955, trong đó có 2 bài ca dao có chữ “bậu” (Qui Tâm: „Dưới bóng cờ cứu khổ“). - Hộ Pháp Phạm Công Tắc có thông lệ ngày hôm sau những dịp đại lễ đến bao lon đèn thánh đưa ra câu đố để tín đồ tụ họp ở Đại Đồng Xã tìm giải đáp -

Theo thời gian, hai từ “anh, em” thay cho “qua, bậu” trong xưng hô lứa đôi. Dù cho một số người cầm bút hoặc vì nuôi tiếc hoặc vì tìm thấy trong hai từ đó một ý nghĩa thì vì nên vẫn còn sử dụng trong nhiều sáng tác sau này, nhưng nếu muốn tìm lại dấu vết quê hương phương Nam liên quan tới hai từ này thì không gì hơn bằng cách tìm trong ca dao hoặc văn thơ của một số văn thi sĩ miền Nam. Chính ở đây mới có hương vị thực sự của “qua, bậu” của thời khai phá vùng đất mới.

Từ “qua” tuy được dùng xưng hô một cách thân mật nhưng không "thân mật" một cách đa dạng như từ “bậu”. Sau đây vài thí dụ trong những bài ca dao đã sưu tầm:

1. “Bậu” trong tâm tình nhớ thương:

Ngó lên Hòn Kẽm đá dừng

Thương cha, nhớ mẹ quá chừng bậu ơi

Bướm xa hoa bướm lại dật dờ
Anh xa xôi bầu đêm chờ ngày trông.
(Hòn Kẽm: địa danh miền Trung)
Bước sang canh một, anh thấp ngọn đèn vàng
Chờ con bạn ngọc thở than đôi lời,
Canh hai vật đổi sao dời,
Tĩnh sao nằng tĩnh trọn đời thủy chung.
Canh ba cờ phát trống rung
Mặc ai ai thắng ai dùn mặc ai
Canh tư hạc đậu cành mai
Sương sa lác đác khói bay mịt mờ
Canh chầy tơ tưởng tưởng tơ
Chiêm bao thấy bầu dậy rờ chiếu không.

2. “Bầu” trong trách móc:

Bên kia sông, ai lập kiểng chùa Tân Thiện
Bên này sông, qua lập cái huyện Hà Đông
Cái huyện Hà Đông để cho ông Bao Công xử kiện
Cái chùa Tân Thiện nhiều kẻ tu hành
Chim kêu dưới suối trên cành
Qua không bỏ bầu, sao bầu đành bỏ qua?

3. “Bầu” trong trêu chọc:

Bảng treo tại chợ Mỹ Lồng:
Chữ đề tên bầu, không chồng có con.
Bầu đừng lên xuống đèo bông,
Chồng con hay đặt sanh lòng nghi nan.

4. “Bầu” trong sự hóm hỉnh:

Bầu để chế cho ai, xé anh một nửa,
Bầu để chế cho chồng, châm lửa đốt đi.
Đồn cò lên trục kêu vang
Qua còn thương bầu, bầu khoan có chồng
Muốn cho như nghĩa đạo đồng
Qua đây thương bầu hơn chồng bầu thương
Chiều nay qua phản hồi hương
Nghe bầu ở lại vậy vương nơi nào

*Ghe tui tới chỗ cắm sào
Nghe bậu có chốn muốn nhào xuống sông.*

Từ một đại từ và một danh từ bình thường, sau một tiến trình hội nhập hoặc nhớ lại, „qua“, „bậu“ đã trở thành hai đại từ độc đáo của lứa đôi, phường phát thi vị với nghĩa súc tích hơn và ngôi thứ được xác định rành rẽ hơn từ gốc (Hoa, Mạ). Hai đại từ này phổ biến giới hạn ở vùng đất Phương Nam, vì ở đây số người Việt và người Hoa hầu như tương đương nhau trong thời di dân lập ấp và người Mạ là chủ đất cũng còn đông đảo. Khi người Việt quay về với ngôn từ thống nhất, hai đại từ này cùng với một số không ít từ ngữ hội nhập - đã đóng vai trò nhịp cầu của giai đoạn sơ khai, nhịp cầu nối liền những dân tộc cùng chung sống trong một vùng đất, là phương tiện viên thông ngôn ngữ trong lịch sử hội nhập miền Nam - đã “chết” và đã trở thành dĩ vãng!

(nguồn: <http://namkyluctinh.org>)

VĂN THƠ TỪ CHÂU THỔ



PHAN THÁI YÊN **Tìm xưa châu thổ**

Cô liêu đàn xưa ngân trên sông...

Người đàn ông dừng lại bên bờ nước, vẫy tay cười nhìn bóng dáng bé bỏng của đứa cháu nội, tay bỏ ngửa chiếc cần câu, e dè ngồi bên bố đang chèo chiếc xuồng độc mộc đi tìm chỗ câu cá. Đã nhiều năm vào mỗi mùa hè, cha con ông vẫn thường tìm lên vùng biên hồ này một đôi tuần như nơi nghỉ mát hàng năm. Năm nay là lần đầu tiên đứa cháu nội vừa lên sáu của ông được “go fishing up North”. Ông vui hơn vì có thêm đứa cháu nhỏ chuyện trò và hình như mỗi năm ông càng xao xuyến hơn với những buổi chiều trên biên hồ. Trong ráng chiều đỏ ối rười rượi con gió bát ngát đi về, mặt trời im lìm khuất bóng lặng lẽ mà bồn chồn như vết tàn phai của ý nghĩ lao lung về một khung trời mộng cũ, mang mang châu thổ vang vọng triều dâng.

Chiếc xuồng đã chèo xa khuất tầm nhìn mà đâu đó

còn vọng lại tiếng cười lãnh đăng bay trong chiều bát ngát vương trên mặt hồ bập bênh hoa súng như những nụ đèn chờ thấp hoàng hôn. Hoa súng vàng điểm tuyết lên từng từng thắm xanh lục bình tự tại nổi trôi vào ngút đuôi mắt nhìn. Màu lam tím của hoa bèo núa sa xuống mây chiều rồi lan xa vào vô tưởng chân trời giờ đây như tràn ngập tiếng reo cười , âm vọng thanh xuân. Phải chăng là tiếng cười trẻ thơ của đứa cháu vừa câu được con cá đầu tiên trong đời hay chính tiếng mình buổi thanh xuân trên quê hương một thuở lớn lên...

Giòng nước bạc giòng sông trôi theo dãi

Cuối chân trời hình bóng một chân mây

Đời xiêu đổ nguồn xưa anh trở lại

Giữa hư vô em giữ nhé chừng này..

(Bùi Giáng)

Tìm xưa châu thổ. Xốn xang lòng ông hình ảnh con tàu chập chùng đêm Cửu Long vắng vắng điệu buồn phương Nam trải trang lời kinh sấm giảng ru ấm hồn người. Nhắm mắt lại, trải hồn ra, để thấy mình nằm trên khoang dò dẫm mắt về phố bến huyền hoặc ánh đèn. Trên dòng Tiền Giang, tàu chạy qua Bắc Mỹ Tho, thành phố nửa đêm về sáng đẹp lạ lùng. Hay theo chuyến tàu sớm khởi hành từ Kinh Ông Chưởng về Long Xuyên cho kịp phiên chợ. Thuyền dò san sát trên bến sông. Hãy vào một quán chợ kê ly xây chùng, lòng sáng khoái mỗi điều thuốc đầu ngày. Hay dẫn đoàn tàu từ Phong Phú về, hung hãn phóng nhanh cho kịp buổi nhậu. Thành phố Cần Thơ vừa lên đèn, bến Ninh Kiều quyến rũ như cô gái Nha Môn ngồi hong mái tóc dài thoang thoang hương chanh.

Dòng kinh chảy sâu vào trong bao la của trời đất

hình như đã mang đủ chiều dài cho gió thênh thang. Tàu chạy hết ngày vào tới đêm. Chạy hết chiều dài của dòng kinh để thấy mình nhỏ nhoi giữa trời khuya mênh mông. Bỏ lại sau lưng bến đò An Long, hắt hiu ngọn đèn vàng, buồn như lòng cô chủ quán đã tàn xuân. Con tàu vẫn chạy. Giữa vàm sông rộng, tiếng máy trầm đều ngái ngủ. Tàu ghé qua Vàm Láng, quán nửa khuya thao thức ánh đèn rọi xuống mặt sông lao xao. Xa xa ngọn tháp cao nhà thờ trên Cù Lao Giêng chênh vênh mơ hồ trong ánh trăng. Tàu chạy sâu hút vào nửa đêm về sáng. Con lộ giới nghiêm im vắng trải dài qua Cái Dầu nằm say ngủ dưới ánh đèn đường vàng vọt. Mờ ảo trong ánh sáng đầu ngày, chuyến tàu chợ sớm từ Tân Châu về Châu Đốc xao xác tiếng người ...

Từ bến bắc Cao Lãnh lên tàu theo con nước xuôi về Chợ Mới, chưa hết phiền hà vì sự chật chội nóng nực của hơn nửa ngày xe đò, lòng chợt mát rượi như vừa được uống miếng nước mưa giữa buổi trưa hè. Cái cù lao nhỏ nhoi mà ân cần như ốc đảo giữa sa mạc. Rừng cây xanh bao kín cù lao chỉ chừa khoảng trống vừa đủ cho con kinh nhỏ theo vào. Dòng nước trong và êm tưởng chừng như chỉ những giọt nước hiền mới được phép quây quần. Ngay khoảng trống đó là cánh cửa vô hình, ranh giới giữa cuồng nộ và yên bình. Bên trong, khung cảnh mở ra đẹp như một vùng chiêm bao. Hàng cây hai bên con đường nước châu đầu trò chuyện, cành lá đan vào nhau làm những miếng nắng phải len lỏi mãi mới sa xuống được mặt nước mát. Tàu trôi dưới vòm cây Tâm hồn nhẹ nhàng tưởng như đang chậm bước trong một giáo đường thênh thang. Những ngôi nhà nền đắp cao mái ngói dài các ẩn hiện sau những lùm điền điền lấm tấm hoa

vàng. Nổi liền mỗi nhà với con kinh là mương nước rộng, xuồng lớn có thể chèo vào tận đến đầu hiên nhà.

Cao Lãnh. Chữ nghĩa người xưa giờ sao nghe đắng cay Ước mơ lớn lao của ông Tổng Đốc, lãnh mệnh Chúa phái vào sâu trong đất Nam Ky giữa vùng nước thấp mênh mông trăm đước để mở mang bờ cõi, đã thể hiện qua những địa danh đẹp như Mỹ An, Mỹ Phước, Phước Xuyên... Có lẽ giữa cảnh trời nước mênh mông nhớ người còn ở lại đất Thần Kinh, ông quan trẻ trong giây phút lẫm mạp đã lấy tên vợ Vĩnh Tế để gọi một dòng kinh mới. Và lạ chưa, có một buổi chiều gió Tịnh Biên rợp vàng trí nhớ, rượu uống ngà ngà say, đứng bên dòng Vĩnh Tế dõi mắt về phương xa nhớ thương ngày cuối biển. Dòng nước cuu mang nổi lòng Thất Sơn, Hồng Ngự chảy qua vùng đất Giang Thành qua miệt Hà Tiên rồi đổ vào biển rộng. Đứng đó bên bờ kinh nhỏ sao nghe lòng mình xôn xao tiếng sóng.

Ngược hướng Tịnh Biên, bóng mây không che được dáng núi Thất Sơn, kiêu bạc quàng vai dải lụa sàu châu thổ. Giòng nước lung lay soi bóng người, bóng thời gian lần khuất không trôi. Ông quan trẻ lãnh mệnh Vua đi mở nước, từ hơn trăm năm trước từ già đất Thần Kinh tìm đến miền ba-sông-bảy-núi xa vời đất khách. Người đã đến từ một cuối biển Đông xa hay phải lặn lội qua đôi lần sông mênh mông sau trước? Đỉnh núi nào người xưa đã đứng vọng một tiền đồ rồi mừng tượng tới giòng kinh nổi biển? Giòng sông đào như dải ruột mềm trang trải tấm lòng quân tử vua tôi, man mác nghĩa phu thê Thoại Hà, giòng sông đào vua ban cho tên gọi, đầm đìa nổi lòng

Vĩnh Tế, đã cưu mang từng giọt phù sa nặng lòng châu thổ đến tận bờ nước Hà Tiên.

Con người trên những dòng sông. Truyền kiếp. Núi biển chia lìa từ thuở khối sóng hồng hoang mơ hồ thanh sử. Những dòng sông chẳng hề gặp nhau, lặn độn gian nan như đường chỉ tay in hằn số phận. Những dòng sông cắt chia nhiều nhánh cho nước nguồn bơ vơ biển lớn. Những dòng sông cố gắng giải thông lời nguyện khát khe buổi đầu dựng nước. Dòng sông chảy ngang chia cắt lòng người, đầm đìa giọt mồ hôi từ đá sỏi nghìn xưa. Con người nổi trôi theo định mệnh u hoài của dòng sông muôn đời gặng công nổi liền biển núi. Người xưa. Cơ đồ. Mệnh nước. Một thuở biên cương. Trăm năm sau, cỗi giang biên âu sầu muối mặn, bơ phờ cơn gió tai ương. Ta đã đôi lần từ biển đến, lòng lú lấp phiền hà rồi say khướt biếng lười đầu đó cuối giòng để bây giờ, hồn nặng vằm sông bến nước, đứng bên giòng kinh biên giới, tàn ngần về một nửa ngày sông. Và cả một đời mình. Phải chăng chỉ để tròn một bước chân vô ích mà lòng thì vẫn quẩn nặng ưu tư giấc mộng không thành?

Đôi khi muốn quay về, ngồi yên dưới hiên nhà...
(TCS)

Người đàn ông trở về lều nhóm lửa pha cho mình ly trà nóng. Buổi chiều biên hồ êm ả như ru. Bầy vịt trời nô đùa trên mặt hồ làm đọng đưa những cánh hoa súng như từng miếng nắng nhỏ lung linh rồi soải cánh theo nhau bay về phía ráng chiều lướt thướt những sợi mây hồng. Nơi nào là quê-nhà cho một kiếp thiên di khi vùng nước sẽ đóng thành băng khi mùa đông tới? Ông đã nổi trôi đắm chìm trên giòng sông đời mình. Làm thân tàu trôi xa khỏi vịnh biển

êm đêm, lênh đênh trên khắp cùng sông biển quê hương, để rồi sống cuộc lưu cư suốt kiếp đời còn lại mà lòng thì mãi nhớ về giòng sông nhỏ quê nhà.

Ba mươi hai năm. Giòng nước sông Thu Bồn một cuối tháng Ba đã đẩy đời người trôi tuột khơi xa, vào cuộc truân chuyên. Xa rồi đêm trăng Thuận Tình mờ mờ cát vàng Xuyên Thọ. Vùng đầm sông nổi biển, trộn nước nguồn Ô Lâu-Thu Bồn-Đế Võng với nước biển Đông là dầu mốc oan khiến mặn xát hồn lưu xứ. Nhìn bầy lục bình giạt trôi trên mặt hồ bát ngát, lòng chợt bồn chồn câu hát cũ, quay về, yên ổn, hiên nhà. Tiếng vịt gọi bầy lẳng đẵng gần xa, âm vọng mơ hồ một bến bờ để dừng đôi cánh mỏi. Tiếng reo cười của đứa cháu nội rõ dần theo bóng dáng chiếc xuồng đang lách qua từng mảng lục bình chèo về phía lều nơi bếp lửa đang bập bùng. Quê nhà. Ra đi. Trở về. Cũu Long. Mississippi. Ông cười với cháu nội khi đỡ râu cá trên tay đứa bé. Bếp lửa đầu sông Mississippi sẽ nấu chín con cá đầu tiên cháu ông câu được. Ông vui lòng nhủ thầm.

(nguồn: <http://namkyluctinh.org>)

KIỆT TẤN Mưa Rắn

*Hồ..ờ ơ ơ ớ
Tay cầm sợi lạt đôi cưa
Hỏi em làm mướn (ơ ờ) một mùa bao (ớ ờ) nhiều
Hồ ơ ờ ơ ớ
Trời mưa cho lúa chín vàng (ơ ờ)
Cho anh gặt lúa(ơ ờ)
(chớ) cho anh gặt lúa (mà) cho nàng đem (ơ ớ) cơm
(ờ ơ)*



- Khuôn ơi Khuôn! Mày đâu rồi?

Tiếng kêu trên bờ đê làm chú Ba giật mình. Chú ngừng đầu lên, ngưng tay gặt:

- Khuôn ơi! Khuôn à!

Chú đứng thẳng lưng dậy, nhận ra tiếng kêu của ba mình, ngó dáo dác. Ông Dương mặc bộ ba đen, đầu quấn khăn ô vuông, tay kẹp cây dù dưới nách, râu dài dưới cằm phất phơ trong gió nóng, ông đứng gần gốc trâm bầu chỗ hôm trước thím Ba nằm chuyển bụng. Chú khoát khoát tay ra hiệu rồi bỏ gặt chạy về phía ba mình.

- Dạ, ba tới lâu chưa?

- Tao tới nãy giờ mà mắc đi lòng vòng kiếm mày. Tao nghe người ta nói mày nhẩn tao ra đây, tao đi kiếm. Sao mày không ghé nhà? Mấy đứa em mày cứ nhắc mày hoài.

- Dạ... dạ... tại tui kẹt phải gặt gấp gấp cho kịp nên hông có huôn mà ghé ba đằng.

Chú Ba nói trớ. Chú đưa tay bới lại cái bí bo phía sau đầu đã sút sổ khi chú rút cái khăn quần xuống lau mồ hôi ngực. Vai chú nóng rất:

- Ba vô chỗ bóng cây mà đứng cho mát. Bữa nay mắc mớ gì mà nóng quá xá cỡ.

Trên cao một con chim thầy bói đứng yên tại chỗ, như bị hơi nóng đóng dính cứng trên trời xanh không bợn chút mây.

- Trời có nóng như vậy lúa mới chín tốt và thơm! Có đập ra cũng dễ, cọng rơm đã dòn sẵn

Sực nhớ ra điều gì, ông Đương vụt chuyển sang hỏi:

- À, còn con vợ mày đâu hông thấy? Bộ nó gặt ở ruộng khác hả?

- Dạ hông có.

Ông Đương lo lắng:

- Hay nó bị bệnh? Đàn bà bụng mang dạ chửa phải coi chừng cẩn thận. Mày đừng có hờ ơ lăm nghe, nhứt là con so.

- Dạ tui đâu có dám thờ ơ ba. Vợ tui... vợ tui nó đẻ... Dạ, vợ tui nó đập bầu rồi.

- Ý trời! Mới thấy nó chửa đây mà đã đập bầu rồi!

- Dạ, vợ tui nó đẻ non ba à.

Ông Đương lúc lắc vai chú Ba:

- Sanh hồi nào? Có sao không?

- Dạ, sanh được ba bữa nay, ở cù lao Ông Chưởng. Mẹ con nó cũng được vuông tròn, tuy vợ tui có hơi mệt vì mới sanh con đầu lòng.

- Rồi mày bỏ nó ở bên cho ai?

- Dạ, tui nhờ thêm Tư ở lối xóm ngó chừng dùm.

Lòng ông Đương se lại. Tay ông run run mân mê chòm râu bạc, trong bụng bứt rứt:

- À! Mà sanh con trai hay gái?

- Dạ, con trai ba à.

Mắt ông Đương rực sáng:

- Con trai hả? Vậy thì có đứa nối dõi dòng họ Lê rồi! Chèn ơi! Vậy mà mày hồng cho tao hay sớm, thiệt là tệ quá!

Chú Ba chưa biết trả lời sao, ông già chú nói tiếp:

- Mày chờ tao đi thăm nó coi, tao nóng ruột quá! Đi liền bây giờ đi.

- Dạ! Tui đi rồi bỏ công đất này cho ai gặt? Tui bây giờ phải gặt luôn cho vợ tui. Thôi để bữa khác đã ba à.

Một cơn gió trốt chợt nổi lên xoáy trên đám lúa ào ào. Ông Đương vịn cái khăn trên đầu sợ bay mất.

- Cái thằng này nói mới kỳ. Cháu đích tôn của tao mà mày biểu để bữa khác.

Ông ngẫm nghĩ:

- Thôi được rồi. Mày để đó ngày mơi tao biểu con Thung với thằng Dung, hai đứa em mày ra gặt tiếp tay cho mày. Tụi nó bây giờ cũng đã biết mần ăn...

- Tui thấy kỳ quá ba à. Tui là anh đáng lẽ tui giúp tụi nó mới phải, chớ đâu có lợi dụng tụi nó vậy kỳ cục quá! Thôi ba chờ ít bữa nữa tui có rảnh...

Ông Đương gắt giọng.

- Chờ... chờ cái khi khô gì? Tao nói để con Thung với thằng Dung nó tiếp. Mày mà nói lộn xộn tao đập cán dũ lên đầu mày bây giờ.

Biết ba mình nổi giận, chú Ba giả lả:

- Thôi ba biểu sao tui hay vậy. Để tui gom lúa mới cắt bó lại đã rồi đi.

- Mày để đó ngày mơi hồng được sao? Tao nóng ruột muốn chết mà mày cứ cù nhầy.

- Dạ, thôi thì đi.

Chú Ba nhảy phóc xuống ruộng, chạy băng băng đạp lên mấy gốc rạ.

- Khuôn! Khuôn! Mày chạy đi đâu vậy? Bộ hồng đi hả?

Chú ngoái lại:

- Tui đi lượm cái lưỡi hái đã. Bỏ đây rủi mất ngày mơi biết lấy cái gì mà mần tiếp.

Chú xỏ lên mình cái áo thung đã sờn rách, tay cầm lưỡi hái trở lại chỗ ông Đương đang đứng:

- Thôi mình đi đi ba.

Chú ngo xuống chột để ý chùn của ba mình bữa nay có vẻ khác lạ. Hai bàn chùn ông bó trong hai miếng mo cau, xỏ lên đôi guốc vuông. Đi ra ruộng mà mang guốc, thiệt là dị hủ, ít khi thấy. Bị vướng víu ông Đương không thể đi lẹ được. Đi mấy thước ông lại kêu chú:

- Khuôn! Mày thùng thỉnh chờ tao với.

Chú không dẫn được tò mò, lên tiếng hỏi:

- Bàn chân ba bị gì mà bó kín mít vậy? Lại còn mang guốc Bộ ba bị ghê hả?

- Hồng phải. Tao sợ bị rấn cắn.

Chú không khỏi xịt cười. Ông Đương đâu phải là người nhát gan, ông vốn giỏi võ nghệ, nhứt là đánh côn. Có lần ông đã vác côn đơn thân độc mã nửa đêm xông xáo đến giải vây cho thằng Ba Song Phi, đệ tử ruột của mình, và đánh tan bọn ăn cướp bóc nhà thầy Bang cách đây năm, sáu năm. Vì vậy thầy Bang rất nể nang ông và có lần ngỏ ý muốn mời ông truyền võ nghệ cho cậu Út. Nhưng vốn không thích gần gũi bọn nhà giàu nên ông một mực từ chối. Ông biết mình nóng tánh, sợ có ngày nổi xung, ông khẹn cho cậu Út

một hèo ẹo xương sống. Đánh ăn cướp không sợ, mà bây giờ sợ rấn cắn mới thiệt là kỳ. Ở vườn ai mà không biết sợ bị rấn cắn, nhưng có ai bó chân dì hụ như vậy đâu.

Cũng biết mình có vẻ kỳ cục, nên ông Đương lên tiếng cắt nghĩa:

- Mẹ tổ mày đừng có cười tao. Không phải tao sợ rấn cắn đâu mà là tao sợ bị rấn trả thù.

- Trả thù

Ông Đương lập lại:

- Ở phải, tao sợ rấn trả thù.

Chú Ba đi chậm lại cho ông già theo kịp.

- Số là cách đây hơn mười bữa tao phát cỏ sau vườn, chém nhầm con rấn hổ mây đứt mất cái đầu. Chùng nào cỏ lòi ra cái mình rấn tao mới biết. Tao hoảng hồn cởi cái áo đang bận bỏ ở góc vườn để dụ nó. Tao mang guốc lấy mo bó căng ra cào tiếp để kiếm cái đầu rấn hổ mà không thấy đâu. Tao trở lại lấy cây sào dỡ cái áo lên cũng không thấy đầu rấn núp trong đó. Thường thì nó đánh hơi chun vô nằm chờ cắn trả thù. Mày còn nhớ cái vụ rấn trả thù chứ?

- Dạ nhớ chứ Ba. Ba có kể cho tui nghe cái vụ chú Tư hồi đó cũng đi phát cỏ chém đứt con rấn mà không để ý đề phòng. Sau mấy bữa bị rấn trên mái nhà rình nhảy xuống cắn sột mồm cứu không kịp.

- Ở tao cũng sợ như vậy nên kể từ bữa đó mỗi lần từ trong nhà bước ra hay bước vô gì tao cũng đội cái nĩa trên đầu đề húng rủi ro cái đầu rấn nhảy xuống cắn. Còn đáng sợ hơn nữa là bữa hôm sau dì mảy đương nấu cơm dưới bếp chợt la lên: “Rấn! Rấn!” Tao chạy xuống thấy trong đồng củi có cái đuôi rấn ló ra ngúc ngoắc.

Chú Ba chắc lưỡi:

- Chà! Ghê quá hả? Rồi ba làm sao?

- Tao kêu mọi người đang tránh ra. Rồi bắt thần tao nắm đuôi con rắn giựt thiệt lẹ, quay một vòng rồi đập đầu nó xuống đất. Tao đập nó mấy lần như vậy chết ngắc, nó không kịp cắn. Té ra đó là con rắn hổ mây cái, chắc là một cặp với con đực tao phát đứt bữa trước. Tao độ nó muốn núp để cắn tao trả thù cho con kia. Tao chặt cái đầu nó ra bằm nát rồi bỏ vô lửa đốt cháy tiêu.

- Nhưng còn cái đầu con đực kia ba mới tính làm sao?

- Đâu biết nó ở đâu mà tính. Bởi vậy nên tao mới lo. Tao đốn hai cây chuối sau nhà cắt ra tấn hai bên mừng, sợ tối ngủ nó chun vô cắn bắt tử không biết đường đâu mà rờ.

Chú Ba chợt lo ngay ngáy, ngó xuống bàn chân trần của mình. Lòng bàn chân chú xót xót như có gai chích. Chú rón đi lẹ lẹ cho mau ra tới bờ sông. Chú chỉ chiếc xuống ba lá:

- Ba xuống trước đi, để tui bơi cho.

Ông Đương nhảy xuống khoang, xuống lúc lắc, chú Ba níu tay ông già.

- Ba thùng thỉnh, gấp quá coi chừng lật xuống chìm bây giờ.

Ông Đương giựt tay lại:

- Mầy để thầy kệ tao. Bộ từ nhỏ tới giờ tao chưa biết đi xuống hay sao mà mầy còn dận dò? Mẹ tổ!

Ông chụp lấy bẹ chuối trong khoang tát nước ra ngoài xuống:

- Thôi mầy nhỏ giằm đi.

Chú Ba xô xuống ra khỏi bờ. Trong xuống nước còn lĩnh bình, bên trên nổi lên bên một cây giằm. Ông già tát nước thêm một hồi nữa rồi buông bẹ chuối cầm lấy mái dầm day ra sau nói lớn:

- Mầy bơi lái, tao bơi mũi cho mau.

Ông lệt guốc quăng vô khoang. Dưới sức đẩy của hai dầm bơi, xuồng phăng phăng xẻ nước. Trên thỉnh không bỗng xé một tiếng trời gầm. Mây đen nghịt từ phía bên kia cù lao chọt kéo tới ùn ùn như khói bốc ra từ một đám cháy lớn, cuộn cuộn, hung hãn. Một lần chớp xẹt, mặt nước ở cuối cù lao phụt lên sáng giới, tiếp theo tiếng xé của kim khí muốn tét lỗ tai. Giọng gầm gừ nhỏ dần, văng vẳng. Rồi một tiếng kim khí khác vụt xuống, thỉnh nộ. Lũ quạ bay chấp chới trong cơn cuồng phong đang lốc tới, oang oác kêu vang dậy. Bầy le le trên mặt sông hụp lặn xuống mặt nước mất dạng. Trời ám tối mau lẹ. Ông Đương day lại thúc giục:

- Mây bơi mau mau, coi chừng bão rớt.

Sóng bắt đầu nổi dậy, đập vào xuồng lấp tấp. Thỉnh thoảng xuồng nhảy cẫng lên. Ông Đương xô dề lục bình vừa tấp vô mũi xuồng. Dưới làn nước phù sa đục ngầu ông chọt thấy một vệt đen bầu dục trôi lơ dờ xấp lại gần xuống, một vật gì như thể... như thể...

- Rắn!!!

Ông Đương hét một tiếng lớn.

Tiếng hét làm chú Ba giựt bắn người, chới với, thiếu chút nữa té ngã xuống sông. Chú thấy ông già dơ mái giằm lên cao xáng xuống nước, nước văng tung tóe. Một vật dài, đen, lớn lộn người trên làng sóng đục ngầu rồi lặn biến dưới mặt sông khép kín.

- Mây đưa mái giằm cho tao! Lẹ lên!

Ông Đương tiếp tục la lớn. Chú hoảng hồn chồm người tới. Ông già giựt lấy mái giằm trên tay chú rồi dùng cả hai giằm gấp vật đen hình bầu dục bỏ lên khoang xuống. Đó là một cái đầu rắn sắp rã, sớ thịt te tua xung quanh, hai nanh nhọn ló ra ngoài quặp xuống, đôi mắt tròn trắng đục lơ dờ. Chú Ba

rùng mình. Ông Dương lên tiếng.

- Mẹ tớ! Mây đây hả? Mây theo trả thù tao phải không? Mây còn...

Một tiếng sét xé trời đen ngịt, dìm lời ông Dương trong tiếng loảng xoảng của kim khí va chạm. Ông Dương ngo chú Ba:

- Nó nhờ thầy nó là con rắn nước tha đầu nó theo báo thù tao đây mà. Trời ơi! Thiệt may mà tao ngo thấy.

Một lần chớp xẹt xuống mặt nước. Chú Ba vội úp hai bàn tay lên lỗ tai. Tiếng sét nhỏ dần. Mưa bắt đầu rơi lác rác. Trong khoang xuồng chiếc đầu rắn bầy nhảy nổi linh bình, đôi mắt trắng dã ngo ông Dương khiến ông chóng mặt, gai ốc nổi cùng mình. Đầu rắn vụt cử động lợi tới, miệng mở hoác, hai nanh nhọn chọt rớt xuống, nọc đen rỉ ra, đôi mắt thôi miên ngo ông trao tráo. Ông lấy giầm đẩy đầu rắn lui ra phía sau. Xuồng nhồi sóng tròn trành, đầu rắn tưởng chừng như vụt lợi tới nữa, rồi lại lui về phía sau lấy trón... Chú Ba vội rút căng lên, ngo đầu rắn trần trần. Một hồi chú lên tiếng:

- Nó chết thiệt rồi ba à!

Ông Dương lấy lại bình tĩnh, đưa mái giầm lại cho chú Ba:

- Mây bơi rút rút đi. Mưa tới rồi đó. Để nó đó cho tao liệu.

Ông tháo mo cau ở chân mình, xé ra hai tép bên bìa để làm dây. Ông lấy tàu mo ốp đầu rắn lại, quấn dây xung quanh thành một bịch nhỏ, cầm đôi guốc vòng dần lên tám ván nổi liền hai be xuồng bên trên. Ông chụp lại mái giầm ngoáy xuống lượn sóng đục đang xô vào mũi xuồng, bơi tiếp. Mưa vụt ào xuống một loạt, gió thổi thổi ù ù rồi thoát ngưng ngang. Mây loảng ra, một đám mây khác đen ngịt

cuồn cuộn kéo tới, mưa lại vụt ào xuống đập rất vào mặt. Mưa vụt ngưng. Một vệt nắng xé mây chạy thoăn thoắt từ giữa sông tiến vô cù lao, biến mất. Trời đen kịt, gió thổi mạnh hơn.

Hai cha con gằm đầu xoáy mái dầm xuống nước liên tu như hai cánh quạt. Gió ngược vụt đổi hướng đẩy xuống phẳng phẳng tiến về phía cù lao. Chú Ba la lên:

- Ba đừng lo! Sắp tới rồi.

Trước mũi xuống, mấy đầu le le chọt ló lên, ló nhỏ trên mặt nước, kêu lép lép. Xuống trôi tới, mấy chấm đen hụp xuống biến mất. Một thân cây còn rễ tua tua theo gió đẩy rần mạnh vô hông khiến xuống muốn lao chao muốn lật nhào.

- Khuôn! Mầy coi chừng!

Chú Ba vội đưa mái giằm chống thân cây ra, lái xuống đổi hướng, xuống nằm xuôi theo thân cây, rễ cạ vào hông xuống rào rào, thân cây theo ngọn nước xoáy một vòng rồi cuốn đi băng băng, nhánh rễ nhấp nhô dần dần xa khuất. Xuống vừa cặp vào cầu dừa, mưa đổ ào xuống như xối nước. Khắp mặt sông lớn không còn thấy sóng dợn. Giọt mưa dội xuống mặt sông lổ chỗ, bụi nước nẩy tung bao trùm bốn phía phù sa một làn khói mỏng như sương, mờ mịt, băng khuâng, nhưng nhớ...

Ông Đương vừa bước lên cầu dừa đã dậm chân nhảy phóc lên trên đất liền, ngó lại hỏi.

- Lẹ lên đi mầy! Tao đi trước à nghe!

Ông tắt tả chạy đi! Chú Ba lật đặt neo xuống háp tấp rồi bươn bả chạy theo. Ông Đương xô tiếp cửa bước vô chòi cất tiếng hỏi trống:

- Đâu? Đâu? Thằng nhỏ đâu?

Thím Ba đang nằm thiêm thiếp trên chõng tre giọt mình ngơ ngác. Lúc đó chú Ba vừa theo kịp,

bước vô chòi:

- Minh à! Có ba tới.

Thím Ba gượng gạo chống hai cùi chỏ cố ngóc đầu dậy nói yếu ớt:

- Dạ thưa ba mới tới.

Chú Ba vắn lớn ngọn đèn hột vẹt ở đầu giường cho có thêm ánh sáng.

- Ồ, ba mới tới. Con mạnh giỏi? Còn thằng nhỏ đâu?

Thím Ba vén một góc mền lên:

- Nó đây nè ba.

Một khối đen khối đen nằm cạnh thím Ba, bất động. Chú Ba cầm cây quạt mo lom khom quạt lò lửa dưới chõng. Ông Đương luồn hai tay trên chiếu. Bỗng ông rút về, chùi vôi vàng hai bàn tay ướt lên góc mền rồi lại luồn hai tay bợ thằng nhỏ lên. Nó nằm gọn lỏn trong lòng bàn tay trái của ông. Có chút xiu. Ông quì gối bên cạnh chõng, cúi mặt nhìn khối đen nhỏ nằm trong lòng bàn tay mình, phía trên le hoe một chút tóc măng thừa rinh, mỏ ác phập phều. Chú Ba cầm ngọn đèn dầu đưa lại gần. Ông Đương ngó thấy tấm vải đắp trên bụng nhấp nhô theo hơi thở của đứa nhỏ. Tay ông run run. Đờn sống ông, dòng máu ông đang tiếp tục chảy kia. Đó!

Ông đưa hai ngón tay nhẹ giở miếng khăn đắp. Đứa nhỏ đỏ hỏn. Ông lấp bắp:

- Trời ơi! Cháu đích tôn của nội đây sao?

Da bụng đứa nhỏ mỏng tanh như tờ giấy quuyến. Ruột gan ẩn hiện lò mờ bên dưới. Nó thờ. Ông Đương thì thào:

- Ông nội nè con! Trời ơi, cháu nội của ông sao có chút xiu, tội nghiệp quá chừng!

Nước mắt ông ứa ra, từ từ lăn xuống gò má nhăn nhéo, ngập ngừng trên các đường hũng khuyết

rồi theo chòm râu dài nhều xuống bụng đứa nhỏ. Nó cục cựa oe oe mấy tiếng. Ruột dưới làn da mỏng nhúc nhích ngó thấy. Ông vội đắp tấm vải lại, cúi xuống tính hun cháu nội mình, nhưng nó nhỏ quá, không biết đặt mũi mình lên ở chỗ nào. Chòm râu hoe bạc run run dưới sự cảm xúc. Nước mắt ông lại trào ra. Đứa cháu đầu lòng của ông, đứa cháu đích tôn của ông, nó đỏ, gọn lồn trong lòng bàn tay chai cứng của ông, quá sức mong manh, nhỏ nhít. Giọng ông nghẹn ngào:

- Nội nè con!...

Đôi mắt đứa nhỏ nhắm nghiền. Ông vuốt chòm râu ướt dưới cằm. Chú Ba cảm thấy cổ mình se thắt như thể nuốt nắm cơm quá vội. Chú chưa hề thấy ba mình khóc bao giờ. Cũng chưa bao giờ thấy ông quì gối, trừ phi lạy trước bàn thờ ông bà. Mắt ông già lấp lánh như sóng gọn dưới trăng. Người đàn ông già nua đương nâng niu đời sống mong manh trong lòng tay mình bồi hồi. Thím Ba xịt mũi. Ông già để đứa nhỏ lại chỗ cũ, gần bên vú mẹ nó, kéo mền đắp lại, vệt một góc chừa hơi cho nó thở. Ông đứng dậy, nói với thím Ba:

- Con nhớ úm thằng nhỏ cho nó ấm nghe con. Ờ... này giờ quên má thằng nhỏ. Con thấy trong mình ra sao?

Thím Ba lại xịt mũi, đưa tay quạt nước mắt:

- Dạ con cũng khỏe, ba đừng lo cho con. Con chỉ lo cho ba thằng nhỏ, sợ ảnh một mình gặt không xuê ruộng đã lãnh của thầy Bang.

- Ôi! Tưởng gì chứ cái đó ba đã tính với nó rồi. Ngày mơi biểu con Thung với thằng Dung ra tiếp nó.

Thím Ba thở hắt ra nhẹ nhõm:

- Dạ, nếu được vậy thì vợ chồng tụi con xin

cảm ơn ba và hai em lắm. Con bây giờ bị kẹt thằng nhỏ...

Ông Dương ngắt ngang:

- Thằng nhỏ... thằng nhỏ? Chớ tụi bay đặt nó tên gì?

Chú Ba ứng tiếng:

- Dạ... dạ chưa đặt tên. Vợ chồng tui chưa đặt tên cho nó. Bữa trước con vợ tui thiếu chút nữa để rớt nó ngoài ruộng, bởi vậy tui tính đặt tên nó là thằng... thằng Ruộng, nhưng còn chờ để hỏi lại ba, hông biết ba...

- Ý, trời! Mày đặt cái tên Ruộng nghe sao đặng. Cái tên đó ở miệt nhà quê người ta đặt thiếu gì. Thằng Ruộng, thằng Rầy, con Xoài, con Cam... đặt tên trùng nhau tùm lum. Phải lựa cái tên gì cho hay một chút. Mày thấy hồi đó tao tính sống đời nhàn nhả nên mới đặt tên tụi bây là “Trước Khuôn Thung Dung” đáng lẽ Dung là tên con gái, ai dè má mày để con trai, lỡ rồi tao đặt luôn tên đó cho thằng Năm Dung.

Ông vuốt nước trên áo rồi nói tiếp:

- Tưởng là đã hết, dè đâu má mày cứ theo đà năm một để nữa nên ta cho tiếp theo “Thung Dung” làl ”Hườn Đãi”, từ từ, chậm chậm...

Ông ngần ngừ một lúc:

- Kể tới di mày, sang một lớp khác. Vì vậy tao mới bắt đầu lại làl ”Tân Xuân”, thằng Tân để cặp với thằng Đãi, rồi tiếp theo “Bằng Cúc”, “Đáo Lai”, gái trai gì cũng thầy kệ. Khi không sửa bắt tử bong tẹo nghe nó không xuôi chèo mát mái.

Mưa tiếp tục đổ rào rào trên mái chòi lá. Ông cảm thấy lạnh:

- Mày vẫn cho tao điều thuốc hút coi Khuôn.

Đề tao suy nghĩ tìm cảm hứng đặt tên cho thằng cháu đích tôn của tao.

Chú Ba kê ngọn đèn dầu tới gần. Ông già gác đầu điều thuốc lên ống khói, bập bập, hít một hơi dài rồi le điều thuốc dính trên đầu lưỡi. Ông lim dim:

- Tao thấy vợ chồng tụi bây mần ăn chưa khá, bởi vậy tao tính lựa cái gì hay đăng lấy hên một chút cho tụi bây mần ăn phát đạt với người ta.

Ông bỗng dừng lại trầm ngâm:

- Phát đạt, mần ăn phát đạt... À, tao thấy hai chữ "phát đạt" nghe cũng lọt lỗ tai. Lấy hai tên đó mà đặt dành cho con tụi bây, một đứa tên "Phát", một đứa tên "Đạt", tao thấy đăng lắm đa bây. Mày thấy sao hả Khuôn?

- Dạ... đăng chớ ba. Phát! Nghe đăng lắm... Ờ mà rui cái đứa thứ hai nè con gái mà lãnh cái tên Đạt nghe sợ nó không hạp.

- Ôi! Tới đó rồi thùng thẳng tính sau. Giờ thằng nhỏ đầu lòng này đặt cho nó tên "Phát" cái đã, tụi bây chịu hông?

Ông Dương ngo chú Ba, chú Ba gật đầu. Ông day qua ngo thím Ba:

- Còn con nhỏ này?

Thím Ba cũng vội vàng gật đầu:

- Dạ, ai sao con vậy. Ba với ảnh tính sao cũng đăng.

Ông Dương giờ góc mền lên, lấy ngón tay gõ nhẹ lên mỏ ác thằng nhỏ:

- Nột đặt cho con tên là "Phát", nghe chưa?

Đứa nhỏ cựa mình ọ ọ. Ông mỉm cười, râu rung rung trên mép. Ông vuốt râu cằm:

- Ờ, chịu rồi hả con? Chịu rồi thì nhớ nữa sau rần mần ăn khảm khá nghe con! Mần ăn khá đăng nuôi ba má với nuôi nội lúc tuổi già, nghe chưa?

Ông đập mền lại day qua chú Ba:

- Mây ra ngoài này tao tính chiên một chút.

Chú Ba vặn nhỏ ngọn đèn cho đỡ hao dầu rồi xách cái ghế đầu độc nhất trong chòi đi ra phía trước theo ông già.

- Mời ba ngồi đây, trên ghế này nè.

Chú ngồi chồm hồm cạnh ghế bắt sát cửa chòi ngó ra. Chú cũng vặn cho mình điều thuốc rồi xin ông già cho mời. Khói thuốc tỏa ra cửa chòi, dội màn nước bên ngoài, chần chờ một lúc, gió thổi tới cuốn đi, tan loãng Nước mưa từ mái chòi đổ xuống mương nhỏ do nước lâu ngày chảy khuyết thành ra, tia nước rớt trên đường nước đi làm bắn lên những vòng loe rách như miệng núi lửa. Những giọt nước trộn với đất ngoài hiên văng lên dính căng chú Ba từng chấm nâu. Ông già gỡ đuôi thuốc dán lên cột chòi, lên tiếng:

- Khuôn à! Tao thấy tụi bây giờ ở bên cù lao này đơn chiếc quá.

- Dạ...

- Mà mây lại đi màn ngoài ruộng tối ngày.

- Dạ... cũng có thêm Tư lồi xóm qua lại ngó chừng.

- Ấy! Đành như vậy rồi, nhưng hông phải bà con thân thích, nhờ hoài nhờ hủi sao tiện. Mây có tính trở về ở gần tao như hồi trước hông?

Chú Ba hít một hơi thuốc, ngó lên ông già rồi cúi đầu trầm ngâm:

- Dạ, ba phân qua nghe cũng có lý. Tui cũng có nghĩ tới chiên đó rồi. Nhưng chắc phải đợi qua hết mùa gặt mới rảnh tay mà dọn.

Ông già ngó quanh chòi:

- Mây nói dọn nghe nó rườm rà. Chỉ cần một buổi là xong hết. Có lo là lo cho thẳng nhỏ... ờ quên,

thằng Phát, lúc chở tới chở lui, chở nhà cửa tụi bây gọn bần!

Một cơn lá dứa khô từ trên mái chòi tuôn theo giọt nước rớt xuống, trôi ngập ngừng trên mương. Mưa nhỏ dần rồi tạnh. Chú Ba đứng dậy bước ra xò tay ngoài trời:

- Mưa tạnh rồi, để tui đưa ba dĩa.

Ông thở dài đứng dậy. Ông bước tới cạnh chõng tre nói với thím Ba:

- Thôi ba dĩa nghe con!

- Dạ ba dĩa.

Ông vén mền vuốt mỏ ác thằng nhỏ:

- Thôi nội dĩa nghe con.

Ông nhón miệng móm mím cười, dặn thím

Ba:

-Trời mưa, con coi chừng thằng nhỏ bị lạnh.

Thôi ba dĩa nghe.

- Dạ...

Hai cha con bước xuống sân, các đầu ngón chân bấm xuống mặt đất sét trơn mềm cho khỏi trượt. Ra tới sông, chú Ba ngó xuống nói:

- Ba chờ tui lặc nước ra khỏi xuống cái đã.

Mưa ngập xuống hết rồi.

Chú Ba nhảy xuống sông, bần lún tới ông quỳ. Xuống khẳm nước mưa ngập chìm hơn phân nửa, chỉ còn mũi xuống lộ lên dính sợi dây buộc vô mái giầm còn cắm đó. Đôi guốc vông và gói mo cau đã cuốn theo dòng phù sa trôi tự bao giờ...

Trần Bang Thạch

NGƯỜI MÙ BÁN ĐẤT

Gà vừa gáy canh tư thì bà Hai như một cái lò xo, ngồi bật dậy, dùng các ngón tay chải tóc, bới vôi cái đầu tóc rồi bước xuống giường. Bà không quên tắt lại vách mùng dưới mép chiếu. Muỗi nhiều lắm, sơ xẩy để nó tọt vào mùng thì coi như ông chồng hết ngủ. Bà vặn tiêm đèn cho ngọn lửa cao hơn. Thật sự thì ông Hai đã thức đầu hồi canh ba, định chờ bà thức dậy để bàn một việc trọng đại. Tính thì như vậy nhưng tự nhiên ông thấy ngại ngần trước một việc quá lớn, liên quan tới sinh hoạt đã thành nếp từ hàng chục năm của gia đình. Ông nghĩ chắc mình cần phải bàn tính thêm với vợ chiều nay. Ông Hai lặn vào sát vách, giả đồ ngủ tiếp.

Như mọi ngày, bà Hai lần đi vào bếp, nhúm lửa nấu nồi nước 20 lít đã bắt sẵn trên bếp từ tối hôm qua. Khi nước sôi, bà Hai bỏ vào nguyên một gói trà xanh. Nồi nước này phải nấu trước, sáng đem ra quán thì nước vừa nguội để bán trà đá. Con bé Tư cũng đã thức, đang chuẩn bị hai phần cơm cho mẹ con. Thêm mấy tiếng gà gáy ở nhà kè, rồi nhà ngang sông. Tiếng chó tru tận cuối xóm nghe như tiếng tù và u u trong đêm vắng. Dưới sông đã nghe tiếng ghe xuống. Mỗi đêm giờ này xóm bắt đầu thức. Ánh đèn dầu yếu ớt hắt ra từ mỗi nhà. Hơn năm mươi nóc gia tại khu kinh tế mới Năm Ngàn này hình như chỉ ngủ vài tiếng mỗi đêm. Trước kia, khi còn ruộng đất tập thể, chăn nuôi tập thể, làm cái gì cũng tập thể, thì người ta ngủ nhiều, làm ít. Từ khi được phép làm ăn cá thể thì người ta ngủ ít, làm nhiều. Làm nhiều hay làm ít gì

thì dân ở đây hơn ba mươi năm nay đa số vẫn nghèo. Càng bám trụ thì càng nghèo. Nghèo tận mạng. Nghèo rớt mùng tơi. Thời buổi này nhiều vùng thôn quê đã có điện, có nước giếng mà ở đây thì vẫn nước sông, đèn dầu. Đường xá khó khăn, kinh rạch chằng chịt, muỗi mòng, rắn rít, ít ai dám tới. Khu kinh tế mới này đã bị bỏ rơi từ lâu lắm rồi. Những khi trà dư tửu hậu, chòm xóm thường tán gẫu chuyện đời. Có chuyện này nghe cũng vui vui:

-Tao đồ các chú mày: Vậy chớ ở đâu có nhiều khi nhứt?

-Thì ở rừng U Minh chớ đâu. Tía ơi, dễ ợt mà cũng đó.

-Vậy còn ở vùng đồng ruộng nào có nhiều khi nhứt?

-Cái này thì coi bộ bất thường à nghen. Chịu thua rồi đó.

-Thua thì chịu phạt một ly đi. Ai chịu thua thì tự giác đô 1 ly. Tại làng mình đó.

-Làng mình có nhiều khi? Tía xính chưa vậy?

-Thằng Tám mày hãy đếm đi, có làng nào nhiều cầu khỉ bằng làng mình không?

-Nhiều cầu khỉ thì mần sao?

-Thằng này tối dạ! Không có nhiều khi thì mình bắt làm chi tới mấy trăm cây cầu khỉ trong một cái làng nhỏ như hột mít? Bộ cầu khỉ dành cho cá lóc nó trườn à?

-Hay! Hay! Phục tía sát đất! Đô!Đô!

Sáng ra, khi vợ con đã chèo xuống ra quán, còn lại mình ênh trong nhà, ông Hai mang bình trà và cái tách ra mái hiên sau nhà. Vừa uống trà một mình vừa suy nghĩ lung tung. Ông Hai suy nghĩ nhiều nhứt về câu nói của ông giáo mấy ngày trước tại nhà này:

“Thời nào cũng vậy, những người bán đất bán nước...”

Từ đầu người ta dùng tên của một liệt sĩ chống Mỹ Ngụy đặt tên cho khu kinh tế mới này. Nhưng người dân thì gọi là khu kinh tế mới Năm Ngàn; riết rồi không ai còn nhớ tên người liệt sĩ ấy là gì. Khu kinh tế mới Năm Ngàn ở vùng Cờ Đỏ này bây giờ cũng chỉ còn cái tên gọi, như tên gọi của một địa danh thông thường. Đặc tính kinh tế mới cũng đã biến mất tiêu hai mươi mấy năm trước rồi. Ở những vùng đồng ruộng miền Nam các tên Năm Ngàn, Bảy Ngàn, Tám Ngàn...từ xưa nay đã có; nhiều khi ba, bốn địa phương mang cùng một tên, như Kinh Năm Ngàn ở miệt Cà Mau, cạnh sông Trèm Trẹm cũng có, ở vùng Phụng Hiệp cũng có. Ở Chắc Bểng Cạnh Đèn cũng có Kinh Năm Ngàn. Cái thời vợ chồng anh Hai Trắng về đây thì đã có cả trăm gia đình đến đây trước rồi. Đây là những người bị đưa vào đợt đầu sau vụ đánh tư sản, mại bản. Họ được nhà nước đánh bóng là những người tự nguyện tự giác đi làm công dân mới, đi xây dựng nếp sống mới. Tiếp theo đợt hai có thêm vài chục gia đình nữa. Đợt của anh Hai Trắng thì có vợ chồng anh và 3 gia đình khác, cộng chung đúng chục mười hai. Sau đó thì không có thêm ai nữa. Người ta nói những người vào đây sớm nhất chính là những người giàu có ở Cần Thơ, Bình Thủy, Ô Môn, có cả ở Long Xuyên, Rạch Giá. Có lẽ vì vậy mà dân cư ở đây trời sụt bất thường như con nước. Có nhiều người như bắt cóc bỏ đĩa, vào ở cái nhà mới, nền đất chưa khô, ngói chưa nóng đất thì đã thấy mất tiêu, đồ đạc còn chất lủ khủ trong nhà, nhiều món còn cột trong thùng giấy, làm như họ đã tính toán, móc nối, liên hệ từ hồi nào rồi. Không biết họ chèo chống khéo

léo thế nào mà mới thấy đó thì đã nghe đồn rùm beng họ đã cập bến Song-khờ-la, hay đang ngồi cà phê cà pháo ở Bi-đông Bi-tây gì đó ! Tài tình thiệt! Họp dân, họp xóm cũng không đi tới đâu. Mà nếu có đi tới đâu thì đó là đi tới những bến bờ xa lắc hay đi vào miệng cá mập. Nhiều khi ông làng, ông xóm, ông nông hội, ông chủ nhiệm họp tác xã cũng đông mắt. Người ta nói ở vào cái thời điểm ma-ra-tông, ai lẹ chun, lanh tay thì có lợi. Lẹ chun để chạy xa, lanh tay để bóc và hốt. Không có hai cái vũ khí thời đại này thì coi như lúa, cứ ngồi đó mà than nghèo.

Vợ chồng anh Hai Trắng thuộc hạng thiếu cái tay, cái chun loại thời trang này. Anh chị không có nghề ngỗng gì hết, chỉ có đôi tay, đôi chun bình thường của mình.

Chắc nhờ vậy mà anh chị còn ở đây để làm quen với cái đất, cái nước miền nam ngỗ hầu sau này có dịp bán buôn đất nước. Hồi mới vào đây, người ta dẫn anh chị tới cuối xóm, ở đó chỉ có trơ cái nền đất rộng bằng hai chiếc đệm.

-Nhà của vợ chồng chú đó nghen. Ký nhận đi.

-Dạ...dạ...

-Thì ký đi. Bộ hông biết chữ hả ?

-Dạ...Nhưng...Nhưng mà...

-Nhưn với nhị gì nữa. Ký !

Người ta chìa cuốn sổ trước mặt bắt anh phải ký. Ký thì ký nhận cái nhà hẫ hời, nhưng vách, nóc...đâu chẳng thấy, chỉ thấy một đồng lá, tranh và cây còn nằm trên nền đất ẩm. Thiệt là tận cùng bằng số ! Đúng là cái số con rệp. Vợ tay yếu chân mềm, có biết làm gì đâu, từ miền trung chạy vào, tứ cố vô thân. Hồi nào tới giờ anh đâu có cất nhà, cất cửa gì! Toàn là ở đồn, ở trại. Tan đàn rả nghé thì tìm đường mà chạy, dất theo được cô bồ đã là điều may mắn.

Cái nào là đòn tay, đòn dông ? Cái nào là mè ? Là rui ? Sáng nay, lúc tập trung ở phường Hưng Lợi ngoài chợ Cần Thơ, người cán bộ nói *nhà cửa ở đó nhà lược đã no sẵn hết cả rồi, cứ tha hồ vào đấy mà an cư nại với nạc nghiệp đi nhé !* Có nhiều chữ vợ anh nghe lạ tai, không hiểu, nhưng cùn thì tắc biến. Đâu còn chọn lựa nào khác. Điều cần thiết bây giờ là cái nhà để che mưa tránh nắng. Tại phường người ta nói hai người phải là vợ chồng mới được vào ở chung một hộ. Vậy thì phải làm đám cưới gấp. Trong đời, anh Hai chưa bao giờ thấy cái đám cưới nào nhanh và gọn như đám cưới của anh. Cách mạng có khác. Cặp tình nhân bao nhiêu năm cứ chờ hoài một ngày im tiếng súng để làm đám cưới ; bây giờ hòa bình họ nhanh chóng thành đôi vợ chồng nơi xứ lạ, ngay tại phường dưới sự chủ hôn của ông phường trưởng và vài người hàng xóm chứng kiến. Ông phường trưởng ngồi kiệu nước lụt sau cái bàn ngổn ngang giấy tờ. Vợ chồng anh và các gia đình khác ngồi chờ đến trưa mới có người phụ trách đưa ra xe, hướng dẫn đi về hướng huyện Ô Môn, tới vùng kinh tế mới Năm Ngàn. Vợ chồng anh Hai tới nơi thì đã quá chạng vạng. Đồng không mông quạnh. Chỉ còn thiếu tiếng vượn hú chim kêu là thành rừng tràm Cà Mau! Thôi thì cũng được, cho tạm yên cái thân lang bạt. Thật sự thì Hai Trắng không phải là tên thật của anh. Ở đây hễ không biết tên thì cứ kêu là thằng hai cho gọn, khỏi phải hỏi han lời thôi. Mấy chị đàn bà thấy anh trắng trẻo thì gọi luôn là Hai Trắng để phân biệt với anh Hai Đen ở đầu xóm. Cái tên Thông cúng cơm coi như khai tử từ đó. Sau mấy ngày tắm nắng dầm mưa, cho dù anh Hai trở thành đen thui thì anh vẫn là Hai Trắng.

Từ đó vợ chồng Hai Trắng nhập vào đoàn người

lao động mới của vùng đất cách xa thị thành cả năm bảy chục cây số đường chim bay. Riết rồi cũng quen. Cũng quen luôn với những thiếu ăn, thiếu mặc, những muỗi mòng, đĩa vắt. Người ta cứ hô hào nào là với sức người sỏi đá cũng thành cơm. Ở đây sức người thì có nhưng kể cả hột lúa giống cũng khó mà thành cơm đừng nói chi cái thứ sỏi đá đất cát. Ai không chịu được thì trốn đi nơi khác. Xóm do đó mỗi ngày một vắng. Vợ chồng Hai Trắng thêm con thêm cái, còn biết đi đâu. Nhiều khi ngồi buồn ngẫm nghĩ chuyện đời, Hai Trắng thấy mình như giẻ lục bình rau mát, từ đâu trôi vào miền đất hoang vu này để rồi từ ngọn kinh theo con nước rồng trôi ra, chưa kịp tới ngã tư đầu vàm để đi về hướng khác thì bị con nước lớn đưa trở lại vào ngọn kinh cùn cũ. Càng nghĩ thì càng không muốn nghĩ ngợi lôi thôi gì nữa cho uổng công, để sức mà làm lụng. Cứ sớm vát cuốc, vát phẳng ra đồng, chiều về săn sóc mấy liếp khoai lang, khoai mì. Mùa nước nổi, ngập ruộng, ngập nhà thì vợ chồng con cái ngồi cả ngày trên chõng tre, ăn khoai sây trừ cơm. Heo cúi, gà vịt cũng leo lên sạp, lên giàn. Điều không may là vùng này mỗi năm có vài lần lụt lội, mỗi lần kéo dài cả năm bảy bữa. Lúa giống vừa mới sạ, nước lên cuốn trôi hết ra các dòng kinh, muốn chặn lại cũng không kịp. Thiếu ăn là cái chắc. May mà chị Hai còn có đồng ra đồng vào nhờ cái quán nước ở giao lộ Kinh Năm và Kinh Sáu, cách nhà 3 tiếng hú. Chung quanh đó người ta gọi chị là chị Hai Bán Nước. Già thêm mấy tuổi thì chị được nâng cấp thành bà Hai Bán Nước. Đưa con gái phụ với chị thì người ta kêu là con Tư Bán Nước. Có lần ông anh từ Đà Nẵng vào tìm chị, ông anh cứ đưa cái tên Lê Thu Hà của chị ra hỏi. Dĩ nhiên là ở đây đâu có ai biết. Hỏi về cặp vợ chồng người Trung thì ai

cũng biết, họ còn cho ông biết tên của người ông muốn tìm là bà Hai Bán Nước, tên ông chồng là ông Hai Bán Đất. Ông anh nghe cái tên oái oăm mà đau lòng cho 2 đứa em lưu lạc của mình.

Gia đình ông Hai Trắng gặp khốn đốn khi mắt ông bắt đầu mờ sau cơn sốt thương hàn xem chết, có đi chữa trị mà đâu có hết, mang kiếng cũng như không. Lúc đó ông đã ngót nghét năm lăm. Sức vóc đã yếu lại thêm mất mũi kèm nhèm thì làm ăn gì nữa. Hôm nào đi ruộng về trễ lúc trời nhá nhem tối mà nước ngập quá gối thì coi như 10 lần ông đi lạc hết ba, bốn. Không biết học từ đâu mà đứa con út của ông bắt ông phải mang trên cổ cái tu huyết để nếu có đi lạc thì thổi lên để người ta biết mà dẫn về nhà. Chuyện này thì rắc rối quá. Con chó, con mèo đi xa còn biết về nhà, cả con gà, con vịt lạc bầy còn biết về chuồng, con chim còn biết bay về tổ mà ông thì không. Quả là tệ. Phải tính cách khác. Tính toán chưa ra cách thì đến lúc đôi mắt ông Hai Trắng hoàn toàn mù. Người trụ cột trong gia đình mà suốt ngày sống với bóng tối, ăn không ngồi rồi thì gia đình này rồi sẽ đi đến đâu? Suy nghĩ đưa ông Hai Trắng trở về một làng đánh cá ở quê cũ ngoài Trung. Hời ấy cậu bé làng chài tên Thông đã biết bơi lội từ ba, bốn tuổi. Đến 15 tuổi thì nổi tiếng là thợ lặn. Vậy thì tại sao không dùng cái khả năng này bây giờ? Ý tưởng này khiến ông Hai Trắng nghĩ tới một nghề mới mà ông có thể làm được dù bị khiếm thị hoàn toàn. Đó là việc lặn lấy đất dưới lòng kinh cung cấp cho lối xóm.

Trong một vùng đất ngập nước, đất thường trù sụp và kinh rạch thì mỗi ngày tích tụ thêm đất bùn màu mỡ phù sa, nhà nào cũng cần có thêm đất để đắp lên những nơi đất thấp hoặc đất lở; nhiều khi phải làm cao thêm nền nhà hay bồi đắp khoảnh vườn thêm

sum xuê cây trái. Không ai ngờ việc làm của ông Hai Trắng tiến triển thuận lợi và tốt đẹp. Làm việc ở dưới nước tối om om thì người mù hay người sáng mắt cũng như nhau, chỉ cần có làn hơi dài để đủ thì giờ lặn xuống lòng kinh xúc lên một khối đất bỏ vào chiếc xuống đang neo trên mặt nước gần đó. Đây xuống thì bơi vào bờ đem bán cho khách hàng. Của không vốn mà thu hoạch khá. Nguồn tài nguyên vô tận. Đất bán hoài cũng không hết. Chỗ trũng của lòng kinh hôm trước cho cả năm bảy xuống đất thì hôm sau con nước lớn đưa bùn sinh làm đầy lại như cũ. Trong tình trạng thiếu đất gò và thiếu phân bón thì công việc của người bán đất trở nên khảm khá mà trước đây không ai ngờ. Nhiều khi người ta phải đặt cọc mới có hàng. Chắc nhờ trời thương mà ông Hai lặn cả ngày vẫn không thấy mệt. Gặp lúc nước ròng vào ban đêm, thì càng tiện cho ông Hai, vừa mát vừa vắng ghe xuống qua lại. Mù thì đêm như ngày. Bây giờ thì ông Hai Trắng có cái tên mới: Ông Hai Bán Đất. Không bao lâu sau đó ông Hai Bán Đất có thêm đồng nghiệp, có thêm người bán đất. Họ đã kiên nhẫn tập luyện ém hơi thở để lặn sâu dưới nước. Chuyện không dễ nên người làm nghề này không nhiều. Đất cứ trù, cứ lở, người bán đất cứ vét kinh vét rạch mà xây nhà gạch, đi xe cúp, mua vườn, mua đất. Tối ngày lặn hụp dưới nước đâu cần phải lỗi phải, chề chén, giao thiệp với ai cho tốn kém mà lại thêm phiền.



Nhưng chuyện đời của ông Hai Bán Đất không phải lúc nào cũng trôi xuôi như dòng nước chảy. Mấy tháng nay ông Hai bỗng có nhiều ưu tư. Những ưu tư này nảy sinh sau tiệc mừng ông bà Hai có ngôi nhà mới. Căn nhà ba gian, hai chái, mái ngói, tường gạch phết vôi trắng nằm giữa khu vườn cam quýt xanh um rộng 2 công đất vừa ra trái chiềng. Căn nhà đối diện bên sông của ông bà Tư Cầu Khi vẫn là một mái lá tả toai, không che hết mưa nắng. Căn nhà bên trái là của ông năm Ech, bên phải là của bà ba Bánh Ú cũng đã ọp ẹp lắm rồi, không biết có qua nổi mùa mưa này không. Họ và đa số người trong xóm không có tài lặn để vét đất bán nên cả đời vẫn nghèo. Không biết có phải vì lý do ganh tị mà trên bàn tiệc hôm đó có người nói xa nói gần công việc sinh sống của gia đình ông bà chủ nhà. Có người còn tỏ ra lầu thông sử sách, hiểu biết thời sự:

-Thời nào cũng vậy, những người bán nước bán đất bao giờ cũng vinh thân phì gia. Vua chúa hồi xưa, hay quan chức bây giờ làm cái nghề này nhiều khi khỏi cần học, một cái chữ ký hay một cái hiệp ước là an toàn ngồi đó mà cai trị dân.

Người nói câu này là ông thầy giáo của trường tiểu học trong làng. Câu này khiến ông Hai suy nghĩ suốt nhiều đêm. Có thể ông giáo không có ám chỉ nào xấu đối với vợ chồng ông; chắc ông chỉ vô tình mà phát ngôn khi thấy nhà cửa, đất vườn này nhờ nghề nghiệp, nhờ công khó của ông bà mà có. Cái nghề ông bán đất, bà bán nước. Nghĩ tới đây ông Hai bỗng giựt mình. Bao nhiêu năm nay từ người lớn cho tới con nít, mọi người gọi ông bà như vậy, mà sao cả ông lẫn bà không hề để ý gì hết vậy cả? Ông Hai Bán Đất. Bà Hai Bán Nước. Nghe sao chói tai quá. Bị gọi như vậy cả trăm, cả triệu ngàn lần mà không nghe thấy

khó chịu, kẻ cũng là vô ý vô tứ hết chỗ nói rồi. Cái nghề của vợ chồng ông đâu có xấu, nhưng mang hồn danh ấy thì xấu thiệt, cực kỳ xấu! Ông chịu hết nổi rồi, nghe mà phát nhột. May mà những lúc đi chợ Cần Thơ không có ai vô tình lớn tiếng chào hỏi ông giữa chợ: Ông Hai Bán Đất! Đã đến lúc ông bà Hai phải bỏ cái nghề bán đất, bán nước này ngay bây giờ. Giá mà không có khu vườn cam quýt nuôi sống gia đình thì ông bà cũng quyết định bỏ nghề. Nhưng bỏ nghề, sang quán thì cái tên ông Hai Bán Đất, bà Hai Bán Nước có còn đeo mãi theo ông bà cho đến chết không? Đã có lần ông anh vợ từ quê nhắn vào: “Sao tui mi có cái tên gì mà kỳ cục rứa, bỏ quách nó đi!”

Càng suy nghĩ ông Hai thấy thương, thấy nhớ cái tên Hai Trắng làm sao. Bây giờ ông bà sau bao nhiêu năm tháng dãi nắng dầm mưa đã đen như sinh như đất, nhưng ông bà sẽ vui biết bao khi mọi người gọi ông bà là Hai Trắng. Ông Hai hợp hết tách trà rồi trở vào nhà, chui vô mừng ngủ tiếp, không đầy chiếc xuồng ra giữa dòng kinh như mọi buổi sáng trước đây. Chiều nay khi vợ về nhà, ông sẽ bàn với vợ ý định đột ngột này.

Cái tên xấu xí Kẻ Bán Buôn Đất Nước hãy để cho người khác thì thích hợp hơn, mình đại gì mà xí phần của họ chứ!

Nguyễn Lệ Uyên

Hương Cau



Giờ thì là sao? Không sao cả. Vậy thì ông đang ở đâu? Trên tầng cao, rất cao; giống như một cái ổ chim trên chót núi cheo leo. Minh cũng đang ngồi trong ổ chim đó, trên cao tít mù mù, cách biệt với thế giới ùn ùn dưới kia... Ông già lẩm bẩm, đi tới đi lui trong gian phòng bày biện sang trọng vừa nhìn sững vào vách tường dựng đứng như một chiếc hộp diêm. Ông già tự hỏi rồi tự trả lời, rồi lại nhìn xuống sàn nhà, bất ngờ thấy lại gót chân nứt nẻ của mình, thấy những chiếc móng vêu u, sứt sọc của mình... Và chợt nhớ quay quắt gian nhà mái âm dương năm gian, nền lót gạch tàu nhám nhám ở tận đồng sâu. Nổi nhớ cồn cào đến quặn thắt ruột gan, trào ra như chút khói trong bếp tro vùi vòng vèo quanh ông táo, không xa hơn để vón cục lại thành những ước ao bé nhỏ.

Vậy nhưng những ước mơ chưa thể thành sự thật ấy không đến với ông khoảng cuối đời. Một chút ánh trăng lúc nửa đêm về sáng đã không đến. Gió từ cánh đồng mệnh mông không thổi mát. Tiếng cóc nhái côn trùng nín bật. Xuông ba lá không chạm mái dầm lợp bộp. Mấy chiếc xuông đuôi tôm không khua nước âm

ĩ cả một khúc sông vắt ngang trước nhà. Nhà ông đỏ. Nhà ông là títt mù dậm mây. Nhà ông là lộn khới đồng vật vương xa xắm, mang theo mùi cá nướng trui xa xắm. Xa như chuyện cổ tích. Mà đâu phải vậy. Chỉ cần với một cánh tay là đến, nhưng khôn nổi không ai cho ông đến. Không đến được thì thương nhớ âm u, khắc khoải. Nổi nhớ nghi ngút như nồi cơm bốc hơi thơm một khoảng trời mơ tưởng. Ừa, cứ cho ông mơ...

Đã nhiều lần ông kêu thẳng con trai: “Coi chừng tía trượt té gãy chun à con”. Nó hiểu ngay ông muốn nói điều gì, lập tức đưa bộ mặt sầu thảm ra: “Tội tui con mà tía. Về dưới đó ai chăm sóc tía? Chùng này tuổi rồi... Hồi nhỏ tía má nuôi tui con, nay con cái phụng dưỡng cha mẹ già...”.

Trăm lần nó đều mở cái giọng thảm não ấy và trăm lần ông phải bỏ ra khỏi phòng, chống tay lên bao lơn ngó xuôi theo hướng con rạch nhỏ trước mặt, bị rạch nát bởi những căn nhà ở hai bờ, mái gần như níu lấy nhau. Những vệt nước đen ngòm lấp loáng màu sáng bạc về đêm giống như vệt phấn son của cô đào thương về già, giống như bộ quần áo bà ba thỉnh thoảng ông mới dám mặc lúc con đi vắng, cho đỡ nhớ bần sinh, rặng tre cùng những lùm ô rô cóc kèn níu chùm rễ bần vọt lên khỏi mặt nước sông đỏ quạch. Dòng chảy của con rạch khác chi ngày tháng cuối đời của ông. Bởi nó là con rạch nên chẳng kêu la, chẳng hoài nhớ tháng ngày thanh thanh hai bờ rộng, nước trong vắt nổi dòng sông lớn ở đâu đó. Còn ông là một nông dân thứ thiệt, chữ nghĩa ít, nhưng thấu hiểu nghĩa lý ở đời nên mới làm ông đau. Đám con chẳng tội tình chi khi phải làm vậy. Nhưng giá như chúng cứ để ông dưới quê, trong căn nhà mái ngói rêu phủ, nền gạch mòn lĩn dấu chân cha mẹ, vườn cây trái sum

suê...hắn ông sẽ hạnh phúc hơn nhiều.

Ông già quay trở vào. Căn phòng rộng, bày biện đủ mọi tiện nghi thành phố nhưng cũng chỉ mình ông thui thủi. Mỗi ngày chỉ gặp nhau trong bữa tối cỡ tiếng đồng hồ, nói chuyện tầm phào, rồi mạnh ai vào phòng nấy. Bảnh mắt, chúng đã vác xe đi tự lúc nào! Cách phụng dưỡng của đám con là để ông một mình trong căn phòng rộng, trên tầng năm và bà vợ bán thân bên trong khung kính, khiến ông như cái bóng lay lắt giữa bốn bức tường thẳng đứng với những rèm che, cửa kính... thiệt buồn!

Ông đứng bên ô cửa nhóng ra. Xa cuối con rạch kia là đâu, nó có chảy xuôi về quê ông, xệt ngang trước ngõ nhà có chiếc cầu ván từ bờ đất bắt doi ra như chiếc mỏ vịt? Thuở nhỏ ông đã đứng trên cầu nhảy ùm xuống sông. Lớn lên ông đứng trên tấm ván lắc lẻo, đấm đuôi ngó cô Bảy chèo xuống ba lá chờ giỏ đầy bông điên điên vàng mặt sông. Và cuối cùng những giỏ điên điên ấy cũng rắc đầy từ mặt sông lên ngõ nhà ông, để giờ này cô ngồi sau khung kính nở nụ cười vàng rực.

Mau thiệt – ông buột miệng than. Tất cả đã lùi xa thiệt xa. Mới đây mà căn nhà xưa giờ bị khuất lấp ở cuối đường chân trời. Muốn rờ đụng hàng cột tròn láng bóng ông cũng chỉ rờ được trong trí tưởng tượng, ông bay nhảy với tuổi ấu thơ, muốn giang đôi tay khăng khiu níu kéo lá mái che cuối đời mình như nó đã che cho cả nhà ông mát trong mùa nắng, ấm mùa lạnh. Dàn trần tre trét đất bên trên như thể cả căn nhà mang bùn đất của ruộng đồng vào tận những chiếc chõng tre, thơm hăng hắc, nồng nàn. Rồi đến cả những tấm liếp, hoành phi, những nghi khậu ở gian thờ lung linh bóng hình tổ tiên trong lớp nhang khói bay vòng lên cao. Bao nhiêu đời kế tiếp nhau để có

được gian nhà nơi “chôn nhau cắt rún” bỗng chốc xa vời vợi khiến ông muốn khóc. Giá mà khóc được như những giọt nước mắt trẻ thơ khi phải cảm nùi giẻ lau sạch bóng bộ cửa bằng pha bằng gỗ lim chạy dài suốt năm gian, chuẩn bị đón tết, trong khi lũ bạn nhỏ đang chọi đáo, u quạ ngoài ngõ! Bộ cửa ấy với ông như hai kẻ luôn đối đầu: trước ngày giỗ có tiếng kêu “Út Đền ơi, lau cửa đi con”; ngày giáp tết “Út Đền ơi lau cửa đi con”. Núi giẻ và bộ cửa đã theo ông suốt dọc đời người, đến nỗi nhắm mắt ông có thể đếm đúng những khe rãnh chạm trổ, mỏ chim phượng, mắt lân nằm khoảng nào, những con dơi lảng đen, những chùm trái nho thông thển nh chỗ nào; cả đến những vết sứt khi ông dùng mũi dao khur những mảng bụi bám trong khe... Vậy mà giờ này.

Bất giác ông ngó lên khung ảnh vợ có nụ cười vàng rực bông điên điển. Ngó và nhớ cái ngày hai ông bà đứng trước bàn thờ tổ tiên, nhớ cái vấp té đầu tiên của vợ nơi ngạch địa, nhớ tổ ấm ở chái sau... Ông khóc thiệt, khi bàn tay vô tình chạm nhẹ vào khóe mắt, một chút nước sên sệt như quá khứ xa xôi hiện về.

Ông nghĩ bụng: tối nay lũ con đi làm về sẽ nói thiệt với chúng để ông về thăm quê một chuyến, như chuyến đi cuối cùng: Ông sẽ đứng trên ván cầu đôi tim bông điên điển, ông cởi trần nằm dài xuống nền gạch tàu mát lạnh, gối đầu lên ngạch địa nhìn lên trần đất thơm hắc mùi bùn đất, rờ đụng vào những khe rãnh bộ cửa, thấp nén nhang nhìn tổ tiên bay về cùng ông, về ngôi nhà xưa dày mọt tiếng ve sau vườn. Ông ra cầu ao múc nước đầy dầy khạp đứng sắp hàng thẳng đuột rồi quay vào đu đưa trên chiếc võng gai nơi hàng hiên ngó hàng cau trước sân nhỏ. Mùa này cau đã trở buồng rồi. Hương cau thoang thoảng như

mùi tóc cô Bảy đang ngồi đầy những nhánh củi trâm bầu dưới đất ông tảo. Hương cau xa xôi đó đưa ông đi, đi miết trong cơn mơ thiếp rắc hoa vàng.

-Tía ơi... tía...

Ông giật mình, xoay quả nầm, hé cánh cửa dòm ra.

-Tía ơi... tía ở đâu vậy? Tía...

-Tao đây. Tía đây. Chi mà la um trời lên vậy?

-Tía thay quần áo nhanh lên. Xe chờ dưới đường kia kìa.

-Đi thiệt hả? Đi ngay bây giờ?

-Dạ, đi liền.

Ông quay vào trong, lòng khắp khởi mừng. Chí ít con cái cũng bắt đầu hiểu được tâm trạng người già, dẫu là có hơi muộn. Muộn vẫn còn hơn không. Tay chân ông run run, lóng ngóng... cài khuy áo, thắt dây rút. Cuối cùng thì mọi chuyện cũng xong. Ông bước ra lòng phần chân hết đưa cháu nội mỗi khi nó cầm giấy khen về nhà.

Ra tới phòng khách, thằng con trợn ngược mắt, kinh ngạc đến vô cùng, như thể ông là một sinh vật nào khác, từ một hành tinh nào khác đứng trước mặt nó. Ông chưa hề, chưa bao giờ là cha nó.

-Chèng ơi, sao tía ăn mặc vậy?

-Chờ mày biểu tía mặc sao?

-Đi nhà hàng tía ơi. Bữa nay con được bổ nhiệm trưởng phòng. Con chiêu đãi cả nhà. Con mời tía với vợ chồng chú Út nó...

-Chớ không phải bay đưa tía về dưới miệt vườn?

-Trời, tía! Miệt vườn thì có chi hấp dẫn mà tía nhắc hoài?

-Sao không? Nơi cha mẹ sanh ra tía đó. Nơi má bay sinh ra tụi bay đó, rồi má bay nhắm mắt xuôi tay trên mảnh vườn đó đây, rồi mai một tới lượt tía. Bao

nhiều đời tổ tiên con cháu quần tụ trên mảnh đất đó đây.

-Con xin tía. Tía vào thay lại áo quần đi. Cả nhà đợi tía, xếp và đồng sự con đợi tía ở New Pearl.

Không hiểu sao khi nghe thằng con nói tới đây, ông già nổi giận phùng phùng, xán lại gần đưng mặt nó, hét lên:

-Tía không cần. Cái tao cần không phải là những chỗ đó. Một ông già nhà quê nên tao biết mình ngồi chỗ nào thoải mái, dễ chịu hơn - Nghỉ một chút lấy hơi, ông tiếp – Đi đi, tía không đi đâu.

Ông già nói chừng đó, đóng sập cửa lại.

Ông thông thả đốt nén nhang cắm lên bàn thờ cô Bảy.

Ông lâm râm gì đó mà ngay cả ông cũng không rõ. Một hồi lâu sau, ông lục tủ thờ lôi ra nhạo rượu với chiếc ly. Ông rót từ tốn để nhìn rõ ngọn rượu vụn cao thành hột cườm, lung linh như những cánh cò trắng trên đồng nước. Dưới kia là cánh đồng bông điển điển vàng rực. Mắt ông mờ đi thấy mình đang đang đưa trên cánh cò bay thẳng về phía đồng nước.

(7/2009)



NGUYỄN TIẾN CUNG

U Minh

ta không thấy em từ lâu nay
mùa mưa làm rừng đước dâng đầy
trên cao gió hát mây như tóc
tràm đứng như em một dáng gầy

ta không thấy em một lần đi
nước phèn vàng nhuộm quần cây di
đạn nỏ lòng bùng trong nòng ướn
tình đã xa rồi thôi nhớ chi

mỗi con lạch là mỗi xót xa
mỗi giòng sông là mỗi tuổi già
thành phố đâu đây hình mất dạng
cuộc chiến già nua theo tiếng ca.

Phù Sa Lộc

Tình bạn

Bạn gọi ta một chục chuột đồng
Đã làm sẵn. Chiều mưa đông lớn
Vợ bắc chảo rồi đem lên rán
Cái mùi thơm... thơm nức cả nhà

Cứ tiếc rằng bạn ở quá xa
Người mang đến lại là phụ nữ
Nhắm tính lại chỉ có mình ta
Con và vợ không ai nhá được !

Bực cái mình ta mò hũ rượu

Ngâm kravan đã rất lâu ngày
Hũ đã cạn chỉ còn chút cốt
Vắt hết hơi lung lũng xì đầy

Chiều mưa rơi bão rớt rồi đây
Hơi lạnh phủ thông dong như vào nhà trống
Ta nâng cốc và ta cứ uống
Lồng lộng cô đơn - lồng lộng xót xa

Ăn miếng chuột này thốt nhớ mấy bạn xa
Rất khoái khẩu cống nhum mồm mĩm
Miếng chuột chiên vàng như mời ta bóc
Ngon nào hơn giặm thêm miếng xoài

Không có xoài xanh, còn chuột - Đùng hồng !
Kể cả chó - Toàn điều cấm kỵ
Thư nó viết buồn hơn trấu cắn
Chuột chó đều thềm - thềm bạn Việt Nam

Nỗi buồn ta không có bạn ruột rà
Để tán gẫu cho qua cơn mưa lớn
Nhưng có lòng đoái hoài bạn xa nghĩ đến
Mai một gặp nhau hâm nóng mấy hồi

Chỉ tiếc thương mấy bạn ở nước ngoài
Không có chuột cũng không có bạn
Mưa Cali, chiều, chắc nó nằm nhà
Nhai xúc xích uống vang mà rơi nước mắt !

1990

Trần Hoài Thư

Theo Em

Theo em bỏ núi về châu thổ
Bỏ mán về kinh làm rể xa
Ngác ngác ngơ ngơ đồ máy ngược
Hồn mệnh mộng khói cuộn sau nhà

Theo em mấy bữa quên buồn bản
Làm rể người Nam yêu miền Nam
Miền Nam: chín cửa sông ra biển
Mỗi nhánh sông: Một nhánh tóc mềm

Theo em như suối về sông rộng
Sông chở tình em như phù sa
Phù sa bồi đắp tim châu thổ
Bồi lấy tim người những nhánh hoa

Theo em, mê sáu câu vọng cổ
Theo Út Trà Ôn về Trung Lương
Theo cánh ô môi vừa mới nở
Tiếng quét bánh phồng rộn rã quê hương

Theo em, ra mắt bà con vợ
Cậu Bảy, Dì Hai, em thứ Ba
Ngày xưa con gái xa cha mẹ
Ngày nay thanh niên làm rể xa

Theo em, tình đất, tình vương trạch
Tình của non sông, tình của em
Cảm ơn người nữ vùng Châu thổ
Cho anh về gởi rể miền Nam.

lêuyêntự

Bài ca sông Tiền

tặng Hai Yến

Mãi miết trường giang xuôi biển lớn
về ngang rẽ một nhánh sông Tiền
Cửu Long chia chín đường ra biển
Ta lạc một dòng trôi nổi quê em

thăm đồ phù sa con nước nổi
triều lên bìm bịp tiếng kêu xa
tím tím lục bình phơn phớt nắng
rập rờn theo sóng nhịp tình ca

em qua cầu nhỏ ngày nghiêng nắng
thấp thoáng môi cười tím tím duyên
ta vội trải hồn ra vuốt lại
dấu xưa, nhãn nhúm những ưu phiền

rợp mát vườn ai hương nhãn chín
trao tay, chia cả chút hương thầm
đời còn chờ cho ta chút mật
ngọt nổi đời lặn đặng mấy sông

đã định hôm nào ta bẻ kiểem
quăng đàn,quảy túi, bước Kiều Phong
dắm ba hớp rượu đêm tàn mộng
biết gởi cho ai một chút lòng

thôi kệ, mấy khi đời mãn ý
cũng nôi hào kiệt nợ phù hoa

cũng boĩ em mà ta dính líu
loại hoay, lẫn quần cởi ta bà

em nhớ giấu môi cười trong nón
ghé thuyền cho tận bến sông vui
ta cởi hồ cừu quăng theo nước
xin quá giang em một quãng đời.

ĐYNH TRÂM CA

Phương Nam

Khúc ca trôi dạt của khóm lục bình

Đi

như là trôi

ta lần về phương nam

phía bầy én giang hồ gọi xuân về rồi rít

phía những dòng sông đỏ phù sa chảy xiết

ta gặp thêm những cụm lục bình

trôi

Trôi

trôi

và trôi...

ta dần xa bến cũ

mấy mươi năm gió nhớ thổi mù trời

vẫn muốn chở về sông mẹ những nguồn vui

dù ta chỉ nở được hoa tím nhạt

Đi

như là trôi

tựa đóa mây nở trên trời luân lạc

có mong gì người nhìn ngắm phút giây

trong lang thang mây cứ nở đời mây
rồi tan loãng giữa vô cùng
bát ngát

Trôi
trôi
trôi...
bềnh bồng theo tiếng hát
khúc tráng ca cuộn cuộn chín sông rồng
ta,
lục bình vừa trôi vừa trở bồng
cởi đầu sóng chờ mùa xuân phiêu dạt

Phương Nam, phương Nam
trôi đó đây
rải rác
những mảnh đời ngơ ngác tha hương
hẹn cùng nhau
trôi nhẹ
mà trở bồng
đầu sóng vỗ đầu vàm
sóng xô cuối rạch

phương Nam phương Nam
xin cảm ơn những-dòng-sông-không-bao-giờ-ngăn-cách
những Lục-Vân-Tiên-trong-khí-phách-con-người
xin cảm ơn câu vọng cổ rất mùi
thắm trong hạt phù sa
đượm những tâm lòng cây trái
gió chướng
mùa lên
ta còn trôi mãi
buổi qua đây
hoa nở
tặng đất này

cố hương cố hương
hun hút mây bay

*đôi mắt mỗi ngóng mù sông bến đợi
đỉnh núi nhớ nghiêng mòn gió nổi
biển mẹ ơi sao chưa gọi con về*

*ừ
thì thôi
ta sẽ cứ trôi
hời những khóm lục bình nở hoa tím nhạt
hoa nở tím trên đường trôi dạt
tỏa chút hương ngan ngát gỏi quê nhà*

là nỗi buồn cất được tiếng ca

Cần Thơ – Long Xuyên
2-1989

Vũ Hữu Định

Mùa Xuân trở lại đồng bằng Cửu Long

Tôi về nghe nước chảy trên sông
Mây ở xa bay tập xuống đồng
Bước đi nghe tiếng chiều kêu lại
Mặt trời xưa đứng lại soi giòng

Tôi về, xuân của ruộng mênh mang
Màu chiều xanh bay ướt lúa vàng
Đến khi nước lớn đầy sông lạch
Nổi lòng tôi, chảy khắp đồng bằng

Tôi về, qua những chuyến qua sông
Lòng quạnh, ngày mưa lạnh gió đông
Con chim Xuân hót trên đồng ruộng

Chút tình vui cũng quá mênh mông

Tôi về, tôi nhớ bóng trắng xanh
Ngủ muộn trời khuya động chút tình
Quê bạn, một mình tôi cảm cảnh
Cảm thương người đang sống lênh đênh

Tôi về ngủ muộn ngó sông mưa
Sông Cửu Long đầy mặt nước mùa
Bạn ta đang ở đầu sông ấy
Máu đầu sông biên giới tanh mưa

Biết sẽ bao giờ khi trở lại
Lòng ta thôi tiếc của đất trời
Bạn vẫn còn đi, ta cũng vậy
Hồn đâu đủ tình mà rong chơi.

LÊ TRƯỜNG CHINH
Trên vùng trời cuối Việt
gởi Hoài Diễm Từ

xám ngắt màu mây trời Cuối Việt
U Minh, tràm đước có ta về
mưa khuya lá rụng quanh hào lũy
hiu hắt rừng thu lạnh đáng quê

xưa đi gió sớm đưa vài dậm
ngày đi chưa hết buồn trong lòng
sầu lên mây khói chiều phong tỏa
kinh thành lớp lớp bụi mờ trông

ngày ngược Đầm Dơi xuôi Cái Nước
nghìn đêm muối vắt lại reo đùa
mai còn qua phố Ba Xuyên đợi
ghé quán cô hàng kể chuyện xưa

áo bạc sương khô đời xa xứ
ân tình không hẹn tiền đưa nhau
nếu mai chẳng trở về sum họp
em tìm ta cuối giấc chiêm bao

chiến chinh như nổi đời lính thú
buồn vui theo những bước giang hồ
quân hành trong gió chiều mưa rét
cũng no lòng cơm sậy lương khô

bạn bè dẫm đũa đi về đất
xa quê còn nhớ mẹ, em hiền
ở đây gió lộng rừng hoa dại
ngơ ngác bên trời bóng trắng nghiêng

buồn lan sương khói che cây lá
che cả đời ta năm tháng đen.

MUỒNG MÁN

Chăn vịt phương Nam

Tôi người trai Sông Hương
Lưu lạc về Sông Hậu
Như chim mỗi cánh đậu
Trên vòng đất quê em

Chòi tôi che hướng đông
Che dùm tôi ngọn gió
Em đùa: Anh chiếc lá
Bị bão dạt về Nam

Tôi đùa: thời buổi khó
Đi đâu để trốn buồn ?
Thôi đành đi chẵn vịt !
Em bảo: Thế mà hơn

Vịt tôi chẵn trăm con
Ngày lừa đi trăm ngã
Bạn tôi, trăm tim nhỏ
Bạn tôi, trăm linh hồn
Theo tôi, qua thời khó

Thương mình em cô đơn
Ngày đưa võng ru con
Mong chồng nơi biên giới
Mà chiến chinh tưởng lụi
Ai ngờ vẫn còn dài !

Em buồn sợi tóc mai
Dài bằng cơn nắng sớm
Em buồn: cây nhang ngún
Cháy khuya sâu mệnh mang

Mỗi ngày tôi lừa vịt
Qua cánh đồng thênh thang
Buồn tôi khua gậy múa
Hát cùng bèo trôi sông
Ngóng giùm em phương đó
Coi chồng về hay không

VN 30-9-1982

LÂM HẢO KHÔI

Mẹ đi tháng tám không về nữa

Nhìn ảnh người trao,sân đất cũ
Vẫn hiện đôi vạt áo bà ba
Hoa bưởi mang hương về mỗi tối
Lòng ai sóng vỗ dưới hiên nhà

Tháng mấy mà trưa trời nắng dữ
Bóng mẹ nghiêng dài tợ bóng cây
Đôi mắt có mưa vừa mới tạnh
Đem buồn Bồ Thảo gửi sang đây

Mây trắng ở trong vòng cảm thạch
Mang hồn Tổ Nữ mấy mươi năm
Mẹ bán cho con tìm bến bãi...
Về gối tay riêng một chỗ nằm

Mưa đâu biết tôi thương người đứng đợi
Vẫn vô tình rơi ướt áo bà ba
Sông đâu biết khi vui về biển lớn
Là mang tôi đi bỏ nước xa nhà

Nhìn ảnh người trao,sân đất cũ
Trời xanh như có bóng mây bay
Mẹ đi tháng tám không về nữa
Đem buồn Bồ Thảo gửi sang đây.

LÂM HẢO DŨNG BÀI GỢI NHỚ VỀ CHÂU ĐỐC

em khóc dòng sông khóc nước sông
ta đi sầu ngát tận trong lòng
nhớ trắng đầu núi trắng đông nội
và những mùa trăng sông Cửu Long

em ở bên kia trời cách biệt
mắt buồn vây kín núi Sam xa
ta như lữ khách không nhà cửa
ngủ đậu trên chùa mỗi tháng ba

em khóc dòng sông đó phải không
ngàn năm vẫn nhớ má em hồng
vẫn yêu đường đá miền Châu Phú
những chuyến đò đêm nước ngược dòng

bởi ta lười biếng làm sao thấy
em đẹp như là hoa hướng dương
vu vơ em hát hay ta hát
mà tóc tung bay rất ngập ngừng

em khóc dòng sông đó phải không
đêm mơ về thấy chín con rồng
vẩy đuôi trên nóc Tây An Tự
đón hội Long Hoa một tối rằm

ta nhớ một đời riêng để nhớ
những mùa trăng cũ bạn hiền xưa
Cồn Tiên bên quán ngòi chiêm thuộc
rượu ngát ngậy hồn vị tiễn đưa

LINH PHƯƠNG

Gặp bạn ở ngã ba sông

Gặp bạn ngã ba sông chợ họp
Xuồng tiếp xuồng - ghe đậu sát ghe
Hàn huyên chờ lúc mưa tạnh hột
Ta đứng lên từ giếng ra về

Bạn níu tay chẳng cho rời bước
Mấy chục năm trời mới gặp nhau
Mồi sắn – rượu ngon- ta bày cuộc
Lai rai đánh trận giải cơn sầu

Uống hơn nửa lít. Bạn bật khóc
Nhắc chuyện ngày xưa - chuyện bây giờ
Góc núi - đầu non - đầy kỷ ức
Bình lửa mờ mờ trong giấc mơ

Hề chi, quá khứ thời trai trẻ
Mộng nuôi chí lớn luận anh hùng
Vạch kiếm ngang trời ta ngạo nghễ
Hào sảng cười khà chôn ba quân

Nhớ khi hai đứa ngồi quán cóc
Mua gói mì tôm nhậu ngon lành
Chùng ba xì đế. Bạn cà gật
Chỉ mình ta độc ẩm một mình

Mà thôi, quên hết đi bạn nhé !
Chớ để bận lòng đau thắt gan
Thời thế - thế thời - thời phải thế
Hào hán ta vui với ruộng đồng

Dzô dzô trăm phần trăm nóc cạn
Mừng người biệt xứ bạc tóc xanh
Sông nước còn thương đời lận đận
Thì nói chi câu tổng biệt hành

Bên kia trăm – được - xanh ngút mắt
Rừng chắc chạy dài cuối chân mây
Chiều nghiêng vạt nắng - buồn hiu hắt
Rơi xuống môi mềm chưa biết say

Dzô dzô trăm phần trăm nóc cạn
Đừng nói lan man chuyện tâm phào
Chơi hết hôm nay bên bầu bạn
Mai một ta về quê cấy câu



TRẦN PHÙ THẾ BẬU VỀ

bậu về
mắt liếc dong đưa
gió xuân đầy mắt
như vừa chín cây
bậu về má đỏ hây hây
ta mười lăm đã lòng say bậu rồi

bậu còn
chơi ác nói cười
những câu dí dỏm
chết đời ta chưa
bậu về nhớ nắng thương mưa
hình như cây cỏ cũng ưa bậu về

như là
có chút nắng hè
như là có cả chùm me chua lừng
như là xoài tượng thơm dòn
chấm vào nước mắt, chút đường khó quên

bậu về Đại Ngãi mình ên
bỏ quên kẹp tóc
bắt đền tội ta
bậu quên là tại bậu mà
tại sao lại bắt đền ta một đời

tội này không chịu bậu ơi !

ta nặng tình, dẫu chết chẳng hề quên

(trong Gọi Khan Giọng Tình - Thư Ân Quán tái bản 2009)

Lê văn Trung

BẬU TRONG THƠ TRẦN PHÙ THẾ

Không biết các nhà ngôn ngữ học giải nghĩa "bậu" như thế nào, tôi vẫn đinh ninh rằng dù giải nghĩa thế nào đi nữa cũng không thể lột tả hết ý nghĩa tình cảm sâu đậm thiết tha mà đầy thương cảm của đại danh từ ngôi hai này. Bậu là ai? "BẬU" là một thoáng gặp gỡ trong đời nhưng làm ta ngây ngất, và hình bóng "bậu" in mãi trong trái tim dào dạt thương yêu của ta. "BẬU" là ai? "BẬU" là sắc là hương bùng nổ một thời trong đam mê say đắm của ta. "BẬU" là ai? "BẬU" là da là thịt là ái ân nồng thắm một đời vợ chồng. "BẬU" có thể ở đâu đó trong bể bàng ngang trái, đã để lại trong lòng ta trong lòng bậu những vết cào xước đủ làm chảy máu trái tim. "BẬU" có thể đã cùng ta đi trọn cõi trăm năm gian nan cơ cực hạnh phúc khổ đau. Nhưng "bậu" cũng có thể ở đâu đó trong dang dở phân li. Cho dù "bậu" là ai, một khi ta cất tiếng thiết tha gọi "bậu" thì cái nghĩa trăm năm, cái tình vạn kiếp cứ mãi với ta lên thác xuống ghềnh. Không bao giờ ta quên. Không thể nào quên.

Lần đầu tiên đọc bài "Bậu đi" của Trần Phù Thế mà TQBT đã cố ý đăng lại hai kỳ đã để lại trong tôi những cảm xúc vừa thương tâm vừa ngậm ngùi. Hạ đình Thao đã nói với tôi: "không có bài thơ khóc vợ nào tự cổ chí kim mà hay hơn được". Đúng quá.

Ta thử đến với "Gọi khan giọng tình" (1) mà ở đó hình bóng của "bậu" được khắc họa như thế nào trong dòng thơ TPT.

Trong dân gian, ca dao, hát ru có khá nhiều câu gọi tình với hai tiếng "bậu ơi". Cho dù trách móc giận hờn hay yêu thương tha thiết khi gọi lên tiếng "bậu ơi" ta vẫn nghe chìm khuất trong âm thanh đó một tấm lòng bao dung, một tấm tình sâu nặng:

"Bậu về Đại Ngãi mình ên

Bỏ quên kẹp tóc

Bắt đền tội ta

Bậu quên là tại bậu mà

Tại sao bậu bắt đền ta một đời"

Ở đây "bậu là ai?" Thì ra "bậu" chỉ mới là cô bé nhí nhảnh, láu lỉnh, cái nhí nhảnh láu lỉnh đáng yêu của một-giai-nhân-bé-nhỏ ở cái tuổi mười hai mười ba, cái tuổi đã bắt đầu thoang thoảng mùi hương he hé sắc màu:

Bậu về liếc mắt đong đưa

Gió xuân đầy mắt

Như vừa chín cây.

Đâu có "bậu" chỉ làm:" Ta mười lăm đã lòng say bậu rồi" mà cô cây cũng ưa bậu về..

Nhưng rồi cái tuổi "chùm me chua lừng", "xoài tượng thơm giòn" cũng lớn lên như "trái chín". Trong tim người thi sĩ hình bóng "bậu" vẫn y nguyên, cái tình dành cho "bậu" đã miên viễn thiên thu chảy trong máu huyết, trong thịt da cháy bỏng niềm si mê:

" Ta rất nhẹ nâng niu tình hai đứa

Cất trong tim

Không dám chạm

Vào tim"

Để rồi:

"Ta nặng tình dẫu chết chẳng hề quên". Tôi thương nhất hai câu:" *Bậu quên là tại bậu mà/ Tại sao bậu bắt đền ta một đời".* Chữ " mà" nghe ra tội nghiệp nhưng không bi lụy, tội nghiệp nhưng tràn đầy yêu

dấu. Nói như thế thì làm sao mà bậu không thương được!

"Bậu" đã cố tình bỏ quên kẹp tóc để có cơ mà" bắt đền ta", "bậu" là cô gái" tác nước đầu đình" " bỏ quên chiếc áo trên nhành hoa sen". "Cái kẹp tóc" hay "chiếc áo" là con đường quanh co thơ mộng băng qua thắm cỏ ái tình để rồi ràng buộc nhau một đời, ràng buộc trăm năm.

Nhưng giấc mộng đời có bao giờ nguyên vẹn đâu. Và bi khúc là đoạn kết trong trường ca tình ái về"bậu". Bởi vì sinh li tử biệt là lẽ vô thường," bậu" đi hay ta đi,

trước sau gì.cũng đến cái kết cuộc bi thương đó. Nhưng mà ông trời đã bắt bậu đi trước ta. Trong cõi hư không nào đó bậu còn luyến nhớ chốn trần gian hiu quạnh này:

" Bước qua ngưỡng cửa âm dương

Bậu đi mình bậu chẳng vương vấn gì

Còn ta ở lại sông lì

Một thân một bóng cu ki một mình"

"Bậu đi lạnh gối ta nằm

Hình như cái lạnh, lạnh ngấm trong xương"

Ta không dám chạm vào ngôn ngữ thi ca của TPT, bởi vì một sự giải nghĩa, phân tích, so sánh,đều vô ích,ta chỉ cảm nhận sâu lắng bằng sự đồng cảm xót xa để cổ nén giọt nước mắt chực ứa ra khi đọc những dòng lục bát này:

"Bậu ơi sao bậu làm thinh

Nén nhang thơm lạt bóng hình là đây

Phát phơ hồn gió theo mây

Mỗi đêm giỡn bóng trăng gây tàn đêm"

Nỗi khổ đau trong niềm thương nhớ buốt lòng, như thấy được, hay chỉ là khát khao, hay chỉ là mơ tưởng,

nhưng hình như ta cảm nhận đâu đó, quanh ta, trong
lưng linh sương khuya, trong lay động cây cỏ, trong
hiu hắt gió mùa, trong ánh trăng huyền hoặc, "bậu"
nhớ ta mà về:

*"Bậu về trăng sáng ngủt làng
Hương thơm phản phát bàng hoàng hồn ta
Ngát ngây ôm bóng trắng, và
Tưởng đâu ôm bậu thịt da vẫn nồng"*

Hiện thực sống đây trong siêu tưởng. Nhan sắc bậu là
đây! Thịt da bậu là đây!. Vẫn đầy-ứ-trong-rỗng-
không, vẫn-rộn-ràng-trong-tịch-lặng, và ngời-ngợi-
trong-phôi-pha. Cho nên ta cũng dọn mình đi, đi là
sự trở về với bậu cho dù lênh dênh cỗi nào", bởi vì:

*" Cho dù đất thấp trời cao
Tử sinh là mới bắt đầu cuộc chơi"*

A ha! Đây mới là một bi khúc nhưng là một hoan ca."

Tử sinh là mới bắt đầu cuộc chơi"

Sống chết là một cuộc chơi

Và chỉ mới bắt đầu thôi "bậu" oi!!!

LVT
(Quê nhà tháng 4-2009)

(1) *Gọi Khan Giọng Tình*, thơ Trần Phù Thế, Thư Ấn
Quán tái bản 2009. Địa chỉ liên lạc:

E-Mail : tranphuthe@bellsouth.net

Phone : (864)292-8738

SÁNG TÁC THƠ VĂN



ĐẶNG KIM CÔN **Say Mộng**

Người có mặt bên tôi khi tôi tỉnh dậy là đưa em gái mười chín tuổi của tôi. Tôi hiểu là vợ tôi đang lo cho con nhỏ ở nhà. Tôi cự mình nhưng toàn thân tôi rơi vtuột ra khỏi sự điều khiển của ý thức. Tôi bất động, hai tay, hai chân tôi đều bị trói vào thành giường. Không một cảm giác đau nhức nào chứng tỏ tôi vừa qua một cuộc giải phẫu. Em gái tôi nói bây giờ là 3 giờ sáng, nó bảo tôi đừng nói chuyện và nói cho tôi biết Mẹ tôi vừa ngủ, nó chỉ về phía cuối phòng, Mẹ

trải chiếu nằm ở đó. Ảnh hưởng của một lượng thuốc mê khá lớn đã làm tôi lịm đi hơn 4 tiếng đồng hồ - dù tôi loáng thoáng nhớ khi vừa được mổ xong, nằm trên giường từ phòng mổ đẩy ra, tôi có tỉnh dậy một chút và nghe Bác sĩ nói với Ba tôi " thì coi như đã chết rồi mà, tìm cái sống trong cái chết thôi..." .Đến bây giờ đầu óc tôi vẫn bồng bềnh, ngầy ngật, hỗn độn với bao nhiêu là những chuyện đã xảy ra. Phòng hồi sức có máy điều hòa không khí và lúc nào đèn cũng được mở sáng. Có năm giường song song với giường tôi nằm và giường nào cũng có bệnh nhân. Tôi mỗi rã rồi, tôi bảo đưa em gái mở cho tôi mấy sợi dây trói nhưng nó sợ sệt lắc đầu, nói anh ra máu nhiều quá, người ta nói mở dây sợ anh dụa máu ra thêm nguy hiểm. Tôi năn nỉ, tội nghiệp anh, nào phải tù tội gì đâu, mở cho anh cựa một chút, anh không biết sợ chết thì ai biết cho anh. Tôi bực bội lắm nhảm và mê đi.

-Nhưng lúc đó nếu nó mở anh có dụa không ?

-Không, anh mới kinh khủng, giá có em chắc là em đã tin anh.

-Em không biết. Bây giờ anh thấy khỏe nhiều không ? Cả đêm rồi em không ngủ, vừa hết giờ nghiêm em để con ở nhà cho mấy cô, vội vã xuống anh.

-Em viết tiếp đi. Tôi...

-Không, em không chịu anh nữa đâu. Bác sĩ không cho anh nói chuyện nhiều đấy. Đọc rồi phải suy nghĩ nữa, mệt lắm. Mà có gì phải gấp gấp vậy. Để em lấy nước anh uống .

-Không có gì gấp nhưng mà để qua mất giờ linh.

-Mệt ông quá, nói tào lao không.

-Thì đang hứng mà. Anh thấy khỏe. Anh có thể đọc

thêm nhiều hơn này giờ em đã chép. Lúc khác có Bác sĩ và y tá thì làm sao đọc được.

Tôi tỉnh dậy bởi tiếng hét của bệnh nhân giường bên cạnh, một quân nhân đã bị cắt một chân và vết thương không lành vì bị nhiễm trùng. Anh ta được Bác sĩ cho chích morphine, nhưng morphine không thể làm dụng nhiều được mà cơn đau nhức thì hầu như lúc nào cũng sẵn sàng hành hạ anh ta.

Tôi nghe tiếng Mẹ tôi nói chuyện với vợ tôi. Người này bảo người kia về, ai cũng muốn ở lại bên tôi. Tôi mở mắt cười vui vẻ, mặc dù thấy không khỏe lắm.

-Thấy chưa, còn đau em nữa không, em không viết nữa. Lúc nào cũng anh khỏe, anh khỏe..

-Viết đi.

Mẹ hỏi khỏe không con, tôi gật đầu, con có đau đốn không, tôi lắc đầu. Đèn vẫn sáng, nhưng tôi biết đã là ban ngày, các y công đang làm việc, họ lau nhà, thay drap cho các giường, đến chỗ tôi, thật là thiên nan vạn nan cho họ để nhắc được cái tấm thân trần truồng, cứng nhắc, đưng chỗ nào cũng ê ẩm của tôi.

Có nhiều người đến thăm tôi, phần đông là các quân nhân, công chức trên đường đi làm ghé vào, nhất là các anh em trong đơn vị tôi - trong đó có đứa em kè của tôi, may mắn thoát chết trong cái tai nạn chung với tôi hôm nọ, sau trận đánh. Trên đường hành quân về, nó và một hạ sĩ quan truyền tin ngồi phía sau xe tôi, mà trong xe thì tùm lum lựu đạn và súng M72. Các nhân viên bệnh viện ở đây rất ghét nó, vì nó đã đại náo bệnh viện hôm tôi được tải thương về đây, do họ đã hách dịch, lơ là, yêu sách gì đây. Tôi chỉ trả lời được một vài người rồi nhắm mắt

ngiht mệt, thì cũng bao nhiêu câu hỏi giống nhau, về tai nạn xảy ra trưa hôm qua, về tình trạng sức khỏe lúc này. Vợ tôi vừa quạt lật phất cho tôi, vừa nho nhỏ trả lời họ.

Đến giờ làm việc, thân nhân không được ở trong phòng. Tôi được cô y tá mở dây trói, được co duỗi tay chân. Tự do, chưa bao giờ tôi thấy lớn lao, tuyệt vời như vậy. Có lẽ Mẹ tôi đã về. Tôi thấy bên ngoài chỉ còn vợ tôi thỉnh thoảng hé cửa nhìn vào. Bây giờ tôi mới để ý tới những linh kính trên người tôi: một ống thông tiểu bằng cao su mềm ở hạ bộ, trên mũi một ống cao su cứng luồn sâu vào cuống họng, từ đó một chất lỏng màu xanh như nước rau má chảy ra chiếc bao nilon đặt bên cạnh, bên hông là hai cái ống trông cứng vào hai cái lỗ bằng ngón tay út cũng có dịch xanh chảy ra. Người y tá phụ trách đến giường tôi, thăm lại ống thông tiểu, các ống bên hông, trên mũi, thay băng ở bụng tôi và hỏi tôi thở có nhẹ nhàng không. Tôi gật đầu.

-Anh nghỉ chút đi. Có người đến thăm anh. Máy bạn em để em nói chuyện, anh cứ nghỉ cho khỏe, nếu thấy có thể ngủ được thì nên ngủ một chút.

-Em nhớ đừng làm lộn xộn hay thất lạc.

-Không sao mà. Tiếp bạn xong có lẽ em về với con một chút. Con nó hỏi Ba hoài nhưng không khi ở đây không tốt cho con nít. Có lẽ mấy đứa em cũng sắp đến với anh. Ngủ chút đi, lát em không đánh thức anh đâu.

Những người bạn của nàng đến thăm tôi cũng vừa vào đến phòng.

-Em đọc lại anh nghe

-Dạ, nhưng chờ em kể anh nghe chuyện ở nhà. Bà con, bạn bè đến thăm anh đông vô số. Có người mang cả đèn hoa đến viếng vì nghe anh chết.

-Em ghi giùm anh đoạn này rồi mới nói tiếp, lấy giấy bút ra

Tôi ứa nước mắt khi nghe anh em, bà con, bạn bè đã đến thăm tôi. Ít ra tôi cũng có được những giây phút nhìn lại mình và gia đình đã ăn ở ra sao khi mà "triệu người quen có mấy người thân...", Tôi còn nghe nói là trong ngân hàng máu của bệnh viện, hôm qua sau khi tiếp máu cho ca mổ của tôi, vẫn còn dư mấy bọc máu O của anh em hiến tặng trong lúc khẩn cấp bệnh viện không đủ máu, (mà trước đó Mẹ tôi còn phải mua một bọc cho kịp ca mổ).

-Đủ rồi, anh cũng đã ngủ khá lâu. Em đã về cùng mấy đứa bạn và xuống đây với Ba. Thấy anh ngủ, Ba không đánh thức anh và Ba về rồi. Anh có thấy khỏe hơn khi trưa không?

-Thật ra trước khi em xuống, anh có thức dậy một lúc, đã phải chứng kiến cái chết của anh lính nằm ở chiếc giường ngang cửa ra vào kia. Em không để ý sao? Anh ầy trút hơi thở cuối cùng cách đây chừng một giờ. Anh thấy mệt lại rồi ngủ quên đi.

-Vậy bây giờ có đỡ hơn không ?

-Khỏe rồi, khỏe lắm. Đọc được

-Làm ơn. Uống gì không ? Có nước cam vắt.

-Thôi. Sợ nước cam vắt đến già. Trước khi mổ, mỗi khi uống chút cam vắt vào, anh quẫn quai như ai của ngang eo lưng mình.

-Lúc đó khác, nước cam chua chạy thẳng xuống hai

quả thận vỡ của anh, không cura thì còn gì .

*-Thôi. Đừng bao giờ nhắc nước cam vắt với anh.
Đọc đây.*

*-Khoan nào, để em lấy cái ghế và đọc lại anh nghe
đã.*

Bác sĩ khám lại vết mổ cho tôi .Tự do đã bị giới hạn bởi hai bình nước biển chuyển ở hai tay. Tôi đã tiểu được nên ống thông tiểu cũng đã được lấy ra. Vợ tôi vào ngồi cạnh săn sóc cho tôi. Phải chăng có một cái gì đó không bình thường ? Tôi mê mê, tỉnh tỉnh khá lâu, lúc mê thì tôi cũng cảm thấy nhẹ nhàng như mình đang gửi xác lại thế gian, còn hồn mình thì bèn bồng đầu đó như khói, như sương không rõ ràng, mà nhiều khi tôi không biết hồn có cản trở về tìm lại xác không, tìm ở đâu, tìm làm gì.

-Một anh quá, nói toàn những chuyện làm em sợ

-Vấn về chút mà. Hư cấu cho vui.

-Vui gì. Con còn nhỏ lắm anh nhớ không ?

-Ừ, không nói bậy bạ nữa. Nín khóc đi. Viết tiếp.

Lúc nào được vài phút tỉnh tôi cũng thấy có nhiều người đến thăm, không ai dám hỏi gì, và chắc chắn là không ai trách tại sao tôi vừa mở mắt chút xíu đã vội nhắm mắt lại. Hình như tôi đã mê nhiều hơn tỉnh, trên mũi tôi có thêm một cái ống và bên cạnh là bình dưỡng khí. Tôi bắt gặp nhiều đôi mắt ái ngại nhìn tôi.

Độ hai giờ sau tôi thôi thở bằng dưỡng khí. Đến chiều tôi hoàn toàn tự do nhờ hai mũi kim chuyển nước biển đã rút ra khỏi hai tay tôi. Tôi ngủ qua một đêm rất êm ái sau khi có một buổi tối đầy đủ, Ba tôi cùng cả nhà xuống thăm tôi. Đêm nay Mẹ tôi không phải trái chiếu nằm dưới sàn, chiếc giường bên cạnh

trống, bệnh nhân vừa được chuyển qua phòng khác.

Tôi thức dậy khá trưa. Cô y tá rút hai ống dẫn lưu bên hông tôi ra cắt bớt. Tôi khỏe nhiều. Chất lỏng màu xanh từ cái ống luồn trong mũi có vẻ như không còn chảy ra bao nilon nữa, và không đợi hỏi ai, tôi kéo tuốt ống cao su ra, ống khá dài, chắc là luồn tận dạ dày. Tôi cảm thấy thật sáng khoái. Chờ thay băng, chích thuốc và chuyển nước biển xong tôi đánh một giấc. Cứ mỗi lần chuyển nước, vợ tôi phải ngồi cạnh lo cho tôi tiểu. Đến chiều tôi bị đầy bụng, cái bụng mỗi lúc một căng phồng lên, tôi khó thở, vật vã, quần quai. Những người sắp chết có lẽ nhờ vậy mà họ bớt luyến tiếc cái cõi đời đầy đau đớn này, đau đớn quá thì thà chết cho nhẹ nhàng. Giờ nghỉ việc, phòng không có nhân viên nào, kể cả y tá trực, vợ tôi phải vất vả vì sự trở con của tôi. Càng lúc tôi càng không chịu nổi, cố nén đau chùng nào, miệng cũng cứ rên la dữ dội, vợ tôi đành phải bỏ tôi nằm một mình chạy đi tìm bác sĩ trực

- Đã đến nhà Bác sĩ đó.

- Thì là vậy, nhưng cũng nên thông cảm cho họ chút đi.

- Em không thông cảm được. Đó là trách nhiệm, lỡ như anh chết thì sao ? Cùng lắm mấy ống ăn hận một chút, mà mạng người thì vĩnh viễn không tìm lại được. Bệnh nhân ở phòng này sẵn sàng chết bất cứ lúc nào mà. Sớm một phút thì khác hơn chứ

-Ừ, khác. Tiếp nha

Nàng đi tìm bác sĩ và được một cái toa thuốc, chạy luôn ra pharmacie mua thuốc về nhét ở hậu môn tôi. Dù vậy tình trạng đầy bụng cũng không thấy đỡ được

chút nào.

Mãi gần 10 giờ đêm cô y tá trực mới vào, chắc mới đi chơi về, có một sĩ quan đưa cô về tận phòng, còn bị rịn chưa muốn để cho người ta vào làm nhiệm vụ. Cô đặt lại ống thông tiểu cho tôi, đặt thêm ở mũi ống cao su, hai cực hình tôi sợ nhất mà cũng không tránh khỏi, hình như bác sĩ đã dặn cô trước là phải làm vậy nếu tôi có chuyển biến gì. Nhưng càng lúc tôi càng bị khó thở hơn, hơi thở ngắn, gấp, đứt quãng, người tôi như đang chơi với chup lấy từng hơi thở đang chơi trò cút bắt, để nhét lấy nhét để vào buồng phổi, nhưng có vẻ chỉ là vô vọng. Có thể là chỉ cần thiếu một hai hơi thở tôi sẽ không còn kịp nói lời trần trối với vợ tôi.

- Nói nghe khiếp. Nhưng em tin. Lúc đó em cũng muốn gào lên, anh ơi nói gì với em đi. Dễ sợ quá.

- Giúp anh viết chút nữa nha

- Dạ, em cũng thấy thích cái bài viết này rồi.

- Vui không ?

- Dạ vui, mà buồn. Toàn chuyện đau đớn. Anh đọc đi.

Đến lúc tôi hết muốn níu kéo mấy cái hơi thở dở hơi kia nữa, mà cũng không còn đủ sức tìm kiếm chúng nữa, thì tôi bình ra trần giường, hơi thổi nòng nặc. Cô y tá đâu không thấy, chỉ có một mình vợ tôi, vừa nâng tôi qua một bên - tất nhiên là tôi đau đớn vô cùng - vừa rút tấm drap đầy phân của tôi ra khỏi giường. Cũng may, dưới tấm drap là một tấm nilon dày, nếu có dính thì chỉ lau sạch là xong, tấm nệm bên dưới không bị ảnh hưởng gì. Thật tội nghiệp vợ tôi quá.

-Thôi, cảm ơn. Đủ rồi đấy.

Vợ tôi đi tìm cô y tá nhờ thay cho tấm drap khác. Bụng tôi đã xẹp xuống, hô hấp điều hòa, tôi thấy thoải mái vô cùng. Giấc ngủ đến thật nhẹ nhàng. Vợ tôi thì có chiếc giường bên cạnh nhưng hình như không mấy lúc nàng ngã lưng, hết nắn bóp mấy ngón tay ngón chân, lại sắp xếp cho ngay ngắn tay chân tôi mỗi khi tôi cựa quậy. Phần buồn ngủ, phần không muốn nàng buồn nên tôi đã không nói cho nàng biết làm vậy chỉ tổ khiến cho tôi khó chịu thêm.

-Thì bây giờ nói rồi đấy.

-Muộn còn hơn không phải không.

-Với em mà vậy, với mấy cô chắc có chết cũng ráng mà mà điệu há ?

-Nhấn hay là cười vậy ?

-Đùa đó mà.

Hai ống bên hông được kéo ra một chút và cắt ngắn thêm hơn. Tôi khỏe nhiều, mặc dù vẫn chưa cựa quậy gì được. Bác sĩ khám vết mổ hai tác trước bụng bảo khô tốt. Tôi tự động rút ống cao su ở mũi ra, sau đó ống thông tiểu cũng được y tá lấy ra luôn. Hàng chục người quen đến thăm, thỉnh thoảng thấy khỏe tôi cũng có trả lời được năm ba câu hỏi của họ. Các quân nhân trung đội tôi là thường lui tới nhất, họ kể đi kể lại trận đánh "tuyệt đẹp" mà ít khi pháo binh vớ phải:

"...Sau hai ngày chia xẻ gió sương, chúng tôi kéo súng lên một ngọn đồi nhỏ gần quốc lộ, yểm trợ cho một cuộc hành quân cách đó 5 cây số về phía tây. Nhờ vào " hai con gà đã gáy " khá chính xác nên trận

chiến càng lúc càng thuận lợi cho quân bạn, thương vong địch quân do những quả đạn pháo yểm trợ của chúng tôi đã lên mức đáng kể. Thế rồi đến buổi trưa hôm ấy lúc vừa ăn cơm xong, sau khi nhận lệnh tác xạ vào một mục tiêu mới, chúng tôi mới vừa khai hỏa được 2 quả thì bất chợt những tiếng nổ dữ dội ngay trước đầu súng 105 của chúng tôi. Tôi hét lớn "Việt cộng, trục xạ !", anh em tức tốc phản công, may sao hơn một nửa pháo thủ của tôi là con năm cha bảy mẹ, nhảy dù, biệt động quân, thủy quân lục chiến, bộ binh đã từng lăn lóc nhiều chiến trường lớn trước khi "ranh lộn" về đây. Anh em hai người một khẩu cà nông, những người còn lại thì chụp kíp gì bắn nấy, M16, M72, phóng lựu nã bất kể vào những lùm bụi nghi ngờ cách đó chừng vài chục mét. Mãi đến lúc trận đánh gần kết thúc các đơn vị địa phương quân bảo vệ hai bên hông mới ra tay "bảo vệ". Sau đó họ nói là tại tụi đặc công Việt cộng lợi dụng tiếng nổ đề pa của pháo binh, thừa gió bẻ măng, tung b40 vào nên các lực lượng chung quanh phát hiện hơi muộn. Với lại cũng khá vô lý là sao tụi đặc công lại có thể lọt qua vành đai bảo vệ của mấy chiếc com-man-do-ca và trung đội Địa phương quân bên ngoài được.

-Vậy cũng nói, không lọt thì sao kêu họ là đặc công được .

-Em làm như đặc công là thần thánh.

-Em nghe ai cũng ngán đặc công.

-Thì ngán bởi vì ai giữ được ăn trộm. Chúng trong bóng tối mà.

-Dạ, trung úy. Kết quả đi.

Việt cộng đã không may mắn, hầu như không còn lại mạng nào để về báo cáo là cái nhiệm vụ bịt họng

hai con gà cồ đã bị lỗ vốn, xác chết cùng súng ống nằm la liệt các lùm bụi chung quanh. Anh em ta chỉ vài người bị thương nhẹ ngay loạt tấn công đầu tiên nhưng vẫn còn chiến đấu gỡ được cả vốn lẫn lời.

Hôm sau là kết thúc cuộc yểm trợ, hân hoan kéo súng về. Đi được hơn một cây số, đoàn xe chậm lại để qua một cái quẹo gấp, lại phải chậm hơn vì có mấy con bò lạng quạng trước đoàn xe, thì một tiếng nổ thảng thốt, net lửa trước đầu xe, tài xế quật tay lái, chiếc xe jeep lộn hai vòng đề lên lưng tôi. Trước khi ngất đi tôi còn kịp nghe anh em la "Việt cộng", và nổ súng. Anh em kể tôi nghe là chỉ có một đứa bé chăn bò, ôm cây b40 chết trong một bụi cây bên đường. Sau đó chính quyền giao cái xác tan nát đó lại cho gia đình. Mẹ của đứa bé đau đớn cho đứa con một, vừa khóc vừa chửi cả ngày "cố nội tội bay, quân đầu trộm đuôi cướp, đã lấy lúa gạo của tao còn dụ dỗ, phỉnh phờ con tao chết thể cho bọn mày, mồ cha tội mày, bọn đâm cha chém chú, con tao mới 12, 13 tuổi đâu biết gì, có ngon thì giết tao đi..." và người ta đã không để bà thách thức lâu, ngay sáng hôm sau dân làng đã sớm thấy cái đầu của bà treo trên một cành tre thấp với một bản cáo trạng. Nghe nói cha đứa bé cũng bị dẫn lên núi học tập.

Hú hồn, nếu khẩu b40 nằm trong tay một Việt cộng thứ thiệt thì giờ này cả xe ăn cơm cúng hết rồi.

Tôi vẫn chưa được phép ăn gì, bác sĩ nói ít nhất cũng ba tuần. Ông cũng không nói cho tôi biết tình trạng của tôi có khả quan không, tôi có loáng thoáng nghe ông nói với người nhà tôi, "vết cắt nơi cuống thận có thể lành cũng có thể gây nguy hiểm bất cứ lúc nào,

khó kiểm soát được, ít nhất phải qua tuần lễ đầu, miễn đừng sốt thì tốt." Tôi không thể nào nhớ được là ông đã nói lúc nào. Tôi muốn quên câu nói đó. Tôi nói với những người đến thăm tôi, lẽ ra thì tôi đã chết rồi, và nếu thực sự không qua nổi, thì coi như tôi được chứng kiến cái đám tang của mình

- Nhảm nhí.

- Anh nói nếu mà, không chịu thì em đổi lại đi. Nếu, ví dụ, giả như gì gì đó...

- Không vui.

- Em sắp phải chép nhiều chuyện không vui hơn nữa đấy.

- Làm gì rào trước đón sau. Có gì chúng ta đã không hiểu nhau, hơn nữa, không lúc nào bằng những ngày này, anh không nên để chất chứa những u uẩn trong lòng. À mà anh có mệt không, nghỉ chút đi. Chắc không có bà vợ nào chịu chồng kiêu này.

-Không kiêu này thì còn kiêu khác

-Dẹp ông đi. Lúc nào cũng đùa được.

-Ừ thì dẹp chứ đâu còn gì nữa.

-Em về đó.

-Thôi viết thêm chút nữa đi. Anh biết sức khỏe của mình.

Tôi ngủ. Một giấc ngủ êm ả.

-Khoan đã, anh có chữ nào khác với chữ êm ả không, hình như ở trên đã có rồi.

-Anh không nhớ, thì em sửa sau giùm anh đi.

Nước biển vẫn đang được chuyển ở hai tay. Có tiếng mưa rào rào trên mái. Không biết giấc ngủ kéo dài bao lâu, khi tôi thấy lạnh thì tôi tỉnh giấc, định lên tiếng gọi em ơi thì tôi thoáng trông thấy một người đàn bà mặc bộ áo quần màu đen đứng dưới đuôi giường. Tôi vội nhắm mắt lại. Kim, hình ảnh mà nếu

tôi đã phải chết đi, thì là một trong những hình ảnh thân yêu cuối cùng mà tôi đã nghĩ tới, đã mang theo trong cái khoảng cách cực ngắn giữa tỉnh mê, sống chết, là vết hằn đầu tiên của đường chỉ tay gọi là mạng đạo trong cuộc đời tôi, mà từ đó lúc nào, cho dù không muốn nhớ, cái hình ảnh đó cứ bâng bạc, hòa nhập, lẫn lộn theo từng bước chân đời. Cách đây một tuần, nghe tin chồng nàng bị tử nạn, tôi về thăm và tặng nàng bức họa chính tay tôi vẽ, copy lại tám ảnh "Tiếc Thương" của nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh, với tám thẻ bài mang tên chồng nàng. Bạn bè tôi cho đó là điềm không nên.

Tôi hé mắt nhìn nàng. Nàng cúi đầu, hai tay khoanh trước ngực, đôi mắt đăm chiêu. Người đàn bà trong bức ảnh Tiếc Thương với những giọt nước mắt xót xa, đau đớn đã bước ra khỏi bức họa và đang đứng lặng lẽ, sâu kín không dấu được ánh mắt quặn thắt, vô vọng. Tôi nhìn nàng thêm lần nữa để biết chắc mình không đang nằm mơ - thực tế tôi không hề thấy mộng mị gì từ hôm bị giải phẫu cắt một quả thận - một Kim mệnh môn, thực sự đang đứng đó, thâm lặng như một giấc mơ. Em hãy cứ im lặng mãi như vậy, để tôi tưởng mình gặp lại nhau ở một chiêm bao xa xôi nào. Nỗi xúc động đã làm tôi mê đi, khi tỉnh dậy, Kim đã trở về bức ảnh Tiếc Thương, tay cầm tám thẻ bài không mang tên tôi, với mấy giọt nước mắt lăn trên má. Tại sao tôi đã tặng nàng bức ảnh đó ? Phải chăng trong tận cùng tiềm thức, tôi cũng đã mừng vì cái chết của chồng nàng.? Hay đúng hơn mừng vì nàng không còn thuộc về ai nữa.

- Tàn nhẫn.

-Anh nghĩ cái ta của anh không đến nỗi độc ác như vậy. Đó chỉ là một cách phân tích, lý giải cái tâm trạng mâu thuẫn của mình. Em có buồn với đoạn vừa viết không ?

-Dạ có. Nhưng em nghĩ để anh nói ra tốt hơn để nó âm ỉ, như là oxyt hóa anh. Đó là cái vũng nước tù đọng trong tim anh, và cũng trong lòng em. Khi anh nói ra thì cũng như là tháo cho nó chảy đi hết.

-Thật ?

-Dạ thật. Để anh xem, không hết thì cũng nhẹ lòng hơn. Quan trọng là có muốn nhẹ hay không. Sao anh không hỏi em là mộng hay thực ?

-Sao phải hỏi. Anh nghĩ là em hiểu em có nên nói cho anh biết hay không. Em đọc lại từ đầu anh nghe đi. anh nghĩ một chút, nếu anh ngủ, em cứ về. Kê lại giùm anh cái gối dưới chân. Cứ đọc đi, anh chưa ngủ ngay đâu. Chiều có xuống em nhớ hỏi bác sĩ, có thể cho anh uống chừng một muống nước sinh tố gì đó được không.

Hai ông cao su được lấy hẳn ra khỏi hông tôi, để lại hai lỗ sâu hoắm. Người ta dùng kéo gấp bông nhúngalcon còn ngoáy sâu vào đó để rửa, rồi băng lại. Hôm nay tôi được chuyển một chai huyết thanh. Tôi đã nói chuyện nhiều được, nói nhẹ nhàng dễ dàng hơn những lúc phải cố gắng đọc cho vợ tôi viết. Buổi trưa tôi đọc cho vợ tôi chép thêm một vài đoạn về những ngày nằm ở đây, với tôi giống như thói quen ghi nhật ký. Tôi không cần chải chuốt mấy, mọi việc đã như được xếp sẵn từ những mê thiếp, những im lặng của ý tưởng. Tôi nói với vợ tôi, anh dành cho em cách ngắt câu, phân đoạn, những chấm phẩy. Anh tin là em đã quen thuộc ở anh khi nào cần bắt đầu và khi nào phải dừng lại. Chiều, tôi ngủ một giấc dài, với giấc mơ đầu tiên, tôi thấy mình đi vào một khu rừng, thật sâu trong rừng là căn nhà của tôi có vợ con tôi ở đó. Bỗng chỗ tôi đang đứng bốc cháy và đám cháy bùng lớn. Trong đám lửa đỏ rực sao lại có Kim, nàng dây dưa, gào thét, hai mắt mở lớn hốt hoảng, đón

đau. Tôi choàng tỉnh. Trong suốt mấy ngày qua tôi không hề thấy chiêm bao, Ba tôi nói theo y lý đông phương, thận thuộc thủy, thủy tạo ra chiêm bao, nếu thận hoạt động yếu hoặc hỏng, chiêm bao có thể rối loạn hoặc tắt hẳn. Như vậy hôm nay quả thận còn lại của tôi đã hoạt động lại.

Đến tối thằng em kể tôi từ đơn vị xuống thăm. Lúc nào nó cũng đùa được. Tôi biết nó đóng kịch cho tôi vui, làm sao dấu được tôi những hốc hác vì âu lo trên mặt nó. Nghe nó nói chuyện một chập, tôi ngủ quên đi.

Tôi thức dậy sớm. Bụng đói và thèm ăn, nhưng bác sĩ chưa cho phép. Tôi đọc cho vợ tôi chép thêm được mấy đoạn. Ngày nào cũng có người thăm viếng, Vợ tôi nói trái cây, sữa, bánh hộp, trứng gà ở nhà chất đến cả 3, 4 mét khối - mà tôi thì chưa đụng được đến món nào !

Gần tối người tôi phát sốt, Bác sĩ cho thêm liều trụ sinh gì đó. Càng lúc tôi càng bị sốt cao. Tôi lại mê mê tỉnh tỉnh, bên cạnh tôi có cả Mẹ tôi, em gái tôi và vợ tôi thường hơn. Có gì nghiêm trọng chẳng ? Vợ tôi không cho tôi đọc nữa, và hình như thỉnh thoảng ba mẹ con đều đỏ mắt.

Ghi chú :

Có khi tỉnh lại, anh cầm tay tôi dặn, nếu anh không đọc được nữa, em viết thêm " có lẽ anh còn định viết dài hơn nữa ". Bây giờ dài ngắn gì anh cũng không còn đọc được. Không bao giờ còn nói gì với tôi nữa.

Tuy Hòa, mùa đông năm 1974

██████████

PHẠM VĂN NHÀN

Chuyện...

Anh đứng trên tấm ván bên cánh cửa hông của ngôi nhà chồ (*), chờ tôi. Anh cười: nhà khó tìm nhỉ? Tôi bước lên tấm ván vừa nói vừa cười : thì hỏi mấy đứa nhỏ về anh, đứa nào cũng biết.



Những tấm ván như những con đường nhỏ, hẹp vừa đủ cho một người đi. Nhưng lại là những con đường thân quen với tất cả mọi người đang sinh sống nơi đây. Tôi nghĩ như thế; vì xóm nhà ven sông này đã có từ bao đời khi tôi lớn lên hiểu biết và đã có xóm nhà này rồi. Xóm nhà của những ngư phủ, sống bằng nghề sông nước. Ngôi nhà không rộng lắm, nhưng thoáng mát.

Hầu hết những ngôi nhà ở đây trông như có vẻ những ngôi nhà cất tạm, vách ván, mái tôn. Tôi đã từng đi ngang qua bờ sông này nhiều lần, phải nói là nhiều lần khi tuổi thơ của tôi vẫn gắn liền với thành phố biển này. Tuy đi lại nhiều lần như thế, nhưng chưa có lần nào đi sâu vào cuộc sống của những người dân sống trên sông nước ở cái xóm chài này. Hôm nay là lần đầu tiên tôi vào chơi trong cái xóm nhà chồ ven sông, sau khi quen anh. Quen anh. Vâng, cũng rất tình cờ khi ngồi hóng gió mát trên sông vào những buổi chiều rảnh việc. Cũng từ lạ sau quen. Và thành thân nhau, Có lẽ vì có chung một ý nghĩ của

những năm tháng mà tôi cũng như anh đã trải qua.
Rách việc!

Ngôi nhà có vẻ vắng và trống trải. Nơi phòng khách là một gian thờ chỉ có một cái bàn kê độc nhất. Sạch sẽ và mát. Trước nhà là một mái hiên có chấn song gỗ. Hình như nhà nào cũng giống nhau như thế. Sàn nhà làm bằng ván, được quét dọn hàng ngày nên láng bóng. Anh không mời tôi ngồi nơi chiếc bàn độc nhất giữa phòng khách, mà ra ngồi nơi mái hiên trước nhà.
“ Uống một chút gì cho cay cay?” Anh hỏi tôi.

“ Vâng! Một ít thôi.”

Anh đi vào nhà trong. Tôi ngồi dựa lưng vào thành lan can nhìn ra mặt sông. Buổi chiều, ánh nắng vàng còn lại soi bóng trên những con sóng nhỏ lăn tăn, loáng thoáng trên mặt nước ở phía thượng nguồn. Ngôi nhà chồ của anh ở dãy ngoài cùng của xóm. Buổi sáng, nước rút xuống lộ ra những chân cột nhà bám đầy rong rêu. Những chiếc ghe thúng cột vào chân cột nhà nằm chơ vơ trên mặt bùn, những con cá ngựa nhảy lặn tăn, những đứa trẻ lội bì bõm bắt những con ốc.. Buổi chiều, nước lên, mặt sông lênh lênh nước. Nước như muốn lìm tới sà nhà.

Nếp sống ở đây có vẻ ồn ào của một xóm lao động biển. Những tiếng gọi nhau. Những tiếng cười của trẻ con. Những tiếng chân chạy trên cầu ván khi ghe đánh cá từ biển khơi về. Những con đường làm bằng ván là những lối đi của hàng bao nhiêu con người gánh những gánh cá từ dưới ghe lên, ồn ào nhưng lại là một cuộc sống quen thuộc và bình dị. Những đứa trẻ ở trần hùng hục, mặc độc nhất một chiếc quần cụt, ngắn ngắn, những mái tóc cháy nắng vàng hoe, khét lẹt, thất học. Nhìn chúng thật vô tư tuổi thơ trên sông nước. Anh nói: tôi cũng đã trải qua tuổi thơ như chúng bây giờ. Có điều, tôi khác chúng một chút là

được tới trường để mong thoát khỏi cái cảnh đi ra biển như cha mẹ tôi. Mỗi lần gặp anh ngồi nói chuyện trên bến sông, anh vẫn mong tạo cho những đứa trẻ trong xóm có một nơi để ngồi học, dù anh không có trình độ của một người thầy qua trường lớp hẳn hoi, nhưng với tấm lòng mong muốn để cho lũ trẻ khỏi thất học, anh đã làm dù còn hạn chế, ngay sau thời buổi của năm 1975 khó có ai như anh. Tôi nghĩ về anh như thế.

Một đôi, anh mang ra chai rượu trắng với những con khô mực từ nhà sau. Anh cười: cây nhà lá vườn nhé. Tôi cũng họa theo: gió mát thế này có một chút cay cay thú vị lắm.

Buổi hội ngộ đầu tiên trong ngôi nhà bên sông của anh tôi mới hiểu thêm về cuộc sống của anh. Bấp bênh trong những ngày kiếm sống tại Sài-gòn. Không có một chỗ ở nào nhất định. Sống ở những khu lao động thì sợ cảnh sát tuần tra, ruồng bỏ, bắt quân dịch. Anh trốn lính, sau khi học xong trung học. Những người bạn hồi còn nhỏ, tóc cháy nắng ngày nào, tới tuổi đi lính, theo ghe ra biển trốn, nhưng cũng không thoát được, và rồi trong những ngôi nhà chồ ven sông này, những tiếng khóc lại vang lên. Khóc cho những người thân mất ngoài biển khơi vì những cơn bão. Khóc cho những người thân chết từ một chiến trường nào đó được mang về. Trong những ngôi nhà chồ này lại có những tấm hình của những người thân mặc áo lính để trên bàn thờ, không phải là những chiếc áo bà ba nhuộm màu chàm đi chân đất của những bà con trong xóm chài của anh. Tôi liên tưởng đến những người dân chân chất trong cái xóm của anh, những đêm không đi biển, họ chỉ biết tìm cái thú vui là đi xem hát ở rạp hát bên phố. Những phim ảnh Ấn Độ,

những gánh hát cải lương từ Sài-gòn ra là những thú vui hấp dẫn họ. Những con người chỉ mặc một loại áo bà ba hay pyjama nhuộm chàm, đi chất đất, chữ nghĩa vừa đủ để họ đọc được một bản tin nào đó là được rồi. Cuộc sống của họ vẫn là cuộc sống lênh đênh trên sông nước. Cho nên, với anh, có được cái bằng trung học là sung sướng lắm rồi, anh bảo định chọn cái nghề gì đó để làm, nhưng thời buổi chiến tranh thì chẳng làm được gì, cùng lắm vào lính thì cũng ra thụ huấn ngoài Đồng Đế. Những người bạn của anh nói, hãy theo ghe ra biển đánh cá, ở ngoài đó dù gì họ cũng ít kiểm soát hơn là trong đất liền. Nhưng, gia đình thì sống bằng nghề biển mà anh lại không theo nghề làm sao ra biển được. Từ khi ba anh chết trong một trận bão. Anh nhớ lại ngày ấy, những người đi theo ghe của ba anh đều chìm sâu dưới lòng biển cả. Những người đàn bà và trẻ con thật tội nghiệp, ngay cả mẹ và hai anh em của anh. Cứ ngồi trên bờ biển ngóng trông. Chân trời phủ đầy mây, gió thổi mạnh. Sóng to dựng đứng như một ngôi nhà cao tầng bên phố đang cuốn hút những chiếc thuyền đánh cá chẳng khác nào như những chiếc lá trôi trên dòng sông, dòng suối. Anh biết cơn bão đã đến và anh đang trông đợi một tin tức nào đó từ đêm nay. Có thể, nhờ ơn trên mà họ thoát chết. Nhưng không, cơn bão rồi cũng qua đi. Và, những chiếc thuyền đánh cá không bao giờ trở về đất liền. Ngày qua ngày, những người trong xóm cũng chạy dọc theo bờ biển để tìm xác người thân xem có trôi dạt vô không. Nhưng chẳng thấy. Nghề biển như một nghề tạm. Sống đó rồi chết đó. Anh nói thế, cho nên, anh không theo nghiệp của gia đình anh, anh bỏ lên đất liền, lang thang kiếm sống. Rồi đến tuổi phải vào lính, anh trốn.

Nhấp một ngụm rượu nhỏ, anh nhìn ra mặt sông. Thủy triều đang lên. Những cánh chim chiều bay ngang qua những ngôi nhà để về một nơi nào đó trên thượng nguồn của dòng sông tuổi thơ anh, buông lên những tiếng kêu buồn, mà vô tình anh cũng chẳng bao giờ tìm hiểu dòng sông tuổi thơ anh phát nguồn từ đâu. Những dòng sông lớn trên quê hương mà một thời rất xa, anh đã học trong những giờ địa lý, rồi cũng trả lại cho thầy.

Sông thì vẫn như ngày nào. Thủy triều vẫn lên rồi xuống. Nhưng, với anh, cuộc sống trước và sau này vẫn còn nhiều lận đận. Trong chiến tranh, anh tâm sự trốn một thời gian rồi cũng bị bắt quân dịch. Một buổi chiều cùng với ba người bạn đi làm thuê từ dưới bến tàu Sài-Gòn lên thì bị cảnh sát chặn hỏi giấy. Hai người bạn hợp lệ, còn anh thì không. Tổng vào trung tâm ba tuyến mộ nhập ngũ thời gian ngắn thì đưa vào Quang Trung. Ba tháng quân trường rồi tổng xuống miền Tây chiến đấu. Không ngờ, anh gặp một ông thượng sĩ quản gia cho một ông lớn, người cùng quê biết anh, giới thiệu, ông lớn đưa anh về làm người gác gian cho một khu chung cư do con gái ông làm chủ. Anh nói, không biết gọi đây là khách sạn hay gọi chung cư, vì khách ở đây thuê phòng dài hạn, gồm đủ mọi thành phần: lính, giáo viên, dĩ điểm, bán hàng rong... Những vui buồn nơi khu chung cư này theo anh cho đến cuối tháng tư năm 1975 thì chấm dứt.

Tôi nói, như vậy anh thuộc loại lính “con ông cháu cha” dù gì vẫn còn sướng hơn những anh em khác, chứ không thì cũng phải vác súng ra mặt trận. Anh cười, xé một miếng khô mực chấm vào nước tương ớt, đánh một ngụm rượu rồi nói: vâng, phải nói là như

vậy. Nhưng “con ông cháu cha” cái chó gì, chẳng may “chó táp phải ruồi”. Rồi anh nói tiếp: tôi như một chứng nhân ở khu chung cư này, con gái của ông lớn có một cái văn phòng nhỏ đối diện với căn phòng dành cho người gác gian, Cô ta chẳng làm gì, cứ cuối tháng tới để tiền thuê phòng, hay có ai tới thuê phòng hỏi tôi và hẹn cô ta đến. Tôi hỏi anh: chắc con của mấy ông lớn đẹp và sang lắm ? Anh lại cười, không biết ai thì sao, chứ cô này sang thì có sang, nhưng chẳng có gì để tôi... tương tự cả. Tôi chọc: đĩa mà đòi đeo chân hạc ư? Thật đấy, anh hóp một chút rưng cười và nói.

Phòng dành cho người gác gian vừa đủ rộng để kê hai cái giường bố nhà binh và cái bàn hai cái ghế. Cái bếp nấu bằng dầu hỏa để trên cái ghế dài cùng những thứ linh kinh để đủ sống qua ngày. Anh trầm ngâm: như thế là nhất tôi rồi, phải không? Dù gì cũng sung sướng hơn ngàn lần đối với những bạn cùng khóa học trong quân trường với tôi. Chắc cũng có thằng ngã xuống rồi. Từ lúc về khu chung cư này bộ áo quần nhà binh tôi không mặc nữa, và cũng chẳng ai hỏi giấy tờ tôi. Cứ thế mà ngày lại qua ngày làm cái anh gác gian mở cửa và đóng cửa. Tiếng kêu cánh cửa sắt ngày nào vẫn thế, quen thuộc lạ lùng. Có những hôm nửa đêm về sáng, những cô gái bán bar về khuya, say mướt, đập cửa rầm rầm. Tôi phải mở. Rồi những tiếng chửi thề vào mặt tôi của một người lính nào đó đi theo cô gái về phòng. Rồi những tiếng chân người đêm đêm nện gót giày trên những bậc thang lầu, nghe rất rõ và cô đơn. Tôi chịu đựng và quen đi với những tiếng chửi và những tiếng động ấy. Cũng vẫn là những tiếng động nhàm chán nhưng lại rất thân quen của một khu chung cư mà hầu hết là những người

thuê là những hạng người có một cuộc sống thấp trong xã hội. Ngoài một vài ông thầy giáo có vẻ đạo mạo hơn, bỏ ngoài tai những tiếng động tâm thường ấy. Nhưng chắc gì, về đêm, những ông thầy giáo này không có cùng một ý nghĩ như tôi!

**

Chiều nào cũng thế, cái thú vui còn lại của tôi là ngồi trước khu chung cư nhìn những người qua lại. Những em bé bán báo rao trên vỉa hè. Những bà bán hàng rong. Những cô gái đi dạo. Hầu như chiều nào cũng thế, đó cũng là thú vui duy nhất còn lại của một người gác gian, anh bảo với tôi như thế. Và, cũng vì ngồi như thế, một buổi chiều anh gặp người bạn gái cùng trong xóm đang đi tìm việc làm. Tai họa đã đến với anh khi cô chủ con của ông lớn tới văn phòng và thấy cô bạn gái đang ở trong phòng của anh. Cô hung dữ, vung tay múa chân và có những lời nói thô lỗ với tôi, và người bạn gái. Tôi nghĩ, với một cô gái có ăn học như cô ấy không thể có những lời nói giống như hạng người mà tôi thường gặp trong ngôi chung cư này (dĩ nhiên). Anh buồn và kể tiếp. Đang buồn và chán nản, thì một buổi sáng, cô ta lái xe tới, và bảo: chiều tới gặp ba tôi. Nhớ đấy! Cô ta nói ngắn gọn như một mệnh lệnh dành cho kẻ ăn người ở trong nhà của cô, và lái xe đi. Cô bạn gái của tôi lo sợ cho tôi sẽ mất việc làm.

Buổi chiều đi gặp ông lớn tại nhà riêng, tôi mặc vào người bộ áo quần nhà binh. Cô bạn gái đứng trố mắt, nhìn: bộ anh là lính hả? Tôi cũng chỉ biết cười cười. Gặp ông, về mặt sùng sộ của một cấp chỉ huy đối với thuộc cấp. Ông nói tại sao tôi đã cho đi vào chung sống trong căn phòng dành cho người ăn kẻ làm của

gia đình ông . Tôi nói với ông là không đúng những gì mà con gái ông thấy, đó là người bạn gái của tôi ở tạm để tìm việc làm. Nếu không ông cho tôi trở ra đơn vị chiến đấu ngay bây giờ, vì ông đã xúc phạm tôi. Ông to tiếng, tôi tự ái cũng to tiếng chẳng biết sợ lúc ấy. Ông nên tìm người khác thay tôi ngay bây giờ. Nghe tôi nói, ông đưa bàn tay ra trước mặt. Những ngón tay xò ra như ngăn chặn câu nói của tôi lại. Năm ngón tay ông như năm trái chuối ngự, một ý nghĩ thoáng nhanh trong óc tôi khi tôi nhìn thấy những ngón tay to như trái chuối ấy. Có lẽ, cũng từ một thành phần lao động nào thoát xác sau những năm tháng đi lính cho lê dương, rồi lên quan, lên chức thành cấp chỉ huy sau khi bọn Tây rút về nước. Tôi chán ngán, đứng dậy chào ông ra về để chờ ngày ông trả tôi về đơn vị tác chiến. Dù gì thì ở đâu, tôi cũng chỉ là thằng lính quèn, phải không. Nhưng anh biết không, ông thượng sĩ quản gia khuyên tôi đừng làm như vậy, ráng nhẫn, vì cuộc chiến ngày càng khốc liệt. Người quản gia tiễn tôi ra cổng và khuyên tôi. Anh bảo với tôi như thế. Rồi những ngày tháng chẳng còn bao lâu, tình hình càng ngày càng xấu đi. Chung cư như một cái chợ ồn ào bàn tán, những người lính thuê phòng cứ ứng trực trong đơn vị, không về. Những ông thầy giáo thì ủ rũ. Những cô gái làm đĩ, bán bar không còn ngồi tụ năm tụ ba nơi hành lang dũa móng tay, móng chân. Họ bàn tán, nghe ngóng nào là Sài Gòn sẽ đổ máu. Đàn bà con gái nào sơn đỏ móng tay móng chân sẽ bị rút móng, cho chết luôn... họ hỏi tôi: còn anh thì sao, có về quê không? Tôi chỉ cười, nói chẳng biết làm sao cả. Cái thân gác gian này chẳng làm gì để phải sợ. Rồi bọn con gái nói: bộ anh là việt cộng hả. sao không sợ? Tôi chẳng biết nói gì, chỉ nói thì các cô cắt móng tay

đi, để nhón làm gì, sơn đỏ sơn xanh làm gì...Tháng ba năm ấy, cô con gái ông lớn lái xe chạy tới khu chung cư, mở cửa văn phòng vội vàng, lấy cái gì đó, rồi lái xe đi ngay. Tôi vội chạy theo, gọi: cô ơi...cô ơi...

Cô vội chạy mất. Tháng tư lo âu buồn bã. Khu phố quản lý ngay khu chung cư này. Tôi vẫn làm cái nghề mở và đóng cánh cửa sắt theo lệnh của họ một thời gian...khu chung cư vắng dần khách cư ngụ. Và, sau đó, họ bảo tôi ra đi giao lại cho họ tiếp quản.

Về quê, chẳng ai biết tôi làm gì, như một kẻ vô công rồi nghề đi đó đi đây trở về lại ngôi nhà cũ này. Ngôi nhà mà ngày xưa anh lớn lên, tiếp nhận những đứa trẻ con trong khu xóm chài về , mở lớp dạy học kiếm sống. Có khi là con cá, kí gạo. Có khi là con tôm con tép...của cha mẹ chúng đem tới cho, sống qua ngày. Và, lũ trẻ con trong xóm đứa nào cũng biết anh. Tôi tìm ra nhà dễ là vậy.

Tôi nhìn anh. Rồi nhìn ra dòng sông. Chiều đã xuống thấp. Dù gì, trong ngôi nhà này cũng còn có một chỗ cho lũ trẻ có nơi ngồi học, còn hơn là rong chơi, chạy nhảy khắp nơi. Như ngày nào, anh nói, tóc anh cũng vàng hoe như chúng.

Những ngôi nhà bên đã lên đèn. Anh ngồi duỗi chân trên sàn nhà, đầu dục vào chân song gỗ, đề nghị: hay anh cùng tôi tiếp sức cho lũ trẻ ...Tiếp sức với anh để lo cho lũ trẻ khỏi bị thất học, được lắm chứ, dù không tiền, nhưng cũng có con cá, con tôm từ cha mẹ chúng cho sống qua ngày. Được lắm chứ!...Nhưng tôi không hứa, bởi tôi còn gánh nặng gia đình. /.

(*)Loại nhà cất sát bờ nước phải có trụ hay cột chống chân cho nước khỏi ngập.

TRẦN YÊN HÒA

BÊN TRỜI LẬN ĐẠN



Buổi chiều Sài Gòn trời đã bớt nắng, dù cái nóng vẫn còn hầm hập xông xối xả vào mặt, vào mắt, vào miệng mọi người. Xe cộ chạy ùn ùn bên ngoài lộ chính.

Ngồi trong quán lẩu dê có bốn người, Chức, Ngân, Phục và Thiệu. Bữa nhậu sau hơn chín, mười năm, có người mười một, mười hai năm mới gặp lại nhau. Mới đó mà đã lâu quá, thời gian trôi lẹ thiệt.

Bây giờ, gặp lại, người nào cũng tả tơi như cái mền rách. Chức và Phục thì đạp xích lô, Ngân và Thiệu thì bỏ mỗi hàng xe đạp. Như vậy họ đã có một nghề để kiếm ăn, chẳng cần nhân danh Lao Động Là Vinh Quang, họ cũng tất tả tìm việc làm và làm việc chí cốt, cật lực. Đối thì đầu gối phải bò, câu nói từ ngàn xưa lúc nào cũng đúng.

“Bộ tứ” Phục, Chức, Thiệu, Ngân hẹn nhau mấy lần rồi nhưng mỗi người một công chuyện nên chưa gặp nhau được. Hôm nay coi như lần đầu tiên họ đoàn tụ. Tất cả là

bạn tù cải tạo, mà đã qua lò cải tạo rồi thì ai cũng thấm mùi, thấm đòn, thấm gian nan khổ ải. Nếu có sự

nhân quả, kiếp sau, diêm vương, chín cửa ngục, thì đó là cửa ngục thứ chín họ đã trải. Đúng y chan, không sai chạy vào đâu hết.

Quán lẩu dê ở khu Phú Nhuận là quán bình dân, thụt vào sâu trong hẻm. Mới năm giờ chiều mà khách nhậu đã ngồi gần đầy các dãy bàn nhựa màu đỏ. Những cái bàn hình vuông nhỏ, bốn cái ghế cũng bằng nhựa, thấp lè tè.

Thiệu lên tiếng trước, ra chiều thông thạo:
“Ở đây có đủ loại món nhậu bằng thịt dê, vú dê nướng, có cả rượu huyết dê hay rượu ngọc dương. Các loại rượu này uống vô là bùng bốc sung độ ngay. Các bạn muốn gì kêu nấy.”

Phục đưa ra ý kiến:

“Mình chơi hai món trước là vú dê nướng và thịt dê luộc đi. Tôi đạp xe nhiều nên xin uống rượu ngọc dương cho lên gân cốt.”

Tiếng Ngân góp ý:

“Tôi thì các bạn thế nào tôi theo thế đó, thằng này không ngăn ai cả, chơi tới bến luôn, cùng lắm say xin thì có hai thằng “dân biểu” bạn tôi chở về nhà.”

Chức bây giờ mới lên tiếng:

“Các bạn sung độ thì còn có chỗ xả, chứ tôi độc thân côi cút một mình chỉ còn có nước chơi chị năm.”

Mọi người cùng cười, Ngân cướp lời:

“Tau cũng như mày chứ có hơn gì đâu.”

Thiệu kêu món nhậu theo ý Ngân kèm thêm một lít rượu ngọc dương.

Người phục vụ đem ra một đĩa thịt dê luộc, một đĩa vú dê nướng còn đang bốc khói, một lít đế ngọc dương, một cái ly nhỏ, một xô nước đá để “chữa lửa”. Thiệu là đàn anh nên anh coi như chủ xị, anh vừa rót rượu ra ly, vừa lên tiếng:

“Tôi dù sao cũng lớn tuổi hơn các anh nên tôi xin phép được uống trước ly này, chúng ta uống xoay vòng, không ai được làm rào cản, ly này tôi mừng cho chúng ta còn sống, còn được gặp nhau ngày hôm nay.”

Thiệu đưa ly rượu lên miệng ực một cái ngọt xót.

Thiệu rót ly thứ hai, đưa cho Chúc, rồi cho Phục, cho Ngân. Có rượu, có thịt dê ngon, khiến ai cũng bùng bốc.

Chúc cầm ly rượu của vòng thứ ba lên, để kè môi, nhưng chưa uống. Chúc nói:

“Hạnh ngộ, thực là hạnh ngộ. Mười lăm năm rồi từ ngày dứt phim, từ ngày tôi khăn gói lên đường học tập, tưởng bỏ thân ở xó rừng, bờ bụi nào. Nào ngờ bây giờ anh em mình được gặp nhau. Thôi đừng nói đến ngày tháng cũ nữa, còn gặp nhau là vui rồi, hãy nói chuyện tương lai đi.”

Ngân phát ngôn:

“Tụi mình, đũa nhẹ thì bốn năm như thằng Phục, đũa vừa thì sáu năm như tôi, thằng Chúc, tám năm như anh Thiệu, còn một số đang đếm lịch dài dài. Tôi với anh Thiệu giống nhau, vợ con tan đàn sẽ ghé, không buồn sao được.”

Phục lúc này mới lên tiếng:

“Mình hôm nay uống rượu là mừng đoàn tụ mà, đừng nói chuyện không vui. Chẳng có chuyện gì buồn cả. Mất vợ chưa chắc chuyện đã buồn, biết đâu mày sẽ lấy một em thơm hơn, đẹp hơn, trẻ hơn thì sao?”

Xoay vòng thế mà đã năm ly, mặt người nào người nấy cũng đỏ gay. Phục xoay câu chuyện qua đề tài xuất cảnh:

“Thôi, tôi xin nghe lời anh Thiệu. Bỏ hết chuyện cũ, chuyện gia đình. Mình nói chuyện mới, như báo chí đã đăng thông cáo về chương trình HO. Anh em đã

nộp hồ sơ hết chưa?”

Chức mau miệng:

“Tôi độc thân nên khoẻ re, anh chị tôi bên Mỹ đã bảo lãnh tôi mấy năm rồi, bây giờ tôi làm hồ sơ chỉ bỏ tức thêm thôi, có thể Mỹ sẽ chuyển tôi qua diện HO để anh tôi khỏi tốn một khoản tiền trợ cấp.”

Ngân tiếp lời:

“Tôi thật là rầu hết biết, ở tạm trú không ra tạm trú, mình đã cho thằng công an khu vực ăn tràn họng ra, đến khi ra phường nhờ nó ký giấy tạm trú, nó nói chẳng biết mình là ai.”

Phục than thở:

“Tôi cũng vậy chứ có khác gì ông, tôi ở kinh tế mới về, tạm trú ở phường hẫng hoi, cho công an ăn dài dài, khi mình ra phường làm hồ sơ nó lại bảo mình về kinh tế mới ký giấy, thế mới rầu. Thế nào tôi cũng phải về lại trên đó một chuyến.”

Phản Thiệu thì thê thảm hơn:

“Tôi về vợ tôi bỏ đi đâu tôi cũng không biết, thế mà khi nộp hồ sơ, trên phường bảo tôi phải kiếm vợ về cùng đi, không có vợ phường không chịu ký, không biết kiếm ở đâu bây giờ, bả bắt vô âm tín, bóng chim tăm cá biết đâu mà tìm.”

Ngân pha tro cho vui câu chuyện:

“Tìm em như thể tìm chim, em bay biển bắc anh tìm biển đông, sao anh không nhờ đàn em dưới quyền của ty cảnh sát đi tìm dùm cho, hờ ông thiếu tá.”

Chức bầm vai Ngân:

“Ở đây tai vách mạch rừng, đừng nói lang bang, nguy hiểm.”

Cái bầm vai của Chức làm Ngân tỉnh cơn mê, trong cơn chuẩn choáng anh đã quên đi là anh đang ở trong một đất nước, mà một sơ hở nhỏ trong lời nói cũng bị kết tội là phản động và đủ mọi thứ tội khác,

từ nhẹ đến nặng, khi đã nâng lên hàng quan điểm, thì chuyện con kiến cũng sẽ biến thành con voi.

“Bộ tứ” trông ra ai cũng lao đao về chuyện đơn từ, hồ sơ. Cái quan trọng nhất là cái hộ khẩu thường trú. Những người đi cải tạo trở về đều không được cho ở thành phố, dù trước đây họ từ thành phố theo lệnh của uỷ ban quân quản mà đi trình diện. Chính quyền đã lý luận một cách chắc như bấp là thành phố quá đông người, cần phải dẫn dân, chỉ những vùng thôn quê hay vùng kinh tế mới, ở đó mới chính là môi trường để họ đem sức ra lao động sản xuất của cải vật chất. Nói đúng ra, thì họ phải đi đây, đây biệt xứ cho hết kiếp, mới xứng với *tội ác* của họ đã gây ra.

Trở về lại thành phố khi các vùng kinh tế mới không thể nào sản xuất ra được cái ăn. Nhưng thành phố vẫn không cho họ nhập lại hộ khẩu nơi họ từ đó đã ra đi. Cho nên sự việc này là một khó khăn quá lớn.

Thiệu đã say, anh ngắt ngừng nói, bắt đầu coi trời bằng vung:

“Mẹ kiếp nó chó, tau không khai được ở thành phố tau về Long An, nơi tau sinh ra và lớn lên, coi thử bọn nó nói thế nào. Đồ chó má! Cho bọn nó ăn tràn hống ra, khi chúng nó quay mặt lại với mình là chúng quay mặt, không nhân nghĩa gì đâu.”

Chức là người còn tỉnh hơn hết trong bốn người, Chức lấy lòng Thiệu:

“Đừng nói lớn anh Thiệu, không lợi đâu, bọn chó săn lúc nào cũng lớn vồn ở đây, nhất là mấy quán rượu như thế này.”

Câu nhắc nhở của Chức làm ba người như tỉnh rượu. Họ nhớ lại những đêm nằm trong conec lạnh lẽo, bị cùm chân cùm tay vì ăn ten báo lên những chuyện không đâu vào đâu, đã làm họ khổ sở thế nào.

Bây giờ có tức lên chửi đồng, cũng chỉ sướng cái miệng một chút mà mang họa vào thân.

Quán nhậu về đêm càng rộn ràng khách đến nhậu nhẹt. Tiếng la hét, tiếng chửi thề, tiếng nói cười vang động cả một khu vườn. Xã hội chỉ còn là hơi men, hơi men cho quên đi những tháng ngày cực nhục trước mắt.

Nhưng bộ tứ còn có một hy vọng lớn, đó là sự ra đi. Thoát khỏi cái hàng rào vô hình chụp xuống quanh đời họ suốt bao nhiêu năm nay.

Phục chuẩn bị đi về vùng kinh tế mới, nơi gia đình anh đã khai hộ khẩu, để đến công an xã chứng cái giấy tạm vắng. Đó là lệnh của công an phường nơi anh cư ngụ cho anh biết thế. Có giấy tạm vắng anh mới xin tạm trú dài hạn ở đây được. Mà có giấy tạm trú dài hạn thì mới có thể làm những bước tiếp theo, như đơn xin xuất cảnh chẳng hạn.

Anh ngó đi ngó lại trong căn phòng nhỏ anh thuê cho Nguyệt và hai con ở. Căn phòng chật, không có giường, tất cả vợ chồng con cái đều trải chiếu dưới sàn xi măng mà nằm, mà ngủ. Cái lò nấu bằng dầu hôi, nồi, niêu, son, chảo để trên kệ, choáng một khoảng rộng của căn phòng. Không có một cái gì có giá trị để bán. Hai đứa con ngồi học, viết, cũng trên nền xi măng, khi muốn viết chúng phải nằm dài xuống sát nền nhà.

Gom hết tiền để dành của Nguyệt bán bánh mì và tiền chạy xe của Phục đâu được khoảng trên dưới năm trăm ngàn. Nguyệt đi mua hai tuýp thuốc ba số năm, hai lít rượu đế Gò Đen loại hảo hạng để biếu ông Chánh, trưởng công an, và Dậu, phó công an. Vẫn biết Dậu khuynh loát mọi quyền hành nhưng ít

ra anh cũng không giám qua mặt ông Chánh. Còn thêm Tốt, người công an khu vực nữa, nhưng Tốt thì anh nghĩ, chỉ cho hắn nhậu một bữa cũng được rồi.

Trước khi Phục lên đường, Nguyệt dặn dò tỉ mỉ về chuyện cho quà:

“Anh lên trên đó, nhớ tìm đến nhà từng người để biếu quà. Ông Chánh, một chai rượu và một trăm rưỡi ngàn, ông Dậu một chai rượu và hai trăm ngàn. Như vậy cũng mất tiêu năm trăm ngàn tiền vợ chồng mình để dành từ nửa năm nay.”

“Thì muốn được chuyện phải vậy thôi chứ biết làm sao.”

Đó là câu nói vuốt đuôi của Phục cho vợ đừng buồn. Mà Nguyệt cũng chẳng có gì buồn vì nàng đã sống với chế độ này cũng mười lăm năm rồi. Mọi chuyện giấy tờ, cư trú, đi đường, đều được tính bằng tiền. Nói đúng ra, con người hùng hục đi làm kiếm ra tiền để chi cho người có chức có quyền ăn, để cho mình được một cái quyền duy nhất là ở yên, sống yên, mà thôi.

Từ ngày có thông báo về việc xuất cảnh, Phục lo việc đơn từ ngay. Nhưng anh đang đứng trước một tảng băng to bè, choáng trước mặt, đo là làm hồ sơ thì phải có dấu chứng của chính quyền địa phương, mà nơi này thì anh chỉ là tạm trú ngắn hạn.

Khi anh mới về thành phố làm ăn. Anh ra phường xin tạm trú. Người công an cầm cái đơn anh hỏi trông:

“Ở đâu về?”

Phục trả lời:

“Kinh tế mới Bình Minh”.

Người công an hỏi tiếp:

“Sao không ở trên mà về?”

“Dạ thưa anh, làm không ra ăn, vợ con nheo nhóc quá

nên phải về”

“Không có lý do chính đáng.”

Cái đơn được trả lại cho anh với lời phê không cho tạm trú.

Anh về nhà buồn bã, than thở với người chủ nhà thuê, người chủ mách mối:

“Nó đòi ăn đó, anh mua cho tôi túp thuốc ba số, tôi lo cho.”

Phục làm theo, anh đưa tiền cho người chủ nhà và lá đơn. Hôm sau anh chạy xe về, người chủ nhà cầm cái giấy có mộc đỏ chót ra đưa anh. Anh mừng hết lớn.

Rồi Nguyệt và hai đứa con về theo anh, anh cũng tốn cả trăm ngàn mới ghép được vào đơn tạm trú.

Đến bây giờ làm đơn xuất cảnh, anh đem đơn ra phường xin con dấu, thì người công an phán một câu xanh rờn:

“Cái này anh phải về chỗ anh khai hộ khẩu, xin cái giấy tạm vắng, ở đây mới chứng được.”

Phục lủi thủi xách tờ đơn về. Dem chuyện nói với người chủ cho thuê phòng, đưa người chủ một trăm ngàn, người chủ đem ra phường, nhưng hôm sau lại đem trở về, bảo với anh:

“Chuyện này họ nói phải có giấy tạm vắng, thôi anh chịu khó đi về trên đó một lần cho xong.”

Nói thế nhưng người chủ không trả lại anh một trăm ngàn, có lẽ đã cho công an, đưa cho công an làm sao đòi lại.

Phục về bàn với Nguyệt. Cuối cùng thì quyết định anh phải về lại kinh tế mới chứng giấy mới được. Vợ chồng vét cạn hết số tiền gom góp từ bấy lâu nay cũng chỉ được trên dưới năm trăm ngàn. Anh đi mà sao thấy mình giống như Kinh Kha ngày xưa, mang con trủy thủ vào nước Tần đầy bất trắc. Dù chuyện

chứng giấy và gập lại mấy khuôn mặt công an cũng chỉ là chuyện thường. Có lẽ anh bị kìm kẹp lâu ngày nên anh luôn luôn bị mặc cảm của kẻ bị trị.

Chuyến xe đò từ bến xe miền Đông tiến thẳng trên đường quốc lộ mười ba, hướng Thủ Dầu Một mà tiến tới. Ngồi trên xe đầy những hành khách buồn chuyến, tiếng ồn ào chuyện vãn chối tai mà Phục chẳng chú ý đến ai, anh chỉ lầm rầm khấn vái cho chuyến đi suôn sẻ, vì con đường thực hiện hồ sơ xuất cảnh của anh đang ở trước mặt, với biết bao khó khăn. Mà đoạn đường này là đoạn đường đầu tiên anh phải bước qua, phải được thông suốt, nếu nó bị bít lại, tất cả sẽ bị bít luôn.

Vùng đất hứa mà anh mơ tưởng được với tới, vẫn đang ở tít tắp đằng xa, trong bóng đêm dài ngoằn. Anh đang đứng bên này đại dương, chỉ muốn bay lên vút qua không gian, đến đó, mà rất tiếc, anh không có cánh, chỉ có cái thân trần trụi.

Chuyến về khu kinh tế mới, nơi mà gia đình Phục đã sống một thời gian khá dài, đã có kết quả. Ông Chánh rồi Dậu đã nhận tiền, quà của anh. Ông Chánh nói:

“Từ ngày gia đình anh về thành phố, nơi đây trở nên buồn hơn. Anh thấy đó, trụ lại đây có bao nhiêu người đâu, chỉ còn lại là thứ trôi sông lạc chợ, đến đó rồi đi đó. Trường hợp các anh đi cải tạo về được Mỹ đón đi, cũng là một tin mừng chung. Anh đi, đừng quên bọn tôi là được.”

Phục dạ, dạ, vâng, vâng rồi vội vàng rút lui.

Đến nhà Dậu, Dậu tỏ ra vui vẻ.

“Anh quà cáp làm gì cho mất công, tốn kém. Chúng ta sống với nhau vì cái tình. Các anh được đi Mỹ chúng tôi cũng vui, đi qua đó làm ăn khá giả rồi trở về xây dựng đất nước.”

Dậu nói như những cán bộ cốt cán, nói theo đường lối chính sách của nhà nước rất ròng.

Dậu ký tờ giấy tạm vắng dài hạn, đóng con dấu đỏ lên chữ ký ngoằn ngoèo. Phục thở phào nhẹ nhõm, nhưng anh lại nghĩ, nếu không có hai trăm ngàn, cả ông Chánh và Dậu có vui vẽ ký giấy cho mình không? Chỉ có Tốt, người công an khu vực, vẫn xuề xòa. Chỉ mấy xị rượu đế là Tốt cầm bút đề nghị thuận, chuyển lên công an xã xét.

Sau đó, cả Dậu, cả Tốt, ai cũng đề nghị Phục làm *ông anh kết nghĩa*.

Phục trở về thành phố với tin vui vì chuyện đi kết quả, nhưng trong lòng anh vẫn ưu tư vô hạn. Trước mắt còn biết bao nhiêu chuyện phải làm, bao nhiêu cửa ải phải bước qua, mà mỗi cửa ải là mỗi tiền. Vợ chồng anh đã vét cạn những đồng tiền cuối cùng dành dụm. Không biết những bước tới sẽ xoay xở ra sao đây.

Trước tiên là phải đem hồ sơ ra công an phường xác nhận là gia đình anh đang tạm trú dài hạn tại địa phương. Cửa ngõ này là cửa ngõ đầu tiên, cần có tiền mới qua lọt, ít ra cũng năm trăm ngàn, giá bằng một chỉ vàng. Mà bây giờ thì anh chỉ còn cái thân cày lếch trên chiếc xích lô. Còn Nguyệt với cái xe bánh mì, ngoài cái xe, vốn liếng bỏ vào đó chỉ đáng giá một trăm ngàn đồng. Hàng ngày Nguyệt kiếm thêm được mười mấy ngàn, đủ tiền chợ cho cả gia đình.

Anh chưa biết đâu để xoay xở ra năm trăm nghìn.

TRẦN HOÀI THU

Người anh hàng xóm

Đề tưởng nhớ Anh Sô anh
qua đời ngày 28-6-2009



Ngôi nhà gạch với chiếc nền thật cao cùng trên dưới mười bậc thềm khiến người ta liên tưởng đến một ngôi chùa. Nó nhìn xuống một chiếc sân đất rộng. Bên hông nhà, phía trái là chiếc giếng đá. Nơi đây, những người láng giềng vẫn hay tìm đến, gánh đôi thùng nước, hay giặt quần áo. trên nền xi măng quanh thành giếng. Phía phải là vườn cây ăn trái, ổi, mít, bưởi, và có cả một cây cổ thụ lâu đời mà thằng Ty không thể biết tên. Còn một cái hầm đá trong ngôi nhà nữa. Cái hầm thật sâu, đến nỗi từ trên mặt nhìn xuống, nó cũng không nhận ra đáy. Nó chỉ nhận ra một màu tối lơ mờ, cùng những tia nắng may mắn lọt vào, khi nắp hầm được kéo lên.

Đó là cái thế giới của gia đình thím Hy, một gia đình láng giềng của gia đình Ty. Một gia đình gồm một người mẹ và một bầy con. Ba trai và một gái. Một gia đình quá thân thiết với mọi người trong xóm. Như thím Hy. Mỗi buổi sáng tinh sương đã thấy thím xách chiếc giỏ mây đi bộ xuống tiệm may của thím ở dưới phố. Cho đến chiều tối thím trở lại nhà, ăn cơm tối, sau đó tụng kinh. Bọn trẻ yêu mến thím vì sự dịu dàng và lòng từ bi của thím. Đám người lớn thì tìm ở thím một người đàn bà chung thủy, can đảm và tháo

vác. Bởi vậy, thím mới tạo dựng nên căn nhà gạch khang trang nhất nhì trong xóm. Bởi vậy, cái giếng đá bên hông nhà dưới vòm lá vú sữa xum xuê của thím mới lát gạch, tráng xi măng, và trở thành một nơi công cộng. Chẳng những thế, đám con của thím đều đi đến trường, học hành đầy đủ.

Còn nữa. Còn những ngày vui bất tận. Những đứa trẻ vẫn tìm ở cái sân đất của nhà thím Hy một chỗ chơi đùa lý tưởng nhất. Trời mưa chúng thường trần truồng chạy nhảy, rượt đuổi nhau trên mặt đất trơn trượt. Có đứa té, chưa kịp nhả mặt, lại tiếp tục cuộc vui. Còn đêm trăng, chúng vẫn hay về ngồi trên bậc thềm nhà, bu quanh anh Hy - con trai đầu của thím Hy - để nghe anh kể chuyện ma. Anh vẫn thường ngồi ở bậc thềm cao nhất. Tóc anh để dài. Trăng lên trên rặng tre phía sau nhà. ánh trăng làm cái sân trắng thêm như màu bánh trắng. ánh trăng cũng làm những bóng dừa ngoài cổng nhà rủ xuống như những con ma mà anh Hy đã kể.

- Các em biết không. Ma thường thường hiện ra lúc trăng vừa lên. Bởi trăng làm cho ma thấy đường. Như con người thấy đường nhờ mặt trời, con ma thấy đường nhờ mặt trăng. Ma luôn luôn khác với người, có phải không các em?

Cả bọn trẻ gật đầu.

- Các em nghe ma khóc chưa?

Cả bọn lắc đầu.

- Buổi tối, ma hay tụ tập ở chân cầu Hà Ra, Xóm Bóng, khóc lóc kêu lạnh quá đi, cho chúng tôi lửa. Chúng chờ mỗi năm một người chết trôi đến thế mạng...

Lúc này đám trẻ đã ngồi xít lại. Riêng Ty thì nín cả thở, không dám cựa cựa. Hình như nó cảm thấy

một lưỡi dao thật bén đang kề trên gáy nó. ánh trắng làm những bóng của tàu dừa, tàu chuối lay động trên mặt đường như những hình thù ma quái. Nó muốn run. Anh Hy lại càng nói với giọng nghiêm trọng:

- Ma thường hay để tóc dài tận chân. Hai mắt xanh lè.

- Này anh Hy... Ty cất lời.

- Gì đó Ty?

- Con ma ăn bằng gì để sống?

- Nó ăn đồ người ta cúng. Đêm đêm nó về mấy bàn thờ giành giật nhau.

- Anh có thấy ma chưa?

- Thấy. Con ma thè lưỡi với anh. Anh cũng thè lưỡi lại. Nó sợ.

- Anh gan quá há.

Ty phục anh Hy sát đất. Trong xóm, anh là người độc nhất đi học tại trường trung học tỉnh. Chẳng những thế anh lại đi bằng chiếc xe đạp đàn ông. Loại xe đua.

Trong những đêm trăng như thế, Ty nhìn về hướng cầu Hà ra, tâm trí bị ám ảnh bởi những con ma ngồi trên cầu khóc lóc đòi mạng. Ty tự hỏi. Ai sẽ là người kẻ? Rồi nó rùng mình. Nó tin ghê gớm những lời kể của anh Hy. Thần linh ma quái đầy ngập, đông đúc, hiện diện khắp nơi. Bằng chứng là thằng Xuân bị thần bắt phạt làm sung cả một bên má, miệng, vì tội lên chùa Sinh Trung bắn chim. Bằng chứng là bác Lương gái cứ nhảy điên cuồng trên tấm chiếu trong ngôi am trong lúc các bà, các cô chấp tay vái lia lịa: Cậu về. Cậu về... cùng với tiếng nhạc, tiếng hát và nhịp gõ của ông nhạc công, và mùi thơm ngào ngạt của nước hoa. Ty bắt đầu sợ không còn mò trộm những trái quít, bưởi, thanh long, hay những chiếc bánh trắng nhân đậu xanh bỏ lại trên bàn thờ. Ty sợ

đến cả việc bước ra ngoài bóng đêm để đi tiểu trước khi lên giường. Nó sợ cả bụi chuối, đến cây dừa, từ tiếng kêu của côn trùng, ếch ương, ếch nhái, từ cái bóng của nó in đậm trên sân đất trong vùng ánh trăng sáng láng, đến cả tiếng gió vọng về từ con sông đằng sau xóm.

Một đêm mẹ kêu Ty qua nhà thím Hy mượn chực chén cho ngày mai giỗ kỵ. Đêm không trăng, lại đầy gió. Lối qua nhà thím Hy chỉ là một đoạn ngắn, quá chừng quen thuộc với nó, nhưng bây giờ như một bãi nghĩa địa. Gió hú vù vù. Nó nghe cả tiếng răng rắc phát lên từ những thân tre trước những cơn gió mạnh.

Nó nhắm mắt chạy. Khi chạy đến bậc thềm, Nó mới bớt sợ. Nhà đóng kín cửa. Nó muốn mở cửa, nhưng nó bỗng nghe giọng đàn ông, rất lạ từ bên trong. Nó nhìn qua khe cửa. Một người đàn ông khoảng trên dưới bốn mươi đang ngồi ở đầu bàn, bên cạnh là thím Hy, và xung quanh là anh chị em anh Hy. Nó cố gắng nhưng không nghe rõ những gì người đàn ông nói. Nó chỉ nghe được tiếng ba, giọng Quảng mất còn, khó nghe.

Nó lại nhận ra bờ vai bật lên run rẩy của thím Hy. Nó choáng váng. Thì ra thím Hy cũng có cõi bí mật riêng của thím. Để đêm nay, nó tìm thấy ở thím một con người khác. Một người chồng ở đâu đó, rất xa, trở về bí mật và hối hả. Dù trí óc nó vẫn chưa đủ để hiểu biết về lịch sử, nhưng mấy ngày hôm nay, nó cũng biết có một biến cố vô cùng lớn lao xảy đến trên đất nước. Tự nhiên ở chợ Đầm, nhiều cờ lạ xuất hiện cùng nhiều người đàn ông lạ tụ tập. Nó nghe họ kể về những trận đánh Tây, về những ngày trên chiến khu, về cả trận Điện biên Phủ khiến Tây phải đầu hàng. Nó say mê trên từng mẩu chuyện. Nó nhìn họ, tự hỏi tại sao họ lại thắng cả Tây, trong khi họ đi chân đất,

thân thể gầy guộc, yếu đuối. Họ đã vuốt đầu nó, nói:

- Minh thua Tây về thể chất nhưng hơn Tây vì mình có lý tưởng.

Nó mân mê sờ gối hành trang của họ. Nó khao khát được sống như họ. Nó đã từng nghe câu chuyện về một đứa bé tắm dầu làm bó đuốc chạy thẳng vào kho xăng của Tây, chuyện chiếc tàu sắt chở bom bị người thợ lặn ôm cả bộc phá, hy sinh cả thân mình để phá nổ tàu. Nó nói là nó muốn đi với họ. Nhưng họ đã nâng cằm nó lên, nhìn thẳng vào mắt:

- Tuổi em còn nhỏ. Em phải đi học, để một ngày em còn cơ hội phục vụ cho đất nước.

Bây giờ nó biết người đàn ông đang ngồi trong căn nhà thím Hy cũng là một trong những người đã làm nên lịch sử ấy. Với nó, lịch sử là những tên Tây không còn mang súng dài xuống xóm để bố ráp, hay trại binh Lê Dương đã vắng bóng những tên Tây say rượu, hay những biệt thự ở bờ biển không còn thấy những ông Tây bà đầm ngồi phoir nắng bên con chó berger hay Nhật Bản nữa. Và nó càng kính phục thím Hy hơn bao giờ hết.

Những mùa trăng tuổi nhỏ thì luôn luôn đầy đặn, như vàng trắng tròn và sáng vàng vặc hiện trên vòm vú sữa hay mít trên sân. Trên bực thêm xi măng, những đứa bé vẫn tìm đến, ngồi ôm cả lồng ngực mà bên trong con tim như ngưng nhịp đập để nghe anh Hy kể chuyện ma. Từ những con ma gia ngồi trên cầu Hà Ra, Xóm Bống, than khóc đòi mạng. Từ những con ma nhập tràng khi con mèo mun nhảy qua quan tài, người chết mở nắp hòm, sống lại, đuổi theo con

mèo. Từ những con ma trong những chiếc áo trắng, phủ tóc dài xuống tận đất, mà anh Hy nói là ma-đàn-bà. Từ những đóm lửa bay lượn trong đêm mà anh Hy nói là những hồn ma ăn xin vất vương... Ty sợ nhưng nó lại muốn nghe thật nhiều. Nó run nhưng nó muốn biết thêm một con ma mới. Bọn nhỏ càng nép vào nhau hơn, đôi mắt ngược lên trông đợi. Đèn nổi có đũa phải khóc òa vì sợ không dám về nhà. May mà nhà nó sát cạnh, nếu không chắc nó cũng phải như đũa nhỏ ấy.

Nhưng có một người làm Ty phải đặt câu hỏi lại về anh Hy.

Người ấy là chị Nhường, em gái kế của anh. Chị có mái tóc dài, và chiếc miệng luôn luôn tươi nở nụ cười, dù suốt ngày chị bận rộn. Bởi chị là con gái độc nhất, và thím Hy thì đi may ở dưới phố từ sáng đến tối. Chị giặt giũ, nấu nướng, gánh nước, nấu cơm cho heo, quét dọn vườn tược. Chị rất thương Ty. Mỗi lần gặp nó là chị ngoắc lại, chỉ cho nó xem trái ổi hay trái khế chín trên cây, rồi dùng chiếc sào thọc lên. Đôi khi má chị đỏ au vì nắng và cũng vì mệt khiến nó cứ nhìn chị đắm đắm đến nỗi chị phải hỏi:

- Chị có gì không? Sao Ty lại nhìn chị hoài vậy?

Nó trả lời thản nhiên.

- Tại má chị đỏ. Ty thấy chị đẹp.

Chị lấy tay cú đầu nó:

- Thằng bé này còn nhỏ mà biết nói chuyện người lớn.

Nó cãi:

- Chị đẹp thì Ty nói chị đẹp, bộ con nít không được phép nói sao?

Chị Nhường vui vì câu nói của Ty. Và để tỏ lòng biết ơn, chị cúi đầu xuống kề bên tai nó, nói nhỏ:

- Đây Ty để chị tiết lộ cho Ty biết. Đừng tin

những gì mà anh Hy kể. Ảnh nói lão đây. Ảnh nói với chị làm gì có ma quỷ. Tại muốn chọc đám con nít ngây thơ thôi.

- Như vậy không có ma sao, kể cả ma gia ở cầu Hà Ra, Xóm Bống, hờ chị?

- Ty ơi, làm gì mà có. Có đêm chị từ Tháp Bà về khuya, qua cầu Hà Ra, Xóm Bống, đâu có thấy gì...

- Còn ma nhập tràng?

- Cái đó thì chị không biết.

Chị còn dặn thêm:

- Đừng nói lại cùng anh Hy là chị đã mách lại, ghen Ty. Ảnh mà biết ảnh giận chị lắm.

Bây giờ Ty mới có dịp nhận xét anh Hy. Hình như mỗi lần anh thấy đám nhỏ run sợ thì anh càng kể nhiều chi tiết hơn... Các em nghe không... con mèo mun này kỳ lạ lắm, mắt nó xanh lè, nó đi trên nóc nhà, kêu meo meo. Nếu gặp nhà nào có người chết, nó liền phóng xuống... Sau đó anh nhìn mỗi đứa rồi cười lên thích thú. Ờ, tại sao anh lại không tỏ vẻ gì sợ hãi dù những con ma kia quá sức ghê rợn?

Một năm sau gia đình Ty dời về Sài Gòn. Nó hăm hở nghĩ đến một thành phố với những dãy lầu cao ngất, những con đường tấp nập xe cộ, những hàng đèn rực rỡ, nhưng bên cạnh, nó không thể không buồn khi phải xa xóm Rộc. Ngày cuối, nó đứng giữa đám bạn nhỏ. Thăng Hai, thăng Xuân, thăng Ninh, con Cầm, con Sương, thăng Bo... Nó đã là một phần tử trong bọn. Nó đã chơi đùa, chạy nhảy, tắm mưa trên sân nhà thím Hy, hay ngồi trên bậc thềm tam cấp trong những đêm trăng. Bây giờ nó phải xa hết. Thăng Xuân nói: Mày vào trong đó đừng có quên bọn

tao ghen. Nó gật đầu mà muốn khóc. Anh Hy thì vỗ lên đầu nó: Anh còn nhiều chuyện ma lắm, rất tiếc không có em bên cạnh để anh kể. Còn chị Nhường thì nói: Ty vào Sài Gòn nhớ viết thư tả cảnh Sài Gòn cho chị nghe, ghen.

Mười mấy năm sau, Toàn, tên thật của Ty, bị gọi động viên cũng như mọi người trẻ tuổi cùng một thế hệ. Toàn vào Thủ Đức, bị cạo tóc đầu, để học bài học về giết người và mưu sinh thoát hiểm. Rồi sau đó, Toàn bị đưa lên cao nguyên giữa lúc chiến trường Tam Biên đã lên cao điểm. Không ai gọi Ty, mà gọi là Toàn. Nhưng có một người vẫn còn nhớ đến tên Ty của thời bé dại. Anh Hy. Toàn không thể ngờ gặp lại anh trên ngọn đồi trọc, xung quanh là buôn Thượng và núi rừng. Toàn vẫn còn nhận ra anh, đặc biệt là đôi mắt vẫn còn tinh nghịch như xưa, dù bây giờ anh là Thiếu Tá tiểu đoàn trưởng. Toàn lúng túng không biết gọi anh Hy hay Thiếu Tá, thì anh đã nói trước:

- Thì ra là Ty. Khi đọc tờ công vụ lệnh anh đã nghi rồi.

- Thừa Thiếu Tá...

- Đừng gọi anh là Thiếu Tá. Cứ gọi là anh cho thân mật.

Rồi Toàn và anh nhắc lại những kỷ niệm. Toàn kể về những đêm trăng trên bậc thềm tam cấp. Toàn cũng nhắc lại lời thổ lộ của chị Nhường. Anh Hy cười ha ha:

- Quả đúng vậy. Làm gì mà có ma quỷ. Người chết nằm xuống họ đâu còn luyện tiếc gì đến đất nước đầy tai ách này. Chỉ có chẳng là người còn sống. Họ đang làm ma quỷ. Họ dọa hù anh suốt mấy năm nay. Rồi

Ty sẽ biết.

Sau đó, anh Hy bổ nhiệm Toàn làm sĩ quan trong bộ tham mưu tiểu đoàn. Có nghĩa là Toàn theo sát bên anh trong các cuộc hành quân.

Một ngày tháng năm, tiểu đoàn về hành quân ở Tam Biên. Kế hoạch hành quân là hợp cùng những cánh quân bạn chặn đầu một trung đoàn Bắc quân từ bên kia biên giới mới xâm nhập. Tiểu đoàn tiến lên từ cánh phải, dưới một mặt trời hừng hực lửa. Toàn theo anh Hy phụ trách phần liên lạc truyền tin. Bỗng Toàn nghe trong máy truyền tin phát ra giọng nói từ phe địch. Không hiểu sao họ lại dò bắt được tần số của tiểu đoàn. Họ muốn nói chuyện riêng với Tiểu đoàn trưởng và yêu cầu sử dụng một tần số khác. Toàn nói với anh Hy. Anh nói được, sau đó kêu Toàn đi chung với anh ra ngoài bìa rừng. Toàn thấy mặt anh tái xanh, nói lập bập: Thừa ba... Toàn biết là chuyện riêng nên đã tránh mặt về lại bộ chỉ huy. Chỉ còn lại một mình anh Hy. Anh nói chừng năm phút, rồi như một người mất hồn, anh trở lại bộ chỉ huy. Mặt anh đỏ. Anh nói, giọng lạc đi:

- Ty, em gọi máy cho lệnh các đứa con tiến lên, càng mau càng tốt.

Tiểu đoàn không chạm súng. Trái lại tiểu đoàn lại thu được một thành quả không thể ngờ. Những báo cáo gọi về bộ chỉ huy cho biết địch vừa rút, có lẽ vì quá sợ, nên đã bỏ lại những quả đạn pháo và một số ít quân trang quân dụng. Ai cũng vui mừng. Mục tiêu chiếm không tốn một giọt máu. Chỉ có mỗi một mình anh Hy và Toàn biết rõ tại sao có cái chiến công ấy. Anh nói với Toàn:

- Chắc em đã hiểu một phần nào?

- Em nghe anh nói thừa ba.

- ừ, anh đã nói chuyện với ba anh. Ông là trung đoàn trưởng VC. Ông biết anh nên đòi gặp. Ông chiêu dụ anh. Anh chiêu dụ ông. Rốt cuộc ba anh đồng ý rút quân. Anh ra hạn nửa tiếng đồng hồ quân của ông phải rời mặt trận.

Bây giờ Toàn mới nhắc lại chuyện mà chàng đã chứng kiến vào một đêm tuổi nhỏ. Anh Hy thở dài:

- Anh thương mẹ anh hơn ai hết. Đêm nào bà cũng tụng kinh. Đêm nào bà cũng cầu khẩn cha con anh đừng chạm nhau. Và bây giờ, chắc lời cầu xin của bà đã được đền đáp...

- Vâng. Anh may mắn được một người mẹ quá đồi hiền đức.

Năm 1995. Đất Mỹ. Tiểu bang Pennsylvania.

Toàn lại thêm một lần nữa được gọi lại. Ty, Ty, cái tên tuổi nhỏ lại trở về giữa lúc Toàn bước qua tuổi năm mươi. Những người bên cạnh ngạc nhiên, và ngay cả Oanh, vợ của Toàn cũng ngạc nhiên. Toàn nói như khóc, với anh Hy:

- Em không thể ngờ một ngày em lại gặp anh ở xứ người.

- Vâng, anh cũng không thể ngờ nổi.

Toàn nhìn anh Hy. Mái tóc anh đã bạc. Gương mặt lúc này đã thay đổi, mất hết đường nét dạn dày phong trần của đạo nào, mà nhường lại là hai bờ má thịt cùng đôi mắt híp lại.

- Anh thấy mập nhiều hơn xưa.

- Anh lên được 30 pounds.

- Anh nói về anh đi.

- Sau khi em thuyên chuyển về miền Nam, anh lên làm trung đoàn trưởng. Anh và đơn vị đi tìm lum. Anh thoát chết biết bao nhiêu lần. Lần cuối cùng đơn

vị anh chạm súng tại ngoại ô Ban Mê Thuột, bị đánh tan hàng, và anh bị bắt làm tù binh. Còn Ty?

- Em làm phóng viên chiến trường vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Toàn lại hỏi:

- Thế còn thím?

- Má anh hiện giờ ở Mỹ cùng với gia đình anh. À, quên nói với Ty là ba anh cũng đã tử trận khoảng năm 72, 73 gì đó. Cấp bậc cuối cùng của ông là Thượng Tá. Má anh có làm đơn xin được liệt vào gia đình liệt sĩ. Mục đích của bà là cứu mấy đứa con ra khỏi trại cải tạo. Nhưng đơn bà đã bị bác. Lý do bà có nhiều đứa con ác ôn, toàn Trung Tá, Đại Tá. Bà chửi tùm lum.

- Còn chị Nhưòng?

- Nhưòng đứng ngoài cửa tiếp khách. Lát nữa Nhưòng sẽ ngồi ở đây.

Toàn ngồi yên lặng trong khi cõi lòng quá chùng xôn xao và xúc động. Anh đang gặp lại những hoài niệm của một thời. Anh đã từng được sống và lớn lên từ những quả tim của những người mà hôm nay, sau một cuộc biển dâu, tang thương của đất nước, không ngờ anh lại gặp họ. Như anh Thái, người ân nhân đã bảo bọc anh trong lúc cuộc chiến sôi động nhất, như anh Hy, chị Nhưòng. Còn cảm động hơn là họ đã coi anh là một người thân thuộc, cho vợ chồng anh chỗ ngồi của gia đình. May mà trên quả đất này vẫn còn có rất nhiều con tim trong những con người mà hôm qua, bao nhiêu tai ách đã đè xuống họ, hành hạ họ. Toàn ngơ ngác, sững sờ. Thật kỳ lạ. Mỗi đời là cả một thảm kịch. Như cái buổi anh Hy nói trong giọng run rẩy: Thừa ba. Như một người cha trở về trong đêm và ra đi. Như thím Hy hy sinh cả cuộc đời son

sắt, chung thủy chờ chồng. Như anh Thái, chấp
chùng những mùa khô nạn.

Những người ấy bây giờ ở đây. Bạn bè. Đoàn anh.
Đàn em. Mây tao. Nhưng chắc gì họ đã có một món
quà ngọc ngà quý báu mà Toàn đang có. Rằng một kẻ
quá tuổi năm mươi hôm nay bỗng thấy mình bé lại,
nhỏ lại giữa một nơi gọi là quê người.

New Jersey 29-7-95

nguyễn nam an **thuở đỏ rừng xanh**

phi cơ vào vùng rừng dăng ngút mắt
dăng màu xanh dăng lửa đỏ quê hương
anh nhảy xuống cuồng cuồng lẫn kiếm hồ
đạn cuối đường tiếng nổ sòng chết buông
hồi Nga, hồi Nga Sài Gòn quên hương
sáng Trăng bom bụi đỏ bốc lên đường
địa chỉ cũ ngoài Trung thương muốn kiếm
không được rồi thảng trước mắt quê hương
tháng sau theo quân nhảy vào Xuân Lộc
cộng tình xanh như Long Khánh rừng xanh
đêm thủ chốt nhìn hỏa châu canh cánh
hy vọng về như đóm lửa mong manh./.

TRẦN VĂN SƠN

**Bốn mươi năm
1969-2009 ...**

Hình như anh đã cảm ơn em
Cảm ơn em rất nhiều lần
Cảm ơn em mỗi sáng nhọc nhằn
Cảm ơn em mỗi chiều lặn đạn
Cảm ơn em bảy năm anh làm lính trận
Bảy năm heo hút tiền đồn
Sống chết

Hình như anh đã xin lỗi em
Xin lỗi em rất nhiều lần
Xin lỗi em mỗi đêm ân hận
Xin lỗi em mỗi ngày ăn năn
Xin lỗi em chín năm anh tù tội
Chín năm em mất nhà
Chín năm em khóc cha
Khổ nhục

Những lời xin lỗi và cảm ơn
Hình như đã hiện trong mắt anh
Hình như đã hiện trên nét mặt anh
Trong trái tim anh
Từ ngày ta trao nhau nhẵn cười
Một chín sáu chín

Có thể em không hiểu rõ
Lời cảm ơn chân thật nhất
Là đôi bông tai em đeo
Là chiếc áo em mặc

Là nụ hoa
Và còn nhiều thứ nữa
Không phải tự nhiên em có

Có thể em không hiểu rõ
Lời xin lỗi chân thật nhất
Là ánh sao
Là vầng trăng mười sáu
Là dòng sông ngọt ngào
Và còn nhiều thứ nữa
Không phải tự nhiên em có

Bốn mươi năm qua
Bốn mươi năm nguyệt ngã
Bốn mươi năm khốn cùng
Tuyệt vọng
Hy vọng
Ẩn - Hiện
Chập chùng

Bốn mươi năm sau
Đất cho ta
Chỗ nằm bình yên
Trời cho ta
Chốn cũ
Đi về
Đất trời cho chúng ta
Nơi thường trú
Vĩnh hằng

TVS
2009

NGUYỄN XUÂN THIỆP

Tất cả những dòng sông đều chảy

*tất cả những dòng sông đều chảy
tất cả những dòng sông đều trôi đi*

*đêm castillana
biển thì thắm sóng*

*này. người yêu ở nơi xa ơi
có nghe
tiếng một vì sao vỡ*

*và ánh trăng
ánh trăng tan trên đồi lau tím
những niềm vui
những tiếng cười
rồi hoen lệ*

*dưới trời
gọi tên. mùa thu. mùa thu
những cánh chim bay đi
những cánh chim. không về lại*

ôi. castillana

*như mây kia
như tình ta*

*xin hãy nắm lấy bàn tay
hãy nhìn vào mắt
con mộng nào
cuối con đường có bông quỳ nở
trong con giồng qua trời*

*tất cả những dòng sông đều chảy
tất cả những dòng sông đều trôi đi*

Đêm 4 tháng 6. 2009

LÊ NGUYỄN TỊNH

Tôi giọt mưa bay

Tìm trong hoàng hôn
Áo em rắng đỏ
Tôi hạt mưa nhỏ
Rơi vào khoảng không

Tìm trong dòng sông
Em như giọt nước
Giữ tôi cận cùng
Ngàn đời tâm biên

Tôi bay chín kiếp
Vẫn là phôi hoa
Vẫn là hạt bụi
Vẫn đợi em qua

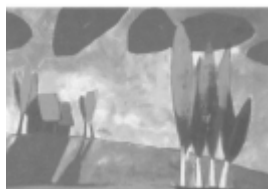
Tìm con trăng già
Nhớ người năm cũ
Nhớ tình đã xa
Nhớ đêm nguyệt tận

Tìm em khắp chốn

Tìm trong vô thường
Khi em là gió
Tôi về bao dung

Tìm trong muôn trùng
Em là tan hợp
Tôi mây bốn phương
Theo hoài biệt xứ

Tôi như khách lữ
Tôi như bóng mây
Như tình thoáng nhớ
Một trời mưa bay



ĐẶNG KIM CÔN

Hành Cử Sơn

Cửng Sơn chiều nay trời chuyển mưa
Bước ai rộn rã nửa xuân xưa
Nào phải xuân đi không hẹn đến
Sao ta gặp người như vẫn chưa ?

Ta ngẩn trong đời, đời cúi mặt
Không ! Ta nào trách Hòn Ngang đâu
Xưa đi không kịp lời chào biệt
Phải lỗi ai mà cản đấng nhau.

Nên về không lên thăm Hòn Ngang
Đường ai còn nhớ nắng xưa vàng
Chén xuân uống dở còn chưa cạn
Vó ngựa lưng đồi đội xốn xang.

Ba mươi năm Hòn Ngang ảm lạnh
Đồi ta chết sống giữa trời ai
Xuân ta đỏ loét hoa vườn huyết
Xưa có hẹn nhau tiếng thở dài ?

Cũng Sơn ngóng chút nắng vàng lên
Ta tìm đâu đó một con tim
Hòn Ngang mong gió xua mây xám
Xuân vẫn chờ xuân giữa tháng giêng.

Sao dùng dằng như xưa em đi
Đất trời sợ quá tiếng chia ly
Em bỏ con đường ngơ ngác bóng
Tách trà lỗi hẹn với vô vi.

Cũng Sơn, cây khô nhớ lá xanh
Bao xưa, đã vội xác xơ cành ?
Nắng vàng hun hút chân trời mộng
Đường như dài hơn mỗi bước nhanh.

Cũng Sơn, Cũng Sơn, hoa có xuân ?
Chồi lan lúp búp hẹn ven rừng
Giá mưa khoan ướm đường ra suối
Ta kịp nâng bầu gọi cổ nhân.

Cũng Sơn, ừ ta chia tay thôi
Lệ xưa nghèn nghẹn dấu chân người
Núi rừng mai dẫn xuân về suối
Nghe chiều vô vi xa xăm trôi.

PHẠM QUANG NGỌC
Về phép

Bốn ngày phép đầu
ký lương
thân ta ngựa
chứng
xổ chuồng vó phi
ngực đùi bám chặt
nhâm nhi
thân em như đoá
trà mi tuyệt vời
hết tiền già biệt
cuộc chơi
về ôm súng trận
nhớ mùi thịt da
đi dùng
mở mắt không ra
áo em trắng quá
thướt tha cuối trời

Đọc một tác phẩm ngoại quốc

YÊU Ở TUỔI CHÍN MƯƠI

(*Đọc **Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi**,
G. Marquez*)

Người đọc : **Khuất Đầu**

Mới đây, trong thư từ biệt bạn bè, Marquez viết, nếu Thượng Đế cho sống thêm chỉ một giây, tôi sẽ nói yêu em, và rằng, mọi người quá sai lầm khi cho là đã già thì không còn yêu ai được nữa, mà không hề biết chính vì ngừng yêu thương nên họ mới già đi!

Tôi viết những dòng này khi tôi đang ở tuổi bảy mươi mà không sợ bị điều cợt là một lão già mất nét. Bởi vì tôi đang đón nhận thông điệp của ông, một người yêu cuộc đời đắm đuối đến hơi thở cuối cùng, và đang sống sờ với trái tim để trên môi theo cách nói của ông, khi đọc tác phẩm kỳ dị **Memoria de mis putas tristes, Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi**.

Hồi ức chứ không phải hồi ký nên câu chuyện ngắn và mỏng như giấy ván thuốc lại lan man khiến ta có cảm giác như đang đi lạc vào một vùng khói sương hư ảo.

Vào cái năm chín mươi tuổi, tôi muốn tự thưởng một đêm tình cuồng điên với một thiếu nữ còn trinh nguyên. Chỉ một câu mở đầu thôi mà trái tim nhiều

người nếu là một địa chấn kế hẳn sẽ đo được 6,5 độ richter như Chí Phèo Bắc Hàn vừa mới thử bom nguyên tử. Rúng động thật. Nhưng chỉ rung động với những ai bị gói kín trong lớp áo đạo đức, chứ với mục chủ chứa Rosa Cabarcas, thì đó là tiếng lèng xèng của những đồng tiền sắp rơi vào túi. Hàng “gin” thì lúc nào chả có, nhưng mục giả bộ than khó kiếm, nhất là phải có ngay trong đêm sinh nhật xưa nay hiểm của khách, cũng chỉ là để bắt nọn mà vùi thêm tiền.

Hàng là một cô bé vừa mới thôi thay tã lót chỉ 14 tuổi và chỉ đến nhà chứa đúng 10 giờ đêm vì phải lo cho các em ăn ngủ và đưa bà mẹ thấp khấp liệt tay chân lên giường.

Khoảng cách tuổi tác làm cho người đọc giật mình. Một ở đầu, một ở cuối thế kỷ. Không còn là đôi dưa lệch nữa mà là cây sào dài để nhảy từ bờ cõi sinh sang bờ cõi tử. Với khách, thì mục Rosa quá hiểu là chẳng có vấn đề gì, nhưng với cô bé, để xua nỗi sợ chết khiếp khi lần đầu phải làm cái việc mà mục cho là nặng nhọc hơn đeo đá ấy, mục đã cho cô uống thuốc ngủ làm bằng hợp chất đồng và kim loại pha với cây nữ lang.



Với trái tim sắp nổ tung, khách bước vào phòng và thấy bé gái đang ngủ trần trụi trên chiếc giường rộng mênh mông như khi mới được sinh ra. Thật khác xa với lúc 12 tuổi, khách lúc ấy là một cậu bé tò mò mở cửa tầng lầu của các ả giang hồ. Giữa cảnh những mục

đàn bà suông sã, giữa tiếng la hét tục tĩu, cậu đã bị một ả bé thốc lên giường dạy cho bài học đầu đời thô bạo. Từ đó, cậu tiêu pha tuổi trẻ và những đồng tiền kiếm được vào hai nơi: quán ăn và nhà thổ.

Khách là một người keo kiệt và ky bo. Có lẽ để thâm tính xem cả đời mình chi tiêu hết bao nhiêu về cái khoản ấy, nên đã tỉ mỉ ghi tên từng người qua đêm với mình. Chỉ từ năm hai mươi cho đến ngoài năm mươi, khách đã ngủ ít nhất một lần với 540 người. Như thế, khách chẳng lạ gì trước một người con gái đã được bóc sẵn như một món ăn fast food. Những lần trước, theo thói quen, khách chỉ việc tắt đèn và mọi sự diễn ra trong bóng tối như đã từng diễn ra trong suốt cuộc đời quá dài của mình. Nhưng lần này với tất cả cuồng điên của tuổi chín mươi, khách muốn mọi sự diễn ra khác hẳn tuy chưa biết khác như thế nào.

Mặc dù đã được mẹ Rosa chăm chút cẩn thận, trét phấn dày cộp, đeo lông mi giả, xức nước hoa, nhưng cô bé vẫn chưa phải là điểm. Cô ngủ say vì thuốc, vì sợ và vì cô hãy còn quá bé bỏng. Nhìn dáng nằm của cô với hai tay và chân khép chặt, với môi miệng lép nhép như đang ở trong mơ, khách cảm nhận cái mùi mồ hôi nồng nồng chua chua tỏa ra từ người nàng. Khách thử tách rời hai gối, nhưng trong giấc ngủ say, cô bé vẫn ra sức bảo vệ trinh tiết của mình. Nàng ngủ say, hay cố giả vờ ngủ say, thì cũng chẳng còn hứng thú gì nữa. Ông không buồn đánh thức nàng dậy vì chính bản thân ông cảm thấy xấu hổ, lạnh lẽo. Chẳng biết làm gì hơn, ông khẽ ru nàng ngủ và trong mùi hợp chất đồng cùng với cây nữ lang, ông cũng muốn ngủ sau khi nghe tiếng chuông đồng hồ gõ 12 tiếng nhắc cho ông biết rằng ông đang bước qua ngày sinh nhật thứ chín mươi của mình.

Ông ngủ một giấc dài đến tận 5 giờ sáng. Lần đầu tiên ông cảm thấy thích thú khi nằm bên cạnh một người khác giống mà không bị áp lực vì dục vọng hay bối rối vì ngượng ngùng. Không có gì xảy ra giữa hai người. Với dáng nằm của một bào thai trong bụng mẹ, cô bé vẫn hoàn toàn làm chủ trình tiết của mình. Đối với một ai khác, như các chú con Trời chẳng hạn, coi việc chiếm đoạt trình tiết của các thiếu nữ mới lớn là tội đình của trời cho, thì đó là một đêm ngu xuẩn. Nhưng với khách, ông lại xúc động vì mình đã làm được một điều thiện. Ông để lại hết tiền bạc cho nàng cùng với nộ hôn vĩnh biệt lên trán và lời cầu chúc *xin Chúa giữ hộ trình tiết cho em!*

Gọi là nộ hôn vĩnh biệt vì lúc ấy ông cảm thấy sức nặng khủng khiếp của gần một thế kỷ tuổi tác đang đè nặng lên đôi vai mỗi rụi của mình. Và cũng bởi vì để trang trải cho một đêm phóng đảng ông đã tiêu hoang đến những 15 peso, hết cả tháng lương hưu ít ỏi của một nhà báo già, chứ không phải chỉ 2 peso như mọi khi. Câu chuyện nếu kết thúc ở đây, với một nhà văn tầm tầm thì coi như đã viết được một truyện ngắn cũng không đến nỗi tệ. Nhưng với một bậc thầy kể chuyện như Marquez, ông không để cho ta có cảm giác lơ lửng nhạt phèo như khi nghe những gã thủy thủ về già ngồi kể chuyện trăng hoa. Ông sẽ còn đưa ta đến những cõi miền trù phú xa lạ không ngờ, những cõi miền mà ta tưởng như bát ngát ở trên mây nhưng thực ra là ở trên mặt đất, ở chính ngay giữa lòng cuộc đời này.

Nhân vật chính không tên, nhưng ta có thể gọi ông là **ông già thế kỷ**. Ông trở về ngôi nhà cũ kỹ của mình dưới ánh nắng rực rỡ với tâm trạng yên bình của một người đã đi hết chứ không phải tận hưởng

hết cuộc đời. Ông ngồi vào chiếc bàn quen thuộc viết một bài về sinh nhật thứ chín mươi trong mùi hương cây cỏ mà ông vẫn còn cảm thấy vương vất từ da thịt nàng. Không ngờ, đó là bài viết hay nhất của ông, nếu ta nhớ lại ông bước vào làng báo là nhờ những đồng tiền mà người mẹ gốc Ý rất chuộng hình thức đã kín đáo trả tiền cho tòa soạn.

Ông định trao bài báo cuối cùng rồi ra về, nhưng có người đem ra một chiếc bánh sinh nhật sáng rực với chín mươi ngọn nến đề cho ông thổi tắt. Ông đón nhận những lời chúc mừng và vô số quà tặng, trong đó có ba chiếc quần lót với nụ hôn môi đỏ chót của các nữ nhân viên trên choker. Như thế cũng đã quá đủ cho một ông già ở tuổi chín mươi. Từ đây ông có thể yên nghỉ với những đôi môi không còn trinh tiết nọ.

Nhưng ở bên kia đầu dây, mẹ chủ chứa Rosa chuyên vất kiệt các cô gái trẻ trước khi thải ra các nhà chứa rẻ tiền ở bên cảng, lại phần nộ gọi ông. Rằng sao ông không hề động đến cô bé, ông chê hàng họ của nhà bà à? Năm lần bảy lượt ông cố tìm cách chối từ, nhưng với đạo đức nhà chứa lạ lùng và với sự kiên trì của một con báo cái, mẹ Rosa cuối cùng cũng thuyết phục được ông phải đến để cho cô bé khỏi phải xấu hổ vì mình là đồ bỏ và danh tiếng lầy lùnh của nhà bà không bị đem ra rêu rao cùng khắp.

Lần thứ hai, vẫn sau khi đưa bà mẹ tê liệt vào giường ngủ, cô bé đến lúc mười giờ, nằm sẵn chờ ông với tình trạng mà Chúa đã đưa cô đến cõi đời này. Nó vẫn phải uống hợp chất đồng pha với nước lá nữ lang để khỏi phải sợ cái cú sốc lớn nhất trong đời. Cô ngủ say đến nỗi ông không muốn đánh thức cô dậy và với tất cả vẻ dịu dàng có được ông lại hát ru cô bé. Ông lau mồ hôi chảy đầm đề trên người cô, rót vào tai cô, *Dalgadina ơi, em hãy tỉnh dậy, mặc áo*

lựa vào đi em, rồi ông cũng ngủ bên cạnh cô với chiếc quần lót còn in hình đôi môi của các nữ nhân viên tòa soạn.

Ông trở về nhà trong cơn mưa tháng chín và lạ lùng làm sao, ông tưởng như đang nhìn thấy nàng đang cùng ông loay hoay dọn dẹp, giúp ông cất giữ sách báo cho khỏi ướt. Ông tưởng như đang sống cùng nàng, trong khi ông dọn bàn ăn thì nàng chuẩn bị bữa điếm tâm. Cứ y như một đôi vợ chồng mới cưới.

Nàng ngập tràn trong căn nhà buồn bã. Nàng thay đổi màu mắt, khi màu nước, khi màu mật và lúc màu lửa, tùy theo tâm trạng vui buồn của ông. Nàng cũng được ông thay đổi xiêm y: lông lầy áo cưới ở tuổi hai mươi, khiêu khích kiêu gái gọi ở tuổi bốn mươi, nữ hoàng Babilon ở tuổi bảy mươi và nữ thánh đường bệ ở tuổi một trăm. Rồi ông song ca cùng nàng và cảm thấy hạnh phúc tuyệt vời khi được hát ca.

Tình trạng đó là gì nhỉ? Ta khỏi phải băn khoăn vì Ông già thế kỷ đã lần đầu tiên trong đời nhận ra đó không phải là ảo giác mà chính là điều huyền diệu của mối tình đầu ở tuổi chín mươi.

Trong khi ông đang chìm ngập trong tình yêu mà suốt một đời dài ông mới có được, thì mẹ Rosa lại âm ỉ gọi đến trách ông sao không động đến cô bé. Bà ta còn đòi đóng gói đưa đến nhà ông một cô gái khác lớn tuổi hơn nhưng vẫn còn trinh để ông khỏi phải áy náy vì tội lỗi. Nhưng ông quyết liệt từ chối. Ông chỉ muốn Delgadina (tên do ông mượn trong bài hát) và ông sẽ đến với nàng như một người tình chứ không phải khách làng chơi. Ông mang theo tranh, cả đỉnh và búa để trang trí lại căn phòng, đem tới một cây quạt mới để thay cây quạt rỉ sét. Ông bẻ trộm hoa vì

đã quá muộn không còn ai bán. Ông nhìn ngắm nàng và đặt môi hôn kính cẩn lên từng phần thịt da. Ông nghe dòng máu lưu thông trong huyết quản nàng như một bài ca lan tỏa đến mọi góc ngách thân thể rồi quay về tim sau khi đã để cho tình yêu lọc sạch. Sau cùng, ông nằm xuống bên cạnh như một con chó trung thành để canh giấc ngủ cho nàng.

Những đêm sau và nhiều đêm sau nữa, ông đọc sách cho nàng nghe vì ông đã biết cách điều khiển âm hưởng cao thấp để nàng có thể nghe được trong mơ. Từ truyện Hoàng tử bé, đến truyện cổ của Perault, truyện Ngàn lẻ một đêm... Tình yêu làm cho ông thơ trẻ và trở nên siêu việt khác thường. Những bài báo của ông cho dù với bất cứ đề tài nào cũng biến thành những bức thư tình hay đến nỗi được đọc cả trên đài phát thanh và được in ra nhiều bản ngay cả in bằng giấy than để bán chung với đồ tạp hóa. Thành phố phát cuồng vì ông. Ngay cả mẹ Rosa chỉ biết có tiền cũng đọc bài ông viết. Đến cả những cô bé công nhân còm cõi suốt ngày phải thi hành cái án phạt kết hàng trăm hạt nút áo cũng biết đến ông.

Qua năm mới, khi biết nàng đã đến tuổi 15, theo gợi ý của Rosa, ông mua cho nàng chiếc xe đạp mới. Ông thử đạp xe vừa hát vừa vòng quanh khu phố như hồi còn bé và người ta thấy ông khỏe mạnh dẻo dai đến nỗi ai cũng khuyên ông dự thi tours Colombia. Còn bác sĩ thì bảo rất tiếc là không có việc gì để làm đối với sức khỏe của ông.

Mọi chuyện cứ như đang ở một cõi trời nào, trôi đi êm ả như trong mộng, bỗng loảng xoảng đổ vỡ khi có một khách sộp bị đâm chết ở ngay trong nhà chứa. Bà chủ lặn mất theo cách của bà còn Delgadina cũng biệt tăm. Ông xao xác đi tìm nàng khắp nơi trong thành phố. Ông đến xưởng của nàng, nhưng trong số hàng

trăm cô gái ông không biết nàng là ai. Ngay cả một cô gái đi xe đạp bị xe cán nằm ở nhà thương, ông cũng không chắc có phải là nàng. Bởi vì dưới cái mặt nạ bằng phấn ông đâu biết khuôn mặt thực của nàng ở ngoài đời.

Cả một tháng dài ông đau khổ trong tuyệt vọng, suốt ngày ngồi bên điện thoại chỉ để mong chờ tiếng gọi của mẹ Rosa. Giờ mẹ chính là cái phao cứu sinh của ông. Và rồi, dù không ưa gì con mẹ, ông vẫn run lên khi như từ cõi chết mẹ gọi đến cho ông. Sau một hồi vòng vo như để đo xem độ rạn vỡ của trái tim, mẹ báo cho ông biết cô bé vẫn khỏe mạnh và đang chờ ông như thường lệ.

Đến đoạn này tôi phải mượn lời ông:

Mười giờ đêm, toàn thân run rẩy và môi mím chặt để khỏi bật ra tiếng khóc, tôi mang theo hộp sôcôla Thụy Sĩ, bánh mật hạnh nhân và kẹo cùng một giỏ hoa hồng cháy đỏ để phủ lên giường. Cánh cửa khép hờ, đèn sáng và Delgadina nằm trên giường rực rỡ và khác lạ khiến mãi tôi mới nhận ra. Cô bé đã lớn hơn nhưng không phải về kích thước mà về nét già dặn hơn hai hoặc ba tuổi và trông cũng lỏa thể hơn bao giờ hết. Đôi gò má như cao hơn, làn da xạm nắng biển, đôi môi mỏng, mái tóc cắt ngắn và xoăn tít khiến bộ mặt em có nét rạn rờ của tượng Apolo. Cặp vú của em cũng phồng phao hẳn lên không còn nằm gọn trong lòng bàn tay tôi được nữa. Vòng eo cũng đã định hình, khung xương đã trở nên rắn rỏi và hài hòa hơn hẳn. Tôi say sưa với những thành tựu của tự nhiên nhưng lại hốt hoảng trước những nét giả tạo: lông mi giả, móng tay và móng chân sơn màu sẫm xà cừ và một mùi nước hoa sực nức chẳng có vẻ gì là tình yêu cả. Tuy nhiên, điều làm tôi nổi giận chính là mớ tài sản cô bé mang trên người:

khuyên tai khảm ngọc bích, vòng đeo cổ bằng ngọc tự nhiên, một vòng đeo tay lấp lánh kim cương và tất cả các ngón tay đều đeo nhẫn bằng đá quý. Vắt trên ghế là bộ đồ dạ hội đính vẩy lông lánh và thêu khéo léo...

Vội tất cả cuồn cuộn, ông đã ném hết thầy những gì vớ được trong phòng và đủ sức châm lửa đốt nhà nếu Rosa không xuất hiện. Lặng lẽ ước lượng mức độ tàn phá, yên chí thấy món hàng của mình dù đang co quắp vì sợ hãi vẫn không hề hấn gì, mục ta bỗng cất lên tiếng kêu vừa thán phục vừa thêm thường:

- Trời ơi! Sao tôi không có một tình yêu như kiểu này!

Thế đấy, ông đã ghen như một người đàn ông thực sự. Ghen vì tưởng trong những ngày qua con mục lợc lõi kia đã đem cái trinh tiết của nàng để chạy tội. Chắc chắn ông sẽ bóp cổ mục ta đến chết nếu những ý tưởng làm ông sôi lên là sự thực dù chỉ một phần nghìn. Rất may không phải vậy. Con mục chỉ muốn làm mới món hàng, đem những đồ trang sức giả của mục để làm cho cô bé trở nên giả dạn và quyến rũ hơn, những mong chiều được cái tính đồng đánh của ông.

Dù được giải thích tường tận như thế, nhưng làm sao tin được miệng lưỡi của các mục chủ chứa. Ông vẫn cứ đau khổ, vẫn cứ âm thầm nghi ngờ nàng đã bị mục biến thành một con điểm sần sùi. Nỗi đau ngấm vào tận xương cốt khiến đêm ngày ông không sao ngủ được. Ông sắp chết đến nơi nếu trên một tuyến xe buýt không gặp lại người bạn tình chân gối mà trong suốt nửa thế kỷ qua đây là lần đầu tiên họ gặp nhau không phải ở trên giường. Ông đã được dịp trút hết nỗi lòng thâm kín và người điếm già may mắn cuối đời tìm được bến đỗ là làm vợ một người Hoa, đã nói một câu mà ông nghe như một hồi còi cảnh báo. Rằng ông không được để mất cô bé. Không có gì

bất hạnh bằng chết trong cô đơn.

Và đây là lời ông:

Chuẩn bị sẵn sàng cho đêm đó, tôi nằm ngửa chờ đợi kết cục đau buồn của những giây phút đầu tiên của tuổi chín mươi mốt. Tôi nghe tiếng chuông nhà thờ vọng lại từ nơi xa, cảm thấy hương thơm ngọt ngào của tâm hồn Delgadina ngủ say bên cạnh...tôi liền tắt đèn và với lòng can đảm cuối cùng, lồng các ngón tay mình với các ngón tay cô bé để dắt tay nhau cùng đi. Tôi đếm hai mươi tiếng chuông với hai mươi giọt lệ cuối cùng của mình cho đến khi gà bắt đầu gáy sáng, và sau đó là những hồi chuông vinh quang, những tràng pháo hoa ngày lễ hội phân khởi chào mừng tôi đã khỏe mạnh an toàn vượt qua tuổi chín mươi...

Cuối cùng thì đó chính là đời thực, với trái tim khỏe mạnh nhưng đã bị tuyên án sẽ chết vì tình yêu đẹp đẽ trong cơn hấp hối hạnh phúc vào một ngày nào đó ở tuổi ngoài một trăm của tôi.

Với hạt lệ già rung rung ở khóe mắt, tôi cũng xin chúc mừng ông, ông già thế kỷ ạ. Thật tuyệt vời khi thấy ông dù đứng bên bờ huyệt vẫn còn tìm được tình yêu đầu tiên và cuối cùng của mình. Tôi không đi quá xa để ngợi ca rằng đây là mối tình thế kỷ. Cũng không phải là mối tình lãng mạn. Lại càng không phải là mối tình thánh thiện. Điều kỳ diệu làm tôi xúc động đó là mối tình quá đỗi chân thật, ai cũng có thể yêu như vậy nếu người ta còn biết yêu thương, biết đợi chờ và biết trân trọng.

Trở lại từ đầu, ta thấy từ cách gọi điện đặt hàng, chủ hàng, cho đến món hàng thật giống như trong một cửa hàng fast food. Các nhà thổ với những cuộc tình rẻ mạt được làm sẵn y như những miếng

hamburger hay gà chiên kentucky. Đó là thức ăn cho thịt da háu đói. Ăn bất cứ lúc nào, ăn bất cứ ở đâu. Ăn nhồm nhoàm và béo ục ịch. Nhân vật của chúng ta đã bị nhét vào mồm từ năm 12 tuổi. Và từ đó cho đến gần tám mươi năm, ông vẫn cứ phải ngón một cách buồn chán cho dù đã ngán đến tận họng. Cái cách chơi ngông của ông thực ra chỉ là thử tìm một chút hương vị mới cho dục tình chứ đâu phải ái tình. Vậy mà kỳ diệu thay trên bãi rác đời ấy ông lại tìm được một bông hoa của tình ái.

Giả sử cô bé nọ không bị cho uống hợp chất đồng pha với nước lá cây nữ lang để ngủ say như chết và giả sử ông như một đại gia coi việc phá trinh như săn thú rừng quý hiếm thì câu chuyện có được một cái kết ngọt ngào ở tuổi chín mươi hay không? Tôi tin là chẳng có gì ngoài một cái xác xộc xệch đang nằm chờ chết và một cô điểm trẻ đã rất tinh ranh tuy mới tuổi 15. Cái nút của câu chuyện là cho dù thân xác đã bị bóc trần phơi bày ra đây nhưng tâm hồn cô thì vẫn đóng kín. Từ đây ta lơ mơ hiểu được tình yêu là một điều bí ẩn, nói theo nhân vật chính là duyên số.

Trong tất cả những lần gặp, cô bé chỉ ngủ và chỉ nói với ông một lần trong mơ. Chính sự im lặng tuyệt đối cộng với dáng nằm của bào thai trong bụng mẹ đã làm cho ông cảm thấy nàng cần được chở che bao bọc. Lúc đó, có thể ông là một người cha bên cạnh con gái đang ngủ mê man. Cũng có thể ông là một thiền sư bên cạnh một nữ thí chủ lâm nạn. Là ai cũng được nhưng không phải là người đàn ông đang đói khát dục tình. Và một khi dục tình ngủ yên thì tình yêu lại thức. Tình yêu thực ra là đứa em song sinh của tình dục. Một đứa em bé bỏng rất sợ tiếng ồn, rất lạnh lẽo, trong khi thằng anh lúc nào cũng ấm ỉ, hành xử nhiều khi như kẻ cướp.

Tình yêu không phải là chiếm đoạt. Tình yêu cũng không phải hiến dâng. Tình yêu là cuộc gặp gỡ của hai tâm hồn. Một ở đầu kia xa tí tấp và một ở đầu này cũng xa vụn dậm. Cả hai cùng leo đèo đi một mình trên suốt dặm dài đơn độc cho đến khi gặp nhau. Bí mật nằm ở chỗ cả hai cùng khởi sự trên một con đường nhưng từ hai đầu xa cách.

Trong suốt cuộc đời dài những chín mươi năm, nhân vật chính của chúng ta rất cô đơn dù đã ngủ với hơn 500 người. Trong căn nhà của cha mẹ để lại, ông sống lặng lẽ một mình. Cũng có một người giúp việc, người đã yêu ông thâm lặng nhưng không dâng hiến. Lúc ấy với thói quen dục tình của kẻ cướp, ông đã tấn công nàng từ phía sau trong khi nàng đang giúp ông giặt đồ. Nàng không thù ông nhưng tiếc cho cơ hội mà ông đã bỏ phí để có được tình yêu. Một lần khác, một cô gái nóng bỏng dù mặc áo hay không mặc áo, háu trai đến nỗi trước mặt ông cứ cởi hết áo này đến áo nọ nên tình yêu cũng không đến được.

Từ khi biết yêu, chỉ trong vòng một năm ngắn ngủi của chín mươi năm, ông đã làm được khá nhiều việc. Ông biến căn phòng nhộp nháp ở nhà chứa thành một tổ ấm rồi ông sửa sang lại căn nhà mình dù nàng chưa một lần đến. Lo lắng cho nàng sẽ đói nghèo sau khi mình chết đi, ông đã bàn với mẹ Rosa cách thức để lại tài sản cho nàng. Cứ y như một ông chồng già hết lòng yêu vợ. Có một điều ông chưa hề làm ấy là biến nàng thành một người đàn bà thực sự. Không phải vì ông quá già, không phải cao thượng hảo, mà vì, trước hết ông thấy quá đủ, quá vui khi biết mình đang yêu, và sau nữa ông chỉ làm khi biết chắc nàng đồng thuận.

Thực ra ông biết nàng cũng đang yêu mình bởi vì ông cảm nhận được mùi hương của tâm hồn nàng,

cảm nhận được những luồng run rẩy mỗi khi ông đặt môi lên từng phân vuông da thịt. Ở mỗi nơi run mỗi cách tức là dù nằm ngủ hay giả vờ ngủ thì thịt da tươi trẻ nằng vẫn thức, vẫn nghe được tiếng gọi từ thịt da ông. Lúc này, tình yêu và tình dục đúng là hai anh em song sinh ngoan ngoãn dễ thương, chúng nâng đỡ nhau và tiếp sức nhau để làm nên cái gọi là hạnh phúc lứa đôi. Chẳng cần mẹ Rosa hay người bạn tình đã bảy mươi ba tuổi khuyên bảo, ông cũng sẽ làm điều đó với lòng biết ơn. Ông sẽ làm điều đó, nếu không tình yêu dù có mãnh liệt khỏe mạnh đến dường nào rồi cũng sẽ chết như cây thiếu nước.

Câu chuyện tình của ông thật đẹp, không phải vì đẹp đôi mà vì nó nảy nở một cách mạnh mẽ, thuần khiết. Nó cũng hết sức kỳ ảo vì thời gian đè nặng lên lưng ông thêm một năm nhưng tâm hồn ông và cả trái tim ông lại bước lùi về quá khứ đến những bảy mươi lăm năm. Cái cách ông mơ tưởng về nàng, cách ông chăm sóc nâng niu, cách ông nhớ nhung đau khổ và cuồng điên vì thất vọng nào có khác gì một chàng trai mười lăm tuổi. Còn nàng trong khi ngủ hay giả vờ ngủ cũng âm thầm lớn lên cả tâm hồn và thể xác để được gặp ông trong một đêm nào đó mà tiếng chuông nhà thờ long lanh giục già họ yêu nhau.

Tới đây, tôi muốn bày tỏ lòng ngưỡng mộ trước một bút lực nhà Trời của tác giả. Trước hết là cách dựng truyện. Mở đầu là một trái bom làm cho ta choáng váng. Cái ý muốn ngông cuồng của nhân vật chính mới nghe quả thật rất phi luân nếu không muốn nói là tội ác. Cho dù là xã hội Nam Mỹ đi chăng nữa cũng không dễ dàng chấp nhận. Cái tội khai thác tình dục trẻ em ở thời nào và bất cứ ở đâu cũng là một tội nặng. Mẹ Rosa cũng biết quá rõ là sẽ phải ngồi tù 3

năm nêu chiều theo ý khách. Thế rồi tác giả nhả nha gờ tội cho cả hai. Mụ Rosa thì như được các quan chức đầu tỉnh cho phép ngồi xôm trên pháp luật để đòi lấy những món hàng độc. Mụ cũng không hề chặt chém trong phi vụ bán trình. Mụ chỉ tác nghiệp đúng với đạo đức và lương tâm nhà thổ là làm vui lòng khách cho dù có những đòi hỏi khó khăn đến mấy nếu biết chi tiền. Còn khách là một ông già gần đất xa trời, trong bao nhiêu năm chỉ biết có gái điếm, nghĩa là chỉ biết có tình dục mà không có tình yêu, thôi thì đề cù qua đêm với một cô em chưa biết “vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề” coi như một chút ân huệ của cuộc đời.

Cái bẫy của câu chuyện là cô em hãy còn quá nhỏ. Quá nhỏ nên hãy còn quá trinh trắng. Và quá nghèo, nghèo đến nỗi khách tự hỏi là trên đời này còn có ai nghèo hơn em nữa không. Nhưng nếu vào một nhà chứa khác, gặp một khách khác chưa chắc cô bé thoát khỏi một cuộc hăm hiếp có trả tiền. Ở đây ta thấy mụ Rosa ít nhiều cũng lo lắng cho em khi cho nàng uống thuốc ngủ tự chế. Tránh cho nàng nổi khiếp sợ buổi đầu nên dẫu sao mụ cũng còn có chút tình người. Còn khách, ông là người đã đậu Tú tài, đã dạy ngữ pháp và đang là nhà báo nghị hưu nên ông đã biết tự kiềm chế và biết động lòng trắc ẩn.

Câu chuyện vì thế không còn sắc màu của tội lỗi nữa. Mọi chuyện sau đó chỉ là một câu chuyện tình ngô ngô nhưng không phải vui vui. Trái lại là một câu chuyện buồn vì tác giả dẫn dắt ta đi qua những truông dài rú thẳm của những tâm hồn cô đơn. Không ai ngờ những người sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh như mụ Rosa, Casilda... lại là những người cô đơn nhất. Bất ngờ hơn nữa khi ta biết thêm chính những con người thừa mứa dục tình ấy lại

chính là những người hiểu rõ và thèm khát tình yêu nhất. Mụ Rosa đã đăm đuối kêu lên khi thấy ông già thể kỷ của chúng ta đập phá điên cuồng vì ghen. Và Casilda cũng chỉ mong trong số cả ngàn người đàn ông đã nằm chung giường với mình, có một người yêu mình dù là người tệ hại nhất.

Một điều nữa tôi cũng nhận ra kỳ diệu không kém ấy là tác giả nói về các ả làng chơi với những thân xác bị lột trần nhưng không “bẩn”. Tác giả cũng mô tả chi tiết đến những nơi nhạy cảm trên thân thể đàn bà nhưng không phải để gợi dục.

Trong các tác giả hiện đại, chưa có ai kể cả Hemingway viết về tình yêu và tình dục kỳ ảo như ông. Từ một câu chuyện thường ngày trong nhà chứa, qua ngòi bút đồng cảm và nhân bản của ông, mọi sự đã hiện ra một cách dịu dàng êm ả như trong cổ tích. Cô bé nghèo, xấu xí, sau một năm ngủ say, cô bỗng đẹp hẳn lên và đáng yêu như cô công chúa ngủ trong rừng. Còn ông già, tuy mặt dài như mặt ngựa nhưng với tình yêu sôi nổi, ông cũng trở nên tao nhã như một hoàng tử cỡi con ngựa bạch đến để đánh thức nàng dậy.

Nhiều nhà phê bình xuất sắc đã nhận định toàn bộ tác phẩm của ông là chỉ viết về nỗi cô đơn và ca ngợi tình yêu. Tình yêu chứ không phải tình dục. Tôi xin mượn câu nói của ông già thể kỷ cũng là chủ ý của tác giả để kết.

Rằng, *tình dục chỉ là liều thuốc an ủi khi người ta không có đủ tình yêu.*

Tháng sáu trời mưa, 2009

Bài này được viết dựa theo bản dịch của Lê Xuân Quỳnh, 2005.

Văn sử

HỒ BẠCH THẢO

Qua bài thơ khen tặng của vua Thiệu Trị, thử tìm hiểu thêm những nhân vật lịch sử thuộc dòng họ Nguyễn Đăng tại Quảng Bình

Vào năm Thiệu Trị thứ 3 [1843], Nguyễn Đăng Hành con trai của Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Nguyễn Đăng Giai thi Hương đậu Á nguyên tại trường Thanh Hóa; vua Thiệu Trị tặng Đăng Giai bài thơ Ngự chế sau đây:

三 藩 召 宰 膺 隆 闕

Tam phiên triệu tể ư long khố,

二 甲 家 兒 又 顯 親

Nhị giáp gia nhi hựu hiển thân.

鶴 筭 先 生 閒 歲 月

Hạc toán tiên sinh nhàn tuế nguyệt,

雁 書 孫 子 旺 精 神

Nhạn thư tôn tử vượng tinh thần. (1)

Dịch nghĩa:

Ba lần được vời ra ngoài cửa khố quan trọng làm
phên dậu,

Trong nhà con đậu Á nguyên, lại càng thêm vinh
hiển.

Tiên sinh năm tháng nhàn nhã vui với tuổi hạc,

Tin vui đưa đến khiến con cháu lên tinh thần.

Trong câu thứ ba nhà vua dùng chữ “Tiên sinh” tức thầy học là muốn nhắc đến Nguyễn Đăng Tuấn, thân phụ của Nguyễn Đăng Giai, lúc này đang nghỉ hưu an hưởng tuổi già. Nguyễn Đăng Tuấn quê tại Phù Tông, tỉnh Quảng Bình; là thầy học của các Hoàng tử thời đầu triều Nguyễn, trong đó có các vua Minh Mạng, Thiệu Trị.

Làm thầy các vị vua tương lai, tuy được kính nể nhưng nhiệm vụ thực khó khăn. Tục ngữ có câu “*giáo đa thành oán*” ý nói bắt học trò học nhiều dễ sinh ra oán; riêng để cho các vị vua tương lai oán thì rất khó sống, nên các thầy thường tỏ ra dễ dãi chiều theo ý học trò. Để tìm hiểu hoàn cảnh người thầy vua, hãy xem qua lời tâm sự của vua Tự Đức trong **Ngự Chế Thi Sơ Tập Tự Tự**” như sau :

" Kịp đến khi làm Hoàng tử , chỉ trong vòng 7 năm trời mới được thầy dạy có phần khá hơn . Các sách Thi , Thư , Tử Tử cũng chưa học trọn ; còn kinh , sử , tử , tập thì hoàn toàn chưa được thiệp liệp , huống chi văn thơ của các nhà khác ! Cũng vì chức Học quan bạc bẽo lộc ít , các bậc đại khoa cự Nho chẳng ai muốn lãnh . Tuy chức này tiếng là do triều đình tuyển nhưng thực tế vẫn bị coi thường , nên không để cử những người hữu dụng vào chức vô dụng đó !

Hơn nữa phàm con người tính tuổi trẻ , thường lấy sự phóng túng làm vui , bị câu thúc làm buồn , chỉ muốn chơi đùa cho hết năm tháng nào biết đâu tuổi già sông sộc sắp đến và sự học có ích như thế nào ? Về phần thầy cũng mong cho trò được tiến thoái tự do , nóng lạnh không liên quan đến mình , thì còn rồi công đâu mà chỉ trích ! Như vậy là thầy trò cùng dễ dãi cho nhau mà không biết đã làm hại nhau vậy !

"(2)

Thầy học vua Tự Đức lo an toàn cho bản thân, tỏ ra dễ dãi, nên cuối cùng khi học trò hiểu được, lại sinh oán trách; riêng nhà giáo Nguyễn Đăng Tuân vào thời trước đó thì ngược lại, ông đã đào tạo được những vị vua học rộng như Minh Mệnh, Thiệu Trị và ngay cả những ông Hoàng nổi tiếng hay chữ Tùng thiện vương Miên Thẩm, Tuy lý vương Miên Trinh:

Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán,

Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường.

Lúc vua lên ngôi, với địa vị Quốc sư, hàm Thiếu bảo, ông nghiêm khắc can gián nhà vua; không ngại dùng những lời trực ngôn có thể nguy hại đến bản thân. Trong gia đình với địa vị làm cha, ông thường xuyên răn dạy con trai, Nguyễn Đăng Giai, làm quan phải thanh liêm:

Năm Nhâm Thìn Minh Mệnh thứ 13 [1832]Tả Tham tri bộ Lễ Nguyễn Đăng Tuân trí sĩ. Tuân địa vị Quốc sư, nhưng trực ngôn làm vua giận, nhà vua quay lại không nhìn, quần thần đều sợ, Tuân không tạ mà rút lui. Có người trách, ông đáp rằng:

“Can gián nhưng không nghe, ý vua giận ta. Ta có tội tình gì mà tạ!”

Năm đó 70 tuổi, vin vào lệ xin trí sĩ. Thường tự nói rằng:

“Ta là kẻ ngu trực tính, tất không được làm Thượng thư.”

Mỗi lần tiến cử thì tùy tài cao thấp, không nhận gửi gắm; làm thơ có câu:

Khán lai thế lộ nan vi dị,

Thuyết đạo nhân tâm độc tự do.

(Xem đường đời khó có thể dễ dàng cầu thả.

Riêng con người có sự tự do trong lòng.)

Con là Đăng Giai, do Cử nhân tuyển vào Lang trung,

bạn với vua; Tuân thường rắn phải thanh liêm, trấn tĩnh, Giai hàng năm đưa đồ đến biếu, Tuân cho trả lại ngay, hoặc có khi Tuân cho tiền, ý muốn Giai đừng ăn của đút.(3)

Nói gương cha, Nguyễn Đăng Giai không chọn con đường dễ dãi mà đi; với chức vị Lang trung , lại là bạn học với vua Minh Mệnh; sẵn có cuộc sống vinh hiển tại triều đình, nhưng ông tình nguyện ra trấn nhậm cõi ngoài, nơi lắm giặc giã:

Năm Quý Tỵ Minh Mệnh thứ 14 [1833]; dùng Lang trung Nguyễn Đăng Giai làm Án sát Thanh Hóa. Giai người Quảng Bình, con của Hữu Tham tri bộ Lễ Nguyễn Đăng Tuân, bạn giao hảo bút nghiên với vua, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, vua yêu mến. Từ Lang trung được giao chức Án sát; Tuân cho là tuổi nhỏ, không muốn Giai làm việc với dân chúng sớm, nhưng nhà vua không bằng lòng. Tuân nói: “ Bệ hạ với dùng Giai, nếu Giai có sự sai lầm, xin đừng để Tuân liên quan”, nhà vua chấp thuận. (4)

Bước đầu làm quan ngoài tỉnh có phạm một vài sai lầm, nhưng ông đã chứng tỏ tài đảm lược, bắt được đầu đảng phe nổi dậy là Lê Duy Lương tại vùng lân cận Thanh Hóa:

Khi Giai đến tỉnh, riêng nghe lời những viên thư lại giáo hoạt làm những điều trái pháp luật, vua sai Tuân đến dụ. Lúc bấy giờ Nghệ An có báo động, Giai bị Thủy sư đàn hặc việc vận chuyển; Giai nói Thủy sư thấy giặc, cưỡi trên lưng voi để bảo vệ thân, Thủy sư bị cách chức.

Lê Duy Lương chạy trốn đến Ninh Bình, Giai đánh bắt được.(4)

Bản tính Nguyễn Đăng Giai liều lĩnh dám làm, nên cũng có trường hợp bị thất bại. Như vụ xây bến cảng tại tỉnh Bắc Ninh không thành, ông chịu trách nhiệm

phải bồi thường; may nhờ các Hoàng tử học trò của cha biết được, tâu xin lên vua Minh Mệnh nên được cấp tiền xây dựng lại:

Tháng 3, năm Minh Mệnh thứ 17 [1836] lại sai Bồ chánh Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai giám sát việc sửa cảng Thị Trì. Mùa hè năm Quý Tỵ [1833], Giai phụng mệnh mở cảng không thành, bị tố cáo về việc đề hoang, phải bồi thường ngân khố 6000 quan. Giai viết thư trình bày với cha là [Nguyễn Đăng] Tuấn, xin cấp của cải.[Nhận được tin] Tuấn kêu hô lớn, gặp lúc các Hoàng tử đến nghe giảng bài hỏi duyên cớ, Tuấn trình bày lý do. Các Hoàng tử xin tư cấp tiền, Hoàng tử thứ 5 cố chấp, cho rằng không thể cấp riêng, rồi vào cung dâng phiến tâu. Nhà vua lại hứa cho phát tiền thuê nhân công, hạn trong 3 tháng phải hoàn thành, không kể phí tổn. (5)

Nguyễn Đăng Giai có tài cai trị và dẹp loạn, nên từ chức vụ Án sát Thanh Hóa được thăng làm Bồ Chánh Bắc Ninh, rồi lần lượt giữ chức Tổng đốc các tỉnh Bắc Thái, Sơn Hưng Tuyên, Hà Ninh; tại Bắc Kỳ lúc bấy giờ, chỗ nào có giặc già thường điều Nguyễn Đăng Giai đến trấn nhậm. Như việc dẹp tên Bọt tại Sơn Tây, Nguyễn Đăng Giai được chuyển từ tỉnh Bắc Thái [Bắc Ninh, Thái Nguyên] sang làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên:

Ngày 26 tháng 2, năm Thiệu Trị thứ 3 [1843] theo lời tâu của các quan tại bộ, viện, nội các; sau đó chuyển Nguyễn Đăng Giai làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên để đánh bắt ngụy Bọt. Bọt trốn tránh tại vùng Phù Ninh, Sơn Tây, thường chuyên chở gấm hoa bán trên bến sông, lại chiêu dụ thương gia giàu, giám sát bắt bớ kiểm tiền; Án sát Vĩnh phát binh vây bắt không được; nên chiếu chỉ sai Giai đến Sơn Tây, lệnh chặt cây tại nơi đường núi hiểm yếu. Đồng đảng

của Bột, tên Thạch, tên Sùng ra đầu thú; Bột trốn vào Bắc Ninh, Nhân cũng ngầm trốn trong dân gian, dân tróc nã Nhân đem nộp, bị tru lục. Đăng Giai dọa khai quật mã tổ của Bột, lại mật dụ người thầy của Bột tại Hà Nội cùng con đến; Giai đãi như tân khách, rồi để người con làm con tin, sai dụ Bột hàng. Bột bèn ra đầu thú; Giai tâu Bột tuy tụ tập ăn cướp, nhưng ít kháng cự quân triều đình, xin khỏi tội chết. Chiếu chỉ cho Bột làm cai đội, coi hàng binh, theo Giai đi đánh bắt. (6)

Làm công việc bình định giặc giã, Tổng đốc Giai thi hành chính sách “dùng giặc dụ giặc”; chính sách này tuy hữu hiệu nhưng cũng có khi thất bại. Như trường hợp tại Tuyên Quang vào tháng giêng năm 1844, Giai thả tên cướp Ma Doãn Dưỡng để sai đi chiêu dụ đồng đảng, tên này không trở về nên bị bộ Hình đàn hạch, khiến Giai phải trần tình lên vua Thiệu Trị như sau:

“Giặc sót trong tỉnh Tuyên Quang nhiều đứa còn sợ tội trốn tránh; nếu không đem giặc tìm giặc, như chèo thuyền tìm thuyền, cưỡi ngựa tìm ngựa, thì khác gì tìm thú vật nơi rừng sâu, chưa dễ bắt được. Ma Doãn Dưỡng là người Thổ trước, tôi tha nó để khiến bắt giặc, cũng như thả chim trong lồng để dụ chim ngoài lưới mà thôi. Tôi thiện tiện tôi chẳng dám kêu oan, nhưng gấp vì dẹp giặc yên dân, nên dẫu biết tội cũng không tránh được.

Ngài[vua] nghĩ Giai có công, nên cũng khoan dung cho (7)

Về nghiệp văn, Nguyễn Đăng Giai có tài viết và vẽ; chữ của Nguyễn Đăng Giai cứng, đẹp, lối viết của ông đã trở thành một trường phái viết chữ lúc bấy giờ:

Chiếu chỉ cầu người có hoa tay kỳ diệu về viết chữ và vẽ. Những người theo phép viết của Giai cứng và

đẹp, cùng những người viết khéo tay, đến kinh đô đợi tuyển. Đăng Giai được đề cử là người viết đẹp hàng đầu.

Nguyễn Đăng Giai rất sùng đạo Phật, giữ chức Tổng đốc tại tỉnh nào cho xây chùa tại tỉnh đó, nên bị người đương thời chỉ trích rằng đã gây sự tốn kém; như tại tỉnh Bắc Ninh ông cho xây chùa Đại Giác, tại Sơn Tây xây chùa Phú Nhi tại tỉnh thành, tại Hà Nội xây chùa Bát Giác tại khu Tràng Tiền. Sau đây là những sử liệu về việc xây chùa:

-Tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], Nguyễn Đăng Giai xây chùa Đại Giác. Con Giai là Bình, mới 6 tuổi, thông minh hơn người, Giai rất yêu thương. Nhân bị đậu mùa chết, Giai nghe lời nhà sư, xây chùa tại Bồ Sơn có đến 100 gian, xây tượng Kim Tượng, xung quanh chùa rào bằng tường gạch. Vào ngày 22 tháng này đúc chuông, 2 khánh; lại lập am đằng sau chùa, chôn di hài con, đúc tượng hai vợ chồng hiệu Pháp Phương, Pháp Thanh, khắc vào đá; vào ngày 16 tháng 6 năm Nhâm Dần [1842], thụ giới từ vị sư tại chùa, mặc áo cà sa, đeo tràng hạt, làm Phật sự.

-Năm Quý Mão Thiệu Trị thứ 3 [1843], Nguyễn Đăng Giai cho xây chùa Phú Nhi, tại tỉnh thành Sơn Tây.

-Năm Bính Ngọ Thiệu Trị thứ 6 [1846], bắt đầu phục chức Nguyễn Đăng Giai làm Tổng đốc Hà Ninh. Cho xây chùa Bát Giác tại khu Tràng Tiền, Hà Nội; 120 gian, cực kỳ tráng lệ.(7)

Tuân theo lệnh cấm đạo của vua Minh Mệnh, Nguyễn Đăng Giai đã thi hành một cách triệt để; lịch sử ghi nhận số Giáo sĩ ngoại quốc mười mấy người bị bị giam tại Huế đều do Nguyễn Đăng Giai bắt. Điển hình là trường hợp Giáo sĩ ngoại quốc bị bắt tại xứ An Trang, huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh:

Năm Mậu Tuất Minh Mệnh thứ 19 (Thanh Đạo Quang thứ 18 [1838])

Bố chánh Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai vây bắt tại Lang Tài bắt được đạo nhân Gia Tô đem về. Trước đó vào tháng 3, có đến hàng trăm chiếc thuyền đi biển ghé tại Quảng Yên, gần tỉnh thành; nói là đánh cá nhưng khí giới kiếm, kích sáng ngời. Quan tỉnh cho người đến hỏi, đòi đánh thuế cá; thì trên thuyền nổ súng ngay, rồi mang quân cướp phá; Lãn binh và Chánh vệ thua bỏ chạy. Sự việc tâu lên, chiếu chỉ cho Quảng Yên và các tỉnh phụ cận tìm đánh trong 3 tháng. Có kẻ báo rằng đạo nhân Gia Tô sống trà trộn tại các tỉnh, liên lạc thư từ với thuyền biển, chiếu chỉ cho ruồng bỏ, bắt được thưởng 3 thoi vàng. Đến nay Đăng Giai cho vây An Trang, huyện Lang Tài, bắt được đạo nhân mang về. Người này mặt vuông, mũi to, râu có nhiều tua; cười nói vui vẻ, cùng quan tỉnh đối đáp tiếng sang sảng. Lại có người nói rằng: “Bắt được đạo này có thể trị mối loạn.”(8)

Vào năm Thiệu Trị thứ 3 [1843], Sứ giả đạo Thiên Chúa đến Đà Nẵng đưa thư nội dung đòi hỏi đối xử bình đẳng và tự do tôn giáo. Riêng số Giáo sĩ bị Nguyễn Đăng Giai bắt giải về kinh giam giữ hơn 10 người nay còn sống 3 người, triều đình bàn luận xin đem trả lại số đó:

Năm Quý Mão Thiệu Trị thứ 3 (Thanh Đạo Quang thứ 21)[1843]

Tháng 4 Gia Tô sai sứ đến thăm hỏi. Trước đó vào năm Mậu Tuất [1838], Đăng Giai bắt được có Đạo Gia Tô, giải về kinh kiên giam hơn 10 người, bị chết chỉ còn lại 3 người. Đến nay Gia Tô gửi Sứ giả đến thăm hỏi, dùng 2 chiếc thuyền đến cửa Đà Nẵng, đưa thư đại lược như sau: “ Gia Tô đối với thượng quốc là lân bang chứ không phải là bề tôi, từ trước đến

nay sai Giáo sĩ phụng Thiên chúa thuyết giáo, vui theo cũng bằng lòng, không vui theo cũng bằng lòng. Nay những người không muốn theo thì thôi, lại chôn vùi Đạo sĩ là có làm sao?”

Bức thư đưa đến triều đình bàn, đều xin thả những người này; 3 người lên thuyền, Sứ giả hăng hái hoan hô bái tạ và xin truy vấn những người còn lại. Chiếu chỉ sai Nguyễn Cẩm, Nguyễn Mậu Thực điều đình. Gia Tô thấy đời Lê Chân Tông [1643-1648], từ thời vua Thánh Tổ [Minh Mệnh] đến nay nghiêm cấm đạo; những kẻ hối cải xin bỏ Thập tự giá, được cho sửa đổi mới. (9)

Chú thích

1. Quốc Sử Di Biên, Thám hoa Phan Thúc Trực, Chinese University of Hong Kong: Hong Kong, 1965, trang 368.
2. Việt Sử Tư Liệu và Lời Bàn, Hồ Bạch Thảo, New Jersey: Thư Ấn Quán, 2009 trang 643.
3. Quốc Sử Di Biên, Sdd., trang 219-220.
4. Quốc Sử Di Biên, Sdd., trang 233.
5. Quốc Sử Di Biên, Sdd., trang 263.
6. Quốc Sử Di Biên, Sdd., trang 364.
7. Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, trang 136. (<http://viethoc.org>)
8. Quốc Sử Di Biên, Sdd., trang 280.
9. Quốc Sử Di Biên, Sdd., trang 365.

KHUẤT ĐẦU

truyện dài
NHỮNG THÁNG NĂM CUỒNG NỘ
(tiếp theo và hết)

17.

Giữa những con phố đầy cờ nửa xanh nửa đỏ, mọi người mệt mỏi trở về sau khi đã cố sức chạy theo quân miền Nam mà không kịp. Hay đúng hơn là cũng không còn biết chạy đi đâu nữa. Lịch sử đang viết tiếp những dòng dữ dội. Hết Phan Rang, Phan Thiết, đến Long Khánh, Biên Hòa rơi rụng như những đồng bạc vô hồn trong tay một con bạc tháu cáy. Sài Gòn bị bao vây bởi một số lớn những máy cày giả làm xe tăng. *Tổng thống một ngày* Dương văn Minh chỉ kịp ghi cái dấu chấm nhỏ vào lịch sử bằng cách tuyên bố đầu hàng vô điều kiện!

Dù sao thì cũng đã hoà bình, tuy rằng con chim bồ câu một cánh thì xanh, một cánh thì đỏ. Từ đây các bà mẹ không phải đêm đêm ra thắp nhang giữa trời, cầu xin Trời Phật chở che cho con trai khỏi phải bị hòn tên mũi đạn. Các chị vợ lính khỏi phải ngất xỉu vì nhận giấy báo tử của chồng. Và lúa chín sẽ có người chờ gặt!

Trở về! Hai tiếng nghe náo nức làm sao!

Trên đường về làng, nhộn nhịp những người hồi cư. Vải gòn vẫn gánh, vẫn tay xách nách mang, vẫn luộm thuộm rách rưới như ngày nào bỏ cả nhà cửa

ruộng đồng mà đi. Sau bao nhiêu năm dấp dúi bên hông phố chợ, những con người của đồng ruộng cũng chẳng giàu có văn minh hơn chút nào. Đôi mắt ai cũng mờ đi ít nhiều. Giọng nói còn đục và buồn hơn. Biết sống làm sao đây khi ruộng đồng cỏ lác cao ngập đầu người. Những đồng lương ít ỏi của những đứa con đi lính xê chia đã không còn nữa. Trên đầu đứa nào cũng cao lêu nghêu một cái mũ nguy quân nguy quyền.

Tôi đã gặp các ông hương kiểm, hương bộ, các ông biện, ông câu... Với cây gậy trong tay các ông run rẩy đi theo con cháu. Chùng ấy năm chạy loạn, chùng ấy năm sống buổi sống bờ, các ông hãy còn liu xiú bước đi đã là may. Đem được cái năm xương về với quê nhà thì con chim hoà bình màu gì cũng được!

Đã tới làng rồi đây!

Tôi lội qua sông leo lên cái mô đất bên cầu. Giữa cây cỏ hoang vu, một cây khế đúng là đã mọc trên chỗ cô tôi nằm. Những bông khế đầu mùa tím tím đang lặng lẽ toả hương. Tôi cứ tưởng mình sẽ phải khóc nức nở khi được quỳ trên mộ của cô. Nhưng thật lạ, tôi lại thấy lòng mình rất ấm áp. Như thể tôi đang gặp lại cô. Tôi nói thầm : Con đã về rồi, thưa Mẹ!

Trong lúc tôi đang lay hoay thấp nhang cho cô thì có tiếng đạn lên nòng và có tiếng quát :

- Mày là thằng Được chó đẻ phải không?

Tôi nói:

- Đúng, Lê văn Được là tôi.

- Đi theo tao!

Tôi nói:

- Để tôi thấp cho cô tôi cây nhang đã!

Nhưng bọn họ túm nắm nhang vừa mới đốt ném vào bụi.

- Đi ngay! Không nhang khói gì hết. Đồ *chó đẻ* mà cũng bày đặt nhang với khói!

Tôi bị dí súng vào lưng bắt phải đi đến trụ sở Ủy ban quân quản lúc này đang che tạm trên nền nhà ông chánh nhạc. Một người hơn 30 tuổi đầu đội mũ tai bèo lưng đeo súng colt xô ghế đứng dậy hỏi tôi:

- Hừ, thằng *chó đẻ* mày có biết tao không?

Tôi không trả lời. Thực ra tôi biết. Nó là thằng Khẩu con ông Năm Qườn chặn vịt. Ngày trước ở làng người ta gọi đùa ông là *thiếu tá* vì dưới cây sào của ông lúc nào cũng có cả ngàn con vịt đẻ. Bà vợ ông cũng đẻ nhiều như vịt, nhiều đến nỗi ông không nhớ hết tên con. Để khỏi nhầm, ông gọi kèm với một đặc điểm nào đó. Như Sùng lé, Mận còi, Khẩu theo... Một lần đuổi theo mấy con vịt lạc bầy, ông đã bị nước lụt cuốn trôi. Khẩu theo thay cha nắm cây sào. Chẳng biết có phải vì lý lịch chặn vịt mấy đời mà nay nó được chặn dặt dân làng An Định lúc này cũng đang lao nhao chẳng khác gì một bầy vịt dúi.

Múa cây colt trong tay như một viên thiếu tá thực thụ, nó nói:

- Giải phóng đã từ lâu rồi sao mày còn *ôm chân đế quốc*?

Tôi nói:

- Hôm nay mới mừng 10 tháng 5.

- Tao nói từ khi giải phóng Bình Định kia!

- Nhưng nay cũng đâu đã hết hạn.

- Mày cãi lý với tao hả. Nếu không gông cò mày tới đây, đã chắc gì mày chịu trình diện. Mày có biết cái tội của mày lớn đến chừng nào không?

- Tôi trốn không được thì phải đi lính vậy thôi. Tôi nào đã bắn chết ai đâu!

- Mày đem chó khui hầm bắt đồng chí Thành và nhiều đồng chí khác mà không bắn giết ai à? Những đồng chí ấy đáng giá cả trăm cả ngàn người. Lại còn đồng chí Khứ nữa. mày ác đến độ để lũ chó kéo xác cho lũ giặc xem.

- Ông ấy cố lết ra miệng cống uồng quá nhiều nước nên chết. Tôi muốn cứu cũng không được.

- Vậy là mày nói đồng chí ấy ngu?

- Không. Tôi nghe người ta nói bị thương mà uồng nước nhiều nước là chết không kịp ngáp.

Thế là hẳn quất:

- Tổng cổ nó vào xà lim.

Thực ra đó là cái nhà tắm của cô Thành đã bỏ hoang từ khi có một thằng phải gió nằm trên mái nhìn trộm. Sau bao nhiêu năm dưới bom đạn chẳng hiểu sao nó vẫn còn! Nó đầy cóc đầy nhái và trên tường đầy những hình vẽ tục tĩu. Tôi bị trói, một tay quặt ra sau lưng, một tay vòng sau ót, hai chân không bị cùm nhưng cột vào một khúc cây nên chỉ có trời cứu được. Tôi cố chịu trận suốt đêm.

Sáng hôm sau chúng đem tôi ra trước dân, thực ra là trước một đám du kích, chỉ lèo tèo vài cụ già ốm yếu. Tôi biết là mình đang bị đem ra đấu tố. Tôi được cởi trói, nhưng bị bắt quỳ chống hai tay xuống đất. Tiếng Khẩu theo:

- Bò tới đây!

Tôi bò tới. Hắn thấy một gói gì hôi hôi trước mặt bảo ăn đi. Tôi không ăn, cả bọn cùng cười. Hắn chế nhạo:

- Chó mà chê cứt à?

Tôi im lặng vì biết những gì sắp xảy ra. Đó là sau khi bị làm nhục đủ điều sẽ ăn đấm ăn đá, bị báng sủng nện vào đầu, gây đập vào lưng và sau cùng là bị

quảng xác xuống sông. Y như chó chết. Tôi đang chờ đợi cái kết thúc cuộc đời một cách khốn nạn như thế thì có đứa đến nói nhỏ vào tai Khấu theo gì đó. Hấn bực bội chửi thề, rút súng bắn lên trời mấy phát. Hấn chỉ thẳng vào mặt tôi, nói:

- Tội của mày đáng băm vằm ra trăm mảnh chứ không phải chỉ có mỗi lá gan như của thằng Mậu đâu. Trước đây thì mày đã nát xương với tao rồi. Nhưng nay hoà bình thì để *Trên* xử. Mày đã hại các cụ lớn thì hãy để phần cho các cụ trị mày. Thôi đưa nó lên Huyện. *Đồ chó đẻ!*

Bọn chúng không bắt tôi phải đi theo kiểu chó. Nhưng cả chân tay đều bị trói, lại có cả tiểu đội du kích áp tải, nên suốt dọc đường đi mọi người nhìn tôi thương hại như nhìn một tử tội trên đường ra pháp trường.

Tại Ủy ban quân quản huyện, tôi được đối xử nhân đạo hơn. Người ta cho tôi ăn, dĩ nhiên là cơm độn. Rồi người ta đưa giấy bút bảo tôi kê khai những tên biệt kích Mỹ. Tôi nào nhớ hết. Và lại tôi cũng chỉ nhớ mang máng một vài đứa. Tôi định viết hai chữ: không biết, nhưng nhớ lại hồi bị giam ở quận, nếu không khai bậy vài tên sẽ bị đánh như đòn, nên tôi phịa ra cả một danh sách dài với những tên Mỹ và Nùng mà dù có thấp đuốc đến năm 2000 cũng không tìm ra được.

Có danh sách ấy người ta coi tôi như thằng thủ ngữ Đực dạo nào. Nghĩa là từ tôi sẽ phăng ra bọn biệt kích mà người ta tin là còn được cài lại để chống phá Cách mạng. Tôi được phép mua thuốc hút, được mua bia nếu muốn. Cứ như tiêu chuẩn của cán bộ cao cấp. Nhưng rồi tôi phát hoảng khi nhớ lại rằng, cũng chính vì thế mà thằng thủ ngữ Đực đã bị đem ra bắn bỏ ở đồng Cây Sanh!

Cũng may là người ta có quá nhiều việc phải làm, nào đổi tiền, nào cải tạo công thương nghiệp, nguy quân nguy quyền... nên người ta quên mất cái danh sách bảy bạ của tôi. Sau đó, người ta đưa tôi đi cải tạo mặc dù tôi không phải là sĩ quan. Tôi bị ghép vào tội ác ôn gây nợ máu với nhân dân. Cái danh sách ở làng An Định đi học tập, chẳng những tên tôi đứng đầu mà còn gạch đít màu đỏ đến những hai lần.

Đến trại K....

Một tháng sau, người ta rà soát lý lịch thấy tôi chỉ là một thằng *lính chó* nên đuổi về. Nhưng vừa về tới làng thì Khẩu theo báo tôi bỏ trốn lại thộp cổ đưa đi. Lại đuổi về. Rồi lại bị áp giải đưa lên. Đá qua đá lại như thế, sau cùng người ta ném tôi vào chung với bọn ma cô đi điểm, bọn anh chị cướp giật trước đây.

Có vào đây mới biết địa ngục là có thật. Nó ở ngay trên cái trần gian này chứ không cần phải xuống tận âm phủ. Chẳng biết do ai đồn thổi mà chúng tưởng tôi đã từng làm chủ bar nên rất giàu. Có đưa còn bảo tôi đi biệt kích Mỹ đã từng nhảy sô ra Bắc nên tiền tử và tiền thưởng để đâu cho hết. Cứ sau khi cán bộ quân giáo vừa quay lưng là chúng lôi tôi ra tắm quất bằng những cái lên gối muốn ói máu, những cái thúc cùi chỏ đến nghẹn thở. Rồi chúng bắt tôi uống một thứ nước quỷ quái gì đó, nửa như nước đáì bỏ nửa như nước rửa thót để tôi nôn thốc nôn tháo ra. Không thấy gì, chúng lại bắt tôi uống một thứ nước khác đau thắt ruột, rồi bắt một đứa ngồi xem tôi ỉa có hột xoàn hay không. Chúng hành hạ tôi suốt cả tháng trời đến nỗi chỉ còn là cái xác khô nằm trong xó. Cán bộ tưởng tôi chết cho đem đi chôn. Bọn chúng không thêm đào lỗ, chỉ quăng tôi xuống suối. Có một người

mò cá vớt được, cho tôi uống nước gừng và quế. Nhờ đó tôi sống lại, một mình bò về trại.

Mãi sau này chúng mới biết tôi là đứa không mẹ không cha, mới sinh đã bị đem thả trôi sông, đi lính chỉ là lính quèn! Từ đó, chúng coi tôi như cùng một giuộc, nghĩa là cùng bị cuộc đời chó má chà lên đạp xuống không biết bao nhiêu lần. Chẳng những chúng thôi hành hạ mà còn cho chác, khi miếng đường khi miếng thuốc. Chúng còn bảo khi ra tù chúng sẽ bày cho mảnh làm ăn!

Tôi cố gắng cải tạo thật tốt, nghĩa là cố gắng giữ đúng nội quy của trại. Sáng nhận một củ khoai nhỏ bằng ngón tay để đánh thức cái dạ dày đã ngủ yên. Rồi vác rựa vào rừng để chặt cây hay vác cuốc xuống ruộng tuý theo đội. Trưa về, đúng một chén cơm trộn bo bo và một phần tư con mắm thối. Chiều lại đi vào rừng, lại xuống ruộng. Lại một chén khô róc gọi là cơm và một phần tư cái xác thối gọi là mắm. Tối xem TV để thấy cả nước đang hăng say xây dựng CNXH!

Sau cùng đến giờ ngủ. Cứ tưởng với cái thân xác đói khát mệt rũ người ra, đứa nào cũng sẽ ngủ như chết. Nhưng trong đêm tối đủ thứ tiếng động lịch kịch. Tiếng rên, tiếng khóc, đôi khi tiếng thét như một đường gươm. Tôi co quắp người, bịt tai lại như con trút. Có những cảnh cưỡng dâm khủng khiếp như trong cái buồng tắm của bar thẳng Hậu!

Mặc dù năm nào tổng kết, tôi cũng được coi là tiên bộ, được đề nghị cho ra trại. Nhưng địa phương vẫn cứ bảo là tôi cần phải cải tạo nữa không chịu nhận. Sau nhiều lần như vậy, quản giáo đâm gắt: cái làng An Định chết tiệt, có giỏi thì lên đây mà cải tạo. Nhờ vậy tôi được cho về sau đúng năm năm *giáo dưỡng*! Nếu tính ra *thiên thu* thì biết mấy ngàn cái *thiên thu* trong một đời người!

Khi về đến làng, việc trước nhất của tôi là đến thăm mộ cô Sáu. Lần này thì tôi khóc nức nở như một đứa bé bị lạc mất mẹ. Đến những mười lăm năm kể từ ngày cô mất, giờ tôi mới được bình yên ngồi bên cạnh mộ cô, thực ra là ngồi trên chỗ cô nằm mà chỉ có mỗi cây khế thay cho bia mộ. Tôi bồi hồi nhớ lại những ngày sống bên cô. Những lần đi mót lúa, đi mua mía và cái áo mới cổ vuông. Đó là những ngày êm đẹp nhất. Tôi thiếu cơm, thiếu áo nhưng không bao giờ cảm thấy thiếu Mẹ.

Cái chòi của cô đương nhiên không còn. Cái rẻo đất ấy người ta cũng không cho làm nhà. Tôi được anh Cọng trưởng tràng ngày nào giờ là trưởng ban thôn cho ở tạm trong nhà kho của HTX. Rồi tôi được giao cho việc giữ sổ sách, mỗi ngày được 10 điểm, quy ra thóc là được 500 g.

Mọi việc có vẻ êm xuôi như thế là nhờ Khẩu theo không còn ngồi trên cái ghế chủ tịch nữa. Anh ta sau mấy năm được cho đi học *bồi dưỡng* nhưng không qua được cái *bổ túc công nông cấp 1* bèn chửi đồng: Đù mẹ, thà làm thằng chần vẹt sướng hơn làm thằng cán bộ. Anh ta lại tậu một bầy vịt và dưới cây sào của anh, bầy vịt ngoan ngoãn để cho anh đếm dễ dàng hơn là làm mấy con tính cộng trừ nhân chia.

Đời sống ở HTX so ra cũng chẳng khác gì mấy ở trại giáo dưỡng. Cũng sáng đánh kẻo ra đồng. Trưa đánh kẻo về, chiều lại đánh kẻo ra. Lúa thóc đến mùa được đưa hết vào những cái kho to đùng mới cất trên các gò đầy mỡ mả. Ban quản trị HTX nắm hết tất cả soi ruộng trong làng, trở thành một đại địa chủ còn to gấp trăm lần ông tổng Bá. Chỉ khác một điều là anh có thể cầm cuộc đứng nhời nhời cho hết

giờ rồi về. Và tôi đến anh có thể đi ăn trộm!

Cứ đem theo một cái bao cát rồi nằm sấp trên bờ ruộng mà trườn đi. Chân thì đạp tay thì tuốt. Tuốt, tuốt mãi cho đến khi đầy bao hay chảy máu tay thì thôi. Năm Quảng, Sáu Quảng mà có sống lại cũng phải cúi đầu bái phục! Ở trại giáo dưỡng tôi ăn cắp của tập thể là bị bỏ đói, nhiều lần thì bị cùm chân. Nhưng ở làng thì chẳng ai làm gì anh vì gần như cả làng cùng đi ăn trộm như thế. Biết bỏ đói ai, cùm ai bây giờ! Với lại cũng phải làm ngơ cho người ta sống chứ. Một hạt lúa bây giờ cũng đủ thứ trên lưng. Nào quỹ này quỹ nọ, nào phải mua nông cụ, nào tái sản xuất, nào xây dựng kênh mương và phải nuôi mấy chục người trong Ban quản trị nên công điểm tụt dần, mỗi ngày công chưa được vài lạng.

Còn đói hơn hồi *chín năm*. Và để có cái áo cho con, cái quần cho vợ, trai tráng trong làng kéo nhau đi buôn. Ngày xưa, chợ là của đàn bà, bây giờ chợ là của đàn ông. Bởi vì chẳng những phải biết khiêng biết vác mà còn phải biết chạy. Chạy và chạy. Nếu chạy không giỏi thì bị quản lý thị trường và thuế vụ tịch thu! Bây giờ có hàng ngàn *ông Khử* đang ngày đêm chực chờ rình rập ở các bến xe, các con tàu, các sân ga, các ngõ vào thành phố...

Ham vui và cũng đi một lần cho biết Sài Gòn, tôi đã theo bọn họ thử làm *con buôn*! Với 20 ký gạo buộc trên lưng, ăn ngủ nằm ngồi cũng không được rời ra, trông cứ như một cái bấu. Bọn họ, kẻ thì mang giò gà, kẻ thì mang heo con. Buồn cười nhất là anh bán heo. Anh ta mang hai con heo trên lưng cứ như Phạm Công mang hai con ra trận. Cột Đột thấy thương quá bèn cắt cho cái đầu rồi bãi binh. Nhưng thuế vụ thì không. Anh ta bị rượt chạy mà không trốn vào đâu được vì hai con heo cứ mãi kêu *éc éc*!

Cả bọn trốn vào các nhà gần ga. Khi con tàu mệt nhọc bò tới, có cả trăm con người với đủ thứ linh kinh trên lưng cùng leo lên. Bọn trên tàu sập cửa, bọn dưới đất liền phá cửa. Một cuộc hỗn chiến như du kích tập đánh xáp lá cà. Kẻ lên được thì chết ngộp trong hơi người, hơi heo gà mắm muối. Kẻ chưa lên thì cố đu theo như những con nhái. Trên mũi đương nhiên là đặc kín người. Thỉnh thoảng có kẻ ngủ quên hay qua cầu bị gạt rơi xuống!

Xe qua Vân Canh như đi vào một cuộc phục kích của thổ phi. Một cơn mưa cây và than trút vào các toa. Ai không tránh được thì đành ôm đầu máu hay cái tay gãy! Xe qua Suối Dầu là mưa chuối cây. Xe vào Phan Thiết là mắm muối, cá khô...

Phi phò, ề ạch mãi đến hai ngày đêm, con tàu mới lết nổi tới Sài Gòn. Cái thành phố khổng lồ gần như đang bị bao vây sống lây lất nhờ bọn *con buôn* đem những thứ không ăn được như lốp xe, vãi vóc, thuốc trừ sâu... đổi lấy những thứ ăn được. Một cuộc bán buôn chụp giựt diễn ra dưới sự bố ráp của đủ thứ lực lượng. Tu huyết kêu toét toét...Mặc kệ! Đạn bắn chỉ thiên kêu chóc chóc! Cũng mặc kệ! Bị rượt đuổi như chuột...Mặc kệ tuốt! Vừa chạy vừa bán. Vừa trốn vừa bán. Đang té ngã cũng cứ bán.

Tôi bị đập ngã nhào. Chưa kịp ngồi dậy đã bị đè nghiền. Chỉ nghe một tiếng rẹt, cái cục gạo dính chặt suốt mấy ngày trên lưng bỗng biến mất. Khi tôi đứng lên được thì một gã đeo băng đỏ quất vào mặt: *Cút xéo đi, đồ con buôn!*

Vậy là, mất hết cả vốn liếng, tôi lại bị ném về làng.

Thế rồi, bỗng dưng bức tường Bá Linh kiên cố là thế lại sụp đổ. Các nước Đông Âu rơi rụng y hệt như những thành phố Miền Nam năm 75. Liên xô thành trì Cách mạng vô sản thế giới cũng tan rã theo như

tuyết tan trên sông Vônga.

Cả nước bàng hoàng!

Người ta không còn thách thức “*Ai thắng ai!*” nữa, mà làm một cuộc *Đổi Mới* là trả ruộng lại cho dân! Thực ra là chia và tôi cũng được đúng 475 thước. Bây giờ, tôi có nhiều cục đất để ném chó ỉa và không còn bị gọi bằng *thằng* như trước nữa.

Nhưng bấy nhiêu ruộng đất đó cũng chỉ *đổi đời* bằng tiếng gọi *ông* chứ nghèo vẫn hoàn nghèo. Tôi dành 75 thước cất một cái nhà chỉ lớn hơn cái lều cô Sáu tôi một chút, còn lại suốt năm cặm cụi trên mảnh đất đó như con gà bươi mồi trên cát.

Những nhà khác được chia nhiều hơn vì có đông nhân khẩu. Nhưng cũng lại đông hơn những cái miệng há ra đòi ăn như những con chim tu hú trong các tổ chim sáo! Và cũng chẳng hơn gì tôi, cũng lại nghèo, có khi còn thê thảm hơn vì ốm đau phải đem cầm thế, bán lần bán hồi rồi cũng lại trắng tay.

Cả làng, toàn là nhà tranh vách đất, ngoại trừ nhà cô Thanh vừa mới xây nhà ngói to rộng. Chẳng phải vì cô là cán bộ to mà vì bỗng dưng cô được một món tiền to như ngày trước cụ Chánh nhạc được bạc của thằng Tây. Câu chuyện tưởng như chỉ có thể xảy ra ở thời phong kiến không ngờ lại xảy ra dưới thời XHCN đổi mới cuối thế kỷ 20 này.

Ngày tôi bị bắt, nói theo kiểu hồi ấy là bị truy tróc tức là vừa truy nã vừa tróc nã, bắt được là bắn bỏ. Lúc ấy cô vừa từ Chí Hòa trở về, đang giữ chức chủ tịch Ủy ban quân quản huyện, một chức to kèngh thật xứng với bao nhiêu năm hò hét. Khi được tin tôi đã bị *truy tróc*, cô liền cho người về bảo Khẩu theo không được bắn bỏ mà phải đưa ngay lên huyện.

Chẳng phải vì cô thương tôi mà vì muốn dùng tôi để *truy tróc* bọn biệt kích. Công việc chưa thành thì cô đã bị tố cáo là phản Đảng vì trong tù đã khai ra rất nhiều bí mật. Người ta bảo nếu không có cha và anh, cô đã bị đi tù tức là bị đưa đi cải tạo chẳng khác gì tôi. Thực ra, cô bị chụp mũ sau khi đã chụp hàng trăm cái mũ lên đầu người khác.

Cô trở về làng với tất cả hậm hực và căm hận. Cô sống âm thầm lặng lẽ, không tham gia bất cứ công tác nào. Một người ưa gào thét như cô mà suốt ngày không mở miệng ra là cả một nỗi khổ đau ngấm ngấm còn hơn cả nỗi khổ đau chưa chồng. Cụ Chánh nhạc, lúc đầu vì giận con làm ô danh gia đình cũng không chịu về làng. Cụ sống còm cõi với đồng lương hưu ít ỏi, cố sức chịu đựng sự chì chiết của bà dâu cả. Đến khi cụ bị bệnh ba hay bốn “căng xông” gì đó, cụ đành phải để cho cô con gái út đem về.

Từ đó hai cha con một thời lầy lùnh giờ lui vào bóng tối. Và tất cả sẽ quên hết trơn, nếu không có cái sự kiện Liên xô tan rã và Đổi mới. Vì đổi mới cần phải có những con người mới, nên thằng cháu nội lúc đi tập kết mới được hai tháng tuổi, nay đã là ông vụ trưởng một vụ gì đó to lắm, quanh năm xách cặp đi nước ngoài như đi chợ.

Thế là từ trong bóng tối cụ lại được rước ra đánh bóng như những chân đèn lư hương trong mấy ngày giỗ chạp. Người ta vô cùng xúc động khi biết cụ là vị cách mạng tiền bối và nay chỉ còn thiếu mười mấy ngày nữa là đúng một trăm tuổi.

Để làm vui lòng ngài vụ trưởng, người ta liền tổ chức một đại lễ với cái tên nghe rất cảm động là Trăm Năm Mừng Thọ. Giống như những ngày đầu cướp chính quyền, người ta rộn ràng lo cờ xí, khẩu hiệu. Hội người cao tuổi cấp tỉnh cấp huyện lo làm

thơ chúc mừng, cấp trung ương gửi tặng câu đối. Con đường làng vắng vẻ giờ *xe mẹ, xe con* bóp còi tin tin suốt ngày. Bọn trẻ con được dịp nhảy tung tung trong bụi mù, vừa hít bụi vừa hít xăng, bảo là rất thơm.

Nhưng, càng đến gần cái ngày trọng đại cụ lại có vẻ như muốn đi. Suốt một trăm năm làm người mà lại là người làm cách mạng nên đến giờ phút này cụ hụt hơi là phải. Mặc dù bác sĩ Tây y đã chuyển rất nhiều đạm, bác sĩ Đông y cho uống cả hộp sâm, cho ăn cả yến nữa nhưng ai cũng lo là cụ không sống được đến cái ngày đáng sống. Khổ nỗi thiệp đã in ngày tháng rồi, đâu có phải muốn bày ra lúc nào là cứ bày. Không ai biết mà đến chúc mừng thì tổ chức làm chi.

Trong lúc đang bối rối như thế, bỗng lão Văn Văn Ba, tức là lão phù thủy nguy quyền được một đứa cháu ngoại cống đến thăm. Lão khô róc như một con cá hổ phơ khô, nhưng cái miệng nhót nhép vẫn còn rất tỉnh táo. Lão cầm cái bàn tay đang run như đuôi thần lẩn bị đứt của ông cụ. Một lúc sau lão phán chỉ độc một tiếng: Bú! Người ta ngơ ngác hỏi: Bú gì? Thì lão bảo bú vú chó bú gì!

Lúc đầu người ta cho là lão nói tầm phào, nhất là cô Thanh không tin được cái miệng phản động của lão. Nhưng sau các vị đông y nhớ lại các bài thuốc trường sinh của các hoàng đế Trung Hoa nên đồng loạt vỗ đùi khen hay. Vậy là người ta quyết định tìm cho cụ một chị *vú*.

Cứ tưởng cái việc còn con ấy quá dễ, không ngờ lại rất nhiều khê. Bởi vì phải là một chị có con so, phải khỏe mạnh và cái điều sau cùng này mới thật gay go. Ấy là lý lịch phải trong sạch, tức là không phải vợ con của nguy quân nguy quyền! Cụ thì sắp chết đến nơi rồi mà tiêu chuẩn khắt khe như thế thì biết đào đâu cho ra!

Cũng may, đứa con gái của Khẩu thọ vừa mới bỏ chết con. Đúng là lý lịch hoàn toàn trong sạch, người như thế mới xứng đáng cho cụ bú chứ! Nhưng khi tìm được nó thì con nhỏ mắc cỡ không chịu. Cô Thanh phải dỗ ngon dỗ ngọt, phải hứa cho vài vốc và cả nhẫn vàng. Rồi khi nó chịu thì thằng chồng lại không chịu. Nó bảo ai động đến vú của vợ nó là nó chém. Lại phải dỗ dành, phải cho ngay một chiếc honda “xì cần hên” nó mới thôi không đòi chém.

Đến cái lúc cho cụ bú lại càng gay go hơn nữa. Bông cụ lên như đứa bé thì không được mà nằm xuống bên cạnh lại cũng không. Sau cùng phải để cụ ngồi trên xe lăn, đứng dằng chân ra, loay hoay một lúc con nhỏ mới cho cụ ăn được. Thế là như nước cam lồ của Phật bà Quan âm, cụ dần dần tươi tỉnh lại. Mọi người đều thở phào nhẹ nhõm.

Đại lễ mừng thọ quả là có một không hai. Cái nhà kho giờ không còn lúa HTX được sửa lại làm hội trường. Cụ mặc áo đỏ, đội khăn đỏ, được bông cả xe lên sân khấu. Ông vụ trưởng phải bỏ dở một buổi họp để đứng sau lưng hầu cụ. Một trăm em bé cầm đúng 100 bông vạn thọ lên dâng hoa chúc mừng. Rồi diễn văn, rồi ngâm thơ và sau cùng là các vị chức sắc của cả tỉnh đến chúc mừng. Mỗi người một phong bì đồ nghe đâu ít nhứt cũng vài triệu. Sau đó có cả hát tuồng vì dẫu sao cụ cũng đã từng là bầu gánh của Thanh Bình ban. Lẽ ra cụ cầm châu khai hội nhưng cô Thanh lấy cớ cụ mệt xin đưa cụ về.

Như thế là cụ có lộc lúc về già. Lộc quá lớn. Chỉ tiếc là cụ không hưởng được chút nào vì ngay lúc về đến nhà cụ đã tịch. Và, cũng ngay chiều hôm đó, cụ đã được đem đi chôn một cách vội vàng, trong khi

tiếng trống hát tuồng vẫn còn điểm những tiếng tùng tùng và dân làng An Định vẫn còn đang say sưa với những đào kép mới.

Đưa con gái của Khẩu theo ngày hôm sau đeo đến hai chiếc nhẫn vàng sáng chói, được thằng chồng chở honda bình bịch lượn khắp làng.

Và cũng từ miệng con nhỏ lý lịch trong sạch đó, người ta biết được rằng cụ đã *đi* trước đó hai hôm. Chính nó đã cùng cô Thanh cột cụ vào xe, mặc áo đội mũ đưa đến hội trường. Mỗi khi có khách đến chúc mừng, ngài vụ trưởng lại khẽ ấn cái đầu của cụ xuống một chút. Như thế thì đồ ai mà biết được là cụ đã tịch.

Nhờ cái đức của cụ quá lớn, cô Thanh có được cái nhà to nhất làng, không đến nỗi quá hẩm hiu như lão Khứ hay thằng thủ ngữ Đục. Thôi cũng mừng cho cô.

KẾT.

Bây giờ đã là năm 2000. Mặt trời vẫn mọc. Nắng vẫn vàng như mật ong. Trời vẫn xanh màu xanh muôn thuở. Chẳng có gì là đã đến ngày tận thế. Chúa cũng chỉ hù dọa mà thôi.

Dù sao được sống đến cái năm mà cả thế giới hội họp đón chờ cũng thật là hạnh phúc. Các ông già đã được con cháu lần lượt khiêng qua bên kia sông. Tôi tròn sáu mươi tuổi. Cũng sắp được lên lão làng.

Từ một đứa bé bị thả trôi sông, trải qua sáu mươi năm, trở thành một ông già, quãng thời gian thật dài.

Những tháng năm cuồng nộ đã đi qua đời tôi như một bầy ngựa điên. Nhiều lúc tôi tưởng đã bị chúng giẫm đạp cho nát tan. Tôi bị tung lên, bị quật xuống, bị đá qua bên này, bị đạp qua bên nọ.

Nhưng cuộc đời dù khốc liệt đến đâu vẫn có cách san sẻ riêng của nó. Tôi kể ra đây câu chuyện cuối cùng để kết thúc những trang hồi ký buồn nhiều hơn vui này.

Một buổi chiều, trời cũng đẹp như chiều hôm nay. Đó là lần giỗ thứ ba mươi lăm của cô Sáu tôi. Đám giỗ ngay tại cái mộ đất bên cầu. Bên cạnh cây khế giờ đã xum xuê hoa trái, tôi đặt một đĩa cơm vắt và muối rang, là hai thứ mà cô tôi thích vì cho rằng đó là những thứ quý nhất trên đời. Tôi đang lâm râm khấn khứa, bỗng có cảm giác nóng ran một bên má. Tôi quay lại. Đứng trên cầu là một người đàn bà đang lặng nhìn tôi. Hai hàng nước mắt sáng lên trong nắng cùng những sợi tóc bạc.

Tôi kêu lên thảng thốt:

- Chị Thảo! Có phải chị Thảo không ?

Chị gật đầu.

Tôi sụp lạy. Vừa lạy cô tôi, vừa lạy tạ đất trời.

Khi tôi ngẩng đầu lên, một người con trai cao lớn ở đâu đến đứng sau lưng chị. Tôi nghe tiếng nói như từ trong mơ hay từ một cõi trời nào đưa lại:

- Chào cha đi con!

Lần này thì tôi khóc. Tôi ôm đứa con trai, áp cái đầu đang muốn nổ tung vì bất ngờ vào lồng ngực vững chãi của nó. Một lúc sau nó mới ngửa mặt tôi ra, hôn lên cái trán đã bắt đầu nhăn nheo thay cho một lời chào.

Hết

GIỚI THIỆU SÁCH

Phạm Văn Nhân phụ trách

LTS: Tác giả muốn giới thiệu tác phẩm trên mục này xin gửi về:

Phạm Văn Nhân/ Thư Quán Bản Thảo

2004 Heather st. Amarillo, TX 79107



Xẻ Nửa Vàng Trắng: Thi phẩm của nhà thơ nữ **Đoàn Ngọc Kiều Nga**. Dày vào khoảng 79 trang. Do Hải Ngoại Nhân Văn xuất bản tại Hoa Kỳ, tháng 6 năm 2009. Không thấy ghi giá bán. Lời tựa: Nguyễn Kinh Bắc. Lời bạt: Cao My Nhân.

Xẻ Nửa Vàng Trắng, gồm những bài thơ ngắn, theo lối xướng họa của thể thơ Đường.

Với tập thơ dày khoảng 79 trang, nhưng có khoảng gần 100 bài thơ. Thường là những bài thơ xướng họa với nhau, qua những nhà thơ “bạn bè” của tác giả. Có người trong nước, như nhà thơ Đoàn Chính Nam, còn lại là những nhà thơ ở hải ngoại, như Cao My Nhân, Hồ Công Tâm, Nguyễn Kinh Bắc, Nguyễn Phú Long, Trạng phét... Như trong lời bạt, nhà thơ Cao My Nhân đã viết: “tập thơ mang chủ đề Xẻ Nửa Vàng Trắng của Đoàn Ngọc Kiều Nga, chỉ là cái tên sách đã nói lên tất cả nội dung chất chứa trong hơn 100 bài thơ, mà ngoại trừ rất ít bài viết riêng, còn hầu hết là thơ xướng họa giữa tác giả và mấy bạn thơ thân quen.”

Được biết, đây là tập thơ thứ hai của chị sau khi đến định cư tại Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ. Tập thơ đầu có tên Ngơ Ngác Ngó Quanh Đồi, do Thư Án Quán Hoa Kỳ in vào năm 2008, khi đó tác giả còn ở Việt Nam..

Nếu độc giả TQBT thích những bài thơ xướng họa, nên tìm đọc Xê Nửa Vàng Trắng của nhà thơ Đoàn Ngọc Kiều Nga. Tuy nhiên trong tập thơ không thấy tác giả ghi địa chỉ.

Xin trích hai bài thơ xướng và họa trong tập thơ Xê Nửa Vàng Trắng để giới thiệu đến độc giả TQBT. Trang 50.

Trên Dấu Bèo

tặng Đoàn Ngọc Kiều Nga

*Trở về mộng寐 bỗng tan theo
Từng mảnh trời xô vỡ vạt bèo
Trôi mãi thuyền xa tìm bến đậu
Ngắm hoài mây tạnh kiếm trăng treo
Tha nhân khắc khoải tìm tâm nước
Cổ lý bơ vơ thả mái chèo
Hiu hắt ánh buồn che mắt lệ
Hỏi người sao khóc, gió đang reo...*

Hawthorne, 14/1/2008

Cao My Nhân

Bên Sông

*Thuyền đi để bến ngóng trông theo
Sóng nước lênh đênh giạt cánh bèo
Lao lách đôi bờ xào xạc vẫy
Lưng trời vàng nguyệt lững lờ treo
Hồn sông sao mãi xui ly biệt
Thương khách sang ngang lối nhịp chèo
Thao thức canh chầy nâng giấc mộng
Chợt hồi chuông sớm lạnh lùng rao*

Boston, Feb.12.2009

Đoàn Ngọc Kiều Nga



Tuyển Tập Thơ: Sương Mù Một Thuở do nhà thơ Nguyễn Dương Quang chủ trương từ trong nước gởi tặng . Tập thơ dày 159 trang , do nhà xuất bản Văn Nghệ .Tp/HCM xuất bản. Hình bìa: Đinh Cường, Nguyễn Hữu. Là một tập thơ tập hợp nhiều nhà thơ thành danh trước 1975 ở miền Nam và sau ngày thống nhất đất nước. Với một tập thơ chừng ấy trang mà gồm rất nhiều nhà thơ khoảng 89 người. Mỗi nhà thơ đóng góp một bài trong tuyển tập. Tất cả những bài thơ đều nói lên được cái : rất đặc biệt của Đà Lạt, theo đúng tựa sách: Sương Mù Một Thuở.

Trong 89 nhà thơ góp mặt trong tuyển tập thơ này đều ít nhất một lần hay nhiều lần đến Đà Lạt, hay sinh sống ở Đà Lạt. Có những bài làm trước 1975 và cũng có những bài làm sau 1975.

Xin trích một bài của nhà thơ Phạm Cao Hoàng trang 50.

Cuối Năm Ở Trạm Hành.

*Ngó quanh chỉ thấy rừng tiếp rừng
một trời sương trắng phủ mùa đông
những bông quỳ nở cùng hơi bắc
quê nhà tan với bóng sương tan*

*Mẹ ạ, con đang ở Trạm Hành
trời đang mùa rét lạnh căm căm
cuối năm vượn hú trên kè đá*

con hát nghêu ngao hát một mình

*Con bước lang thang bước dậm trường
nhủ lòng đâu lại chẳng quê hương
ở đâu cũng dưới trời thương nhớ
một bóng cò lặn lội bờ sông*

*Mẹ ạ, con đang ở Trạm Hành
nơi đây còn những khóm su xanh
những vườn mận chín mùa xuân tới
những đồi trà thơm ngát bình yên*

*Những chiều hiu hắt bóng sương rơi
con thở bằng hơi thở núi đồi
con bước cùng sương đi với khói
con ăn khí lạnh uống mây trời*

*Mẹ ạ, con đang ở Trạm Hành
đâu đây trời đất chớm xuân sang
con bỗng nghe lòng con rộn rã
tiếng quê nhà giục giã trong con*

1971

Một tập thơ gồm nhiều bài thơ hay. Khổ 14,50x 20,00 cm. Địa chỉ liên lạc nhà thơ Nguyễn Dương Quang-Khách sạn Bồng Lai- 73 Đường 3-2 Đà Lạt. E.mail: bonghong@hcm.vnn.vn

GIỮA CHÚNG TÔI VÀ THÂN HỮU/BẠN ĐỌC

*Thư quán bản thảo là tạp chí thuần túy văn học nghệ thuật. mong được chia sẻ cùng quý bạn về văn chương chữ nghĩa. Xin đừng thắc mắc tại sao tạp chí TQBT lại sống đến bây giờ, trong khi tạp chí không bán, không nguồn lợi nhuận nào khác như quảng cáo hay tài trợ chẳng hạn. Bởi chúng tôi dùng sức mình, mồ hôi của mình cộng vào những sáng kiến để làm tiết kiệm phí tổn trong việc in ấn. Nếu quý bạn cảm thấy áy náy khi nhận báo, xin gửi về tòa soạn tem thư, tùy tâm, tùy hỷ. Nếu vì lý do gì đó, quý bạn không còn muốn nhận báo nữa, cũng xin mở rộng lòng, cho chúng tôi biết tin, hoặc bằng cách viết trên bao thư *Return to the sender* để Sở Bưu điện trả lại chúng tôi, hầu giúp chúng tôi tiết kiệm tiền giấy mực và cước phí ngày càng gia tăng khủng khiếp... Chúng tôi hết sức cảm ơn.*

Cáo lỗi: Vì chủ đề kỳ này có quá nhiều bài vở, tòa soạn chúng tôi phải đành gác lại một số bài như đã hứa cho kỳ đến. Mong quý thân hữu và tác giả thông cảm.

Đính chánh:

•TQBT số 37, trong phần tiểu sử của cố nhà thơ Trần Kiều Bạt, ghi năm sinh là năm 1945. Nay tòa soạn kiểm chúng lại, được biết năm sinh là năm 1948.

•Trang 28, Tranh của họa sĩ Gia Trí, không phải của họa sĩ Thái Tuấn như đã chú thích

•Bài thơ khóc Trần Kiều Bạt của Trần văn Sơn thiếu một câu:

Khóc bạn giọt lệ khô
nghẹn ngào câu từ biệt
con dại, vợ bơ vơ

Giữa ta bà sinh diệt

Có. Không. Bạn trở về
cõi riêng Trần Kiều Bạt

Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả, bạn đọc và thân nhân của nhà thơ Trần Kiều Bạt.

● Thư của soạn giả Yên Lan (CA)

... Tôi đã nhận được món quà quý giá của anh đã gần một tuần nay. Thật không thể nào tả hết nỗi bàng hoàng xúc động của tôi, món quà tinh thần vô giá ngoài sức tưởng tượng của tôi. Và mãi đến hôm nay tôi vẫn còn ngây ngất, say sưa ngồi nhìn những cuốn sách dày gần cả ngàn trang, mà trong đó lại lảng những câu thơ, trùng trùng điệp điệp, chứa chan hồn Dân tộc.

■ Nhà văn Nguyễn Trung Dũng (San Jose, CA). Cám ơn anh về 3 tác phẩm anh gởi biểu. Từ lâu ước ao được trao đổi chuyện văn chương với anh, bây giờ mới được dịp. Chúc anh sức khỏe dồi dào, cho ra đời thêm những đứa con tinh thần khác. (THT)

■ Nhà phê bình/nhận định văn học Đặng Tiến (Pháp)
Cám ơn anh về món quà văn nghệ quý giá đến từ phương xa: tác phẩm nhận định thi ca "Thơ, Thi pháp và chân dung" do nhà xuất bản Phụ Nữ (Hà Nội) xuất bản. Trân trọng. (THT)

■ Nhà thơ Hồ Chí Bửu (Tây Ninh - VN)
Cám ơn bạn ta về tập thơ "Gửi người chưa một lần diện kiến". Cảm kích và cảm phục, nhất là có bài tặng riêng cho lão già này: "Đầu năm vào quán với Trần Hoài Thư". Tình thân (THT)

■ Nhà thơ Bùi văn Canh (Quảng Ngãi - VN):
Nhận được thư anh gởi từ VN. Anh có thể nhờ bạn bè hay các cháu giúp đánh máy rồi gởi bằng Email thì đỡ vất vả và khỏi tốn tiền tem (quá lớn). Hơn nữa, giúp tòa soạn khỏi đánh máy lại. Vì thơ, nếu có lỗi thì rất tai hại. Kính.

● Ô. Vũ Bắc (CA)

Nhận được lá thư của anh, nhờ chúng tôi tìm địa chỉ của nhà thơ Phạm Ngọc Lư tác giả bài thơ Biên Cương Hành mà anh đã đọc trên tạp chí Văn trước 1975 trên ngọn đồi máu Thường Đức (QN) trong lúc chờ trực thăng tấn

thương để từ đó mang theo tên PNL như một dấu ấn khó phai... Chúng tôi sẵn sàng giúp anh và cũng vui mừng được tặng anh tập thơ Đan Tâm của PNL do chúng tôi xuất bản, nếu anh thích. Ngoài bài thơ BCH ra, anh sẽ còn thấy nhiều bài khác rất hay của tác giả. Trân trọng

Mặc dù đã đăng bài thơ này trên TQBT, chúng tôi cũng xin, một lần nữa, đăng lại để quý bạn thưởng thức :

Biên cương hành

Biên cương biên cương chào biên cương
Chào núi cao rừng thẳm nhiều nương
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Gió, gió Lào tanh mùi đất chết
Thối lấp rừng già bạt núi non
Mùa khô tới theo chân thù địch
Ta về theo cho rậm chiến trường
Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương
Lớp lớp chồm lên đê bẹp núi
Núi mang cao điểm ngút oan hồn
Đá mang dáng dấp hình chinh phụ
Trơ vợ chóp núi đứng bóng con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dậy
Đá Vọng Phu mọc khắp biên cương
Biên cương biên cương đi biển biệt
Chưa hết thanh xuân đã cùng đường
Trông núi có khi làm bóng vợ
Ôm đá mà mơ chuyện yêu đương
Thôi em, sá chi ta mà đợi
Sá chi hạt cát giữa sa trường
Sa trường anh hùng còn vùi dập
Há rằng ta biết hẹn gì hơn ?

Đây biên cương, ghê thay biên cương !
Núi tiếp rừng, rừng tiếp khe truông

Hải hùng chưa trời hoang mây rậm
Mùa mưa về báo hiệu tai ương
Quân len lỏi dưới tàn lá dũ
Lá xôn xao xanh mặt hoảng hồn
Sát khí đằng đằng rừng dựng tóc
Ma thiêng còn ngán bọn cô hồn
Cô hồn một lũ nơi quan tái
Có khi đã hóa thành thú muông
Cô hồn một lũ nơi đất trịch
Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng
Chém cây cho đỡ thêm giết chóc
Đỡ thêm môi mắt gái buồn hương

Đây biên cương, ghê thay biên cương !
Tử khí bốc lên dày như sương
Đá chảy mồ hôi rừng ứa máu
Rừng núi ời ta đến chia buồn
Buồn quá giả làm con vượn hú
Nào ngờ ta con thú bị thương
Chiều hôm bắt tay làm loa gọi
Gọi ai nơi viễn xứ tha phương ?
Gọi ai giữa sơn cùng thủy tận ?
Ai người thiên cổ tiếc máu xương ?
Em đâu, quê nhà chong mắt đợi
Hồn theo mây trắng ra biên cương
Thôi em, yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta mất nhắm tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch
Kính Kha đòi nay cả vạn muôn
Há một mình ta xuôi biên tái
“*Nhất khứ bất phục phản*” là thường !

Thôi em, còn chi ta mà đợi
Ngày về : thân cạn máu khô xương

Ngày về : hôn lễ hay tang lễ
Hè chi ! buổi chinh chiến tang thương
Hè chi ! kiếp cây rừng đá núi
Nghìn năm hôn quanh quần biên cương

Tháng 5, 1972

■ Ông Vũ v. Long (TX)

Cám ơn anh đã tặng bài thơ về những ngày bán cà rem
dạo của anh. Tôi cũng 8 tháng lắc chuông đồng anh ạ .
Thân mến.(THT)